

Agatha Christie

NHỮNG CHIẾC
ĐỒNG HỒ
KỶ LẠ
THE CLOCKS



NHÀ XUẤT BẢN TẾ

Agatha Christie

Hercule Poirot #37

NHỮNG CHIẾC ĐỒNG HỒ KỶ LẠ

The Clocks (1963)



Trần Hữu Kham dịch

MỞ ĐẦU

Buổi chiều ngày 9 tháng 9 cũng giống hệt như bất cứ buổi chiều nào khác. Không một ai bị dính líu vào các sự kiện trong ngày hôm đó có thể xác nhận mình từng có linh cảm về tai họa. (Ngoại trừ một người, bà Packer ở số 47, Wilbraham Crescent, vốn là chuyên gia về linh cảm, và sau khi có linh cảm vẫn luôn miệt mài mô tả hết sức dài dòng những tiên đoán đặc sắc và những rung động trĩu nặng trong lòng mình. Nhưng bà Packer lại ở số 47 quá xa nhà số 19 và chẳng liên quan tới những chuyện xảy ra ở đó, nên dường như đối với bà chẳng phải linh cảm linh kiết gì hết.)

Ở Phòng Thư ký và Đánh máy Cavendish với trưởng phòng là cô K. Martindale, thì ngày 9 tháng 9 là một ngày tẻ nhạt, một ngày nhàm chán. Chuông điện thoại reng, máy đánh chữ gõ lóc cóc, áp lực công việc bình thường, không hơn không kém khối lượng thường ngày. Chẳng có chuyện gì đặc biệt đáng quan tâm cả. Trước 2 giờ 35 phút, thì ngày 9 tháng 9 là một ngày giống như bất cứ ngày nào khác.

Lúc 2 giờ 35 có tiếng kêu vo ve vang lên. Cô Martindale gọi điện thoại nội bộ, và Edna Brent ở phòng bên ngoài bắt máy, như thường lệ hơi có giọng mũi và lẫn với tiếng hít vào thở ra, trong lúc khéo léo lùa cục kẹo bơ dục theo hàm răng của mình.

“Vâng, thưa cô Martindale?”

“Này Edna — đây *chẳng* phải là cách nói năng tôi đã bảo cô khi trả lời điện thoại. Phải phát âm cho rõ từng từ một và giữ cho hơi thở đừng lẫn át tiếng nói chứ.”

“Xin lỗi cô Martindale.”

“Khá hơn rồi đấy. Cứ cố lên thì làm được tất. Bảo Sheila Webb vào gặp tôi nhé!”

“Cô ấy đi ăn trưa chưa về ạ.”

“À.” Cô Martindale đưa mắt liếc nhìn đồng hồ trên bàn giấy. 2 giờ 36 phút. Trễ đúng sáu phút. Đạo gần đây Sheila Webb thường hay bê trễ. “Bao giờ cô ấy về thì bảo vào gặp tôi nhé!”

“Vâng, thưa cô Martindale.”

Edna lùa cục kẹo bơ quay lại giữa lười, vừa khoái trá mút kẹo vừa trở về với công việc đánh máy quyển *Naked Love* của Armand Levine. Quyển truyện khiêu dâm rất công phu này khiến cô chẳng thích thú gì — mà với phần lớn độc giả của ông Levine quả thật cũng y thế, dù ông ta đã rất cố gắng. Ông ấy là một ví dụ điển hình về sự không gì có thể chán chường hơn sách báo khiêu dâm nhạt nhẽo. Mặc dù các bìa sách rất gồm, các tựa đề rất khiêu khích, doanh số bán sách mỗi năm mỗi sụt giảm và hóa đơn thanh toán tiền thuê đánh máy gần đây nhất của ông ta đã được gửi đi ba lần rồi.

Cửa mở ra và Sheila Webb đi vào, hơi bị hụt hơi.

“Mèo Hung hỏi cậu đó,” Edna nói.

Sheila Webb nhăn mặt.

“Thiệt xui xẻo... đúng ngay cái ngày tớ về trễ!”

Cô vuốt tóc, cầm lấy tập giấy và bút chì rồi gõ cửa phòng trưởng phòng.

Từ bàn làm việc, cô Martindale ngược nhìn lên. Bà cô ấy là một phụ nữ ngoài bốn mươi, khó tính mà có năng lực. Mái tóc chải phồng lên kiểu pompadour màu hơi đỏ nhạt và cái tên thánh Katherine của cô đã dẫn tới biệt hiệu *Sandy Cat* - Mèo Hung.

“Cô về trễ rồi đấy, cô Webb.”

“Xin lỗi cô Martindale. Có một vụ kẹt xe buýt kinh khủng ạ.”

“Ngày nào mà chẳng kẹt xe buýt vào giờ này. Cô nhận việc đây.” Cô Martindale lấy từ tập giấy của mình ra một tờ. “Một cô tên Pebmarsh đã gọi

điện đến. Cô ấy muốn thuê một người ghi tốc ký lúc ba giờ. Cô ấy yêu cầu đích danh cô đấy. Trước đây cô đã từng làm việc cho cô ấy à?”

“Tôi không nhớ nổi mình có từng làm hay chưa. Gần đây thì không ạ. Sao cũng được.”

“Địa chỉ là nhà 19 phố Wilbraham Crescent.” Cô Martindale tạm dừng, có ý dò hỏi, nhưng Sheila Webb lắc đầu.

“Tôi không nhớ nổi mình có từng đến đó hay chưa.” Cô Martindale liếc nhìn đồng hồ.

“Ba giờ. Cô có thể dễ dàng thu xếp việc ấy. Chiều nay cô có cái hẹn nào khác không nhỉ? À có đấy...” Mắt cô ta lướt từ trên xuống dưới quyển sổ hẹn giờ để gần khuỷu tay của mình. “Giáo sư Purdy ở Khách sạn Curlew. Năm giờ. Cô phải trở về trước lúc ấy. Nếu không tôi có thể phái Janet đi.” Cô Martindale gật đầu ra hiệu đã xong và Sheila trở về văn phòng bên ngoài.

“Có gì thú vị không, Sheila?”

“Lại thêm một ngày buồn chán như mọi ngày. Một lão mèo nào đó ở Wilbraham Crescent. Năm giờ là Giáo sư Purdy — toàn những cái tên cổ quái dễ sợ. Tôi ước mong sao có lúc xảy ra chuyện gì đó nổi đình nổi đám!”

Cửa phòng cô Martindale mở ra.

“Tôi có bản ghi nhớ này cho cô đây, Sheila à. Khi đến nơi, nếu cô Pebmarsh chưa về kịp thì cô cứ vào, cửa sẽ không cài then. Hãy vào nhà, rồi vào trong gian phòng bên phải sảnh và chờ đợi! Có nhớ được không, hay để tôi ghi lại cho?”

“Tôi nhớ được ạ.”

Cô Martindale quay về thánh địa của mình.

Edna Brent mò bên dưới ghế, lén lôi lên một chiếc giày khá hào nhoáng, cái gót nhọn và cao đã bị rớt ra.

“Làm sao mình đi về nhà bây giờ hả trời?” cô than thở.

“Thôi đừng nặng xi nữa—cứ tưởng có chuyện gì,” một cô khác nói, rồi trở lại với việc đánh máy.

Edna thở dài cho vào máy một tờ giấy mới.

“Ham muốn đã chộp lấy hẳn. Với những ngón tay cuồng loạn hẳn xé toạc lớp vải mỏng mong manh trên đôi gò bồng đảo của nàng rồi đè nàng xuống cưỡng hiếp trên sofa.”

“Đồ chết tiệt,” Edna vừa rửa vừa thò tay lấy cục tẩy. Sheila cầm túi xách của mình lên rồi ra ngoài.

Wilbraham Crescent là một khu nhà lập dị do một thầu khoán thời Nữ hoàng Victoria xây vào những năm 1880. Đó là những đôi nhà vườn tựa lưng vào nhau. Cái kiểu xây kỳ quái đó gây khó khăn đáng kể cho những người không quen thuộc với địa phương này. Những ai tới phía bên ngoài không tài nào tìm ra các số nhà nhỏ hơn, còn những kẻ tiếp cận phía bên trong trước tiên thì bị rối trí chẳng biết các số nhà lớn hơn ở chốn nào. Những ngôi nhà đơn sơ mà trang nhã, cực kỳ gọn gàng ngăn nắp, có ban công rất lịch lãm và toát lên vẻ cổ kính. Cho tới nay việc hiện đại hóa chỉ mới đụng tới chúng bên ngoài, tức là nhà bếp và buồng tắm cảm nhận luồng gió đổi mới trước tiên.

Không có gì khác lạ về căn nhà số 19. Màn rủ gọn gàng và cửa trước bằng đồng thau rất bóng loáng. Những cây hoa hồng tiêu chuẩn hai bên lối đi dẫn tới cửa trước.

Mở cổng rào ra, Sheila bước tới cửa trước và bấm chuông. Không có ai đáp lại. Đợi chừng một hai phút gì đó rồi cô mới làm như đã được hướng dẫn, và vặn tay nắm. Cửa mở ra và cô bước vào. Cánh cửa bên phải cái sảnh nhỏ chỉ khép hờ. Cô gõ nhẹ lên đó, chờ đợi, và rồi vào bên trong. Đó là một phòng khách bình thường rất dễ thương, bày biện hơi quá lối theo thị hiếu hiện đại. Điều đáng lưu ý duy nhất là quá thừa thãi đồng hồ: Một đồng hồ đứng cao to kê tích tắc ở góc phòng, một đồng hồ bằng sứ Dresden trên bệ lò sưởi, một đồng hồ quả lắc cầm tay bằng bạc trên bàn giấy, một đồng hồ kiểu mạ vàng nhỏ trên kệ trưng bày gần lò sưởi, và trên một cái bàn cạnh cửa sổ còn có một đồng hồ du lịch bằng da thuộc bạc màu có chữ ROSEMARY mạ vàng đã bị mòn vẹt một góc.

Sheila Webb ngó chiếc đồng hồ để trên bàn giấy với đôi chút ngạc nhiên. Nó cho thấy thời gian là hơn bốn giờ mười phút một chút xíu. Cái nhìn chăm chặp của cô chuyển sang ống khói lò sưởi. Chiếc đồng hồ ở đó cũng báo giờ y như vậy.

Cô giật bản người khi có tiếng vù vù và lách cách trên đầu, rồi từ chiếc đồng hồ bằng gỗ chạm khắc trên vách tường, một con chim cu vọt ra qua cánh cửa nhỏ xíu của nó, báo giờ lớn tiếng và rõ ràng. *Cúc cu! Cúc cu! Cúc cu!* Giọng khô khốc gần như đe dọa. Chim cu lại biến đi cùng với tiếng cánh cửa của nó đóng sập lại.

Sheila Webb hơi mỉm cười, vòng quanh đầu ghế sofa. Rồi cô ngừng phất, ghì lại một cái giạt nảy cả người.

Nằm sõng soài trên sàn nhà xác của một người đàn ông. Mắt ông ta hé mở, vô hồn. Có một mảng ươn ướt sẫm màu trên mặt trước bộ đồ xám sẫm của ông ta. Gần như cái máy, Sheila cúi xuống. Cô sờ má ông ta — lạnh ngắt — hai bàn tay cũng vậy... sờ cái mảng ướt rồi đột nhiên rút tay lại, ngó lom lom với vẻ kinh hãi.

Ngay lúc đó cô nghe có tiếng lách cách của cánh cổng bên ngoài. Cô máy móc quay đầu ra cửa sổ. Qua đó cô thấy bóng dáng một người đàn bà vội vã đi trên lối mòn. Sheila nuốt nước bọt một cách máy móc — cổ họng khô rang khô róc. Cô cứ đứng như trời trồng ngay tại chỗ, không thể nhúc nhích, không thể kêu lên... cứ đăm đăm nhìn về phía trước.

Cửa mở ra và một phụ nữ cao ráo đã có tuổi đi vào, tay xách một cái túi mua hàng. Mái tóc hoa râm của bà rất dày, chải ngược ra sau trán, và đôi mắt to màu xanh xinh đẹp. Cái nhìn trao tráo của chúng lướt qua, không trông thấy Sheila.

Cô thốt ra một tiếng yếu ớt, không hơn một tiếng kêu rên. Đôi mắt to xanh lơ hướng tới chỗ cô gái, và người đàn bà đột nhiên cất tiếng the thé: “Ai ở đây vậy?”

“Tôi — đó là...” Cô gái đột nhiên ngừng bật lúc người đàn bà lẹ làng tiến về phía cô, vòng ra sau ghế sofa.

Rồi cô gái kêu lên thất thanh.

“Đừng — đừng... bà sẽ giẫm lên mắt — ông ta... *Và ông ta đã chết...*”

Lời kể của Colin Lamb

Vào lúc 3 giờ 59 phút chiều ngày 9 tháng 9, tôi đang rảo bước trên đường Wilbraham Crescent về hướng tây. Đó là lần đầu tiên tôi đặt chân tới Wilbraham Crescent, và thật tình mà nói khu Wilbraham Crescent khiến tôi rối trí.

Tôi vẫn cứ hành động theo một linh cảm với đức tính kiên trì ngày qua ngày đã trở nên lì lợm hơn, trong khi linh cảm dường như càng lúc càng ít có khả năng mang lại kết quả. Tôi là như vậy đó.

Số nhà tôi muốn đến là 61, và tôi có tìm được nó hay không? Không, tôi không tìm được. Đã chăm chú theo dõi các số nhà từ 1 đến 35 rồi, tới đó Wilbraham Crescent có vẻ đã tận cùng. Một phố lớn có găng bảng Đường Albany chắn ngang lối đi của tôi không nhân nhượng. Tôi trở lui. Phía bắc chả có nhà cửa, chỉ có một bức tường. Đằng sau bức tường đó, một khu chung cư gồm các căn hộ hiện đại vươn lên trời cao, lối vào khu ấy hiển nhiên ở một con đường khác. Vô phương đến đó.

Tôi ngược nhìn lên các số nhà mình đang đi ngang qua. 24, 23, 22, 21. Diana Lodge (chắc là số 20, có một con mèo lông vàng cam đang ngồi rửa mặt trên cột trụ cổng), 19...

Cửa nhà số 19 mở toang và một thiếu nữ vội vã ra khỏi nhà rồi xuôi theo lối đi dường như với vận tốc của một quả bom. Cái sự giống với quả bom

được tăng cường bởi tiếng thét kèm theo khi cô tiến tới. Tiếng thét ấy the thé, yếu ớt và thật kỳ dị chẳng giống tiếng người. Qua khỏi cổng cô gái đụng vào tôi thật mạnh khiến tôi suýt bị hất văng ra khỏi lề đường. Cô ấy không chỉ va chạm. Cô ta túm chặt lấy tôi — một cái túm chặt tuyệt vọng điên cuồng.

“Bình tĩnh đi!” tôi nói khi đã lấy lại thăng bằng. Tôi lắc nhẹ cô gái. “Bình tĩnh nào!”

Cô gái bình tĩnh lại. Cô vẫn túm chặt, nhưng thôi không la hét nữa. Thay vào đó cô thở hổn hển — những tiếng hít thở sâu như đang thốn thức.

Tôi không thể nói mình đã phản ứng giỏi giang gì trong tình huống ấy. Tôi hỏi có chuyện gì không. Thấy câu hỏi của mình kỳ cục không rõ tôi sửa lại cho đúng: “Có chuyện gì thế?”

Cô gái hít vào một hơi dài.

“Ở trong đó,” cô chỉ tay ra đằng sau.

“Sao hả?”

“Có một người đàn ông trên sàn nhà... chết rồi... bà ấy sắp giẫm lên ông ta.”

“Ai giẫm? Tại sao?”

“Tôi nghĩ bà ấy bị mù. Và có máu trên người ông ta.” Cô nhìn xuống rồi nói lỏng một bàn tay đang nắm chặt. “Cả trên người tôi nữa. Có máu trên người tôi.”

“Đúng vậy,” tôi nói. Tôi nhìn những vết bẩn trên tay áo khoác của mình. “Và bây giờ trên người tôi cũng có,” tôi chỉ cho cô ấy xem. Tôi thở dài, cân nhắc kỹ tình huống này. “Tốt hơn hết cô nên dẫn tôi vào và chỉ cho tôi xem.”

Nhưng cô bắt đầu run lên bần bật.

“Tôi không thể — không thể... tôi không vào trong đấy nữa đâu.”

“Có lẽ cô nói đúng đó.” Tôi nhìn quanh. Dường như chả có nơi nào thật thích hợp để an vị một cô gái gần chết ngất. Tôi đỡ cô ngồi xuống lề đường, tựa lưng vào hàng rào sắt.

“Cô cứ ở đây,” tôi bảo, “cho tới khi tôi quay lại. Sẽ không lâu đâu. Rồi cô sẽ ổn thôi. Nếu thấy khó chịu thì ngã người tới trước, tựa đầu giữa hai đầu gối nhé!”

“Tôi... tôi bây giờ đã ổn rồi.”

Cô ta nói điều đó với một chút không chắc chắn, nhưng tôi chẳng muốn nói gì thêm. Tôi vỗ nhẹ lên vai cô một cái để cô yên tâm chờ đợi, rồi nhanh chân rảo bước trên lối đi vào nhà. Tôi bước qua cửa vào trong, chần chừ một lúc trên hành lang, ngó vào bên trong cánh cửa bên trái, thấy một phòng ăn trống vắng, ngang qua sảnh rồi vào phòng khách đối diện.

Tôi nhìn thấy trước tiên một người đàn bà cao tuổi có mái tóc hoa râm đang ngồi trên một cái ghế. Bà ta đột nhiên quay đầu lại khi tôi bước vào và nói: “Ai đấy?”

Tôi để ý thấy ngay người đàn bà bị mù. Ánh mắt bà ta nhìn thẳng, tập trung vào một chỗ sau tai trái của tôi.

Tôi nói cộc lốc vào thẳng vấn đề: “Một phụ nữ trẻ vội vã lao ra ngoài đường bảo có một người đàn ông chết trong này.”

Tôi cảm thấy thật ngỡ ngẩn khi nói ra những lời ấy. Vô lẽ lại có chuyện một người đàn ông chết trong gian phòng sạch sẽ ngăn nắp có một phụ nữ bình tĩnh ngồi khoanh tay trên ghế thế này.

Nhưng bà ta trả lời ngay lập tức.

“Đằng sau sofa ấy.”

Tôi vòng theo góc ghế sofa. Rồi tôi nhìn thấy—hai cánh tay giang ra lỏng lẻo — đôi mắt đờ đẫn vô hồn — mảng máu đã đông lại.

“Chuyện này đã xảy ra như thế nào?” tôi hỏi cộc lốc.

“Tôi có biết gì đâu.”

“Nhưng — à chắc vậy. Ông ta là ai?”

“Tôi chả biết.”

“Chúng ta phải báo cảnh sát.” Tôi nhìn quanh. “Điện thoại ở đâu?”

“Tôi chả có điện thoại.”

Tôi chú ý hỏi kỹ hơn về bản thân bà ấy.

“Bà sống ở đây sao? Đây là nhà bà à?”

“Phải.”

“Bà có thể kể cho tôi nghe chuyện gì đã xảy ra không?”

“Tất nhiên rồi. Tôi đi mua hàng trở về... Tôi để ý thấy có một túi mua hàng vớt trên cái ghế gần cửa. Tôi đã vào đây. Lập tức tôi nhận ra có ai đấy trong phòng. Việc ấy rất dễ khi người ta mù mắt. Tôi hỏi ai vậy. Chả có ai trả lời — chỉ nghe tiếng thở khá gấp gáp. Tôi đi về phía âm thanh ấy — và rồi ai đấy chả biết nữa đã kêu lên — kêu lên gì đấy về ai đấy đã chết và bảo là tôi sắp giẫm lên ông ta. Rồi ai đấy chả biết nữa vừa hấp tấp lao ngang qua chỗ tôi ra khỏi phòng vừa hét lên.”

Tôi gật đầu. Chuyện họ kể trùng khớp với nhau.

“Và bà đã làm gì?”

“Tôi đã dò đường thật cẩn thận cho đến khi chân tôi chạm vào một chướng ngại vật.”

“Sau đó thì sao?”

“Tôi quỳ xuống. Tôi sờ nhằm cái gì đấy — một bàn tay đàn ông. Nó lạnh ngắt — chả có mạch đập... Tôi đứng dậy rồi đi sang đây và ngồi xuống — để chờ đợi. Ai đấy đã đến đúng lúc diễn ra chuyện này. Cái cô thiếu nữ chả biết là ai đấy sẽ làm công việc báo động. Tôi nghĩ tốt hơn hết mình không nên bỏ nhà mà đi.”

Tôi rất có ấn tượng với sự điềm tĩnh của người đàn bà đó. Bà ta đã không kêu hét, cũng không phạm sai lầm vì hoảng sợ mà rời khỏi nhà. Bà đã bình tĩnh ngồi chờ. Đó là một hành vi đúng đắn, nhưng lẽ ra phải làm một số việc.

Có tiếng bà gắng hỏi: “Chính xác cậu là ai?”

“Tên tôi là Colin Lamb. Tình cờ tôi đi ngang qua đây.”

“Cô gái trẻ kia đâu rồi?”

“Tôi để cô ấy ngồi tựa vào cổng. Cô ta đang bị sốc. Điện thoại gần nhất ở đâu hả bà?”

“Có một buồng điện thoại công cộng cách đây chừng bốn mươi lăm mét xuôi theo con đường này, ngay trước khi cậu đến góc đường.”

“Đúng rồi. Tôi nhớ có đi ngang qua đó. Tôi sẽ đi gọi cho cảnh sát. Bà sẽ...” tôi ngần ngừ.

Tôi không biết nên hỏi ‘Bà sẽ ở lại đây chứ?’ hay là ‘Bà sẽ ổn chứ?’

Bà ta làm tôi nhẹ cả người, khỏi cần chọn lựa.

“Tốt hơn hết cậu nên đưa cô gái vào trong nhà,” bà nói một cách dứt khoát.

“Tôi không biết cô ấy có chịu hay không nữa,” tôi nói vẻ ngờ vực.

“Chả phải vào trong phòng này đâu, lẽ tất nhiên là thế. Hãy để cô ấy ngồi trong phòng ăn ở bên kia sảnh! Bảo cô ta tôi sẽ pha trà!”

Bà đứng dậy, đi về phía tôi. Tôi hỏi: “Nhưng bà có làm nổi không đó?”

Một nụ cười bí hiểm mơ hồ thoáng hiện một lát trên khuôn mặt bà ta.

“Cậu trai trẻ của tôi ơi, tôi đã tự nấu ăn trong nhà bếp của riêng mình ngay từ lúc mới đến ở nhà này— cách nay đã mười lăm năm rồi. Bị mù mắt chẳng nhất thiết là không tự lực được.”

“Xin lỗi bà, tôi ngốc quá. Có lẽ tôi cần phải biết tên của bà ạ?”

“Millicent Pebmarsh — gọi tôi là cô.”

Tôi đi ra, trở ngược theo lối đi vào nhà. Cô gái ngược nhìn tôi, và bắt đầu gặng gượng đứng dậy.

“Tôi... tôi nghĩ mình bây giờ ít nhiều cũng đã ổn rồi ạ.”

Tôi đỡ cô lên, vui mừng nói: “Tốt.”

“Có... có một người đàn ông chết trong ấy, phải không ạ?”

Tôi nhanh nhẩu đồng ý.

“Hẳn là thế rồi. Tôi sẽ đi đến buồng điện thoại cuối đường để báo án cho cảnh sát ngay đây. Tôi sẽ đợi trong nhà nếu tôi là cô.” Tôi lên giọng để át đi không cho cô ta kịp phản đối. “Hãy vô nhà rồi vào phòng ăn ở bên trái! Cô Pebmarsh đang pha một tách trà cho cô đó.”

“VẬY ĐÓ LÀ CÔ PEBMARSH À? BÀ CÔ ẤY BỊ MÙ SAO?”

“Đúng. Bà ta cũng bị sốc, nhưng vẫn đang xử sự rất đúng mực. Nào, tôi sẽ đưa cô vào. Một tách trà sẽ tốt cho cô trong khi chờ cảnh sát tới.”

Tôi quàng một tay qua vai cô, thúc giục cô theo lối vào nhà. Tôi đặt cô ngồi thoải mái cạnh cái bàn trong phòng ăn, rồi vội vàng đi gọi điện thoại.

Một giọng lạnh lùng vô cảm nói: “Đồn cảnh sát Crowdean đây.”

“Tôi có thể nói chuyện với Thanh tra Hardcastle không ạ?”

Giọng nói kia thận trọng đáp: “Tôi không rõ ông ấy có ở đây hay không. Ai đang nói đây?”

“Báo với anh ấy có Colin Lamb gọi.”

“Xin đợi một lát!”

Tôi chờ. Rồi giọng Dick Hardcastle cất lên.

“Colin đây ư? Mới gặp đây thôi nên chẳng ngờ lại là cậu. Đang ở đâu đây?”

“Ở Crowdean. Hiện tôi đang ở Wilbraham Crescent. Có một người đàn ông nằm chết trên sàn nhà số 19. Chắc là bị đâm. Ông ta đã chết khoảng chừng nửa giờ rồi.”

“Ai tìm thấy ông ta? Cậu à?”

“Không, tôi là người qua đường vô can. Thành linh một cô gái từ trong nhà đó lao tới như một con dơi từ địa ngục bay ra. Suýt xô ngã tôi. Cô ta nói có một người đàn ông chết trên sàn nhà và một bà mù sắp đạp lên ông ta.”

“Cậu không định lừa tôi đấy chứ?” giọng Dick hỏi có vẻ nghi ngờ.

“Nghe có vẻ kỳ quái, tôi thừa nhận. Nhưng sự việc có vẻ đúng như đã nói. Người đàn bà mù là cô Millicent Pebmarsh, chủ nhân của căn nhà đó.”

“Bà mù ấy giẫm lên người chết à?”

“Không phải như ý ông anh muốn nói đâu. Có lẽ bà ấy mù nên chỉ là không biết ông ta đang nằm đó.”

“Tôi sẽ điều tra. Hãy đợi tôi ở đây nhé! Cậu đã làm gì với cô gái rồi?”

“Cô Pebmarsh đang pha cho cô ấy một tách trà.”

Dick nhận xét: Nghe có vẻ ấm cúng thoải mái quá nhỉ.

Ở số 19, Wilbraham Crescent, bộ máy hành pháp đang có mặt để bắt đầu điều tra. Có một pháp y, một thợ chụp hình, mấy người lấy dấu vân tay, tất cả đều là cảnh sát. Họ di chuyển để tác nghiệp thật hữu hiệu, mỗi người lo công việc thường ngày của mình.

Cuối cùng Thanh tra Hardcastle đến, một người đàn ông cao lớn, mặt lạnh như tiền với cặp lông mày rậm y như thần thánh. Ông thấy những việc mình cho tiến hành đều đã được thực hiện và làm đúng, ông xem lại cái xác một lần chót, trao đổi vài câu ngắn gọn với pháp y, rồi băng qua phòng ăn nơi ba người đang ngồi bên những tách trà đã cạn. Cô Pebmarsh, Colin Lamb và một cô gái cao có mái tóc xoắn màu nâu và đôi mắt to sợ hãi. “Xinh thật,” thanh tra nhận xét, rõ ràng lạc đề.

Ông tự giới thiệu với cô Pebmarsh.

“Thanh tra Hardcastle.”

Ông có biết chút ít về cô Pebmarsh, mặc dù nghề nghiệp khiến đường đi của họ chưa bao giờ giao nhau. Nhưng ông đã gặp bà cô này ở đâu đó rồi, và được biết bà là một cựu giáo viên, có công việc dạy chữ nổi ở Viện Aaronberg cho trẻ em khiếm thị. Dường như hoàn toàn không thể có chuyện phát hiện một người đàn ông bị sát hại trong ngôi nhà sạch sẽ gọn gàng và đơn sơ có phần nghèo nàn của bà cô này — nhưng những chuyện bất khả vẫn xảy ra thường xuyên hơn những chuyện người ta sẵn lòng tin là có thật.

“Đây là một chuyện khủng khiếp, cô Pebmarsh ạ,” ông nói. “Hắn là một cú sốc ghê gớm đối với cô. Tôi cần được nghe tường trình rõ ràng chính xác những gì đã xảy ra từ tất cả các vị. Tôi hiểu chính cô...” ông liếc nhanh quyển sổ ghi chép mà viên cảnh sát trao cho ông, “Sheila Webb đã phát hiện cái xác. Nếu cô cho tôi được dùng nhà bếp, cô Pebmarsh, tôi sẽ dẫn cô Webb vào trong ấy, để chúng tôi được yên tĩnh.”

Ông mở cánh cửa nối từ phòng ăn sang nhà bếp rồi chờ cho tới khi cô gái đi qua cửa. Một cảnh sát điều tra trẻ tuổi mặc thường phục đã được bố trí sẵn trong nhà bếp, đang viết lách một cách kín đáo ở một cái bàn nhỏ có mặt bàn làm bằng formica.

“Chiếc ghế này trông có vẻ thoải mái,” Hardcastle vừa nói vừa kéo ra một cái ghế Windsor phiên bản hiện đại.

Sheila Webb ngồi xuống, có vẻ bồn chồn lo lắng, đôi mắt to sợ sệt nhìn chăm chăm ông ta.

Suýt chút nữa ông thanh tra đã buột miệng nói ‘Cô ơi, tôi sẽ không ăn thịt cô đâu,’ nhưng ghìm lại được, thay vào đó ông bảo: “Chả có gì phải lo âu cả. Chúng tôi chỉ muốn hiểu rõ tình hình. Nào, tên cô là Sheila Webb — còn địa chỉ của cô?”

“Mười bốn, đường Palmerstone — đối diện nhà máy khí đốt.”

“Ừ, biết thế. Tôi nghĩ cô là nhân viên văn phòng?”

“Phải, tôi là thư ký đánh máy kiêm tốc ký — làm việc cho Phòng Thư ký của cô Martindale ạ.”

“Phòng Thư ký và Đánh máy Cavendish — là tên đầy đủ của nó, đúng không?”

“Thưa đúng.”

“Và cô đã làm việc ở đây bao lâu rồi?”

“Chừng một năm. À, đúng ra là mười tháng.”

“Tôi hiểu. Bây giờ cô hãy kể theo ý của mình cho tôi biết hôm nay cô đã đến số 19, Wilbraham Crescent như thế nào.”

“À, là thế này.” Sheila Webb giờ nói năng có vẻ tự tin hơn. “Cô Pebmarsh đã gọi tới phòng, yêu cầu một người ghi tốc ký tới đây lúc ba giờ. Vì vậy khi tôi ăn trưa về tới, thì cô Martindale đã bảo tôi đi.”

“Đây chỉ là việc làm thường ngày, phải không? Ý tôi — cô là người kế tiếp trong danh sách — hay cô đã sắp xếp những chuyện này như thế nào đó?”

“Không hẳn. Cô Pebmarsh chỉ định tôi ạ.”

“Cô Pebmarsh chỉ định cô sao?” Lông mày Hardcastles nhú lại, ghi nhận điểm này. “Tôi hiểu... Vì trước đây cô từng làm việc cho bà ấy à?”

“Tôi chưa từng ạ,” Sheila đáp nhanh.

“Chưa từng sao? Cô có hoàn toàn chắc chắn không?”

“Có chứ, tôi khẳng định. Tôi muốn nói bà ấy đâu phải kiểu người mà người ta có thể quên được.”

“Đúng thế. À, ngay bây giờ chúng ta sẽ không đi vào chuyện ấy. Cô đã đến đây lúc nào?”

“Chắc là ngay trước ba giờ, vì đồng hồ cúc cu...” Cô đột ngột dừng lại. Mắt cô mở to. “Kỳ quá! Kỳ quái quá chừng! Thật tình tôi không hề để ý giờ giấc.”

“Cô không hề để ý điều gì, cô Webb?”

“À — mấy cái đồng hồ.”

“Những chiếc đồng hồ thì sao?”

“Đồng hồ cúc cu gõ đúng ba tiếng, nhưng mấy cái khác đều chạy nhanh hơn chừng một giờ. Sao kỳ quá!”

“Quả thật rất quái đản,” ông thanh tra đồng ý. “Lần đầu tiên cô nhìn thấy cái xác chết là lúc nào?”

“Mãi tới khi đi vòng ra sau ghế sofa tôi mới thấy. Và... ông ta... ở đó. Thật dễ sợ, đúng là dễ sợ...”

“Đáng sợ thật, tôi đồng ý. Bây giờ cô đã nhận ra người đàn ông ấy rồi chứ? Có phải là ai đấy cô từng gặp trước đây không?”

“Ô, không đâu ạ.”

“Cô hoàn toàn chắc chắn chứ? Có thể trông ông ta đã đổi khác khá nhiều so với lúc bình thường, cô biết rồi đấy, hãy suy nghĩ kỹ đi! Cô hoàn toàn chắc chắn ông ta là người cô chưa từng gặp?”

“Hoàn toàn chắc chắn.”

“Được. Thế đấy. Và cô đã làm gì?”

“Tôi đã làm gì ư?”

“Đúng.”

“À — không làm gì hết... hoàn toàn không làm gì. Tôi không thể.”

“Tôi hiểu. Cô hoàn toàn không sờ đến ông ta sao?”

“Có... tôi có sờ. Để xem... tôi muốn nói — chỉ để xem thử — nhưng ông ta... lạnh ngắt — và... và bàn tay tôi bị dính máu. Thật kinh tởm, máu đặc sệt và nhớt nhớt.”

Cô bắt đầu run lên.

“Đấy, đấy,” Hardcastle nói với giọng điệu y hệt một ông chú. “Bây giờ chuyện đã xong, cô biết rồi đấy. Quên chuyện máu me đi! Hãy nói tới chuyện tiếp theo! Chuyện gì đã xảy ra ngay sau đó?”

“Tôi không biết... À vâng, bà ấy về tới nhà.”

“Ý cô muốn nói là cô Pebmarsh?”

“Đúng. Chỉ là lúc đó tôi không nghĩ bà ấy là cô Pebmarsh. Bà ấy chỉ xách một cái túi *mua hàng* đi vào.” Cô dẫn giọng nói về cái túi mua hàng như một cái gì đó phi lý và không thích hợp.

“Và cô đã nói gì?”

“Tôi không nghĩ mình có nói gì... Tôi cố nói, nhưng nói không được. Tôi có cảm giác hoàn toàn nghẹt thở ở đây nè.” Cô chỉ vào cổ họng mình.

Thanh tra gật đầu.

“Và rồi... sau đó... bà ta hỏi: ‘Ai đấy?’ rồi đi vòng ra sau cái ghế sofa và tôi nghĩ... tôi nghĩ bà ta sắp sửa — giẫm lên nó. Tôi thét lên... Và một khi đã bắt đầu thét thì tôi không thể nào ngừng được nữa. Và cách nào đó tôi đã ra khỏi căn phòng rồi băng qua cửa trước...”

“Như một con dơi bay ra khỏi địa ngục,” thanh tra nhớ lại miêu tả của Colin.

Sheila Webb nhìn ông bằng con mắt khiếp sợ khốn khổ, và nói khá bất ngờ: “Tôi xin lỗi.”

“Chả việc gì phải xin lỗi cả. Cô đã kể chuyện của mình rất tốt. Bây giờ đừng nghĩ ngợi gì đến chuyện ấy nữa. À, chỉ một vấn đề nữa thôi. Tại sao cô lại ở trong căn phòng ấy thế?”

“Tại sao à?” Trông cô gái có vẻ chững hờ.

“Ừ. Cô đã đến đây, có thể sớm hơn vài phút, và cô đã nhấn chuông, tôi cho là thế. Nhưng nếu chẳng ai đáp lại, tại sao cô lại đi vào?”

“À ra là vậy. Vì bà ta bảo tôi.”

“Ai bảo cô?”

“Cô Pebmarsh ạ.”

“Nhưng tôi tưởng cô chưa từng nói chuyện với bà ấy mà?”

“Dạ, chưa ạ. Chính là cô Martindale đó, cô ta bảo tôi cứ đi vào và chờ trong phòng khách ở bên phải sảnh.”

Thanh tra nói vẻ đăm chiêu suy nghĩ: “Ra thế.”

Sheila Webb rụt rè hỏi: “Xong chưa ạ?”

“Tôi nghĩ là xong. Tôi muốn cô chờ ở đây thêm chừng mười phút nữa. Cờ đó, phòng khi có chuyện gì xảy ra, có thể tôi sẽ muốn hỏi cô. Sau đấy tôi sẽ cho xe cảnh sát chở cô về nhà. Còn gia đình cô thì sao — cô có gia đình chứ?”

“Cha mẹ tôi đều mất rồi. Tôi sống với một người dì.”

“Bà ta tên gì?”

“Bà Lawton.”

Thanh tra đứng dậy và chìa tay ra.

“Cảm ơn rất nhiều, cô Webb ạ,” ông nói. “Đêm nay cô cố nghỉ cho khỏe nhé! Cô cần nghỉ ngơi sau những gì đã trải qua.”

Cô gái rụt rè mỉm cười với ông trong khi bước qua cửa vào phòng ăn.

“Cậu chăm sóc cô Webb nhé, Colin,” thanh tra nói. “Nào, cô Pebmarsh, xin cảm phiền vào trong này!”

Hardcastle đã dợm chìa tay ra định dắt chủ nhà đi, nhưng bà cô cương quyết bước ngang qua ông, mấy ngón tay mò mẫm để xác định vị trí của cái ghế dựa tường, kéo nó ra một chút rồi ngồi xuống.

Hardcastle đóng cửa lại. Ông chưa kịp nói thì Millicent Pebmarsh đột nhiên hỏi: “Cậu thanh niên ấy là ai?”

“Tên cậu ấy là Colin Lamb.”

“Cậu ấy đã cho tôi biết như thế rồi. Nhưng mà cậu ta là ai? Tại sao cậu ta vào đây?”

Hardcastle nhìn bà hơi ngạc nhiên.

“Tình cờ cậu ấy đang đi bộ trên đường thì cô Webb thỉnh linh từ trong nhà này nhào ra, hét lên báo có án mạng. Sau khi đi vào và tự giải đáp thắc mắc về chuyện gì đã xảy ra, cậu ấy gọi cho chúng tôi, và được yêu cầu trở về đây chờ đợi.”

“Ông gọi cậu ấy là Colin, nghe có vẻ thân mật lắm.”

“Cô rất có óc quan sát, cô Pebmarsh ạ,” — (quan sát? không phải từ này, tuy vậy chẳng có từ nào khác thích hợp cả) — “Colin Lamb là một người bạn của tôi, mặc dù ít lâu nay tôi không gặp cậu ấy.” Ông nói thêm: “Cậu ấy là một nhà hải dương học.”

“À, tôi hiểu rồi.”

“Nào, cô Pebmarsh, tôi sẽ rất vui nếu cô có thể kể cho tôi nghe bất cứ điều gì về vụ việc khá đáng ngạc nhiên này.”

“Xin sẵn lòng. Nhưng chẳng có gì nhiều để kể.”

“Cô đã cư trú ở đây một thời gian, tôi tin là thế?”

“Từ năm 1950. Tôi là — khi ấy nghề nghiệp của tôi là cô giáo dạy trong trường. Khi tôi được bảo cho biết chẳng thể làm gì với thị lực giảm sút của mình và một thời gian ngắn nữa sẽ bị mù, tôi đã tự thích ứng để trở thành chuyên viên chữ nổi và các kỹ thuật khác để giúp đỡ người mù. Hiện tôi có một công việc ở đây, tại Viện Aaronberg dành cho trẻ em khiếm thị.”

“Cảm ơn cô. Bây giờ nói tới sự kiện chiều nay. Cô có trông đợi vị khách nào không?”

“Không.”

“Tôi sẽ đọc cho cô nghe một bản miêu tả người chết để xem có thể gợi cho cô nhớ đến ai đấy đặc biệt hay không. Cao khoảng một mét bảy năm đến một mét bảy mươi tám, tuổi chừng sáu mươi, tóc đen đang trở thành hoa râm, mắt nâu, râu cạo nhẵn nhụi, mặt gầy, hàm răng chắc, dinh dưỡng tốt nhưng không béo phì. Bộ đồ xám sẫm, hai bàn tay được chăm sóc kỹ. Có thể là một viên chức ngân hàng, kế toán, luật sư hay một người chuyên nghiệp thuộc lĩnh vực nào đấy. Thế có gợi cho cô nghĩ đến ai mà cô biết hay không?”

Millicent Pebmarsh cân nhắc kỹ trước khi đáp.

“Tôi không thể nói là có. Tất nhiên đó là một mô tả rất tổng quát. Có thể phù hợp với một số người. Có thể là ai đấy tôi từng trông thấy hay gặp gỡ, nhưng chắc chắn không phải là người tôi biết rõ.”

“Gần đây cô không hề nhận được bất cứ bức thư nào của bất kỳ ai đề nghị sẽ đến viếng thăm?”

“Rõ là không có.”

“Rất tốt. Nào, cô đã gọi điện đến Phòng Thư ký và Đánh máy Cavendish, yêu cầu cung cấp một người ghi tốc ký, và...”

Bà cô ngắt lời ông. “Xin lỗi. Tôi chẳng hề làm việc gì đại loại như thế.”

“Cô không có gọi đến Phòng Thư ký và Đánh máy Cavendish, và yêu cầu...” Hardcastle nhìn chăm chặp.

“Nhà tôi không có điện thoại.”

“Có một buồng điện thoại công cộng ở cuối đường này cơ mà,” Thanh tra Hardcastle nêu rõ.

“Phải, tất nhiên là có. Nhưng tôi chỉ có thể cam đoan với ông, Thanh tra Hardcastle ạ, tôi chẳng cần người ghi tốc ký, cũng không hề — xin nhắc lại là *không* — gọi đến chỗ Cavendish ấy với bất cứ yêu cầu nào như thế.”

“Cô không có đặc biệt yêu cầu cô Sheila Webb sao?”

“Trước giờ tôi chưa từng nghe cái tên ấy.”

Hardcastle kinh ngạc ngó bà ta lom lom.

“Cô đã để cửa trước không khóa?” ông hỏi.

“Ban ngày tôi vẫn thường xuyên làm như thế.”

“Bất kỳ ai cũng có thể bước vào đây?”

“Dường như có người đã làm thế trong vụ án này,” cô Pebmarsh nói một cách lãnh đạm.

“Cô Pebmarsh à, theo giám định pháp y người đàn ông này đã chết khoảng từ một giờ ba mươi đến hai giờ bốn mươi lăm. Lúc ấy cô đang ở đâu?”

Chủ nhà trầm ngâm suy nghĩ.

“Lúc một rưỡi chắc tôi đã đi rồi, hoặc đang chuẩn bị để rời khỏi nhà. Tôi phải đi mua vài món.”

“Có thể cho tôi biết đích xác cô đã đi đâu không ạ?”

“Để tôi xem nào! Tôi đã đến bưu điện ở đường Albany, gửi một bưu kiện, mua tem thư rồi đi sắm mấy món cần dùng trong nhà, phải, và tôi đã mua ít bộ cài móc áo quần và ghim an toàn, có nhãn hiệu hãn hòi, ở cửa hàng vải Field and Wren. Sau đó tôi trở về đây. Tôi có thể cho ông biết chính xác lúc ấy mấy giờ. Đồng hồ cú cu của tôi hót *cúc cu* ba lần khi tôi về đến cổng nhà, và tôi có thể nghe thấy từ ngoài đường.”

“Còn những chiếc đồng hồ khác của cô thì sao?”

“Xin lỗi, ông nói gì cơ?”

“Những chiếc đồng hồ khác đều chạy nhanh hơn một giờ.”

“Chạy nhanh ư? Ông muốn nói chiếc đồng hồ đứng ở góc phòng ư?”

“Chả phải chỉ chiếc ấy thôi đâu — tất cả các đồng hồ khác trong phòng khách đều như thế.”

“Tôi không hiểu ông nói các đồng hồ khác là muốn nói gì. Chả có đồng hồ nào khác trong phòng khách.”

Hardcastle trở mắt.

“À này, cô Pebmarsh. Còn chiếc đồng hồ bằng sứ Dresden rất đẹp trên bệ lò sưởi thì sao? Và chiếc đồng hồ nhỏ bằng vàng giả của Pháp. Còn một chiếc đồng hồ quả lắc mang đi đường bằng bạc, và — à đúng rồi, chiếc đồng hồ có chữ Rosemary chéo góc nữa chứ.”

Tới lượt cô Pebmarsh trở mắt kinh ngạc.

“Hoặc ông hoặc tôi chắc đã điên mất rồi, ông thanh tra ạ. Xin cam đoan với ông tôi chả có chiếc đồng hồ sứ Dresden nào cả. Và... cả cái mà ông vừa nói là... chiếc đồng hồ có chữ Rosemary chéo ngang — chả có đồng hồ vàng giả của Pháp — còn một cái nữa là gì thế nhỉ?”

“Đồng hồ quả lắc mang đi đường bằng bạc,” Hardcastle đáp như cái máy.

“Chiếc ấy cũng không có. Nếu chẳng tin tôi, ông có thể hỏi bà giúp việc dọn vệ sinh cho tôi. Tên bà ta là Curtin.”

Thanh tra Hardcastle sững sốt. Có một sự cam đoan xác thực, sự lạnh lợi trong lời cô Pebmarsh nói làm cho nó có sức thuyết phục. Ông dành đôi chút thời gian lật đi lật lại các sự việc trong đầu, rồi đứng dậy.

“Cô Pebmarsh ạ, liệu cô có thể cảm phiền theo tôi vào trong phòng bên cạnh không?”

“Được thôi. Thật tình tôi cũng muốn tự mình xem mấy chiếc đồng hồ ấy.”

“Xem à?” Hardcastle thắc mắc về cái từ đó thật nhanh nhẹn.

“Dùng từ *xem xét* sẽ hay hơn,” cô Pebmarsh nói, “nhưng ông thanh tra à, ngay cả người mù cũng dùng kiểu nói thường tình mà thực ra chẳng hợp với khả năng của họ. Khi bảo mình muốn xem những chiếc đồng hồ ấy, ý nói là muốn xem xét và sờ chúng bằng những ngón tay của chính mình thôi.”

Cô Pebmarsh theo sau Hardcastle ra khỏi nhà bếp, băng qua sảnh nhỏ rồi vào phòng khách. Nhân viên lấy dẫu tay ngược nhìn ông.

“Tôi vừa hoàn tất trong này, thưa sếp. Sếp có thể đụng vào bất cứ thứ gì mình muốn.”

Hardcastle gật đầu rồi cầm lên chiếc đồng hồ du lịch nhỏ có chữ Rosemary chéo góc. Ông đặt nó vào lòng bàn tay cô Pebmarsh. Bà cô sờ soạng khắp cả, thật kỹ lưỡng.

“Có vẻ là một chiếc đồng hồ du lịch bình thường,” bà nói, “loại có bọc da. Không phải của tôi, Thanh tra Hardcastle à, và nó không có trong phòng này khi tôi rời khỏi nhà lúc một giờ rưỡi, tôi có thể nói khá chắc chắn.”

“Cảm ơn cô.”

Thanh tra lấy lại chiếc đồng hồ từ tay cô Pebmarsh. Rất thận trọng, ông nhắc chiếc đồng hồ nhỏ bằng sứ Dresden từ bệ lò sưởi lên.

“Hãy cẩn thận với chiếc này!” ông vừa nói vừa đặt nó vào tay bà. “Có thể bị vỡ đấy.”

Millicent Pebmarsh mò mẫm xem xét thật kỹ đồng hồ nhỏ bằng sứ với những đầu ngón tay tinh tế. Rồi bà lắc đầu. “Hẳn đây là một chiếc đồng hồ tuyệt đẹp,” bà nói, “nhưng không phải của tôi. Ông bảo nó đã ở đâu hả?”

“Bên hông phải bệ lò sưởi.”

“Lẽ ra phải có cặp chân nện bằng sứ ở đấy chứ.”

“Đúng là có một chân nện ở đấy, nhưng đã bị đẩy vào trong cùng rồi.”

“Ông bảo vẫn còn có một chiếc đồng hồ khác hay sao?”

“Hai chiếc nữa.”

Hardcastle lấy lại chiếc đồng hồ sứ Dresden rồi đưa cho cô Pebmarsh chiếc đồng hồ nhỏ mạ vàng giả của Pháp. Bà mò mẫm khắp cả thật nhanh, rồi trả lại cho ông.

“Không. Cũng không phải của tôi.”

Ông trao cho bà chiếc bằng bạc, và chiếc này bà cũng đưa lại.

“Thông thường mấy chiếc đồng hồ duy nhất trong phòng này là chiếc đồng hồ đứng ở đây, trong góc gần cửa sổ kia kia...”

“Hoàn toàn đúng.”

“...và một chiếc đồng hồ cúc cu trên tường ở gần cửa.” Hardcastle thấy thật khó lòng biết phải nói gì tiếp sau đó. Ông nhìn soi mói người phụ nữ trước mặt mình với cảm giác thêm phần yên chí vì biết bà ta chẳng thấy việc điều nghiên của ông. Có một nét nhú mày nhẹ như thế bói rồi trên trán bà. Bà nói gay gắt: “Tôi không hiểu nổi. Hoàn toàn không hiểu nổi.”

Bà quơ một tay, dễ dàng nhận biết mình đang ở đâu trong phòng, rồi ngồi xuống. Hardcastle nhìn nhân viên lấy dấu vân tay đang đứng gần cửa.

“Anh đã làm xong với những chiếc đồng hồ này rồi chứ?” ông hỏi.

“Vâng, tôi đã làm xong hết cả rồi, thưa sếp. Không có chút xíu dấu vết nào trên chiếc đồng hồ mạ vàng, nhưng thường bề mặt trơn láng không bị dính dấu vết. Cũng y như vậy với cái bằng sứ. Cũng không có vết dơ nào dính trên đồng hồ du lịch bọc da, cái bằng bạc cũng không — và có một chút bất thường vì bình thường nếu có ai cầm chúng... thì phải có dấu vết chứ. Nhân tiện xin báo cáo: không có cái đồng hồ nào được lên dây cả, và đều được để đứng cùng một thời điểm — bốn giờ mười ba phút.”

“Những đồ đạc còn lại trong phòng thì sao?”

“Có chừng ba hay bốn bộ dấu tay khác nhau trong phòng, tất cả là phụ nữ, có thể nói như vậy ạ. Những thứ để trong các túi đều ở trên bàn.”

Bằng cách hất đầu chỉ chỗ, anh ta thu hút sự chú ý đến một đồng hồ nhỏ để trên một cái bàn. Hardcastle đi tới xem những món đó. Có một cái ví đựng bảy đồng shilling, một ít tiền lẻ để bên ngoài, một khăn tay bỏ túi nhỏ

bằng lụa không nhãn mác, một hộp nhỏ đựng những viên thuốc tiêu và một danh thiếp in. Thanh tra cúi xuống nhìn tấm thiếp.

*Ông R. H. Curry,
Metropolis and Provincial Insurance Co. Ltd.
7, đường Denvers,
London, UU2.*

Hardcastle trở lại ghế sofa nơi cô Pebmarsh đang ngồi.

“Có lẽ nào cô đã mong ai đẩy từ một công ty bảo hiểm đến viếng thăm?”

“Công ty bảo hiểm à? Không. Chắc chắn không.”

“*Metropolis and Provincial Insurance* ấy.”

Cô Pebmarsh lắc đầu. “Tôi chưa bao giờ nghe nói đến công ty đó.”

“Cô không có đang tính chuyện lãnh tiền bảo hiểm, bất cứ loại hình nào sao?”

“Không, không đâu ạ. Tôi được bảo hiểm hỏa hoạn và trộm cắp về đêm với Công ty Bảo hiểm Jove có chi nhánh ở đây. Tôi không đồng ý mua bảo hiểm cá nhân. Chẳng có gia đình hay họ hàng thân thích nên tôi thấy không việc gì phải bảo hiểm cuộc sống của mình hết.”

“Tôi hiểu,” Hardcastle nói. “Liệu cái tên Curry có ý nghĩa gì với cô không? Ông R. H. Curry ấy?”

Ông đang quan sát kỹ bà ta. Không có phản ứng nào trên mặt bà cả.

“Curry?” bà lặp lại cái tên, rồi lắc đầu. “Một cái tên không thông dụng lắm, phải không? Tôi không nghĩ mình từng nghe cái tên ấy, hay biết người nào có cái tên ấy. Có phải là tên người đàn ông đã chết không?”

“Dường như có khả năng là thế đấy.”

Cô Pebmarsh ngần ngừ một lúc rồi mới nói: “Có phải ông muốn tôi sờ...”

Hardcastle nhanh chóng hiểu ý bà ta.

“Cô sẽ giúp chứ, cô Pebmarsh? Chẳng phải là đòi hỏi quá nhiều, đúng không? Tôi chẳng hiểu biết gì mấy về chuyện này, nhưng có lẽ mấy ngón

tay của cô sẽ cho cô biết đích xác một người trông như thế nào, hơn là nhận biết qua miêu tả.”

“Chính xác,” cô Pebmarsh nói. “Tôi đồng ý là phải làm việc ấy thật chả thích thú gì, nhưng tôi sẵn lòng làm nếu ông nghĩ có thể giúp ích cho ông.”

“Xin cảm ơn,” Hardcastle nói. “Cô để tôi dẫn đường cho...”

Ông dắt bà ta vòng qua cái ghế sofa, chỉ chỗ cho bà quỳ xuống rồi nhẹ nhàng cầm tay hướng dẫn cho bà sờ mặt người chết. Bà rất bình thản, không để lộ cảm xúc gì. Mấy ngón tay dò dẫm trên mái tóc, hai lỗ tai, chần chừ một lát sau tai trái, trên sống mũi, miệng và cằm. Sau đó bà lắc đầu rồi đứng dậy.

“Tôi có một ý niệm rất rõ ràng về hình dáng của ông ta, nhưng tôi hoàn toàn chắc chắn đây không phải người tôi từng gặp hay quen biết.”

Viên cảnh sát lấy dấu vân tay đã thu dọn đồ nghề và ra khỏi phòng. Anh ta thò đầu trở vào.

“Họ tới rước ông ấy,” anh ta trở cái xác chết. “Chờ ông ấy đi được không?”

“Được,” thanh tra nói. “Đến ngồi đây đi, được không cô Pebmarsh?”

Ông đặt bà an tọa trên một cái ghế trong góc. Hai người đàn ông đi vào phòng. Việc di chuyển ông Curry quá cố thật nhanh chóng và chuyên nghiệp. Hardcastle đi ra cổng, rồi sau đó quay về phòng khách. Ông ngồi xuống gần bà chủ nhà.

“Đây là một vụ án dị thường, cô Pebmarsh ạ,” ông nói. “Tôi muốn duyệt qua những điểm chính với cô để xem tôi nắm vấn đề có đúng hay không. Xin sửa sai nếu tôi nhầm lẫn. Hôm nay cô chẳng trông đợi vị khách nào cả, cô chẳng hề mua bảo hiểm bất cứ loại hình nào, cô chẳng hề nhận thư nào từ bất cứ ai nói rõ hôm nay đại diện của một công ty bảo hiểm sẽ đến thăm. Đúng không?”

“Hoàn toàn đúng.”

“Cô chẳng cần dịch vụ thư ký đánh máy kiêm tốc ký hoặc một tốc ký viên và cô không có gọi điện thoại đến Phòng Cavendish hoặc yêu cầu

người ta đến đây lúc ba giờ.”

“Lại đúng nữa rồi.”

“Khoảng chừng 1 giờ 30 khi cô rời khỏi nhà, trong phòng này chỉ có hai chiếc đồng hồ, chiếc đồng hồ cúc cu và chiếc đồng hồ đứng. Chả có chiếc nào khác.”

Trước khi đáp, bà chủ nhà tự kiểm lại bản thân.

“Nếu phải nói một cách tuyệt đối xác thực, tôi chẳng thể tuyên thệ về lời khai của mình. Thị lực đã bị mất, tôi chả lưu ý đến sự vắng mặt hay có mặt của bất cứ thứ gì thường không có trong phòng. Phải nói rằng lần cuối cùng tôi có thể chắc chắn về những gì để trong phòng là khi tôi quét bụi sáng sớm hôm nay. Mọi thứ khi ấy đều ở chỗ của nó. Tôi thường tự mình làm lấy vì bà giúp việc dọn vệ sinh hay bất cẩn với những vật trang trí.”

“Cô có rời khỏi nhà cả buổi sáng hôm nay không?”

“Có. Tôi đi lúc mười giờ như thường lệ đến Viện Aaronberg. Tôi đứng lớp mãi đến mười hai giờ mười lăm. Tôi trở về đây lúc chừng một giờ kém mười lăm, tự nấu cho mình món trứng bát trong nhà bếp và uống một tách cà phê rồi lại ra đi như đã nói lúc một giờ rưỡi. Nhân tiện xin nói thêm, tôi dùng bữa trong nhà bếp chứ chẳng vào phòng này.”

“Tôi hiểu,” Hardcastle nói. “Như thế trong khi cô có thể nói một cách xác định lúc mười giờ sáng nay không hề có những chiếc đồng hồ thừa thãi ở đây, tôi cho rằng có khả năng chúng đã được đưa vào đây lúc nào đấy trong buổi sáng nay.”

“Chuyện ấy thì ông phải hỏi bà giúp việc dọn vệ sinh là bà Curtin. Bà ấy thường đến đây khoảng chừng mười giờ và ra về khoảng chừng mười hai giờ. Nhà bà ấy ở số 17, đường Dipper.”

“Cảm ơn cô Pebmarsh. Bây giờ chúng ta còn lại những sự kiện tiếp theo này và đến đây tôi muốn cô cho biết bất kỳ ý tưởng hay gợi ý nào xảy đến với cô. Vào lúc nào đấy trong ngày hôm nay bốn chiếc đồng hồ đã được mang đến đây. Cả bốn đồng hồ ấy đều được vặn đứng ở bốn giờ mười ba phút. Liệu giờ ấy có gọi cho cô nghĩ đến điều gì hay không?”

“Bốn giờ mười ba phút.” Cô Pebmarsh lắc đầu. “Hoàn toàn không.”

“Bây giờ chúng ta chuyển từ những chiếc đồng hồ sang người chết. Dường như không thể có chuyện ông ta được bà giúp việc dọn vệ sinh cho vào rồi bà ấy để ông ta ở lại trong nhà, trừ phi cô có nói với bà ta rằng cô đang đợi gặp ông ấy. Nhưng chúng ta có thể hỏi bà ta về chuyện đó. Ông ấy đến đây có thể là để gặp cô vì một lý do nào đấy, vì có công việc hoặc vì lý do riêng tư. Từ một giờ ba mươi đến hai giờ bốn mươi lăm ông ta đã bị đâm chết. Có phải ông ta đến vì có hẹn hay không, chuyện này cô đã bảo là chả biết gì. Có thể ông ta có liên quan với bảo hiểm — nhưng cô cũng chẳng giúp được gì cho chúng tôi. Cửa không khóa, nên ông ta đã vào đợi cô — nhưng mà để làm gì chứ?”

“Toàn bộ chuyện này thật vớ vẩn,” cô Pebmarsh nói vẻ sốt ruột. “Vậy ông nghĩ cái ông — không rõ có phải tên là Curry hay không ấy — đã mang theo những chiếc đồng hồ ư?”

“Không có dấu hiệu nào cho thấy có đồ để đựng chúng đâu cả. Ông ta chẳng thể nào để bốn chiếc đồng hồ trong túi của mình. Nào, cô Pebmarsh, hãy suy nghĩ thật kỹ. Có liên tưởng nào trong đầu cô không, cô có thể gợi ý điều gì liên quan tới đồng hồ không, hoặc nếu không liên quan tới đồng hồ thì về *thời gian* đi! Bốn giờ mười ba phút. Bốn giờ mười ba phút?”

Bà cô lắc đầu.

“Tôi vẫn cố tự nhủ với lòng mình đây là việc làm của một kẻ điên cuồng, hay là ai đó đã vào nhầm nhà. Nhưng ngay cả như thế thực sự cũng chả giải thích được gì. Không, ông thanh tra ạ, tôi không giúp được ông rồi.”

Một viên cảnh sát trẻ nhìn vào. Hardcastle đi ra gặp anh ta trong sảnh, và từ đó cùng đi ra cổng. Ông nói chuyện một lúc với các cảnh sát viên.

“Bây giờ các cậu có thể đưa quý cô ấy về nhà,” ông bảo, “địa chỉ là số mười bốn, đường Palmerston.”

Ông trở vào trong phòng ăn. Qua cửa mở dẫn vô nhà bếp, ông có thể nghe tiếng cô Pebmarsh đang bận rộn bên bồn rửa chén. Ông đứng ở ngưỡng cửa.

“Tôi định sẽ lấy đi mấy chiếc đồng hồ ấy, cô Pebmarsh ạ. Tôi sẽ để lại biên nhận cho cô.”

“Không sao cả, ông thanh tra à. Chúng chẳng thuộc về tôi.”

Hardcastle quay sang Sheila Webb.

“Bây giờ cô có thể về nhà, cô Webb. Xe cảnh sát sẽ đưa cô về.”

Sheila và Colin đứng lên.

“Cậu tiễn cô ấy ra xe, được không Colin?” Hardcastle vừa nói vừa kéo một cái ghế tới bàn ăn và bắt đầu ghi biên nhận.

Colin và Sheila xuôi theo lối ra cổng. Đột nhiên Sheila dừng lại.

“Găng tay của tôi... tôi để quên...”

“Để tôi đi lấy cho!”

“Thôi — để tôi... tôi biết rõ mình đã để ở đâu. Tôi không để ý *lúc này* — bây giờ họ đã lấy đi hay chưa.”

Lát sau cô chạy trở ra gặp anh ta.

“Xin lỗi vì hồi lúc đầu tôi ngớ ngẩn quá.”

“Ai cũng thế thôi,” Colin nói.

Thanh tra Hardcastle ra thì gặp họ, đúng lúc Sheila lên xe. Sau đó khi xe đã chạy đi, ông nói với viên cảnh sát trẻ.

“Tôi muốn những chiếc đồng hồ trong phòng khách được đóng gói cẩn thận — tất cả trừ chiếc đồng hồ cúc cu trên tường và chiếc đồng hồ đứng lớn.”

Ông chỉ dẫn thêm vài việc rồi quay sang bạn mình: “Tôi định đi một vài chỗ. Muốn đi không?”

“Hợp ý tôi đó,” Colin đáp.

Lời kể của Colin Lamb

“Đi đâu đây?” tôi hỏi Dick Hardcastle.

Ông nói với tài xế: “Phòng Thư ký Cavendish. Trên đường Palace, đi ngược về phía phố đi bộ Esplanade về bên phải.”

“Vâng, thưa sếp.”

Chiếc xe chạy đi. Giờ đây chỉ có mấy người giương mắt nhìn theo với vẻ quan tâm thích thú. Con mèo lông vàng cam vẫn còn ngồi trên cột cổng của Diana Lodge nhà kế bên. Nó không rửa mặt nữa mà đang ngồi thật thẳng thớm, hơi ve vẩy cái đuôi và ngó lom lom trên đầu trên cổ đám người kia với thái độ hoàn toàn miệt thị loài người, vốn là đặc quyền của riêng loài mèo và lạc đà.

“Phòng Thư ký, rồi đến bà giúp việc dọn vệ sinh, theo trình tự ấy,” Hardcastle nói, “bởi vì thời gian đang trôi đi.” Ông liếc nhìn đồng hồ đeo tay. “Hơn bốn giờ rồi.” Ông ngừng một lát rồi nói tiếp, “Một cô gái khá hấp dẫn nhỉ?”

“Quá hấp dẫn,” tôi đáp.

Ông ném cái nhìn thích thú về phía tôi.

“Nhưng cô ấy đã kể một câu chuyện rất đáng chú ý. Kiểm tra lại chuyện ấy càng sớm càng tốt.”

“Ông anh không nghĩ là cô ấy...”

Ông ngắt lời tôi. “Tôi vẫn luôn quan tâm đến những người phát hiện các xác chết.”

“Nhưng cô gái đó đã gần như phát điên lên vì khiếp sợ. Giá ông anh nghe thấy cô ta thét lên thế nào...”

Ông lại ném cho tôi một cái nhìn trêu chọc nữa, rồi nhắc rằng cô ta là một cô gái cực kỳ hấp dẫn.

“Và làm sao nên nổi cựa phải lang thang trên đường Wilbraham Crescent vậy, Colin? Chiêm ngưỡng kiến trúc quý phái thời Nữ hoàng Victoria của chúng ta, hay là cậu có mục đích riêng?”

“Tôi có mục đích chứ. Tôi cứ tìm mãi nhà số sáu một mà vẫn không ra. Không lẽ số nhà đó không tồn tại?”

“Tồn tại chứ. Số nhà lên đến — tám tám lặn mà, tôi nghĩ thế.”

“Nhưng ông anh xem đây này, Dick à, khi tôi đến số hai mươi tám, Wilbraham Crescent đã tận cùng rồi.”

“Điều này vẫn luôn làm những người lạ nước lạ cái bị rối. Giá như cậu rẽ phải ngược đường Albany rồi lại rẽ phải lần nữa, hẳn cậu đã thấy mình đang ở nửa còn lại của Wilbraham Crescent. Nó được xây dựng kiểu lưng tựa lưng, cậu thấy đấy. Các khu vườn tựa lưng vào nhau.”

“Hiểu rồi,” tôi nói khi cuối cùng ông ấy dài dòng giảng giải xong đặc điểm địa dư này. “Giống như các quảng trường và vườn hoa ở London. Quảng trường Onslow, đúng không? Hay là Cadogan. Anh bắt đầu đi xuôi theo một bên của một quảng trường, và rồi đột nhiên nó hóa thành một khu nhà hay những khu vườn. Ngay cả tài xế taxi cũng thường xuyên bị rối. Dù sao cũng có số sáu mươi một. Có biết gì về người ở đó không, ông anh?”

“Sáu một ư? Để tôi xem... Chắc đấy là chủ thầu xây dựng Bland.”

“Trời ơi,” tôi nói. “Chết rồi.”

“Cậu không muốn tìm chủ thầu xây dựng sao?”

“Không. Hoàn toàn không định tìm chủ thầu xây dựng. Trừ phi — có lẽ hẳn chỉ vừa mới đến đây thôi. Mới vào nghề hả?”

“Bland sinh trưởng ở đây, tôi nghĩ thế. Chắc chắn là người địa phương hành nghề lâu năm rồi.”

“Thật đáng thất vọng.”

“Hắn là một chủ thầu xây dựng rất tồi,” Hardcastle nói. “Thường sử dụng vật liệu khá kém chất lượng. Xây lên một thứ nhà ít nhiều trông cũng ổn cho đến khi cậu vào ở trong ấy, rồi mọi thứ sụp đổ hay trở nên hư hỏng. Đôi khi làm ăn khá mảnh mung, lơ lửng. Thủ đoạn bất lương — nhưng cũng xoay sở thoát được hết.”

“Thuyết phục tôi cũng chẳng ích gì đâu, Dick à. Người tôi cần gần như chắc chắn phải là rường cột của tính chính trực. ”

“Cách đây độ một năm Bland vợ bọn tiền — hay nói đúng ra là vợ hắn. Cô ta là người Canada, đã đến đây trong thời kỳ có chiến tranh và gặp hắn. Gia đình cô chẳng muốn cô lấy hắn, và ít nhiều đã cắt đứt với cô khi cô làm thế. Rồi năm ngoái một ông chú mất, con trai độc nhất của ông cụ trước đây đã chết vì tai nạn máy bay rơi, và có liên quan gì đấy với thương vong chiến tranh hay sao đó. Và bà Bland là người duy nhất còn lại trong gia tộc. Bởi thế, ông cụ để tiền của cho cô. Vừa vãn cứu Bland khỏi bị phá sản, tôi tin thế.”

“Ông anh có vẻ rành rẽ về ông Bland.”

“Điều này — à, cậu thấy đấy, cơ quan thuế vụ luôn để mắt đến những kẻ qua một đêm đột nhiên trở nên giàu có. Họ thắc mắc liệu có phải hắn đã giở trò bịp bợm gian lận gì đấy hay không — vì thế họ đã kiểm tra toàn bộ. Họ đã kiểm tra và tất cả đều OK.”

“Tôi chẳng bao giờ quan tâm đến những kẻ đột nhiên trở nên giàu có. Đó không phải thứ trò bất lương mà tôi đang tìm kiếm.”

“Cậu đã tìm ra rồi, phải không?”

Tôi gật đầu.

“Và đã kết thúc rồi? Hay là — vẫn chưa kết thúc?”

“Đó là một chuyện trong cả câu chuyện,” tôi nói lảng đi. “Tối nay mình có dùng bữa cùng nhau như dự định không — hay là vụ này sẽ phá hỏng

bữa ăn, hả ông anh?”

“Không, sẽ ổn thôi. Lúc này việc cần làm trước tiên là cho tiến hành điều tra. Chúng ta muốn tìm ra mọi điều về ông Curry. Trong tất cả trường hợp có thể xảy ra, một khi chúng ta biết đích xác ông ta là ai và làm nghề gì, chúng ta sẽ có ý niệm khá rõ ràng về việc ai muốn ông ta phải từ giã cõi đời.” Ông ngó ra cửa sổ. “Đến rồi.”

Phòng Thư ký và Đánh máy Cavendish tọa lạc trên con phố mua sắm chính, được gọi một cách khá cao ngạo là đường Cung Điện. Từ một căn nhà phong cách thời Victoria, nó đã được chỉnh trang lại cho hợp mốt, như nhiều cơ ngơi khác ở con đường đó. Về bên phải là một căn nhà hao hao giống như vậy, có đề hàng chữ: Edwin Glen, Nhiếp ảnh gia nghệ thuật, Chuyên gia chụp ảnh, Thiếu nhi, Đám cưới, v.v... Để minh chứng cho hàng chữ tự bạch đó, khung kính trưng bày đầy những bức ảnh phóng đại đủ kích cỡ của trẻ em mọi lứa tuổi, từ bé sơ sinh đến trẻ lên sáu. Có thể đoán những bức ảnh đó là để dụ dỗ các bà má cứng con đi vào. Vài cặp đôi cũng có hình làm tiêu biểu. Nam thanh niên trông có vẻ bên lên bên thiếu nữ tươi cười. Đối diện Phòng Thư ký Cavendish là các văn phòng của một nhà buôn than đá lâu đời cổ hủ. Bên kia nữa những ngôi nhà cổ kính nguyên gốc đã bị giật sập và một tòa nhà ba tầng nguy nga tráng lệ mang bảng hiệu Café và Nhà hàng Đông Phương.

Hardcastle và tôi bước lên bốn bậc thềm, đi qua cửa trước đang mở rồi tuân theo dòng chữ trên một cánh cửa bên phải bảo: ‘Xin mời vào’, chúng tôi bước vô trong. Đó là một gian phòng kích thước vừa phải, ba phụ nữ trẻ đang đánh máy một cách siêng năng chăm chỉ. Hai người trong bọn họ vẫn tiếp tục đánh máy, chẳng để ý gì đến hai khách lạ mới vào. Người thứ ba đang đánh máy ở một cái bàn có máy điện thoại, đối diện trực tiếp với cánh cửa, dừng lại ngó chúng tôi có vẻ dò hỏi. Hình như cô ta đang mút một thứ kẹo nào đó.

Sau khi đã lùa cục kẹo vào một vị trí thuận tiện trong miệng mình, cô ta mới gắng hỏi chúng tôi với giọng điệu khá bức bối khó chịu: “Các ông cần gì?”

“Cô Martindale đâu ạ?” Hardcastle hỏi.

“Tôi nghĩ lúc này bà ấy đang nói chuyện điện thoại...”

Ngay lúc đó có một tiếng lách cách và cô gái nhắc ống nghe máy điện thoại, vừa chọt chẹt một nút bấm vừa nói: “Hai quý ông cần gặp cô Martindale ạ.” Cô nhìn chúng tôi và hỏi: “Xin hai ông vui lòng cho biết quý danh!”

“Hardcastle,” Dick đáp.

“Vâng, một ông tên là Hardcastle, thưa cô Martindale.” Cô gác ống nghe rồi đứng dậy. “Xin vui lòng đi lối này!” cô nói rồi đi tới một cánh cửa có tấm biển bằng đồng ‘Cô Martindale’.

Cô mở cửa, vừa nép mình sát rạt vào đó để nhường cho chúng tôi đi qua, vừa nói: “Ông Hardcastle đây ạ,” rồi cô đóng cửa lại sau lưng chúng tôi.

Ngồi sau một chiếc bàn giấy rộng lớn cô Martindale ngược nhìn chúng tôi. Đó là một phụ nữ có vẻ năng động chừng năm mươi tuổi, để tóc búi kiểu pompadour màu đỏ nhạt và một cái liếc nhìn cảnh giác.

Bà nhìn chúng tôi, hết người này qua người khác.

“Ông Hardcastle đây sao?”

Dick móc ra tấm thẻ công vụ trao cho bà ta. Tôi tránh đi bằng cách ngồi thẳng thớm trên một cái ghế gần cửa.

Cặp lông mày vàng hung của cô Martindale nhướn lên vì kinh ngạc và có phần nào bức bối.

“Thanh tra Hardcastle ư? Tôi có thể làm gì cho ông thanh tra đây?”

“Tôi đến gặp cô hỏi thăm một ít thông tin, cô Martindale ạ. Tôi nghĩ có lẽ cô có thể giúp tôi.”

Từ giọng điệu ông ấy nói, tôi đánh giá Dick sắp chơi trò hỏi vòng vèo, mê hoặc người ta. Tôi thấy hoài nghi không biết bà trưởng phòng này có dễ bị dụ hay không nữa. Bà ấy thuộc một tốp người mà người Pháp dán cho cái nhãn quá đỗi phù hợp, *femme ormidable* — người đàn bà ghê gớm, đáng sợ.

Tôi nghiên cứu cách bày trí tổng quát. Các vách tường phía trên bàn giấy của cô Martindale có treo bộ sưu tập những ảnh chụp có ký tên. Tôi nhận ra có một bức ảnh của bà Ariadne Oliver, nhà văn viết truyện trinh thám mà tôi có hơi quen biết. *Bạn chân thành của bà, Ariadne Oliver*, được viết tay ngang qua bức ảnh với những chữ màu đen rõ nét. *Thành kính tri ân, Garry Gregson* trang hoàng bức ảnh khác của một nhà văn viết những truyện trinh thám thật rùng rợn đã chết cách nay chừng mười sáu năm. *Mãi mãi là bạn của bà, Miriam* tô điểm cho bức ảnh của Miriam Hogg, nữ văn sĩ chuyên về văn thơ lãng mạn. Tình dục có đại diện là ảnh chụp một người đàn ông mới bị hói đầu trông có vẻ nhút nhát, ký tặng với những chữ viết nhỏ rí, *Biết ơn bà, Armand Levine*. Có một nét giống nhau giữa những ảnh trang trí trên tường này. Đàn ông hầu hết đều cầm ống điếu và mặc com-lê bằng vải len, còn đàn bà thì trông có vẻ nghiêm nghị và có khuynh hướng tàn phai đi trong trang phục lông thú.

Trong lúc tôi đang ngẫm ngía, Hardcastle vẫn tiếp tục hỏi.

“Tôi tin cô đã thuê một nhân viên tên là Sheila Webb?”

“Đúng vậy. Tôi e rằng hiện giờ cô ấy không có ở đây.” Bà bấm nút điện thoại nội bộ, nói với văn phòng bên ngoài: “Edna này, Sheila Webb đã về chưa?”

“Thưa chưa, cô Martindale, chưa về ạ.”

Cô Martindale ấn nút tắt máy.

“Cô ấy đã ra ngoài làm việc được giao đầu giờ chiều hôm nay,” bà giải thích. “Tôi cứ tưởng chắc giờ này cô ấy đã về rồi chứ. Có khả năng cô ấy đi tiếp đến Khách sạn Curlew ở cuối phố đi bộ Esplanade, cô ấy có một cuộc hẹn lúc năm giờ ở đó.”

“Tôi hiểu,” Harcastle nói. “Cô có thể cho tôi biết đôi điều về cô Sheila Webb được không?”

“Tôi chẳng thể nói gì nhiều. Cô ấy làm ở đây được — để tôi xem, à, phải nói rằng đến nay đã gần được một năm rồi. Cô ấy đã chứng tỏ khả năng làm việc hoàn toàn tốt đẹp.”

“Cô có biết cô ấy từng làm việc ở đâu trước khi đến với cô không?”

“Tôi dám nói mình có thể tìm ra cho ông, nếu ông thực sự muốn có thông tin ấy, Thanh tra Hardcastle à. Hồ sơ về cô ta đang ở đâu đấy, tôi sẽ cho lục lại. Theo như tôi còn nhớ được ngay lúc này thì lúc trước cô ấy làm việc ở London và được chủ ở đấy nhận xét rất tốt. Tôi nghĩ, nhưng không chắc chắn, rằng cô ấy đã làm việc cho một hãng buôn — có thể là công ty môi giới bất động sản.”

“Cô bảo cô ta làm việc tốt lắm à?”

“Hoàn toàn xứng đáng,” cô Martindale rõ ràng không phải là người khen ngợi lắm lời.

“Chẳng phải hạng nhất sao?”

“Không, tôi không nói thế. Cô ấy làm việc với tốc độ trung bình tốt và trình độ học vấn tầm tầm. Cô ấy là một thư ký đánh máy cẩn thận và chính xác.”

“Cô có biết đời tư của cô ta, ngoài quan hệ công việc không?”

“Không, tôi chỉ biết cô ấy sống với một người dì.” Nói đến đây cô Martindale trở nên hơi ngang phè. “Xin được hỏi ông Thanh tra Hardcastle, có sao lại hỏi tôi những câu ấy? Phải chăng cô gái đó đã giây vào chuyện rắc rối thế nào?”

“Không hẳn thế, cô Martindale ạ. Cô có biết một bà tên là Millicent Pebmarsh không?”

“Pebmarsh,” cô Martindale nhú cặp lông mày vàng hung. “À, khi — ồ, tất nhiên rồi. Chính là Sheila đã đến nhà cô Pebmarsh chiều nay. Hẹn gặp lúc ba giờ.”

“Đã hẹn gặp như thế nào, cô Martindale?”

“Qua điện thoại. Cô Pebmarsh gọi đến và yêu cầu một thư ký đánh máy kiêm tốc ký đến giúp việc, và tôi đã phái cô Webb đi.”

“Có phải cô Pebmarsh ấy nhất định yêu cầu Sheila Webb không?”

“Phải.”

“Cuộc gọi đó nhận được lúc mấy giờ?”

Cô Matindale suy nghĩ một lát.

“Gọi trực tiếp đến chỗ tôi. Như thế nghĩa là vào giờ ăn trưa. Có thể nói khoảng chừng hai giờ kém mười phút. Trước hai giờ, chắc chắn như thế. À phải rồi, tôi có ghi chú trên tập giấy của tôi đây. Chính xác một giờ bốn chín phút.”

“Cô Pebmarsh đích thân nói với bà hay sao?”

Cô Martindale có vẻ hơi ngạc nhiên.

“Tôi cho là thế.”

“Nhưng cô đâu có nhận ra giọng nói của bà ấy? Cô đâu có quen biết riêng bà ta?”

“Không. Tôi không biết bà ấy. Bà ta tự xưng là cô Millicent Pebmarsh, cho tôi địa chỉ của bà, một số nhà ở Wilbraham Crescent. Sau đó như đã nói, bà ấy yêu cầu Sheila Webb, đến nhà bà ta lúc ba giờ.”

Đó là một lời khai xác định rõ ràng. Tôi nghĩ cô Martindale nếu làm nhân chứng sẽ xuất sắc lắm.

“Ông có thể vui lòng cho tôi biết tất cả những điều này liên quan đến chuyện gì không ạ?” cô Martindale hỏi về sốt ruột.

“À, cô biết không, cô Pebmarsh không thừa nhận mình đã có cuộc gọi nào như thế.”

Cô Martindale nhìn chăm chặp. “Thật tình! Kỳ dị quá thể!”

“Ngược lại, cô thì bảo có cuộc gọi ấy, nhưng không thể xác nhận có phải cô Pebmarsh đã gọi hay không.”

“Không, tất nhiên tôi không thể xác nhận rồi. Tôi đâu có biết người đàn bà ấy. Nhưng thật tình tôi không hiểu nổi làm vậy để làm gì cơ chứ. Một trò chơi khăm kiểu nào đấy chẳng?”

“Còn hơn thế nữa ấy chứ,” Hardcastle nói. “Cô Pebmarsh này—hay là ai đấy—có nêu lý do vì sao lại nhất định muốn thuê Sheila Webb không?”

Cô Martindale nghĩ ngợi một lát.

“Tôi nghĩ bà ấy bảo trước đây Sheila Webb từng làm việc cho bà ta.”

“Và thực sự có phải thế không?”

“Sheila nói không nhớ có từng làm việc gì cho cô Pebmarsh hay không. Nhưng nói thế không hoàn toàn có sức thuyết phục, ông thanh tra ạ. Xét cho cùng, các cô ra ngoài quá thường xuyên để gặp nhiều người khác nhau ở nhiều nơi khác nhau, nên thường không thể nào nhớ nếu điều ấy xảy ra cách đây hàng tháng trời. Sheila không xác định chắc chắn lắm về điểm này. Cô chỉ nói không thể nhớ mình có từng đến đó. Nhưng thật ra, ông thanh tra à, ngay cả khi đây là một trò chơi khăm, tôi không hiểu nổi sự quan tâm lưu ý của ông là do đâu.”

“Tôi sẽ đề cập đến điểm ấy ngay đây. Khi cô Webb đến số 19, Wilbraham Crescent cô đã bước vào nhà rồi vào phòng khách. Cô ấy nói với tôi đây là làm theo hướng dẫn. Cô xác nhận chứ?”

“Hoàn toàn đúng. Cô Pebmarsh bảo có thể về đến nhà trễ một chút, và Sheila cứ vào chờ.”

“Khi cô Webb vào phòng khách,” Hardcastle nói tiếp, “cô ta phát hiện một người đàn ông đã chết nằm trên sàn nhà.”

Cô Martindale nhìn ông thanh tra chăm chú. Bà gần như không nói nên lời hết một lúc.

“Ông bảo một *người đàn ông đã chết*, hử ông thanh tra?”

“Một người bị sát hại,” Hardcastle đáp. “Nói chính xác là bị đâm chết.”

“Giờ ôi là giờ! Chắc hẳn cô gái đã bối rối lắm.”

Dường như đó là kiểu nói giảm nhẹ đặc trưng của cô Martindale.

“Cái tên Curry có ý nghĩa gì với cô không? Ông R. H. Curry ấy?”

“Tôi không nghĩ thế, không đâu ạ.”

“Từ công ty *Metropolis and Provincial Insurance*?”

Cô Martindale vẫn lắc đầu.

“Cô thấy tình thế tiến thoái lưỡng nan của tôi rồi đấy,” ông thanh tra nói. “Cô bảo cô Pebmarsh đã gọi điện thoại cho cô và yêu cầu Sheila Webb đến nhà bà ấy lúc ba giờ. Cô Pebmarsh chẳng thừa nhận đã làm bất kỳ điều gì như thế. Sheila Webb đã đến đấy, và phát hiện ra có người chết.” Hardcastle chờ đợi một cách vô vọng.

Cô Martindale ngậy người nhìn ông.

“Đối với tôi tất cả chuyện này dường như là không thể nào là thật,” cô nói vẻ không đồng tình.

Dick Hardcastle thở dài rồi đứng lên.

“Chỗ làm việc của cô thật đẹp,” ông nói rất lịch sự. “Cô làm ăn được một thời gian rồi, phải không?”

“Mười lăm năm rồi. Chúng tôi làm ăn cực kỳ tốt. Ban đầu chỉ làm rất nhỏ, chúng tôi đã mở rộng kinh doanh cho đến khi chúng tôi gần như không kham nổi nữa. Bây giờ tôi thuê tám cô gái, cô nào cũng tất bật làm việc suốt thời gian.”

“Tôi thấy cô làm được nhiều tác phẩm văn học nhỉ.” Hardcastle ngược nhìn những bức ảnh trên tường.

“Vâng, lúc khởi nghiệp tôi đã chuyên về các tác giả. Tôi đã từng nhiều năm làm thư ký cho nhà văn viết truyện trinh thám danh tiếng là ông Garry Gregson. Quả thật nhờ một di sản tinh thần từ ông ấy, tôi đã khai trương phòng này. Tôi quen biết rất nhiều đồng nghiệp văn chương của ông, và họ giao việc cho tôi. Kiến thức chuyên môn của tôi về đòi hỏi của các tác giả áp dụng vào đây rất hữu ích. Tôi cung cấp một dịch vụ rất hữu ích bằng cách nghiên cứu những điều cần thiết: ngày tháng và các trích đoạn, các thắc mắc như về các vấn đề pháp lý và thủ tục của cảnh sát, và chi tiết của các bản kê chất độc. Tất cả những điều đại loại như thế. Rồi sau đó là tên họ, địa chỉ và nhà hàng ngoại quốc cho những người đặt bồi cảnh tiểu thuyết của họ ở địa điểm nước ngoài. Thời xưa công chúng thật ra không quá để ý đến tính xác thực, nhưng thời nay độc giả tự đảm nhiệm việc viết thư cho các tác giả vào bất kỳ dịp nào có thể được và chỉ ra sai sót của họ.”

Cô Martindale tạm dừng. Hardcastle lịch sự nói: “Tôi chắc chắn cô có mọi lý do để tự chúc mừng mình.”

Ông đi về phía cửa phòng. Tôi mở cửa ra trước mặt ông.

Ở văn phòng bên ngoài ba cô gái đang chuẩn bị ra về. Các máy đánh chữ đã được đẩy nắp lại. Cô lễ tân tên Edna đang đứng đó với vẻ đau khổ, một

tay cầm cái gót giày cao nhọn, còn trong tay kia là chiếc giày có cái gót đã rời ra.

“Tôi mua giày này mới có một tháng thôi hà,” cô đang than vãn. “Mà đắt lắm nghe. Là tấm lưới sắt chó chết đó — ở góc đường cạnh tiệm bán bánh kẹo rất gần đây thôi. Tôi kẹt cái gót giày vào đó, và nó bị rớt ra luôn. Tôi không thể bước đi, phải cởi cả hai chiếc giày ra và trở về đây với hai cái bánh mì tròn nhỏ, và làm sao về nhà hay lên xe buýt thật tình tôi không biết nữa...”

Ngay lúc ấy nhận ra sự hiện diện của chúng tôi, Edna liền hấp tấp giấu đi chiếc giày đã làm cô tức giận với một cái liếc nhìn sợ hãi về phía cô Martindale mà tôi đánh giá chẳng phải hạng đàn bà chịu đi giày cao gót. Bà ta đang mang một đôi giày da đế bằng, chỉ cần thoải mái để chịu là đủ rồi.

“Cảm ơn cô Martindale,” Hardcastle nói. “Xin lỗi đã làm mất quá nhiều thời gian của cô. Nếu có điều gì xảy đến với cô...”

“Dĩ nhiên,” cô Martindale đột ngột ngắt lời ông.

Khi đã lên xe, tôi nói: “Như vậy câu chuyện của Sheila Webb, mặc cho ông hoài nghi, hóa ra lại hoàn toàn đúng sự thật.”

“Được, được rồi,” Dick nói. “Cậu thắng rồi.”

“Má ơi!” Ernie Curtin cất tiếng gọi. Cậu bé tạm dừng trong chốc lát việc điều khiển mô hình nhỏ bằng kim loại lên lên xuống xuống mặt kính cửa sổ, nhờ vậy tạm tắt cái âm thanh nửa rền rĩ nửa vù vù ầm ỹ mô phỏng một tên lửa vũ trụ đang xuyên qua không gian trên đường đến sao Kim. “Má nghĩ sao hả, má ơi?”

Bà Curtin, một phụ nữ nét mặt nghiêm nghị đang bận rửa chén bằng sành trong bồn, không đáp lại tiếng nào.

“Má ơi, có xe cảnh sát đậu lại bên ngoài nhà mình kìa.”

“Đẹp mấy cái chuyện ba xạo của con đi nghe, Ernie!” bà Curtin vừa nói vừa đặt bộ chén tách xuống mặt bồn cho ráo nước kêu lạch cạch. “Con biết má đã nói gì với con về chuyện đó rồi mà.”

“Con hông có nói xạo,” Ernie nghiêm túc đáp lại. “Xe cảnh sát thiệt mà, và có hai ông đang xuống xe.”

Bà Curtin quay lại ngó thẳng con.

“Dạo này có làm chuyện gì không hả con?” bà hặc hỏi. “Lại gây chuyện nhục nhã cho nhà mình, thiệt tình mà!”

“Đâu có đâu,” cậu bé Ernie đáp lại. “Con hông có làm gì hết á.”

“Thằng Alf bị tóm rồi. Nó và cả băng của nó. Băng đảng thiệt đó! Má đã bảo con rồi, và cha cũng từng nói băng đảng hông có đứng dẫn đầu hoàng đầu. Cuối cùng sinh chuyện rồi. Trước hết sẽ là tòa án xử con nít, rồi sau đó mày sẽ bị gởi vô một trại giáo dưỡng dễ như không. Còn má sẽ không chấp nhận chuyện đó đâu, mày có nghe không?”

“Họ đã tới cửa trước rồi,” Ernie thông báo.

Bà mẹ rời cái bồn rửa chén, đến với thằng con chỗ cửa sổ.

“Ờ há,” bà lẩm bẫm.

Ngay lúc ấy tiếng búa gõ cửa vang lên. Lẹ làng chùi tay vào cái khăn lau chén, bà Curtin đi ra hành lang mở cửa. Bà nhìn hai người đàn ông trên bậc thềm trước cửa nhà mình với vẻ khinh khỉnh ngờ vực.

“Bà Curtin, phải không ạ?” người cao hơn trong hai người hỏi, giọng vui vẻ.

“Đúng rồi,” chủ nhà đáp.

“Tôi vào một lúc được không? Tôi là Thanh tra Hardcastle.”

Bà Curtin bước lùi lại vẻ khá là miễn cưỡng. Bà mở một cánh cửa, rồi ra hiệu cho ông thanh tra vào bên trong. Đó là một căn phòng nhỏ sạch sẽ, rất ngăn nắp gọn gàng, cho ta cảm tưởng ít khi có ai vào, mà cảm tưởng ấy lại hoàn toàn chính xác.

Bị tính tò mò lôi kéo, Ernie từ nhà bếp đi ra hành lang rồi len lén lách vào bên trong cánh cửa.

“Con trai bà à?” Thanh tra Hardcastle hỏi.

“Phải,” bà Curtin đáp, rồi nói thêm vẻ thù địch, “nó là một thằng nhỏ ngoan, mấy ông có nói gì cũng vậy.”

“Chắc chắn nó ngoan lắm,” thanh tra lịch sự nói.

Vẻ thách thức trên mặt bà chủ nhà giãn ra đôi chút. “Tôi đến để hỏi bà vài câu về nhà số mười chín, Wilbraham Crescent. Bà làm việc ở đây, tôi được biết thế.”

“Chớ tui có bao giờ nói là hồng làm đâu nà,” bà Curtin chưa thể rũ bỏ cái tính khí kỳ khôi lúc này.

“Làm cho một cô tên là Pebmarsh?”

“Phải, tui làm cho cô Pebmarsh. Bà tốt lắm đó.”

“Mù lòa,” thanh tra Hardcastle nói.

“Phải rồi, tội nghiệp bà thiệt đó. Nhưng ông hồng bao giờ biết đâu. Bà có thể quơ tay sờ soạng đồ vật mà dò được đường đi khắp nhà siêu lắm. Còn

đi ra đường tới tận giao lộ nữa đó. Bà hồng phải là người hay làm om sòm vì chuyện này chuyện nọ, hồng giống một số người mà tui biết.”

“Bà làm việc ở đây vào buổi sáng?”

“Đúng. Tui tới đó khoảng chín rưỡi tới mười giờ, và ra về khoảng mười hai giờ hay khi đã làm xong việc.” Rồi bà ta hỏi gắt gỏng: “Ông hồng định nói cái gì đó đã bị ăn cắp đấy chứ?”

“Hoàn toàn ngược lại,” thanh tra nói, nghĩ đến bốn chiếc đồng hồ lạ.

Bà Curtin ngơ ngác ngó ông thanh tra, chẳng hiểu gì cả.

“Có chuyện rắc rối gì vậy hả?”

“Một người đàn ông được tìm thấy đã chết trong phòng khách nhà số mười chín, Wilbraham Crescent, chiều hôm nay.”

Bà Curtin trở mắt nhìn. Ernie Curtin vắn vẹo người khoái chí tử, mở miệng định kêu lên ‘ứ ừ’, nhưng rồi thẳng nhóc nghĩ làm cho người ta để ý đến sự hiện diện của mình là không khôn ngoan, và ngậm miệng lại.

“Chết hả?” bà Curtin nói có vẻ không tin. Và còn hoài nghi hơn khi bà hỏi tiếp: “Trong *phòng khách* à?”

“Đúng, ông ấy bị đâm chết.”

“Ông muốn nói là *án mạng* hả?”

“Đúng, là án mạng.”

“Đứa nào giết ông chết vậy?” bà Curtin gặng hỏi.

“Tôi e rằng đến nay điều ấy chúng tôi vẫn hoàn toàn chưa nắm được,” thanh tra đáp. “Chúng tôi tưởng có lẽ bà giúp được cho chúng tôi chứ.”

“Tui hồng biết án mạng gì hết á,” bà Curtin khẳng định.

“Bà không biết, nhưng có một vài vấn đề cần làm rõ nguyên do. Chẳng hạn như sáng nay có ai ghé thăm nhà ấy không?”

“Tui nhớ là hồng có. Bữa nay hồng có. Ông là loại người nào vậy hả?”

“Một người đàn ông cao niên độ sáu mươi tuổi, mặc một bộ com-lê sẫm màu thật chỉnh tề. Có lẽ ông ấy đã tự xưng là nhân viên bảo hiểm.”

“Tui hồng có để cho ông vô nhà. Hồng có nhân viên bảo hiểm nào hết, cũng hồng có ai bán máy hút bụi hay Tủ điện Bách khoa. Hồng có cái gì

như vậy hết á. Cô Pebmarsh hồng mua bán tại nhà, và tui cũng vậy.”

“Tên của người đàn ông, theo tấm danh thiếp trong người ông ta, là Curry. Bà có bao giờ nghe cái tên ấy chưa?”

“Curry? Curry hả?” bà Curtin lắc đầu. “Tui nghe có vẻ giống tên người Ấn Độ quá hà,” bà ta nói về hoài nghi.

“Chả phải thế đâu,” thanh tra Hardcastle nói, “ông ấy chẳng phải người Ấn Độ.”

“Ai đã tìm thấy ổng — Cô Pebmarsh à?”

“Một cô gái trẻ làm thư ký đánh máy kiêm tốc ký, do nhầm lẫn, cô nghĩ mình được cử tới đó để làm việc gì đấy cho cô Pebmarsh. Chính cô này đã phát hiện cái xác. Cô Pebmarsh trở về gần như ngay lúc ấy.”

Bà Curtin buông một tiếng thở dài thườn thượt. “Chuyện ì xèo quá xá! Quá xá trời luôn!”

“Xin bà bỏ chút thời gian,” thanh tra đề nghị, “để xem ảnh cái xác người đàn ông và cho chúng tôi biết có phải ông ta là người mà bà từng gặp ở Wilbraham Crescent hoặc trước đây từng có ghé thăm nhà ấy. Cô Pebmarsh đã khẳng định ông ta chưa bao giờ đến đấy. Bây giờ có những vấn đề nhỏ khác nhau mà tôi muốn biết. Bà có thể nhớ ra ngay tức thì có bao nhiêu đồng hồ trong phòng khách hay không?”

Bà Curtin thậm chí không cần suy nghĩ.

“Có cái đồng hồ bự trong góc phòng mà người ta kêu là đồng hồ ông nội, còn có cái đồng hồ chim cu trên tường nữa. Nó vọt ra và kêu ‘cúc cu!’ Có khi làm cho người ta suýt tí nữa là giật nảy lên.” Bà vội vã nói thêm: “Tui hồng có rớ tới cả hai cái đó đâu nha. Không bao giờ. Cô Pebmarsh thích tự tay lên dây hai cái đồng hồ đó.”

“Chả có vấn đề gì với chúng cả,” thanh tra trấn an. “Bà có chắc đấy là hai chiếc đồng hồ duy nhất trong phòng sáng nay hay không?”

“Đương nhiên. Còn có cái nào khác nữa sao?”

“Chẳng hạn như không có một chiếc đồng hồ vuông bằng bạc mà người ta gọi là đồng hồ mang đi đường, hay một chiếc đồng hồ mạ vàng bé tí teo

— chiếc để trên bệ lò sưởi ấy, hoặc là một chiếc đồng hồ bằng sứ có hoa văn — hay một chiếc đồng hồ bọc da với cái tên Rosemary chéo ngang một góc.”

“Đương nhiên là hồng có. Hồng có cái nào như vậy hết á.”

“Bà hẳn đã để ý thấy chúng nếu như chúng có ở đây?”

“Đương nhiên rồi.”

“Cả bốn chiếc đồng hồ ấy đều chỉ thời gian muộn hơn chừng một giờ so với chiếc đồng hồ cúc cu và chiếc đồng hồ đứng.”

“Chắc là giờ nước ngoài rồi. Tui và ông chồng già của tui đã có lần đi một chuyến xe khách tới Thụy Sĩ và Ý, giờ giấc ở đó lố cả tiếng đồng hồ luôn. Chắc có liên quan gì đó với cái Thị Trường Chung này. Tui hồng tán thành Thị Trường Chung, ông Curtin nhà tui cũng hồng chịu. Với tui nước Anh là quá đủ rồi.”

Thanh tra Hardcastle không để mình bị lôi cuốn vào đề tài chính trị.

“Bà có thể cho tôi biết chính xác bà đã rời nhà cô Pebmarsh lúc mấy giờ sáng nay không?”

“Mười hai giờ mười lăm. Lúc đó hầu như hồng có chuyện gì hết.”

“Khi ấy cô Pebmarsh có ở nhà không?”

“Hồng có, bả chưa về. Thường bả về lúc nào đó khoảng từ mười hai giờ đến mười hai giờ rưỡi, nhưng cứ thay đổi luôn.”

“Và bà ấy đã rời nhà lúc nào?”

“Trước khi tui tới đó. Tui tới lúc mười giờ.”

“À, cảm ơn bà Curtin.”

“Chuyện mấy cái đồng hồ đó có vẻ quái đản. Có lẽ cô Pebmarsh đã mua ở chỗ bán xôn. Đồ cũ, phải không? Nghe ông nói thì có vẻ như vậy.”

“Cô Pebmarsh có thường đến chỗ bán xôn không?”

“Có mua được một cuộn thảm lông cách đây chừng bốn tháng ở một chỗ bán xôn. Tình trạng thì còn rất tốt. Rẻ lắm, bả nói với tui vậy đó. Còn mua được mấy tấm màn nhung nữa. Phải cắt bớt, nhưng màn còn tốt nguyên như mới.”

“Nhưng bà ấy không thường mua những vật trang trí nhỏ hay những món như tranh ảnh, đồ sứ hoặc món gì đấy đại loại như thế ở các chỗ bán xôn chứ?”

Bà Curtin lắc đầu.

“Theo chỗ tui được biết về bà thì hồng có đâu, nhưng đương nhiên ở chỗ bán xôn hồng có câu châm ngôn nào hết á. Ý tui muốn nói là ông bị cuốn đi luôn, về nhà rồi mới tự nhủ ‘Mình định làm gì với cái món đó đây?’ Một lần mua tới sáu hũ mất nhừ. Nếu có nghĩ tới chuyện đó, hẳn tui đã mua được giá rẻ hơn. Những bộ chén tách cũng vậy. Mấy cái đó tui có thể mua bán tốt hơn ngoài chợ vào ngày thứ tư.”

Bà lắc đầu vẻ buồn rầu. Cảm thấy không còn gì để tìm hiểu nữa, thanh tra Hardcastle từ giã ra về. Ernie lúc đó mới đóng góp cho cái đề tài còn chưa được bàn tới.

“Án mạng! U hư!” Ernie nói.

Tạm thời cuộc chinh phục khoảng không vũ trụ trong đầu nó bị thế chỗ bởi một vụ ly kỳ rùng rợn thực sự.

“Cô Pebmarsh hồng thế nào mần ống trong nhà bà, phải hông?” nó sốt sắng gợi ý.

“Đừng có nói tào lao!” mẹ nó la, rồi một ý nghĩ thoáng qua trong đầu bà. “Má hồng biết có nên nói với ống...”

“Nói với ống cái gì hả má?”

“Con đừng quan tâm,” bà Curtin gạt đi. “Hồng có gì hết, thiệt đó.”

Lời kể của Colin Lamb

Khi chúng tôi đã ở bên ngoài để thưởng thức những miếng thịt nướng tái, nuốt xuống cùng với những ngụm bia, Dick Hardcastle buông một tiếng thở dài xả hơi thoải mái, thông báo ông ấy đã cảm thấy khá hơn, rồi nói: “Quý tha ma bắt lũ nhân viên bảo hiểm chết toi, những cái đồng hồ kiểu cách và bọn con gái la hét đi! Ta hãy nghe chuyện của cậu, Lamb ạ! Tôi cứ tưởng cậu đoạn tuyệt với phần đất này của thế giới rồi chứ. Thế mà ở đây cậu đang lang thang khắp các con đường vắng sau Crowdean. Chẳng có đất dụng võ cho một nhà hải dương học ở Crowdean đâu, tôi cam đoan với cậu đấy.”

“Ông anh chớ có cười nhạo môn hải dương học chứ, Dick! Đó là một môn học rất hữu ích. Chỉ cần đề cập đến nó thôi cũng đủ làm cho người ta chán chường quá đỗi và sợ ta sẽ nói về nó nữa, cho nên ông anh không cần phải tự mình giảng giải gì thêm đâu.”

“Chẳng có cơ hội nào cho cậu cống hiến sao hử?”

“Ông anh đã quên,” tôi lạnh lùng đáp lại, “rằng tôi là một nhà hải dương học. Tôi đã lấy bằng về môn đó ở Cambridge. Một bằng cấp không tốt lắm, nhưng cũng là bằng cấp. Đó là một môn học rất thú vị, và một ngày nào đó tôi sẽ trở về với nó.”

“Tôi biết cậu đang làm việc trong lĩnh vực nào mà, dĩ nhiên rồi,” Hardcastle nói. “Và xin chúc mừng cậu. Vụ án Larkin tháng tới ra tòa, phải

không?”

“Vâng.”

“Thật đáng kinh ngạc cái cách hăn ta cố tiếp tục chuyển tài liệu ra ngoài trót lọt trong một thời gian dài. Cậu nghĩ hăn có người đã nghi ngờ.”

“Người ta đã không nghi ngờ, ông anh biết rồi đó. Khi trong đầu ông anh mà đã đình ninh đó là một anh chàng rất tốt, thì anh nghĩ hăn không thể như thế.”

“Chắc hăn đã khôn lanh lắm,” Dick nhận xét.

Tôi lắc đầu.

“Không, tôi không nghĩ hăn khôn lanh, thật vậy đó. Tôi nghĩ hăn chỉ làm theo lời sai bảo. Hăn đã được tiếp cận những tài liệu rất quan trọng. Hăn cầm chúng đi ra ngoài, chúng được phôtô và trả lại cho hăn, rồi chúng lại trở về chỗ cũ cũng trong ngày hôm ấy. Sắp đặt hay thật. Hăn đã tạo thói quen ăn trưa hằng ngày ở những chỗ khác nhau. Chúng tôi nghĩ hăn đã treo áo khoác của hăn lên ở chỗ lúc nào cũng có một cái áo khoác giống hệt như thế — dù người đàn ông mặc cái áo khoác kia không phải lúc nào cũng là cùng một người. Những cái áo khoác bị tráo đổi, nhưng người tráo đổi không bao giờ nói với Larkin, và Larkin cũng không bao giờ nói với hăn. Chúng tôi muốn biết thêm thật nhiều về cơ chế vận hành vụ việc ấy. Nó được vạch kế hoạch thật kỹ lưỡng với lịch trình hoàn hảo. Ai đó cực kỳ thông minh đã điều khiển việc này.”

“Và chính vì thế mà cậu vẫn lảng vảng quanh căn cứ Hải quân ở Portlebury?”

“Phải, bọn tôi biết rõ đầu mối ở căn cứ Hải quân của vụ án, và bọn tôi biết rõ đầu mối ở London. Bọn tôi còn biết đích xác lúc nào và ở đâu Larkin lãnh tiền thù lao, và như thế nào. Nhưng có một lỗ hổng. Ở giữa hai đầu mối ấy có một tổ chức rất nhỏ. Đó là bộ phận tụi tôi muốn tìm hiểu thêm, vì đó là bộ phận có đầu não. Ở đâu đó có một bộ chỉ huy rất tài tình, lên kế hoạch thật xuất sắc, để lại một dấu vết rồi tung rồi mù không phải một lần mà có lẽ bảy tám lần gì đó.”

“Larkin làm thế để làm gì cơ chứ?” Hardcastle tò mò hỏi. “Vì một lý tưởng chính trị, vì bốc phét về cái tôi của hă, hay đơn thuần chỉ vì tiền?”

“Hă không có lý tưởng lý tiếc gì hết, phải nói là chỉ vì tiền.”

“Chẳng phải cậu tóm được hă sớm hơn nhờ mua chuộc bằng tiền đấy hay sao? Hă đã tiêu tiền, phải không? Hă đã không dành dụm.”

“Ô không. Đúng là hă vung tiền như rác. Quả thật bọn tôi đã tóm được hă hơi sớm hơn thời điểm đã công bố.” Hardcastle gật đầu tỏ ra hiểu biết.

“Tôi hiểu. Các cậu đã vấp vấp và rồi cậu dùng hă làm mồi nhử. Có phải thế không?”

“Ít nhiều là vậy đó. Hă đã chuyển ra ngoài một số thông tin rất giá trị trước khi tụi tôi tóm được hă, vì thế tụi tôi để hă chuyển ra thêm một số thông tin nữa bề ngoài cũng có vẻ đáng giá lắm. Trong sở tôi làm, thỉnh thoảng bọn tôi đành phải làm cho mình trông có vẻ ngốc nghếch.”

“Tôi nghĩ mình không nên quan tâm đến công việc của các cậu, Colin à,” Hardcastle có vẻ trầm tư.

“Đó không phải công việc hứng thú như người ta tưởng. Quả thật nó thường hết sức nhàm chán. Nhưng ngoài ra còn có một vấn đề. Ngày nay người ta bắt đầu cảm thấy không có gì thực sự bí mật cả. Ta biết bí mật của chúng, và chúng biết bí mật của ta. Điệp viên của ta thường cũng là điệp viên của chúng, và điệp viên của chúng rất thường xuyên làm việc cho ta. Rốt cuộc lại, điệp viên hai mang trở thành cơn ác mộng! Đôi khi tôi nghĩ ai cũng biết bí mật của người khác. Và người ta mắc phải cái tội đồng lõa giả vờ như không phải thế.”

“Tôi hiểu ý cậu muốn nói gì rồi,” Dick có vẻ trầm ngâm. Rồi ông tò mò nhìn tôi.

“Tôi có thể hiểu vì sao cậu vẫn cứ phải quanh quẩn ở Portlebury. Nhưng mà Crowdean cách Portlebury đến mười dặm đấy.”

“Cái mà tôi đang thực sự theo đuổi,” tôi đáp, “là mấy cái Crescent.”

“Trăng lưỡi liềm ư?” Hardcastle có vẻ sững sốt.

“Phải. Hay là các vầng trăng luân phiên xuất hiện. Những trăng non, trăng già các kiểu đang mọc lên, và vân vân. Tôi khởi sự truy tìm từ Portlebury. Ở đó có một quán nhậu gọi là Vầng Trăng Khuyết. Tôi đã lãng phí một thời gian dài vì nó. Nghe có vẻ lý tưởng lắm. Thế rồi có Trăng và Sao, Trăng Mọc, Lưỡi Liềm Vui, Chữ Thập và Trăng Lưỡi Liềm — ở một vùng nhỏ bé gọi là Seamede. Không có gì làm. Tôi từ bỏ những vầng trăng và bắt đầu tìm hiểu các Crescent. Rất nhiều Crescent ở Portlebury. Lansbury Crescent, Aldridge Crescent, Livermead Crescent, Victoria Crescent.”

Bắt gặp vẻ mặt ngờ ngác của Dick, tôi bật cười: “Đừng rối, Dick à. Tôi đã có cái rõ ràng để khởi sự rồi.”

Tôi móc ví rút ra một tờ giấy đưa cho ông. Đó là một tờ giấy viết thư của khách sạn, trên đó vẽ nháp một phác thảo.

“Một anh chàng tên là Hanbury đã để cái này trong ví. Anh ta đã làm nhiều việc trong vụ án Larkin. Là người tốt— rất tốt. Anh ấy bị một chiếc xe hơi đụng rồi cán qua người ở London. Không ai nắm được số xe. Tôi không biết cái này có ý nghĩa gì, nhưng Hanbury đã ghi vội hay sao chép lại, vì anh ấy nghĩ là quan trọng. Anh ta có ngụ ý gì không? Hay là cái gì đó mà anh ta đã từng nhìn thấy hay nghe thấy? Cái gì đó có liên quan tới mặt trăng hay trăng lưỡi liềm, số sáu một và chữ cái đầu M. Tôi đã tiếp nhận sau khi anh ấy mất. Tôi chưa biết mình đang tìm kiếm cái gì, nhưng tôi khá chắc chắn có cái gì đó cần phải tìm ra. Tôi không rõ sáu một có ý nghĩa gì. Không biết chữ cái M nghĩa là gì. Tôi đã làm việc trong vòng bán kính từ Portlebury ra bên ngoài. Ba tuần làm việc cật lực không ngừng nghỉ và không có kết quả. Crowdean nằm trên lộ trình của tôi. Chỉ có thể thôi. Nói thật tình, Dick à, tôi đã không trông mong gì nhiều lắm ở Crowdean. Ở đây chỉ có một Crescent thôi. Đó là Wilbraham Crescent. Tôi định dạo qua Wilbraham Crescent để xem mình nghĩ gì về số 61, rồi mới hỏi ông anh có nắm được mẫu chuyện vật nào đó có thể giúp tôi không. Đó là việc tôi đã làm chiều nay, và tôi đã không tìm ra số 61.”

“Tôi đã bảo cậu rồi đấy, số 61 là nhà một thầu khoán ở địa phương.”

“Và đó không phải là điều tôi đang theo đuổi. Công ty ấy có nhận viện trợ nước ngoài kiểu nào đó không?”

“Cũng có thể. Ngày nay rất nhiều người vẫn làm thế. Nếu nhận viện trợ, công ty ấy ắt có đăng ký. Mai tôi sẽ tra giúp cậu.”

“Cám ơn ông anh, Dick.”

“Mai tôi sẽ làm công việc điều tra thường nhật ở hai nhà hai bên số 19. Họ có thấy ai đến đấy hay không, vân vân... Có thể tôi sẽ đưa vào cả những ngôi nhà đằng sau số 19, có vườn liền kề với số 19. Tôi nghĩ không chừng số 61 gần như ở ngay sau số 19 đấy. Tôi có thể dẫn cậu theo, nếu cậu muốn.”

Vô cùng háo hức, tôi gút lại lời đề nghị ấy ngay: “Tôi sẽ là Trung sĩ Lamb của ông anh và sẽ ghi tấc ký.”

Chúng tôi đồng ý sáng hôm sau tôi sẽ đến đồn cảnh sát lúc chín giờ rưỡi. Sáng hôm sau tôi đến đúng giờ đã thỏa thuận và thấy ông bạn mình đang nổi cơn thịnh nộ.

Khi ông ấy cho gã nhân viên cấp dưới bất hạnh ra ngoài rồi, tôi mới tế nhị hỏi thăm chuyện gì đã xảy ra.

Trong chốc lát dường như Hardcastle không nói được nên lời. Sau đó ông ấy lắp ba lắp bắp: “Những chiếc đồng hồ chết tiệt!”

“Đồng hồ nữa sao? Chuyện gì xảy ra vậy?”

“Thiếu mất một chiếc.”

“Thiếu à? Cái nào thế?”

“Chiếc đồng hồ cỡ hành nhỏ, có chữ ‘Rosemary’ ở một góc ấy.”

Tôi huýt sáo.

“Có vẻ quái dị đây. Sao có thể xảy ra được chứ?”

“Lũ ngốc chết tiệt — tôi đúng là một thằng trong lũ ngốc ấy, tôi tưởng...” (Dick vốn là một người rất trung thực) “... người ta phải nhớ gạch ngang mọi chữ t, chứ và đặt dấu chấm trên mọi chữ i, bằng không mọi sự sẽ hỏng bét. À, những chiếc đồng hồ hôm qua vẫn ở đấy chả sao cả trong phòng khách. Tôi đã bảo cô Pebmarsh sờ chúng để xem có cảm thấy

quen thuộc hay không. Bà cô ấy đã không giúp được. Rồi họ đến để di dời cái xác.”

“Rồi sao?”

“Tôi đã ra cổng để giám sát, rồi trở vào nhà, nói với cô Pebmarsh đang ở trong bếp, bảo sẽ lấy mấy chiếc đồng hồ đi và sẽ cho bà một biên nhận.”

“Tôi nhớ rồi. Có nghe ông anh nói.”

“Sau đó tôi bảo với cô gái là cho xe đưa cô về nhà, rồi tôi nhờ cậu đưa cô ấy ra xe.”

“Phải.”

“Tôi đã đưa biên nhận cho cô Pebmarsh, mặc dù bà cô ấy bảo chớ cần vì những chiếc đồng hồ ấy chớ phải của bà. Rồi tôi ra gặp cậu. Tôi bảo Edwards rằng tôi muốn mấy chiếc đồng hồ được đóng gói cẩn thận mang về đây. Tất cả trừ chiếc đồng hồ cúc cu, và dĩ nhiên cả chiếc đồng hồ đứng nữa. Và đây là chỗ tôi mắc sai lầm. Đáng lẽ tôi phải nói một cách hoàn toàn xác định là bốn chiếc đồng hồ. Edwards nói anh ta đã đi vào ngay lập tức và làm như tôi bảo. Anh ta luôn khẳng định chỉ có ba chiếc đồng hồ ngoài hai chiếc cố định.

“Không có nhiều thời gian,” tôi nói, “nghĩa là...”

“Có thể cái bà cô Pebmarsh kia đã làm chuyện ấy. Có thể bà ta đã lấy chiếc đồng hồ sau khi tôi rời khỏi phòng và bà ta cầm nó đi thẳng vào nhà bếp.”

“Đúng rồi. Nhưng để làm gì?”

“Chúng ta có rất nhiều điều cần phải tìm hiểu. Phải chăng còn có ai khác? Có thể nào cô gái đã làm chuyện ấy không?”

Tôi trầm ngâm suy nghĩ. “Tôi không nghĩ thế. Tôi...” Tôi ngừng lại, sự nhớ ra một chuyện.

“Thế là cô ta đã làm rồi,” Hardcastle nói. “Tiếp tục đi! Lúc nào vậy?”

“Chúng tôi đang đi ra xe cảnh sát,” tôi nói với giọng không được vui, “thì cô ấy nói đã bỏ quên đôi găng tay. Tôi nói để tôi vào lấy cho thì cô ấy bảo, ‘Thôi, tôi biết chỗ đã để chúng. Không còn gì phải sợ khi vào phòng

nữa, vì cái xác đã được mang đi rồi.’ Sau đó cô ấy chạy trở vào. Nhưng chỉ đi chừng một phút thôi...”

“Cô ta có đeo găng hay cầm chúng trên tay khi gặp lại cậu hay không?”

Tôi ngần ngừ. “Có — có, tôi nghĩ là có.”

“Rõ ràng cô ta không có,” Hardcastle, “bằng không cậu đâu phải ngập ngừng.”

“Có lẽ cô ấy đã nhét vào túi xách rồi.”

“Vấn đề rắc rối là,” Hardcastle có vẻ muốn quy kết, “cậu mê tí cô ta rồi.”

“Đừng có nói vớ vẩn nhé,” tôi tự vệ một cách mạnh mẽ. “Tôi gặp cô ấy lần đầu tiên chiều hôm qua, không phải cái mà ông anh thường gọi là buổi ban đầu quen nhau lãng mạn đâu.”

“Điều ấy thì tôi không chắc lắm. Đâu phải ngày nào chàng trai trẻ cũng được thiếu nữ lao vào trong vòng tay mà kêu thét lên cầu cứu theo cái kiểu bằng lòng chấp thuận thời Nữ hoàng Victoria. Làm cho người đàn ông cảm thấy mình là một đấng anh hùng, một người bảo vệ ga-lăng. Chỉ có điều cậu phải thôi đi, đừng bảo vệ cô ta nữa, chỉ có thể thôi! Cho đến nay như cậu đã biết, cô gái ấy có thể ngập đến tận cổ trong vụ mưu sát này.”

“Có phải ông anh đang nói cô gái mảnh khảnh ấy đã đâm một nhát dao vào người đàn ông, giấu nó ở đâu đó quá kỹ đến nỗi các điều tra viên của ông chẳng đứa nào tìm thấy, sau đó cố tình hấp tấp ra khỏi nhà rồi diễn cái màn kêu thét cho tôi xem, đúng không?”

“Chắc cậu sẽ kinh ngạc khi biết những gì tôi từng trông thấy vào thời của tôi,” thanh tra nói về mập mờ.

“Chẳng lẽ ông anh không nhận thấy,” tôi phản nộ cật vấn, “đời tôi đầy rẫy các nữ điệp viên xinh đẹp đủ mọi quốc tịch? Tất cả các cô đều có số đo ba vòng thường làm cho một gián điệp người Mỹ quên bằng trong ngực áo của mình có một lọ rượu whisky lúa mạch đen nhỏ xíu. Tôi đã miễn nhiệm với mọi quyến rũ của phái nữ rồi.”

“Cuối cùng anh hùng không qua ải mỹ nhân,” Hardcastle nói. “Tùy thuộc vào tốp người hết thôi. Sheila Webb hình như là tốp người hợp với cậu đấy.”

“Dù sao đi nữa tôi cũng không hiểu nổi vì lẽ gì ông anh cứ chăm chăm buộc vụ này vào cô ấy?”

Hardcastle thở dài.

“Chẳng phải tôi đang cáo buộc cô ta, mà tôi phải bắt đầu từ một điều gì đấy. Cái xác được tìm thấy ở nhà Pebmarsh. Bà ta không tránh khỏi liên can. Cái xác được cô gái tên Webb tìm thấy — tôi không cần nói cậu cũng biết rất thường xuyên người đầu tiên tìm thấy một xác chết cũng chính là kẻ đã gặp hãn lần cuối cùng lúc còn sống. Cho đến khi có thêm những sự kiện khác xuất hiện, hai người ấy vẫn còn nằm trong vòng điều tra.”

“Khi tôi vào phòng ấy ngay sau ba giờ, người đàn ông đã chết ít nhất nửa giờ, có lẽ còn lâu hơn thế. Điều ấy thì sao hả?”

“Giờ ăn trưa của Sheila Webb từ 1 giờ 30 đến 2 giờ 30 đấy.”

Tôi bực tức nhìn ông. “Ông anh đã tìm thấy gì về Curry rồi?”

Hardcastle đáp với giọng cay đắng bất ngờ: “Chả có gì.”

“Ông anh nói chả có gì nghĩa là sao?”

“Là ông ấy không tồn tại — chả có người nào như thế cả.”

“Công ty Bảo hiểm Metropolis nói gì hả?”

“Họ cũng chả có gì để nói, vì chả có cái gì như thế. *Metropolis and Provincial Insurance* cũng không tồn tại. Còn chuyện ông Curry ở đường Denver thì chả có ông Curry nào cả. Chả có đường Denver. Chả có nhà số 7 hay bất cứ số nhà nào khác.”

“Thú vị thật,” tôi nói. “ông anh muốn nói hãn ta chỉ có mấy tấm danh thiếp bịp in một cái tên giả, một địa chỉ ma và công ty bảo hiểm ma?”

“Có lẽ vậy.”

“Theo ông anh thì hãn định bịp bợm kiểu gì?”

Thanh tra Hardcastle nhún vai.

“Ngay lúc này chỉ là phỏng đoán. Có lẽ hẳn đi thu phí bảo hiểm ma. Có lẽ đó là một cách để hẳn lọt vào các ngôi nhà rồi giờ trò. Có lẽ hẳn là một tên lừa đảo, một kẻ lạm dụng tín nhiệm, hoặc một gã chuyên cầm nhăm những món vật vãnh không ai để ý hay một thám tử tư. Chỉ là chúng ta không biết thôi.”

“Nhưng rồi ông anh sẽ tìm ra.”

“Sẽ tìm ra chứ. Cuối cùng chúng tôi sẽ rõ. Chúng tôi đã gửi đi dấu vân tay của hẳn để xem hẳn có bất cứ kiểu tiền án tiền sự nào hay không. Nếu có sẽ tiến được một bước dài, bằng không sẽ khá khó khăn đấy.”

“Một thám tử tư,” tôi trầm ngâm suy nghĩ. “Tôi thích như vậy hơn. Nó mở ra — những khả năng.”

“Những khả năng là tất cả những gì chúng ta có được cho đến nay.”

“Bao giờ mới mở cuộc điều tra chính thức?”

“Ngày kia. Đơn thuần chỉ là hình thức và thay đổi nơi tiến hành điều tra mà thôi.”

“Chứng cứ pháp y thì sao?”

“Bị đâm bằng một dụng cụ nhọn. Cái gì đấy như là một con dao thái rau trong nhà bếp.”

“Điều ấy phần nào loại trừ cô Pebmarsh, phải không?” tôi nói với vẻ nghĩ ngợi. “Một người đàn bà mù hầu như không thể nào đâm một người đàn ông. Bà ấy thực sự bị mù, tôi nói có đúng không?”

“Đúng đấy, bà ta bị mù. Chúng tôi đã kiểm tra. Và bà ta đã khai về bản thân đúng sự thật. Bà ta từng là giáo viên dạy toán trong một trường ở miền bắc — bị mất thị lực cách nay chừng mười sáu năm — bắt đầu đi học lại chữ nổi, vân vân... và cuối cùng có một chỗ làm trong Viện Aaronberg ở đây.”

“Bà ấy có thể bị bệnh tâm thần, đúng không?”

“Vì quá bận tâm về những chiếc đồng hồ và nhân viên bảo hiểm hay sao?”

“Tất cả thực Sự kỳ quái đến nỗi không biết phải nói sao đây.” Tôi không dừng được phải nói với đôi chút hăng hái. “Như Ariadne Oliver trong những giờ phút tồi tệ nhất của bà, hay Garry Gregson quá cố trên đỉnh cao sung mãn của ông ấy...”

“Cứ nói tiếp... cho thỏa thích đi! Cậu có phải là thanh tra đảm nhiệm vụ này đâu chứ. Cậu không phải làm hài lòng cấp trên hay cảnh sát trưởng và tất cả những người còn lại.”

“Ừ nhỉ! Không chừng chúng ta sẽ có được điều gì đó hữu ích từ láng giềng.”

“Tôi nghi ngờ điều ấy,” Hardcastle nói một cách chua chát. “Nếu người đàn ông ấy bị đâm trong vườn trước rồi hai người đàn ông đeo mặt nạ khiêng hắt vào nhà — chả có ai nhìn ra cửa sổ hoặc trông thấy bất cứ điều gì. Đây đâu phải là một cái làng, thật không may. Wilbraham Crescent là con đường giới thượng lưu cư trú. Lúc gần một giờ, những người đàn bà đến giúp việc hằng ngày có thể thấy gì đó thì đã về nhà cả rồi. Chẳng có ngay cả một xe điện lăn bánh trên đường...”

“Không có người đau yếu bệnh tật cao niên nào suốt ngày ngồi bên cửa sổ hay sao?”

“Đấy là điều chúng tôi mong muốn mà chẳng có được.”

“Còn hai nhà số 18 và 20 thì sao?”

“Số 18 là nhà của ông Waterhouse, trưởng quản thư ký tòa án của Gainsford và Swettenham, và luôn bị bà chị quản lý. Tất cả những gì tôi biết được về số 20 là người đàn bà sống ở đấy có nuôi chừng hai mươi con mèo. Tôi không thích mèo...”

Tôi bảo ông đời cảnh sát thật cực khổ, rồi chúng tôi lên đường.

Ông Waterhouse đang chần chừ do dự trên các bậc thềm nhà số 18, Wilbraham Crescent, quay lại nhìn bà chị với vẻ bồn chồn lo lắng.

“Chị chắc chắn mình sẽ không sao chứ?”

Cô Waterhouse khịt mũi, hơi tức giận.

“Tôi không hiểu cậu muốn nói gì, James.”

Ông Waterhouse có vẻ hối lỗi. Ông đã phải tỏ ra hối lỗi quá thường xuyên đến nỗi hầu như lúc nào vẻ hối lỗi ấy cũng hiện lên trên nét mặt.

“À, em chỉ muốn nói, cứ xem những gì đã xảy ra ở nhà kế bên hôm qua thì...”

Ông đã chuẩn bị sẵn sàng lên đường tới văn phòng của các cố vấn pháp luật, chỗ ông đang làm việc. Đó là một người đàn ông tóc hoa râm, ăn mặc chỉnh tề, vai hơi bị khòm và sắc mặt xám xịt chứ không hồng hào, tuy trông ông không có vẻ ốm đau bệnh hoạn một chút nào.

Cô Waterhouse cao lớn gầy gò, là kiểu phụ nữ bản thân không có chuyện gì bậy bạ vô lý cả, và không dung tha chuyện vô lý bậy bạ của kẻ khác.

“Có lý do nào không James, bởi hôm qua có ai đó bị mưu sát ở nhà bên cạnh, nên hôm nay chị sẽ bị giết chết hay sao?”

“À, chị Edith ơi,” ông em nói, “còn tùy thuộc rất nhiều vào kẻ nào đã gây án mạng, phải không?”

“Cậu thực sự nghĩ là có ai đó cứ đi lui đi tới trên đường Wilbraham Crescent để tuyển chọn một nạn nhân từ mọi căn nhà hay sao? Cậu James à, chuyện đó gần như là hồ đồ.”

“Hồ đồ sao?” ông Waterhouse nói với vẻ kinh ngạc.

“Tôi thích thấy có ai đến đây và tìm cách giết tôi chết,” bà chị nói một cách khí khái.

Ông em thầm nghĩ chuyện đó có vẻ không thể nào xảy ra. Nếu ông phải chọn lựa nạn nhân, ông sẽ không chọn bà chị mình. Nếu ai đó thử làm như vậy, nhiều khả năng là kẻ tấn công sẽ bị hạ gục bằng một thanh sắt nung hay cây chống cửa rồi bị giao nộp cho cảnh sát trong tình trạng đổ máu.

“Em chỉ muốn nói,” vẻ hối lỗi rõ nét hơn trên mặt ông, “là có... à... có những nhân vật rõ ràng không ai ưa ở đâu đó.”

“Chúng ta chưa biết gì nhiều về chuyện gì đã xảy ra,” cô Waterhouse nói. “Đủ thứ lời đồn đại đang lan truyền khắp nơi. Bà Head sáng nay đã kể một số chuyện dị thường.”

“Mong là thế, mong là thế.” Ông Waterhouse nói rồi nhìn đồng hồ đeo tay. Thực sự ông không thích nghe những câu chuyện do bà giúp việc lảm lời mang vào nhà. Chị ông không bao giờ chịu mất thì giờ để lật tẩy những chuyện khủng khiếp do trí tưởng tượng bay bổng, bà rất khoái nghe.

“Có người nói,” cô Waterhouse bảo, “rằng người đàn ông đó là thủ quỹ hay thành viên hội đồng quản trị của Viện Aaronberg; và có sai sót trong sổ sách kế toán nên ông ta đã tới nhà cô Pebmarsh để hỏi chuyện.”

“Và cô Pebmarsh đã giết chết ông ta hay sao?” Ông em tỏ vẻ vui thích một cách dè dặt. “Một người đàn bà mù sao? Chắc chắn là...”

“Lẹ làng luôn một sợi dây quanh cổ ông ta rồi siết cho ông ta nghẹt thở,” bà chị nói. “Ông ta đã mất cảnh giác, cậu hiểu không? Ai lại cảnh giác với người mù chứ? Chị cũng không tin,” bà nói thêm. “Chắc chắn cô Pebmarsh là người có cá tính rất tuyệt. Chị không đồng quan điểm với bà ấy về nhiều việc, nhưng không phải vì vậy mà chị đổ vấy một bản tính tội phạm nào đó cho bà. Đơn giản chị nghĩ những quan điểm của bà ta thật mù quáng cả tin và nông cuồng vô lý. Suy cho cùng còn có những chuyện khác ngoài giáo dục. Tất cả các trường cơ bản mới thành lập trông có vẻ đặc sắc này thực tế được xây bằng thủy tinh. Cậu có thể nghĩ người ta đã định trồng dưa chuột trong đó, hay là cà chua. Chắc chắn rất có hại cho trẻ em vào những tháng

hè. Chính bà Head đã cho chị biết con bé Susan nhà bà ấy không thích các phòng học mới của chúng. Nó không thể nào chăm chú theo dõi bài học vì tất cả những cửa sổ ấy khiến ta không thể nào không nhìn ra bên ngoài suốt cả buổi.”

“Trời ơi là trời!” ông em lại ngó đồng hồ. “À, à, em e rằng trễ quá mất rồi. Tạm biệt chị nhé! Chị bảo trọng nhé! Có lẽ tốt hơn hết cứ buộc dây xích vào cánh cửa nhỉ?”

Bà chị lại khịt mũi. Đóng cửa lại sau lưng ông em rồi và định rút lui lên lầu, chợt bà tạm dừng với vẻ đăm chiêu suy nghĩ, đi tới chỗ cái túi chơi golf, lôi ra một cái gậy rồi đặt nó ở một vị trí chiến lược gần cánh cửa. “Đó,” bà chị có vẻ thoả mãn đôi chút. Tất nhiên ông em James nói vớ vẩn. Tuy nhiên cũng phải luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng. Cái kiểu ngày nay người ta cho bệnh nhân tâm thần ra khỏi nhà thương điên, thúc giục họ trở về với cuộc sống bình thường, theo bà là quá nguy hiểm cho tất cả những người khác thuộc mọi tầng lớp.

Cô Waterhouse đang ở trong buồng ngủ thì bà Head hấp tấp lên lầu. Bà này nhỏ thó, tròn trịa y hệt một trái banh cao su — bà ta thích thú với mọi chuyện xảy ra.

“Có hai quý ông muốn gặp bà,” người giúp việc nói vẻ rất háo hức. “Ít nhất...” bà ta nói tiếp, “thiệt ra hẳn phải quý ông gì ráo — là cảnh sát đó.”

Bà đẩy tới trước một tấm thiệp. Cô Waterhouse cầm lấy.

“Thanh tra Hardcastle,” bà đọc. “Bà có dẫn họ vào phòng tiếp khách chưa?”

“Không, tui đưa mấy ổng vô phòng ăn. Tui đã dọn dẹp bàn ăn sáng rồi và tui nghĩ chỗ đó hợp hơn. Rốt cục họ chỉ là cảnh sát thôi mà.”

Cô Waterhouse không hoàn toàn nghe theo cái kiểu lý sự đó. Tuy vậy bà vẫn nói, “Tôi sẽ xuống dưới.”

“Tui mong là họ muốn hỏi bà về cô Pebmarsh. Muốn biết bà có để ý cái gì kỳ cục trong tính cách của bà hay không. Người ta nói mấy người tâm thần bị bắn loạn đôi khi lên cơn bất tử lắm và có rất ít biểu hiện báo trước. Nhưng thường có cái gì đó, kiểu nói nào đó, bà biết mà. Bà có thể nhận biết

qua ánh mắt của họ, người ta nói vậy đó. Nhưng lại không áp dụng được với một bà mù, đúng không? Hà...” bà ta lắc đầu.

Chủ nhà nện bước xuống cầu thang rồi đi vào phòng ăn với đôi chút hiếu kỳ thích thú giấu kín dưới cái dáng vẻ thách thức thường ngày.

“Thanh tra Hardcastle ạ?”

“Chào cô Waterhouse.” Hardcastle đã đứng dậy. Ông dắt theo một thanh niên cao ráo da sẫm màu mà bà chủ nhà chẳng thèm chào hỏi. Bà chẳng hề để ý đến tiếng nói chuyện thì thầm nghe không rõ của Trung sĩ Lamb.

“Tôi hy vọng mình đã không ghé thăm vào một giờ giấc quá sớm,” Hardcastle nói. “Tôi nghĩ cô đã biết là về việc gì rồi. Cô đã nghe nói về chuyện xảy ra ở nhà kế bên ngày hôm qua.”

“Án mạng xảy ra ở nhà hàng xóm kế bên, thế nào người ta cũng có để ý,” bà chủ nhà nói. “Thậm chí tôi đã phải đuổi đi một vài phóng viên tới đây hỏi tôi có quan sát thấy gì hay không.”

“Cô đã đuổi họ đi à?”

“Tất nhiên.”

“Cô hoàn toàn có lý,” thanh tra nói. “Dĩ nhiên họ thích luồn lách vào mọi nơi, nhưng tôi chắc chắn cô hoàn toàn có khả năng đối phó với bất cứ chuyện gì đại loại như thế.”

Cô Waterhouse cho phép mình thể hiện một phản ứng hơi thích thú với lời khen đó.

“Tôi hy vọng cô sẽ không phiền lòng vì chúng tôi hỏi cùng một thứ câu hỏi ấy,” Hardcastle nói, “nhưng nếu cô đã thấy bất cứ điều gì chúng tôi có thể quan tâm đến, tôi xin cam đoan chúng tôi sẽ vô cùng biết ơn. Cô đã ở đây trong nhà này lúc ấy, đúng không?”

“Tôi không rõ án mạng đã xảy ra vào lúc nào.”

“Chúng tôi nghĩ là trong khoảng từ một giờ rưỡi đến hai giờ rưỡi.”

“Khi đó tôi đang ở đây, vắng, chắc chắn như thế.”

“Còn em của cô?”

“Cậu ấy không về nhà ăn trưa. Đích xác ai đã bị giết? Hình như không nói tới trong bản tin ngắn trên nhật báo địa phương buổi sáng.”

“Chúng tôi chưa biết ông ta là ai,” Hardcastle đáp.

“Một người lạ mặt?”

“Dường như thế.”

“Ông muốn nói cũng là người lạ với cô Pebmarsh sao?”

“Cô Pebmarsh đoán chắc với chúng tôi chẳng hề mong đợi ông khách đặc biệt ấy, và cũng chẳng nghĩ ra ông ta là ai cả.”

“Bà ta không thể chắc chắn điều đó. Bà ta đâu có nhìn thấy.”

“Chúng tôi đã miêu tả thật kỹ với bà ấy.”

“Ông ta là hạng người nào vậy?”

Thanh tra rút từ trong phong bì ra một bức ảnh được rửa vội, rồi trao cho chủ nhà.

“Ông ta đây. Cô có nghĩ ra ông ta có thể là ai không?”

Cô Waterhouse nhìn bức ảnh. “Không. Không... Chắc chắn trước giờ tôi chưa hề gặp ông ta. Trời ơi! Trông ông ta hoàn toàn có vẻ là một người đáng kính.”

“Đây là một người trông khá đáng kính,” thanh tra nói. “Ông ấy trông như một luật sư hay doanh nhân kiểu nào đấy.”

“Đúng vậy đó. Bức ảnh này hoàn toàn không có gì là đau buồn cả. Trông ông ấy đúng là như đang say ngủ vậy.”

Thanh tra không cho bà cô ấy biết trong số nhiều tấm ảnh cảnh sát chụp cái xác, họ chọn dùng tấm này vì coi được nhất.

“Chết có thể là một việc bình yên,” ông nói. “Tôi không nghĩ người đàn ông này biết chuyện gì xảy ra với mình.”

“Cô Pebmarsh nói gì về tất cả những chuyện này?” cô Waterhouse gắng hỏi.

“Bà ấy vô cùng bối rối.”

“Thật kinh khủng,” cô Waterhouse bình phẩm.

“Nào, cô có thể giúp chúng tôi được không? Nhớ lại chuyện hôm qua đi, cô có nhìn ra cửa sổ chút nào không, hay ngẫu nhiên đang ở trong vườn vào lúc nào đó từ mười hai giờ rưỡi đến ba giờ?”

Cô Waterhouse trầm ngâm.

“Vâng, tôi đã ở trong vườn... Để tôi xem nào. Khi đó chắc là trước một giờ. Tôi từ ngoài vườn vào nhà khoảng một giờ kém mười, rửa tay rồi ngồi ăn trưa.”

“Cô có trông thấy cô Pebmarsh đi vào hay rời khỏi nhà hay không?”

“Tôi nghĩ bà ấy vào trong—tôi nghe có tiếng cánh cổng kêu cọt kẹt — vâng, lúc nào đó sau mười hai giờ rưỡi.”

“Cô không nói chuyện với bà ấy?”

“À không. Chỉ là tiếng cổng kêu cọt kẹt làm tôi ngược nhìn lên thôi. Đó là giờ bà ấy trở về nhà như thường lệ. Bà ấy thường kết thúc giờ đứng lớp vào lúc đó, tôi tin là thế. Bà ấy dạy cho trẻ em khuyết tật, có lẽ ông đã biết rồi.”

“Theo lời khai của cô Pebmarsh, thì bà ấy lại ra ngoài lúc khoảng chừng một giờ rưỡi. Cô có xác nhận như thế không?”

“À, tôi không thể nói với ông giờ giấc chính xác, nhưng mà — đúng rồi, tôi nhớ là bà ấy đã đi ngang qua cổng.”

“Xin lỗi cô Waterhouse, cô nói là ngang qua cổng à?”

“Chắc chắn như vậy. Tôi ở trong phòng khách. Phòng khách nhà tôi nhìn ra đường, trong khi phòng ăn nơi chúng ta đang ngồi bây giờ đây, như ông thấy đó, lại nhìn ra khu vườn đằng sau. Nhưng mà tôi đã đem cà phê vào phòng khách sau bữa ăn trưa và ngồi uống cà phê trên cái ghế gần cửa sổ. Tôi lúc đó đang đọc tờ *The Times*, và tôi nghĩ đúng lúc tôi lật sang trang thì để ý thấy cô Pebmarsh đang đi qua cổng trước. Có gì lạ thường không, ông thanh tra?”

“Chẳng lạ thường gì, không đâu, ” Hardcastle mỉm cười. “Chỉ có điều tôi được biết là cô Pebmarsh ra ngoài để mua ít hàng và đến bưu điện, và tôi

nghĩ rằng con đường ngắn nhất đến các cửa hàng và bưu điện phải đi ngược lại theo lối kia trên đường Crescent chứ.”

“Còn tùy ông đi tới những cửa hàng nào,” bà chủ nhà nói. “Tất nhiên theo lối đó các cửa hàng gần hơn và có một bưu điện trên đường Albany.”

“Nhưng có lẽ cô Pebmarsh vẫn thường đi ngang qua cổng nhà bà khoảng chừng giờ ấy?”

“À, thật tình tôi không rõ cô Pebmarsh thường ra ngoài vào giờ nào hay đi hướng nào. Thật tình tôi không theo dõi lối xóm đâu, ông thanh tra à. Tôi là người bận rộn và có quá nhiều việc riêng. Một số người mà tôi biết dành hết thời gian của họ nhìn qua cửa sổ và để ý ai đi ngang qua và ai ghé thăm nhà ai. Nói đúng hơn đó là thói quen của những người đau yếu bệnh tật hay những kẻ vô công rồi nghề, không biết làm gì hơn ngoài đoán già đoán non và ngồi lê đôi mách chuyện này chuyện nọ về nhà hàng xóm.”

Bà cô Waterhouse nói quá chua cay khiến ông thanh tra cảm thấy chắc chắn trong đầu bà đang nghĩ tới một người cụ thể nào đó. Ông hấp tấp nói: “Đúng thế đấy. Đúng thế đấy.” Ông nói thêm, “Bởi lẽ cô Pebmarsh đã đi ngang qua cổng trước nhà cô, có thể bà ấy đi gọi điện thoại, phải không? Đây là chỗ buồng điện thoại công cộng?”

“Vâng, nó đối diện với nhà số 15.”

“Câu hỏi quan trọng tôi phải hỏi cô, thưa cô Waterhouse, cô có trông thấy người đàn ông này đến hay không—người đàn ông bí ẩn, tôi e rằng nhật báo buổi sáng đã gọi như thế.”

Chủ nhà lắc đầu: “Không, tôi không thấy ông ta hay bất cứ người viếng thăm nào khác.”

“Cô đã làm gì từ một giờ rưỡi đến ba giờ?”

“Tôi dành chừng nửa giờ để giải ô chữ trên tờ *The Times*, hoặc chỉ được chãng hay chớ, sau đó tôi đi vô bếp, rửa chén đĩa của bữa ăn trưa. Để tôi xem nào. Tôi đã viết hai lá thư, ghi mấy tấm séc thanh toán các hóa đơn, sau đó tôi lên lầu, chọn ra một số đồ mình muốn đem đi hấp tấp. Tôi nghĩ chính từ trong buồng ngủ của mình tôi đã để ý thấy nhà kế bên có lục đục. Tôi nghe rõ mồn một ai đó kêu thét lên, vì vậy theo lẽ tự nhiên tôi đi ra cửa

số. Có một thanh niên và một cô gái ngoài cổng. Cậu ta hình như đang ôm cô ấy.”

Trung sĩ Lamb dịch chuyển hai bàn chân, nhưng cô Waterhouse này giờ không nhìn anh ta nên rõ ràng không hề có ý nghĩ anh ta chính là cậu thanh niên đang được đề cập đến.

“Tôi chỉ thấy phía sau ót cậu ấy thôi. Hình như cậu ta đang cãi nhau với cô gái. Cuối cùng cậu ta để cô ấy ngồi xuống, dựa vào cột cổng. Một hành động lạ thường. Rồi cậu rảo bước đi vào nhà.”

“Bà không trông thấy cô Pebmarsh trở về nhà trước đó ít lâu?”

Chủ nhà lắc đầu. “Không. Thật tình tôi không nghĩ mình đã nhìn ra cửa sổ cho tới khi nghe tiếng hét kỳ lạ đó. Tuy nhiên tôi chẳng chú ý nhiều đến tất cả chuyện này. Trai gái lúc nào cũng làm những chuyện kỳ cục — la hét, xô đẩy nhau, cười khúc khích hay gây ồn kiêu nào đó khiến tôi chẳng hề nghĩ có chuyện gì nghiêm trọng. Mãi tới khi mấy chiếc xe chở cảnh sát đậu lại tôi mới nhận ra là đã có chuyện gì đó không bình thường.”

“Cô làm gì lúc ấy?”

“À, lẽ tự nhiên là tôi ra khỏi nhà, đứng trên bậc thềm rồi đi vòng ra sau vườn. Tôi thắc mắc không biết chuyện gì đã xảy ra, nhưng hình như chẳng có gì nhiều để xem từ phía đó. Khi tôi lại trở ra đằng trước, một vài người đang tụ tập. Một số người nói cho tôi biết đã có án mạng trong nhà ấy. Đối với tôi có vẻ quá sức lạ thường. *Quá lạ thường!*” bà chủ nhà tỏ ra hết sức bất bình.

“Không còn điều gì khác cô có thể nghĩ đến hay sao? Có thể cho chúng tôi biết không?”

“Thật tình tôi e là không có.”

“Gần đây có ai viết thư cho cô gợi ý mua bảo hiểm không? Hoặc có ai đó ghé thăm cô hay đề nghị thăm viếng hay không?”

“Không. Không có chuyện gì kiểu thế. Cả cậu James và tôi đều đã nhận được các hợp đồng bảo hiểm với Hiệp hội Bảo hiểm Tương trợ rồi. Tất nhiên người ta vẫn luôn nhận được những lá thư thật ra là giấy báo gửi

khách hàng hay quảng cáo kiểu nào đó, nhưng gần đây tôi không nhớ có bất cứ thứ gì kiểu như thế.”

“Chẳng có bức thư nào ký tên ai đấy gọi là Curry hay sao?”

“Curry à? Không, chắc chắn không có.”

“Và cái tên Curry chẳng có ý nghĩa gì với cô hay sao?”

“Không. Nghĩa lý gì chứ?”

Hardcastle mỉm cười. “Không. Thật tình tôi cũng không cho là có ý nghĩa gì. Đấy chỉ là cái tên mà người bị sát hại tự xưng thôi.”

“Không phải là tên thật của ông ta sao?”

“Chúng tôi có một số lý do để nghĩ đấy chả phải là tên thật.”

“Một kẻ lừa đảo kiểu nào đó à?”

“Chúng tôi không thể nói thế cho đến khi có bằng chứng chứng minh như vậy.”

“Tất nhiên là không, tất nhiên rồi. Các ông phải cẩn thận. Tôi biết chứ,” cô Waterhouse nói. “Không như một số người ở quanh đây. Chuyện gì họ cũng nói được. Tôi không hiểu sao có những người không bị đưa ra tòa vì cái tội lúc nào cũng công khai phỉ báng người khác.”

“Tội vu khống,” trung sĩ Lamb sửa lại cho đúng, lần đầu tiên lên tiếng.

Bà cô Waterhouse ngó anh ta với đôi chút ngạc nhiên, như thể trước đó bà chẳng hề biết anh ta có tồn tại và chẳng khác gì hơn một phụ tùng cần thiết cho thanh tra Hardcastle.

“Tôi rất tiếc không giúp được gì cho ông, thật tình xin lỗi,” cô Waterhouse nói.

“Tôi cũng rất tiếc,” ông thanh tra nói. “Một người có trí thông minh và óc phán đoán với khả năng quan sát như cô lẽ ra đã là một nhân chứng rất hữu ích cần phải có.”

“Tôi ước chi mình thấy được điều gì đó,” trong phút chốc giọng bà chủ đầy nổi khao khát y như một cô gái trẻ.

“Còn ông em của bà, ông James Waterhouse thì sao?”

“Cậu James không biết gì đâu,” cô Waterhouse nói vẻ khinh miệt. “Không bao giờ. Và dù sao khi đó cậu ta cũng đang ở văn phòng *Gainsford* và *Swettenhams* trên con đường chính của thành phố. Ôi không đâu, cậu ta không thể giúp các ông. Như tôi đã nói, em trai tôi không về ăn trưa.”

“Ông ấy thường ăn trưa ở đâu?”

“Cậu ta thường dùng sandwich và cà phê ở quán Ba Long Vũ. Một ngôi nhà khá lớn và xinh xắn, chuyên cung cấp bữa trưa nhanh cho dân văn phòng.”

“Cảm ơn cô Waterhouse,” Hardcastle nói. “Chúng tôi không nên lưu lại thêm nữa.”

Ông đứng dậy, đi ra sảnh. Bà chủ nhà đi theo. Trung sĩ Lamb cầm lên cây gậy đánh golf gần cửa cái.

“Gậy đẹp. Đầu gậy nặng ghê.” Anh cầm gậy quơ lên quơ xuống. “Tôi thấy bà đã chuẩn bị đối phó với mọi tình huống có thể xảy ra.”

Cô Waterhouse hơi giật lùi.

“Thật tình tôi không hình dung ra tại sao cái gậy ấy lại ở đây.”

Bà giật nó từ tay Colin rồi bỏ trở vào túi chơi golf.

“Một cách cảnh giác rất khôn ngoan đấy,” thanh tra nhận xét.

Cô Waterhouse mở cửa đưa họ ra ngoài.

Colin Lamb thở dài: “À, chúng ta chẳng biết được gì nhiều từ bà cô này, mặc dù ông anh suốt buổi đã nịnh bợ bà ta rất khéo léo. Có phải đó là phương pháp bất biến của ông anh không vậy?”

“Thình thoảng cũng đạt kết quả tốt với người cùng một tốp của bà này. Những lời tâng bốc vẫn luôn hiệu quả với kiểu người khó tính ấy.”

“Bà ta cứ kêu rừ rừ thích thú như một con mèo sau cùng được người ta cho một đĩa kem vậy đó,” Colin nói. “Thật không may, chẳng tiết lộ được chuyện gì đáng chú ý cả.”

“Không ư?” Hardcastle nói.

Colin đưa mắt nhìn ông thật nhanh, “Ông anh nghĩ gì trong đầu vậy?”

“Một vấn đề rất nhỏ nhặt không đáng kể và có thể không quan trọng. Cô Pebmarsh đã ra ngoài đi bưu điện và các cửa hàng nhưng lại rẽ trái thay vì rẽ phải, và cuộc gọi điện thoại ấy, theo cô Martindale, đã nhận được vào khoảng chừng hai giờ kém mười.”

Colin tò mò ngó ông bạn.

“Ông anh vẫn nghĩ mặc dù bà ta chối, nhưng vẫn có thể đã gọi cú điện thoại đó hay sao? Bà ta đã rất quả quyết mà.”

“Đúng. Bà ấy đã rất quả quyết,” giọng Hardcastle hờ hững.

“Nhưng nếu đúng là bà ta đã làm, thì tại sao?”

“Ôi, toàn những câu hỏi *tại sao*,” Hardcastle nói vẻ nôn nóng. “Tại sao, tại sao lại thế? Tại sao lại toàn chuyện không đâu vào đâu thế này? Nếu cô Pebmarsh đã gọi điện, tại sao lại muốn cô gái ấy đến đây? Nếu là kẻ nào khác, tại sao lại muốn liên lụy đến cô Pebmarsh? Chúng ta vẫn chưa biết được bất cứ điều gì. Giá như cái bà Martindale kia từng quen biết cô Pebmarsh, hẳn bà ta đã rõ có phải là giọng nói của bà mù hay không, hoặc một mức độ nào đấy có hao hao giống giọng bà ta hay không. Hừ, chúng ta chả thu được gì nhiều từ nhà số 18. Để xem nhà số 20 có cho chúng ta điều gì khá hơn hay không.”

Ngoài số nhà ra, 20 Wilbraham Crescent còn có một cái tên. Nó được gọi là Diana Lodge. Cánh cổng có chướng ngại vật chống kẻ đột nhập bằng lưới kẽm gai đan thật dày ở mặt trong. Những bụi nguyệt quế thuộc giống hoa có đốm khá u sầu, cành lá cắt xén còn dở dang, cũng ngăn trở bất cứ kẻ nào cố chui qua cổng.

Colin Lamb nhận xét: “Nếu có ngôi nhà nào có thể tên là Nguyệt Quế thì đó chính là nhà này. Tại sao lại gọi là Diana Lodge chứ? Thật không hiểu nổi.”

Anh nhìn xung quanh để đánh giá. Diana Lodge chưa đạt tới sự đơn sơ trang nhã, cũng chẳng có thảm hoa. Các bụi cây um tùm mọc tràn lan là đặc điểm nổi bật nhất của nó cùng với mùi nước đá mè nong nặc. Ngôi nhà dường như đang trong tình trạng sắp sửa đổ sập với những mảng xối vẫn còn sửa chữa được. Dấu hiệu duy nhất biểu hiện bất cứ kiểu quan tâm chú ý nào đối với ngôi nhà dạo gần đây là cánh cửa trước mới được sơn màu xanh da trời tươi sáng, khiến càng dễ nhận thấy vẻ ngoài nói chung là nhếch nhác của phần còn lại của ngôi nhà và khu vườn hơn. Không có chuông điện, chỉ thấy một thứ tay nắm rõ ràng là để kéo. Ông thanh tra kéo nó và từ trong nhà nghe có tiếng chói tai yếu ớt như từ xa xăm mơ hồ vọng lại.

Colin nói: “Có vẻ giống như trang trại có hào bao quanh.”

Họ đợi một lát, rồi nghe thấy những âm thanh từ bên trong. Những âm thanh khá kỳ lạ. Một kiểu cao giọng ngâm nga, nửa hát nửa nói.

“Cái quý quái gì...” Hardcastle bắt đầu lên tiếng.

Ca sĩ hay ngâm sĩ gì đó hình như đang tới gần cửa trước, và lời nói bắt đầu nghe được rõ ràng.

“Không, cứng cứng ời. Trong đấy, bồ tèo à. Mindems tailems Shah-Shah-Mimi. Cleo-Cleopatra.”

Nghe có tiếng những cánh cửa đóng lại. Cuối cùng cửa trước mở ra. Đối mặt với họ là một quý bà mặc váy áo rộng bằng nhung màu xanh rêu nhạt đã hơi sờn. Những lọn tóc vàng hoe hoa râm quăn tít theo một kiểu tóc thịnh hành ba mươi năm về trước. Quanh cổ bà ta đang quấn một vòng lông thú vàng cam. Thanh tra Hardcastle hỏi, có vẻ chưa chắc chắn.

“Bà Hemming phải không ạ?”

“Tôi là bà Hemming đây. Ngoan nào, Tia Năng, chặc chặc ngoan.”

Đến lúc đó ông thanh tra mới nhận ra cái vòng lông thú vàng cam thật ra là một con mèo. Không phải là con mèo duy nhất. Ba con mèo khác xuất hiện trong sảnh, hai con đang kêu meo meo. Chúng vào chỗ của mình, vừa ngó lom lom hai ông khách vừa dụi dàng quăn quanh váy bà chủ của chúng. Cùng lúc đó mùi mèo hôi hám đang lan tỏa khắp nơi cứ làm tình làm tội lỗ mũi của cả hai người đàn ông.

“Tôi là Thanh tra Hardcastle.”

“Tôi hy vọng các ông đến về việc người đàn ông kinh khiếp từ tổ chức Ngăn chặn hành hạ súc vật ấy đã đến gặp tôi,” bà Hemming nói. “Nhục nhã! Tôi đã viết báo cáo cho ông ta. Bảo rằng những con mèo của tôi được nuôi dưỡng trong một điều kiện có hại cho sức khỏe và phúc lợi của chúng. Nhục nhã quá! Tôi sống vì mấy con mèo của mình, ông thanh tra ạ. Chúng là niềm vui và lạc thú duy nhất trong đời tôi. Mọi việc đều được làm vì chúng cả. Shah-Shah-Mimi! Không được lên đó đâu, cứng à!”

Shah-Shah-Mimi chẳng để ý gì đến một bàn tay đang níu nó lại, cứ nhảy phốc lên cái bàn trong sảnh. Nó ngồi xuống, vừa rửa mặt vừa nhìn chăm chăm những người lạ.

“Vào đi,” bà Hemming bảo. “Ồ không, không phải phòng ấy. Tôi quên mất.”

Bà đẩy để mở một cánh cửa bên trái. Không khí ở đây thậm chí còn nặng mùi hơn.

“Nào, các con xinh xắn của ta! Nào!”

Trong phòng nhiều bàn chải và lược dính lông mèo khác nhau nằm la liệt khắp trên ghế trên bàn. Có những tấm đệm dính đất bạc màu, và có ít nhất sáu con mèo nữa.

“Tôi Sống vì bầy mèo yêu quý của mình,” bà Hemming nói. “Chúng hiểu được từng lời tôi nói với chúng.”

Thanh tra Hardcastle hùng dũng bước vào. Thật không may ông là một trong số những người mắc chứng dị ứng với loài mèo. Như vẫn thường xảy ra trong những dịp như thế này, cả lũ mèo lập tức tiến tới chỗ ông ta. Một con nhảy lên đầu gối, một con khác thân mật cạ vào ống quần dài. Vốn là người rất can trường, ông thanh tra chỉ bặm môi chịu đựng.

“Tôi không biết có thể hỏi bà vài câu, thưa bà Hemming, về...”

“Về bất cứ điều gì ông muốn ạ,” chủ nhà ngắt ngang. “Tôi không có gì để giấu giếm. Tôi có thể trình ông xem thức ăn cho mèo, giường chúng ngủ, năm cái trong buồng tôi, còn bảy cái khác ở ngay đây. Chúng chỉ ăn món cá ngon tuyệt do tự tay tôi nấu.”

“Việc này chẳng liên quan gì tới mèo,” thanh tra cất cao giọng nói. “Tôi đến để trò chuyện với bà về sự việc không may xảy ra ở nhà kế bên. Có lẽ bà đã nghe nói về chuyện ấy.”

“Nhà kế bên à? Ý ông muốn nói mấy con chó của ông Joshua hở?”

“Không, không phải thế. Tôi muốn nói ở nhà số 19 có một người đàn ông được tìm thấy bị giết chết ngày hôm qua.”

“Thật vậy sao?” bà ta Hemming chỉ quan tâm vì phép lịch sự không hơn không kém, vẫn lơ đãng dõi mắt nhìn theo lũ thú cưng của mình.

“Xin được hỏi bà, chiều hôm qua bà có ở nhà hay không? Nói cho rõ hơn, từ một giờ rưỡi đến ba giờ rưỡi?”

“À vâng, có. Tôi thường đi mua hàng rất sớm trong ngày rồi trở về để có thể nấu bữa trưa cho bầy mèo yêu quý, sau đó gỡ rối và chải lông cho

chúng.”

“Bà không lưu ý đến bất cứ hoạt động nào ở nhà kế bên? Những xe cảnh sát — xe cứu thương — bất cứ chuyện gì?”

“À, tôi e rằng mình đã không nhìn ra các cửa sổ đằng trước. Tôi đã đi ra sau nhà, vào trong vườn vì con Arabella thân yêu đi đâu mất. Nó là một con mèo cái còn rất nhỏ, nó đã leo lên cây và tôi e rằng có lẽ nó không trèo xuống được. Tôi đã cố dụ nó bằng một đĩa cá nhỏ nhưng nó quá khiếp sợ, tội nghiệp con nhỏ quá. Sau cùng tôi đành bỏ cuộc và trở vào trong nhà. Và ông có tin không, ngay khi tôi vừa bước qua ngưỡng cửa, nó liền trèo xuống và theo tôi vào.” Bà hết ngó người này rồi nhìn sang người nọ như thể thử xem mức độ tin tưởng của họ thế nào.

“Quả thật tôi tin chuyện đó,” Colin không thể giữ im lặng nữa.

“Xin lỗi ông nói gì ạ?” bà Hemming nhìn anh, khẽ giật mình.

“Tôi rất gắn bó với mèo,” Colin nói, “và tôi đã làm một cuộc nghiên cứu về bản tính của loài mèo. Điều bà nói với tôi minh họa hoàn hảo kiểu mẫu cư xử của loài mèo và các quy tắc mà chúng tự đặt ra cho chúng. Cũng theo cùng cách đó cả bầy mèo của bà đang tụ tập quanh bạn tôi là người thật tình không quan tâm đến mèo, chúng lại chẳng hề chú ý đến tôi mặc dù tôi nịnh nọt lấy lòng chúng.”

Tuy bà Hemming chột nẩy ra ý nghĩ là những gì Colin đang nói hầu như không thích hợp với vai trò một trung sĩ cảnh sát, nhưng bà chẳng hề biểu lộ điều ấy trên nét mặt. Bà chỉ lẩm bẫm mơ hồ: “Lúc nào chúng cũng hiểu biết, bầy mèo thân yêu ấy, phải không?”

Một chú mèo xám Ba Tư rất đẹp đặt hai chân trước lên đầu gối ông thanh tra, nhìn ông say mê thích thú, và bấu mạnh móng vuốt vào với những động tác xoa bóp như thể ông thanh tra là một cái gối nhỏ để cảm kim gút. Ngoài sức chịu đựng của mình, ông thanh tra đứng phắt dậy.

“Thưa bà, tôi có thể đi xem vườn sau nhà bà không ạ?”

Colin toét miệng cười nhẹ.

“Ô, tất nhiên, tất nhiên. Bất cứ điều gì ông muốn ạ,” bà Hemming đứng lên.

Con mèo vàng cam tự tháo vòng quấn ra khỏi cổ bà ta. Một cách lơ đãng bà đặt nó lại với con mèo xám Ba Tư. Bà dẫn đường ra khỏi gian phòng. Hardcastle và Colin đi theo.

“Chúng ta từng gặp nhau rồi,” Colin nói với con mèo vàng cam. Rồi anh nói tiếp, với chú mèo xám Ba Tư khác ngồi trên bàn cạnh chiếc đèn Trung Quốc, đang quất nhẹ đuôi, “Còn *mày* là một con mèo tuyệt đẹp.” Colin vuốt ve nó, mơn trớn đằng sau lỗ tai và chú mèo xám hạ cổ ban cho anh những tiếng gừ gừ.

“Xin vui lòng khép cửa lại khi ra ngoài, ông... ơ... ơ...” bà Hemming nói từ sảnh. “Hôm nay có gió rét buốt nên tôi không muốn bày mèo bị cảm lạnh. Ngoài ra còn có mấy thằng bé kính khủng kia nữa — thực sự không an toàn nếu để cho bày mèo thân yêu một mình lang thang khắp vườn.”

Bà bước về phía vách sau của sảnh và mở một cánh cửa bên hông.

“Mấy thằng bé kính khủng nào thế?” Hardcastle hỏi.

“Hai thằng con của bà Ramsay. Gia đình họ sống ở phía nam con đường đang làm. Hai khu vườn của chúng tôi ít nhiều tựa lưng vào nhau. Hai thằng ranh con du côn, chúng là vậy đó. Chúng có cái ná dây thun, ông biết đó. Tôi đã khăng khăng đòi tịch thu cái ná, nhưng vẫn còn nghi ngờ. Chúng làm những chỗ mai phục rồi ẩn nấp. Mùa hè chúng thường ném những trái táo.”

“Quậy phá,” Colin nói.

Khu vườn sau nhà giống như đằng trước, chỉ có điều còn tẻ hơn nữa. Cỏ mọc um tùm, những bụi cây rậm rạp không được xén tỉa, giống hoa nguyệt quế có đốm còn nhiều hơn nữa, và những cây bách trái to khá thô lương ảm đạm. Theo ý kiến của Colin thì cả anh lẫn Hardcastle đều lãng phí thời gian. Những cây nguyệt quế, bụi rậm và cây cao tạo thành một rào chắn kiên cố, qua đó chẳng thấy được gì trong khu vườn nhà cô Pebmarsh. Diana Lodge có thể được mô tả là một ngôi nhà hoàn toàn biệt lập. Theo quan điểm của những người cư ngụ trong đó thì có lẽ họ chẳng hề có hàng xóm láng giềng gì cả.

“Ông nói nhà số 19 sao?” bà chủ nhà tạm dừng bước ngay giữa vườn, có vẻ phân vân do dự. “Tôi tưởng chỉ có một người sống trong nhà đó, một người đàn bà mù chứ.”

“Người bị giết không ở trong nhà ấy,” thanh tra nói.

“À, tôi hiểu,” bà Hemming vẫn cứ mơ mơ hồ hồ, “ông ấy đến để bị giết chết. Quái đản quá!”

‘Đúng là một miêu tả cực hay,’ Colin tự nhủ, vẻ trầm tư.

Họ lái xe dọc theo Wilbraham Crescent, quẹo phải ngược đường Albany rồi lại quẹo phải dọc theo đoạn đường Wilbraham Crescent thứ nhì.

“Thực sự đơn giản,” Hardcastle nói.

“Một khi ta đã biết rồi,” Colin nói.

“Số 61 thực sự ở sau lưng nhà bà Hemming — nhưng một góc của nó lại tiếp giáp với số 19, nên cũng tốt thôi. Sẽ cho cậu một dịp may được thấy ông Bland của cậu. Chẳng có tài trợ nước ngoài đâu, nhân tiện tôi cho cậu biết luôn.”

“Một giả thuyết hay ho được thực hành thế đó.”

Chiếc xe đậu lại, và hai người đàn ông xuống xe.

“Chà, chà,” Colin nói. “Khu vườn đằng trước đẹp thật.”

Đó quả thật là một kiểu mẫu nhà ngoại ô hoàn hảo thu nhỏ. Có những thảm hoa phong lữ, ngoài rìa là cúc Lobeli. Những đóa thu hải đường trông mập mạp to lớn và có những vật trang trí cho khu vườn rất đẹp: ếch, nấm độc, người lùn và tiên trông rất khôi hài.

“Tôi chắc chắn ông Bland là người tử tế đáng kính trọng,” Colin rùng mình nói. “Nếu không phải là người như thế hẳn ông ta không nghĩ ra được những ý tưởng kinh khiếp này.” Anh nói thêm trong lúc thanh tra bấm chuông, “Ông anh có nghĩ ông ta ở nhà vào giờ này của buổi sáng hay không?”

“Tôi đã gọi điện thoại trước,” Hardcastle giải thích. “Cứ hỏi han ông ấy, nếu thuận tiện!”

Ngay lúc đó một chiếc xe tải du lịch nhỏ sang trọng đậu lại rồi rẽ vào gara, hiển nhiên đó là chi tiết cuối cùng thêm vào cho ngôi nhà. Ông Josiah Bland xuống xe, đóng sập cửa rồi tiến về phía họ. Đó là một người đàn ông tầm thước với cái đầu hói và cặp mắt hơi nhỏ màu xanh lơ. Ông ta tiếp đón khách thật vồn vã: “Thanh tra Hardcastle ạ? Xin vào ngay cho!”

Chủ nhà dẫn đường vào phòng khách. Phòng khách có rất nhiều thứ cho thấy sự giàu có. Những chiếc đèn đất tiền trang trí khá công phu, bàn giấy Empire, một bộ đồ trang trí bệ lò sưởi bằng đồng giả vàng sáng loáng, tủ nhỏ nhiều ngăn bằng gỗ có khảm và một chậu kiếng đầy hoa nơi khung cửa sổ. Những cái ghế kiểu dáng tân thời, bọc nệm lộng lẫy.

“Mời ngồi,” ông Bland niềm nở nói. “Hút thuốc nhé? Hay các ông không được hút khi đang làm nhiệm vụ?”

“Không, cảm ơn,” thanh tra đáp.

“Cũng không uống rượu, phải không ạ? À phải rồi, sẽ tốt hơn cho cả hai chúng ta, tôi xin mạn phép nói như thế. Tất cả chuyện này liên quan đến việc gì ạ? Vụ việc ở nhà số 19, đúng không? Góc vườn hai nhà liền kề nhau, nhưng thật ra chúng tôi chẳng thấy bên ấy được bao nhiêu trừ khi nhìn từ các cửa sổ tầng trên. Toàn bộ vụ này có vẻ dị thường — hay ít ra theo những gì tôi đọc trên báo sáng nay. Tôi thật vui thích khi nhận được lời nhắn của ông. Một dịp để được biết thêm đôi điều đã được ghi nhận là có thật, ông chả biết những lời đồn đại đang bay đi khắp chốn đâu nhé! Khiến bà nhà tôi đâm ra hoảng sợ quá chừng — cảm giác có một sát thủ đang mặc sức hoành hành, ông biết đấy. Rắc rối ở chỗ ngày nay người ta cứ thả cả đám dờ hơi ấy ra khỏi nhà thương điên. Đưa chúng về nhà theo lời hứa danh dự hoặc gọi là cái gì đấy cũng thế. Sau đó chúng làm thịt người nào khác, và người ta lại tổng cổ chúng trở vào viện. Và như tôi nói đấy, có những lời đồn thổi! Ý tôi là giá như ông từng nghe cái bà giúp việc nhà hằng ngày và thằng bé giao sữa và giao báo của chúng tôi nói gì, hẳn ông sẽ ngạc nhiên. Bà này nói ông ta bị siết cổ bằng sợi dây treo khung ảnh, còn thằng kia lại bảo là bị đâm. Một kẻ khác cho là bị đánh bằng dùi cui. Dù

sao thì nạn nhân là nam giới, phải không? Tôi muốn nói không phải bà gái già đã làm chứ? Một người đàn ông chưa rõ là ai, báo nói thế đấy.”

Cuối cùng ông Bland cũng ngừng lời.

Thanh tra mỉm cười, nói với giọng không đồng tình: “À, nói về chuyện chưa biết là ai, ông ta có một danh thiếp và một địa chỉ đấy.”

“Thế thì cũng có quá nhiều điều nhỉ,” chủ nhà nói. “Nhưng ông biết người ta làm gì mà. Tôi chẳng rõ ai đã nghĩ ra toàn bộ chuyện này.”

“Trong lúc ta đang bàn về nạn nhân,” Hardcastle bảo, “có lẽ xin ông xem qua cái này!”

Một lần nữa ông thanh tra lại lấy ra bức ảnh cảnh sát chụp.

“Đây là ông ta sao?” Bland hỏi. “Trông như một thằng cha hoàn toàn bình thường, phải không? Bình thường như ông và tôi. Không biết có nên hỏi ông ấy vì lý do gì mà bị sát hại hay không.”

“Hôm nay vẫn còn quá sớm, chưa thể bàn chuyện ấy đâu,” thanh tra nói. “Điều tôi muốn biết, ông Bland à, trước giờ ông có gặp người đàn ông này hay chưa.”

Chủ nhà lắc đầu. “Chắc chắn là chưa. Tôi nhớ mặt người rất giỏi.”

“Ông ta không có ghé nhà ông vì bất kỳ mục đích đặc biệt nào — bán bảo hiểm, máy hút bụi, máy giặt hay bất cứ cái gì đại loại như thế?”

“Không, không. Chắc chắn là không.”

“Có lẽ chúng ta cần phải hỏi bà nhà,” Hardcastle nói. “Rốt cuộc nếu ông ta có ghé nhà thì chính bà ấy là người ông ta gặp mặt.”

“Vâng, hoàn toàn đúng. Thế nhưng, tôi không biết... Valerie sức khỏe không được tốt lắm, ông biết đấy. Tôi không muốn làm bà nhà tôi lo sợ. Ý tôi muốn nói, à, tôi cho đó là bức ảnh của ông ấy khi đã chết, đúng không?”

“Đúng thế, nhưng dấu sao đấy không phải một bức ảnh đau đớn.”

“Đúng vậy. Ảnh chụp tốt lắm. Thằng cha ấy chừng như đang ngủ, thực vậy.”

“Mình đang nói về em hả Josaiiah?”

Cánh cửa liền kề phòng bên được đẩy ra và một phụ nữ trung niên bước vào. Thanh tra đoán chắc này giờ ở bên kia cánh cửa bà ta đã hết sức chú ý lắng nghe.

“A, mình đến rồi. Anh tưởng mình đang chợp mắt ngủ buổi sáng chứ. Đây là bà nhà tôi, Thanh tra Hardcastle ạ.”

“Án mạng khủng khiếp đó,” bà Bland lẩm bẩm. “Thật sự làm tôi rùng mình khi nghĩ tới.” Bà ngồi xuống ghế sofa với một tiếng thở dài đứt quãng.

“Mình để chân lên ghế đi!” chồng bà bảo.

Bà Bland vâng lời. Đó là một người đàn bà tóc vàng hung, giọng rên rỉ yếu ớt. Trông bà có vẻ thiếu máu, và có dáng vẻ của một người đau yếu bệnh tật chấp nhận tình trạng sức khỏe kém của mình với phần nào vui thú. Trong chốc lát bà ta gọi cho thanh tra nhớ tới một người nào đó. Ông cố nghĩ xem là ai, nhưng chẳng tài nào nhớ ra. Cái giọng khá nãy nùng yếu đuối đó lại tiếp tục.

“Sức khỏe của tôi không được tốt lắm, thanh tra Hardcastle ạ, vì vậy tất nhiên ông nhà tôi cố tránh cho tôi bị sốc và lo lắng. Tôi rất nhạy cảm. Ông đã nói về một bức ảnh, tôi nghĩ thế, của người — của người chết. Ôi trời ôi, nghe sao mà khủng khiếp quá! Không biết nhìn thấy rồi tôi có chịu nổi không nữa!”

‘Thực sự chết vì xem à,’ thanh tra nghĩ thầm. Với giọng có phần ác ý ông nói: “Có lẽ tôi không nên yêu cầu bà xem ảnh, bà Bland à. Chỉ là tôi tưởng bà có thể giúp chúng tôi trong trường hợp người đàn ông đó có ghé nhà này lúc nào đấy.”

“Tôi phải làm bốn phận của mình, phải không?” Bà chủ nhà nói với một nụ cười can đảm dịu dàng. Bà chìa tay ra.

“Mình muốn làm cho mình lo sợ hay sao, Val?”

“Đừng có ngốc nữa, Josiah! Tất nhiên em phải xem thôi.”

Bà ngó bức ảnh rất chăm chú và có phần nào thất vọng, hoặc thanh tra đã nghĩ như vậy.

“Ông ta có vẻ — thật tình hoàn toàn không có vẻ gì là đã chết. Như thế không phải bị giết. Liệu — có phải ông ta đã bị làm cho nghẹt thở?”

“Ông ấy bị đâm,” Hardcastle đáp.

Bà Bland nhắm mắt lại và rùng mình. “Ôi trời ôi, kinh quá!”

“Bà không có cảm giác từng gặp ông ta sao?”

“Không,” bà Bland rõ ràng có vẻ miễn cưỡng. “Không, không, tôi e là không. Có phải ông ta là hạng người—người hay ghé vào nhà này nhà nọ để bán đồ không?”

“Dường như ông ấy từng là nhân viên bảo hiểm,” Hardcastle nói một cách dè dặt.

“À, tôi hiểu. Không, không hề có ai giống như vậy cả, chắc chắn. Mình không nhớ là em có bao giờ đề cập với mình chuyện gì giống như vậy, phải không Josaiiah?”

“Anh chả nhớ,” ông Bland đáp.

“Ông ta có phải là bà con họ hàng của cô Pebmarsh không?” bà Bland hỏi thanh tra.

“Không, ông ấy hoàn toàn xa lạ với bà ta.”

“Quái dị nhỉ,” bà Bland nhận xét.

“Bà có quen biết cô Pebmarsh không?”

“À, có chứ. Tôi muốn nói là láng giềng quen biết nhau, tất nhiên rồi. Bà ta thỉnh thoảng nhờ ông nhà tôi khuyên bảo về vườn tược.”

Thanh tra quay sang người chồng: “Ông là một nhà làm vườn rất sắc sảo, tôi nghe nói thế.”

“Thật sự không phải, không phải đâu.” ông Bland tỏ ra không tán thành. “Không có thời gian, ông biết đấy. Dĩ nhiên tôi biết cơ bản phải làm gì. Nhưng có một ông bạn rất xuất sắc mỗi tuần đến hai lần để làm cỏ, giữ cho khu vườn thật sạch sẽ gọn gàng. Có thể nói quanh đây ông không tìm ra khu vườn nào hơn vườn nhà chúng tôi. Nhưng tôi chẳng phải là một trong số những người làm vườn thực thụ ấy như ông láng giềng của tôi.”

“Ông Ramsay sao?” Hardcastle nói có vẻ ngạc nhiên.

“Không, không, xa hơn thế nữa. Nhà 63. Ông McNaughton. Ông ấy sống chỉ vì khu vườn của mình. Ở trong đấy suốt cả ngày, mê say pha trộn phân bón. Quả thật ông ấy là người hay nói về đề tài phân trộn khiến người ta phát chán — nhưng tôi không cho rằng đấy là điều ông muốn bàn.”

“Không hẳn,” thanh tra nói. “Tôi chỉ thắc mắc liệu có người nào — ông hay bà nhà — hôm qua có ra ngoài vườn không. Rốt cuộc, như ông nói, quả thật vườn nhà ông có tiếp giáp với nhà số 19 và hôm qua có khả năng ông bà có thể nhìn thấy điều gì thú vị hay nghe thấy chuyện gì, có lẽ thế.”

“Đúng giữa trưa, phải không? Tôi muốn hỏi, mấy giờ xảy ra án mạng?”

“Thời gian là trong khoảng từ một giờ đến ba giờ.”

Bland lắc đầu. “Lúc ấy tôi chẳng thấy gì đâu. Tôi đã ở đây. Valerie cũng thế, nhưng chúng tôi đang ăn trưa, ông biết đấy, và phòng ăn của chúng tôi nhìn ra đường. Chúng tôi không thấy được bất cứ điều gì diễn ra trong vườn.”

“Ông bà thường dùng bữa trưa lúc mấy giờ?”

“Một giờ hay cỡ ấy. Đôi khi là một giờ rưỡi.”

“Sau đó ông bà hoàn toàn không có ra vườn sao?” Bland lắc đầu.

“Thực tế là bà nhà tôi vẫn luôn lên lầu để nghỉ ngơi sau bữa trưa và nếu không có gì quá bận rộn, tôi thường chợp mắt một chút trên cái ghế ở đằng kia kia. Chắc tôi đã rời khỏi nhà khoảng chừng—à, chắc là ba giờ kém mười lăm, nhưng thật không may tôi hoàn toàn không ra vườn sau.”

“À há,” Hardcastle thở dài, “chúng tôi phải hỏi tất cả mọi người.”

“Dĩ nhiên, dĩ nhiên rồi. Ước gì tôi có thể giúp ích nhiều hơn!”

“Chỗ của ông tuyệt đẹp,” thanh tra nhận xét. “Chả còn tiền đâu nữa mà dành dụm, tôi xin phép nói như thế!”

Bland cười vui vẻ. “À, chúng tôi thích những thứ tuyệt đẹp. Bà nhà tôi có thị hiếu thẩm mỹ rất đa dạng. Chúng tôi có được một ít lộc giới cho cách đây một năm. Bà nhà tôi nhận tiền thừa kế từ một ông chú. Bà ấy không gặp ông ta đã hai mươi năm năm rồi. Thật quá đổi ngạc nhiên! Điều ấy khiến cuộc sống của chúng tôi đổi khác một chút, tôi có thể nói với ông

như thế. Chúng tôi đã có thể tự lo liệu rất tốt, và đang nghĩ đến chuyện du ngoạn một chuyến bằng tàu thủy cuối năm nay. Có thể học hỏi rất nhiều điều, tôi tin như thế. Hy Lạp và chỉ thế thôi. Rất nhiều giáo sư diễn giảng trên tàu. À, lẽ dĩ nhiên tôi vốn là người tự lập ít học hành và chẳng có nhiều thì giờ cho một chuyện kiểu đó, nhưng tôi sẽ quan tâm học hỏi. Thằng cha đã đến bới tung thành Troy ấy, hẳn ta là một gã bán tạp hóa, tôi tin thế. Rất giống trong tiểu thuyết. Phải nói rằng tôi thích đi đến những vùng đất ở nước ngoài — chứ chẳng phải là từng đi nhiều nơi rồi — một chuyến đi nhân dịp nghỉ cuối tuần đến thành phố Taree vui nhộn, chỉ thế thôi. Tôi từng nói đùa mình định bán hết ở đây rồi đến sinh sống ở Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha, thậm chí đến tận West Indies nữa. Rất nhiều người đang làm vậy. Khỏi phải đóng thuế lợi tức hay gì hết. Nhưng bà nhà tôi chẳng ưa cái ý tưởng ấy.”

“Tôi rất thích du lịch, nhưng không muốn sống ở ngoài nước Anh,” bà Bland nói. “Bạn bè của chúng tôi đều ở đây — chị tôi cũng sống ở đây, và mọi người đều biết chúng tôi. Nếu đi ra nước ngoài chúng tôi sẽ là những người xa lạ. Và ở đây chúng tôi còn có một bác sĩ giỏi, ông ấy thật sự hiểu rõ tình trạng sức khỏe của tôi. Tôi không thích bác sĩ nước ngoài. Tôi sẽ không tin đâu.”

“Cái đó còn để xem,” ông Bland có vẻ phẫn khởi. “Chúng ta sẽ đi du lịch bằng tàu thủy, và có khi mình sẽ đâm ra yêu mến một hòn đảo Hy Lạp.”

Bà vợ có vẻ như đang nghĩ chuyện ấy hoàn toàn không thể xảy ra.

“Chắc cũng phải có một bác sĩ người Anh khả dĩ ở trên tàu chứ, tôi nghĩ vậy,” bà nói với vẻ hoài nghi.

“Chắc chắn rồi,” chồng bà nói.

Ông ta tiến khách ra cửa trước, nhắc lại một lần nữa lời xin lỗi vì không thể giúp gì được họ.

Hardcastle hỏi bạn: “Thế nào... cậu nghĩ gì về ông ấy?”

“Tôi không muốn để ông ta xây nhà cho mình,” Colin đáp. “Một nhà thầu tép riu gian dối không phải là đối tượng tôi theo dõi. Tôi đang tìm kiếm một người cống hiến hết mình. Còn nói về vụ án giết người này, ông

anh đã đánh giá nhầm về kiểu gây án rồi. Bây giờ nếu Bland định cho vợ xơi thạch tín hay đẩy bà ta xuống biển Aegean để thừa kế tiền của bà ấy và cưới một cô gái tóc vàng ngon lành...”

“Chúng ta sẽ xem xét khi chuyện đó xảy ra,” thanh tra Hardcastle nói.
“Trong lúc chờ đợi, chúng ta phải tiếp tục điều tra vụ án giết người này.”

Ở số 62, Wilbraham Crescent, bà Ramsay đang tự động viên mình, “Bây giờ chỉ còn hai ngày. Chỉ hai ngày nữa thôi.”

Bà gạt mớ tóc ướt nhẹ ra khỏi trán mình. Một tiếng đổ vỡ loảng xoảng cực to từ nhà bếp vọng lên. Bà Ramsay cảm thấy chán chường, thậm chí chẳng muốn đi xem tiếng đổ vỡ ấy báo có chuyện xui xẻo gì. Giá bà có thể giả vờ như chẳng hề có đổ vỡ gì cả. Ôi chao — *chỉ thêm* hai ngày thôi. Bà băng qua sảnh, mở toang cửa nhà bếp ra rồi hỏi với giọng kém hung hăng rất nhiều so với ba tuần trước: “*Này*, hai đứa bay đã làm gì đó?”

“Xin lỗi mẹ,” thằng Bill con trai bà đáp. “Bọn con đang chơi bowling một chút bằng mấy cái lon này. Chẳng hiểu làm sao mà chúng lại lăn vào đấy tú đưng đồ sứ.”

“Bọn con đâu có cố tình để chúng lăn vào đấy tú đâu mẹ,” em trai Ted của nó tỏ ý tán thành.

“Thôi, nhặt mấy thứ ấy lên và cất lại vô tủ đi, còn những mảnh sứ vỡ kia thì quét rồi cho vào thùng rác!”

“Thôi mẹ ơi, không dọn *bây giờ* đâu. ”

“Dọn đi, ngay *bây giờ*!”

“Thằng Ted dọn được mà mẹ,” Bill nói.

“Ừ chịu,” thằng em phản đối, “việc gì cũng đổ cho em hết. Anh không dọn thì em cũng chả dọn đâu.”

“Mày phải dọn.”

“Em không dọn.”

“Thế tao sẽ dọn mày đây.”

“Ai da!”

Hai thằng nhỏ xáp lại đấu vật một trận ác liệt. Ted buộc phải lùi lại, xô vào cái bàn nhà bếp làm rung rinh một cái tô đựng mấy quả trứng một cách đáng ngại.

“Thôi, ra khỏi bếp ngay!” bà Ramsay kêu lên. Bà đẩy hai thằng nhỏ ra khỏi bếp, đóng cửa lại rồi bắt đầu bỏ mấy cái lon vào tủ và quét sạch những mảnh sứ.

‘Hai ngày nữa,’ bà nghĩ, ‘rồi chúng sẽ trở lại trường học.’ Một ý tưởng vui thích biết bao, tuyệt vời biết bao với một người mẹ!

Bà mơ hồ nhớ lại nhận xét độc địa nào đó của một người phụ trách cột báo chuyên đề phụ nữ. *Chỉ có sáu ngày hạnh phúc trong năm đối với một người đàn bà.* Những ngày đầu tiên và cuối cùng của kỳ nghỉ hè.

Đúng quá chừng, bà nghĩ trong lúc dọn dẹp sạch sẽ các phần ăn buổi tối mà bà đã phục vụ tận tình. Thật vui thích biết bao, thật sung sướng dường nào khi chào đón hai thằng con trở về nhà vừa đúng năm tuần trước! Còn bây giờ thì sao? “Ngày kia,” bà tự lặp lại với chính mình, “ngày kia Bill và Ted sẽ trở lại trường. Mình hầu như không tin nổi. Sốt ruột quá chừng!”

Thật tuyệt vời biết bao khi bà đón chúng ở nhà ga cách đây năm tuần. Buổi đón mừng thật triu mến và huyên náo! Cái cách chúng vội vàng đi khắp nhà và vườn. Một cái bánh ngọt đặc biệt bà nướng để dùng bữa xế. Còn bây giờ — bà đang trông mong gì bây giờ đây? Một ngày hoàn toàn bình an. Không phải chuẩn bị những bữa ăn thịnh soạn, không phải dọn dẹp liên tay. Bà yêu mến hai thằng con trai — chúng là những thằng bé ngoan, không có gì phải nghi ngờ cả. Bà tự hào về chúng. Nhưng chúng cũng làm bà kiệt sức. Khẩu vị của chúng, sinh lực của chúng, *tiếng ồn* chúng gây ra.

Ngay lúc đó một tiếng kêu la khàn khàn vang lên. Bà hoảng hốt quay đầu lại. Không sao cả. Chúng ra ngoài vườn thôi. Vậy tốt hơn, có rất nhiều chỗ cho chúng chơi ngoài vườn. Có lẽ chúng sẽ quấy rầy các láng giềng. Bà cầu mong chúng sẽ để cho bầy mèo của bà Hemming được yên thân. Phải thú nhận rằng như thế không phải vì lũ mèo, mà bởi vì hàng rào kẽm gai vườn

nhà bà Hemming có thể làm rách quần của chúng. Bà đưa mắt nhìn lướt qua hộp cứu thương để vừa tầm tay trên tủ chén. Chẳng phải bà làm âm lên quá đáng về những tai nạn tự nhiên của thời niên thiếu tràn đầy năng lượng. Trên thực tế điều bà lưu ý không tránh khỏi trước tiên là: “Này, chẳng phải mẹ đã bảo các con cả trăm lần rồi, không được để chảy máu trong phòng khách! Cứ vào thẳng nhà bếp mà chảy máu, ở đó mẹ có thể lau chùi tẩm lót sàn nhà.”

Một tiếng thét kinh hồn từ bên ngoài hình như bị đứt quãng giữa chừng, tiếp theo đó là một sự im lặng tưởng chừng vô tận khiến bà Ramsay cảm giác điều gì đó thực sự kinh hoàng giật nảy lên trong lồng ngực. Quả thật sự im lặng đó rất không tự nhiên. Bà đứng sững, tay vẫn cầm đồ hốt rác chứa những mảnh sứ. Cửa nhà bếp mở ra và Bill đứng đó. Vẻ háo hức bất thường hiện lên trên khuôn mặt thẳng nhỏ mười một tuổi.

“Mẹ ơi, có một thanh tra cảnh sát đến đây, và một ông khác đi cùng ông ấy.”

Bà mẹ thở phào nhẹ nhõm. “Ôi, ông ấy muốn gì vậy hả con?”

“Ông ấy hỏi mẹ, nhưng con nghĩ chắc hẳn liên quan đến án mạng, vụ án bên nhà cô Pebmarsh hôm qua đó.”

“Mẹ chả hiểu vì sao ông ta lại đến và muốn gặp mẹ,” giọng bà Ramsay hơi bực tức.

Cuộc đời đúng là hết chuyện này lại đến chuyện khác, bà nghĩ. Làm sao đi lấy khoai tây để nấu món thịt hầm đây khi mà thanh tra lại đến vào giờ bất tiện này?

“Thôi được,” bà thở dài. “Tốt hơn hết là nên gặp.”

Bà trút hết những mảnh sứ vỡ vào thùng rác bên dưới bồn rửa chén, mở vòi nước rửa tay, vuốt tóc rồi chuẩn bị đi theo thẳng con đang sốt ruột nói: “Nào, đi nào, mẹ!”

Bà Ramsay cùng với thẳng Bill đang theo sát một bên đi vào phòng khách. Hai người đàn ông đang đứng đó. Ted, đứa con trai nhỏ tuổi hơn của bà đang đứng với họ, nhìn chăm chặp hai người bằng đôi mắt xoe tròn ngưỡng mộ.

“Bà Ramsay phải không ạ?”

“Xin chào.”

“Tôi hy vọng hai chàng trai trẻ này đã nói cho bà biết tôi là thanh tra Hardcastle rồi phải không ạ?”

“Rất bất tiện,” bà Ramsay nói. “Buổi sáng này rất bất tiện. Tôi đang rất bận. Có mất nhiều thời gian hay không?”

“Hầu như không mất thời gian,” thanh tra Hardcastle cam đoan. “Chúng tôi có thể ngồi không ạ?”

“À vâng, ngồi, ngồi đi!”

Chủ nhà ngồi thẳng lưng trên một cái ghế, nhìn họ lom lom với vẻ nóng lòng sốt ruột. Bà nghi ngờ cái chuyện hầu như chẳng mất thời gian này.

“Hai cháu không cần ở lại đâu,” Hardcastle vui vẻ nói với hai thằng nhỏ.

“Bọn cháu không đi đâu,” thằng anh nói.

“Bọn cháu không đi đâu,” thằng em lặp lại như một tiếng vang.

“Bọn cháu muốn nghe hết,” Bill lại nói.

“Đúng thế đấy,” Ted phụ họa.

“Có nhiều máu không, hờ ông?” thằng anh hỏi.

“Có phải là một tên trộm đột nhập vào nhà không ạ?” thằng em hỏi tiếp.

Mẹ chúng bảo: “Im đi nào, hai thằng! Các con không nghe ông Hardcastle đây nói không muốn các con ở trong này sao?”

“Không chịu đâu. Bọn con muốn nghe,” Bill phản đối.

Hardcastle đi tới cửa và mở ra. Ông nhìn hai thằng nhỏ. “Ra,” ông bảo.

Chỉ một từ khê thốt ra thôi, nhưng đằng sau đó có một uy lực. Không còn làm âm ỉ nữa, cả hai thằng nhỏ đứng lên, lê hai chân rời khỏi phòng.

‘Thật tuyệt,’ bà Ramsay thầm nghĩ, hết sức thán phục. ‘Sao mình lại không thể làm được như thế chứ?’

Nhưng mà, bà trầm ngâm suy nghĩ, bà là mẹ của hai thằng bé, và nghe người ta nói mới biết khi ra ngoài chúng cư xử một cách hoàn toàn khác hẳn lúc ở nhà. Các bà mẹ lúc nào cũng lãnh đủ những điều tồi tệ nhất. Nhưng có lẽ đành chịu vậy thôi, bà nghĩ thế. Có những đứa con ngoan

ngoãn lễ phép luôn lảng lảng lắng nghe lúc ở nhà, nhưng khi ra đường lại là những thằng ranh con du côn chuyên gây những điều tiếng không hay cho chính chúng nó. Thế thì lại còn tồi tệ hơn — đúng, còn tồi tệ hơn nữa. Bà nhớ lại điều mình đã được yêu cầu, lúc ông thanh tra quay trở lại và ngồi xuống.

“Nếu là chuyện đã xảy ra ở nhà số 19 hôm qua,” bà nói với vẻ căng thẳng, “thật tình tôi chẳng thấy bất cứ điều gì có thể nói cho ông biết, ông thanh tra à. Tôi chẳng biết gì về chuyện ấy đâu. Thậm chí tôi chẳng hề để ý đến những người đang sống trong đó.”

“Nhà ấy là nơi cô Pebmarsh sinh sống. Bà ấy bị mù và làm việc ở Viện Aaronberg.”

“À, tôi hiểu. Tôi e rằng mình hầu như chả biết bất cứ ai ở đoạn đường Crescent phía dưới.”

“Hôm qua, bà có ở nhà khoảng từ mười hai giờ rưỡi đến ba giờ không?”

“À có chứ. Tôi phải nấu ăn. Tuy nhiên tôi đã ra ngoài trước ba giờ. Tôi dẫn hai thằng bé đi xem phim.”

Thanh tra rút từ trong túi ra bức ảnh và trao cho bà. “Tôi muốn bà cho biết trước giờ có từng gặp người này hay chưa?”

Bà Ramsay nhìn tấm hình hơi hờ hững.

“Không, không, tôi không nghĩ thế. Tôi không chắc mình có nhớ ra đã từng gặp ông ta hay chưa.”

“Ông ta không có đến nhà này nhân dịp nào đấy — để gạ bán bảo hiểm cho bà hay bất cứ gì đại loại như thế chứ?”

Bà Ramsay lắc đầu quả quyết hơn.

“Không. Không, chắc chắn ông ta không có đến.”

“Chúng tôi có một số lý do để tin tên ông ấy là Curry. Ông R. Curry.”

Hardcastle nhìn bà có ý dò hỏi. Bà Ramsay lại lắc đầu. “Tôi e rằng mình thật sự không có thì giờ để nhìn thấy hoặc lưu ý đến bất cứ điều gì suốt kỳ nghỉ hè,” bà nói với vẻ xin lỗi.

“Một kỳ nghỉ bận rộn, phải không ạ?” thanh tra hỏi. “Bà có hai cậu con trai thật tuyệt. Đầy sức sống và khí thế. Nhưng đôi khi khí thế ấy hơi quá mức, đúng không?”

Bà Ramsay mỉm cười xác nhận.

“Vâng, làm tôi hơi mệt, nhưng chúng thật sự là hai thằng bé rất ngoan.”

“Chắc chắn rồi,” thanh tra nói. “Những anh chàng rất tuyệt, cả hai cậu. Có thể nói rất thông minh. Tôi sẽ nói đôi lời với các cậu trước khi đi, nếu bà không phiền. Đôi khi các cậu bé để ý những điều không có ai khác trong nhà để ý đến.”

“Thật tình tôi chẳng hiểu làm sao chúng có thể để ý đến điều gì chứ. Có phải chúng tôi ở kế bên nhau hay gì gì đó đâu.”

“Nhưng vườn hai nhà tựa lưng vào nhau cơ mà.”

“Đúng vậy,” bà Ramsay đồng ý. “Nhưng vẫn hoàn toàn cách biệt với nhau.”

“Bà có biết bà Hemming ở nhà số 20 không?”

“À, tôi có biết, vì mấy con mèo và chuyện này chuyện nọ nữa.”

“Bà thích mèo sao?”

“Ô không, không phải thế. Ý tôi muốn nói thường là những lời than phiền.”

“À, tôi hiểu. Than phiền, về chuyện gì thế?”

Bà Ramsay đỏ mặt.

“Vấn đề rắc rối là,” bà nói, “khi nuôi mèo cái kiểu đó — có đến mười bốn con — người ta trở nên tuyệt đối u mê vì chúng. Còn rất nhiều chuyện vợ vẫn nữa. Tôi thích mèo. Nhà chúng tôi trước đây cũng có nuôi một con mèo khoang. Bắt chuột cũng giỏi lắm. Nhưng toàn bộ chuyện âm ỉ người đàn bà đó đã làm, nấu thức ăn đặc biệt — hầu như không bao giờ cho những con vật đáng thương ra ngoài để có cuộc sống của riêng mình. Dĩ nhiên chúng vẫn luôn tìm cách bỏ trốn. Tôi sẽ làm vậy nếu là một con trong bầy mèo ấy. Còn hai thằng bé của tôi thật sự rất ngoan, chẳng bao giờ hành hạ mèo nào bằng bất cứ cách nào. Điều tôi nói đây là loài mèo luôn luôn có

thể tự chăm sóc rất tốt. Chúng là những con vật rất nhạy cảm, loài mèo ấy, khi chúng được đối xử một cách tinh tế.”

“Bà nói đúng hết,” thanh tra nói. “Chắc hẳn bà có một cuộc sống bận rộn, phải lo cho hai cậu con trai của bà được vui vẻ và no đủ suốt kỳ nghỉ hè. Bao giờ các cậu trở lại trường?”

“Ngày kia.”

“Hy vọng lúc ấy bà sẽ được nghỉ ngơi thoải mái.”

“Tôi định sẽ tự thưởng cho mình một thời gian thật sự nhàn nhã,” bà Ramsay nói.

Chàng thanh niên này giờ lảng lạng ghi ghi chép chép, chợt cất tiếng khiến bà hơi giật mình.

“Bà phải thuê một trong số những cô gái ngoại quốc ấy. *Au pair*, chẳng phải họ gọi như thế sao, đến làm những việc vặt ở đây để đổi lại việc học tiếng Anh.”

“Tôi cho rằng mình có thể làm vậy,” bà Ramsay nói, “mặc dù suy xét cho kỹ, tôi luôn cảm thấy thuê người nước ngoài có lẽ khó. Ông xã tôi thường cười nhạo tôi. Nhưng dĩ nhiên ông ấy biết nhiều hơn tôi. Tôi đi du lịch nước ngoài không nhiều bằng ông ấy.”

“Bây giờ ông ấy đã đi rồi, phải không ạ?” thanh tra hỏi.

“Vâng — ông ấy phải đi Thụy Điển đầu tháng 8. Ông ấy là kỹ sư xây dựng. Đáng tiếc là phải đi ngay lúc đó — cũng là đầu kỳ nghỉ hè. Ông ấy rất tốt với các con. Thật sự thích chơi tàu điện còn hơn cả hai thằng bé nữa. Đôi khi các tuyến đường, sân ga điều hành và mọi thứ đi thẳng qua sảnh rồi vào phòng khác. Thật khó tránh khỏi ngã nhào lên chúng.” Bà lắc đầu. “Đàn ông trẻ con thế đó,” bà nói một cách khoan dung.

“Bà nghĩ bao giờ ông ấy mới trở về, bà Ramsay?”

“Tôi chẳng bao giờ biết được.” Bà thở dài. “Việc đó thật khá — khó nói.” Có tiếng run run trong giọng nói của bà.

Colin nhìn bà soi mói.

“Chúng tôi không nên làm mất thì giờ của bà thêm nữa, bà Ramsay ạ.”

Thanh tra Hardcastle đứng dậy.

“Có lẽ các cậu bé của bà sẽ cho chúng tôi xem khu vườn?”

Bill và Ted đang đợi trong sảnh, nghe gọi ý liền nhào vào bên trong ngay lập tức.

“Tất nhiên rồi,” Bill có vẻ hồi lỗi, “vườn này không rộng lắm đâu ạ.”

Hắn đã có đôi chút cố gắng nho nhỏ để giữ cho vườn nhà số 62, Wilbraham Crescent được tương đối gọn gàng, trật tự. Một bên có hàng rào hoa thược dược và cúc Michaelmas làm ranh giới. Rồi tới một bãi cỏ nhỏ được cắt xén hơi lờm chờm. Các lối mòn rất cần được giầy cỏ, các mô hình máy bay, súng vũ trụ và các vật tiêu biểu khác của khoa học hiện đại nằm rải rác khắp nơi, trông có vẻ hơi mòn cũ, nhếch nhác. Cuối vườn có một cây táo với những trái mọng đỏ trông thật thích mắt. Kế đó là một cây lê.

“Đó kìa,” Ted chỉ khoảng trống giữa cây táo và cây lê, qua đó phía sau nhà cô Pebmarsh lộ ra thật rõ ràng. “Đó là nhà số 19, nơi xảy ra án mạng.”

“Có thể nhìn thật rõ ngôi nhà ấy, phải không?” thanh tra hỏi. “Còn rõ ràng hơn nữa nếu nhìn từ cửa sổ trên lầu?”

“Đúng vậy,” thằng anh đáp. “Giá như hôm qua bọn cháu từ trên đó ngó ra, có lẽ đã nhìn thấy gì đó rồi. Nhưng mà không được.”

“Bọn cháu lúc ấy đang ở trong rạp chiếu phim,” thằng em nói rõ hơn.

“Có dấu vân tay không ạ?” Bill hỏi.

“Cũng có nhưng không hữu ích lắm. Hôm qua các cháu có ra vườn không?”

“Có chứ ạ, ra rồi lại vào,” thằng anh đáp. “Suốt cả buổi sáng, tuy vậy bọn cháu chẳng nghe thấy gì, cũng chẳng nhìn thấy gì cả.”

“Giá như bọn cháu ra vườn buổi chiều, có lẽ đã nghe tiếng la hét rồi,” thằng em có vẻ đắm chiêu suy nghĩ. “Đã có những tiếng la hét ghê rợn.”

“Các cậu có biết, có gặp cô Pebmarsh, bà chủ ngôi nhà ấy lần nào không?”

Hai thằng nhỏ nhìn nhau rồi gật đầu.

“Bà ta bị mù,” Ted nói, “nhưng có thể đi quanh vườn mà chả sao cả. Không cần phải quơ gậy hay bất cứ thứ gì để bước đi. Có lần bà đã ném trả bọn cháu trái banh. Bà ấy thật tử tế khi làm vậy.”

“Hôm qua các cậu hoàn toàn không thấy bà ta sao?”

Hai thằng nhỏ lắc đầu.

“Bọn cháu thường không thấy bà ấy vào buổi sáng. Bà ta luôn ra ngoài,” Bill giải thích. “Bà thường ra vườn sau bữa xế.”

Colin khảo sát đường ống dẫn nước tưới nối với một vòi nước trong nhà. Nó chạy dọc theo lối mòn trong vườn rồi được đặt xuống ở góc vườn gần cây lê.

“Chưa từng thấy cây lê mà cũng cần tưới nước,” Colin nhận xét.

“À, việc này...” thằng anh có vẻ hơi bối rối.

“Mặt khác, nếu trèo lên cây ấy,” Colin nhìn cả hai thằng nhỏ, bất chợt cười nhăn nhó, “hai đứa có thể lấy được ít nước thật tuyệt trong ống để chơi đùa với một con mèo, phải không nào?”

Cả hai thằng nhỏ vừa bối rối lấy chân đá sỏi vừa nhìn về mọi hướng khác chứ không dám ngó Colin.

“Hai đứa đã làm vậy, phải không?” Colin hỏi.

“À, đâu có làm chúng đau đâu ạ. Đâu có phải,” Bill làm ra vẻ đạo đức, “như bắn ná dây thun đâu ạ.”

“Tôi cho rằng có lúc hai đứa vẫn quen dùng ná cao su.”

“Không hẳn thế,” Ted đáp lại. “Bọn cháu hầu như chẳng bắn trúng bất cứ cái gì.”

“À này, thỉnh thoảng hai đứa có vui chơi một chút với cái vòi nước ấy,” Colin nói, “rồi sau đó bà Hemming xuất hiện và than phiền không?”

“Bà ta lúc nào mà chẳng than phiền,” thằng anh đáp.

“Có bao giờ chui qua hàng rào nhà bà ấy hay không?”

“Không phải qua lưới kẽm gai ở đây đâu ạ,” thằng em đáp một cách hờ hênh.

“Nhưng có lúc hai đứa chui vào vườn nhà bà ta, đúng không? Làm cách nào hả?”

“Ông có thể chui qua hàng rào — vào trong vườn nhà cô Pebmarsh. Sau đó xuôi về bên phải một chút, ông có thể đẩy hàng rào cây chui vào vườn nhà bà Hemming. Ở đó, lưới kẽm gai có một lỗ hổng.”

“Mày không ngậm miệng lại được hả, đồ ngu?” thằng anh nạt thằng em.

“Chắc là các cậu đã có một cuộc đi săn manh mối nho nhỏ từ lúc xảy ra án mạng?” Hardcastle hỏi chúng.

Hai thằng nhỏ đưa mắt nhìn nhau.

“Khi các cậu đi xem phim về và nghe kể chuyện đã xảy ra, tôi dám cá các cậu đã chui qua hàng rào vào vườn nhà số 19 và đã vui sướng nhìn quanh nhìn quất.”

“À...” Bill im bặt có vẻ cảnh giác.

“Vẫn luôn có khả năng,” Hardcastle nói một cách nghiêm túc, “các cậu có thể tìm thấy cái gì đấy mà chúng tôi đã bỏ sót. Nếu các cậu có — ờ— một bộ sưu tập, tôi sẽ hết sức biết ơn nếu các cậu cho tôi xem.”

Thằng anh đi đến quyết định: “Đi lấy đi, Ted!”

Thằng em ngoan ngoãn chạy đi.

“E rằng bọn cháu chẳng tìm được cái gì thực sự có giá trị,” Bill thừa nhận. “Bọn cháu chỉ... chỉ là giả bộ mà thôi.” Nó lo lắng nhìn Hardcastle.

“Tôi hiểu mà,” ông thanh tra nói. “Hầu hết công việc của cảnh sát đều như thế. Thất vọng rất nhiều.”

Bill có vẻ yên tâm.

Ted đã chạy trở lại. Nó đưa ra một cái khăn tay dơ bẩn được buộc thắt nút lại, bên trong kê lèng xèng. Hardcastle mở thắt nút, hai thằng nhỏ đứng ở hai bên, rồi ông trải ra những thứ bọc trong đó.

Có cái quai rời khỏi một chén tách, một mảnh sứ trang trí hình liễu rủ, một cái bay thợ nề bị gãy, một cái nĩa rỉ sét, một đồng tiền, một cái kẹp quần áo, một miếng thủy tinh nhỏ xiu óng ánh nhiều màu sắc và nửa cây kéo.

“Cả một lô một lốc toàn những món thú vị,” thanh tra nói thật trang nghiêm.

Ông nhìn vẻ nhiệt tình trên hai gương mặt trẻ thơ mà tội nghiệp, và ông nhặt mảnh thủy tinh lên.

“Tôi lấy cái này. Có thể nó có khả năng liên quan đến điều gì đấy.”

Colin đã cầm đồng tiền lên và đang xem xét.

“Không phải tiền Anh,” Ted nói.

“Đúng. Không phải tiền của nước Anh,” Colin nói.

Anh nhìn sang Hardcastle. “Chúng ta có thể lấy cả cái này,” anh gợi ý.

“Đừng nói một lời nào về chuyện này với bất kỳ ai nhé,” Hardcastle nói theo kiểu cách của những kẻ đồng mưu.

Hai thằng bé sung sướng hứa sẽ không nói gì.

“Ông Ramsay,” Colin nói với vẻ dăm chiêu tư lự.

“Ông ta thì sao?”

“Tôi thích cái tên nghe hay hay, chỉ vậy thôi. Ông ta thường ra nước ngoài — cứ vừa báo xong là đi ngay. Bà vợ nói ông ta là kỹ sư xây dựng, nhưng hình như chỉ biết về ông ấy có vậy thôi.”

“Bà ta là một phụ nữ rất tuyệt,” Hardcastle nói.

“Phải — và không hạnh phúc lắm.”

“Mệt mỏi, chỉ thế thôi. Trẻ con thường làm cho ta mệt mỏi.”

“Tôi nghĩ còn hơn vậy nữa.”

“Chắc hẳn hạng người cậu muốn tìm không được mang gánh nặng gia đình một vợ hai con,” Hardcastle nói về hoài nghi.

“Ông anh chẳng bao giờ biết được đâu,” Colin đáp. “Ông anh sẽ ngạc nhiên với sự nguy trang của mấy thằng gián điệp. Một bà góa có cuộc sống khó khăn với hai đứa con nít sẽ sẵn lòng chịu chấp nhận.”

“Tôi cứ tưởng bà ta không phải hạng người ấy chứ,” Hardcastle ra vẻ nghiêm nghị.

“Tôi không có ý nói là sống trong tội lỗi, ông anh thân mến của tôi à. Tôi muốn nói bà ta bằng lòng làm bà Ramsay và tạo một cái nền. Dĩ nhiên ông ấy thường bịa chuyện, không cho biết rõ mình làm cái quái gì. Ông ta đang chơi cái trò gián điệp, tức là cùng phe ta. Chỉ là yêu nước thế thôi.”

Hardcastle lắc đầu.

“Các cậu sống trong một thế giới thật lạ kỳ, Colin à.”

“Vâng, đúng là vậy đó. Ông anh biết không, tôi nghĩ rồi sẽ có ngày mình phải rời bỏ nó — người ta bắt đầu quên đi cái gì là cái gì và ai là ai. Phân nửa số người này làm việc cho cả hai bên và sau rốt chính họ cũng chẳng biết mình thật ra thuộc về bên nào nữa. Các chuẩn mực lộn nhào hết. — À mà thôi — Chúng ta hãy tiếp tục công việc.”

“Tốt hơn hết chúng ta nên làm việc với nhà McNaughton,” Hardcastle bảo, dừng xe lại trước nhà số 63. “Vườn nhà ông này tiếp giáp một chút với số nhà 19 — cũng như nhà Bland.”

“Ông anh biết gì về nhà McNaughton rồi?”

“Không nhiều — họ mới đến đây cách nay độ một năm. Một cặp đôi cao tuổi — giáo sư về hưu, tôi tin thế. Ông ấy làm vườn.”

Trong khu vườn trước nhà có những khóm hoa hồng, và một thảm hoa kỳ phù lam dày bên dưới cửa sổ.

Một phụ nữ trẻ vui tươi mặc áo khoác có hoa văn tươi thắm mở cửa cho họ, và hỏi: “Các ông muốn gì? — Gì ạ?”

Hardcastle lẩm bẫm, “Cuối cùng có người nước ngoài giúp cho rồi,” và trao danh thiếp cho cô ta.

“Cảnh sát,” cô gái nói. Cô lùi lại chừng vài bước, trở mắt nhìn Hardcastle như thể ông ta là ma quỷ hiện hình người.

“Bà McNaughton đâu?” Hardcastle hỏi.

“Bà McNaughton đang ở đây.”

Cô dẫn họ vào phòng khách. Phòng này ngó ra vườn sau nhà, trống vắng chẳng có ai.

“Bả trên lầu đó,” cô gái trẻ không còn vui tươi nữa nói. Cô đi ra sảnh, cất tiếng gọi, “Bà McNaughton — Bà McNaughton!”

Một giọng nói từ xa xăm vọng tới: “Nghe rồi. Có chuyện gì vậy, Gretel?”

“Có cảnh sát ạ — hai ông cảnh sát. Con cho mấy ông vô phòng khách rồi.”

Nghe loáng thoáng có tiếng chạy gấp gáp trên lầu và tiếng ai đó nói “Ôi, trời ơi. Ôi, trời ơi, gì nữa đây?” bỗng bành trôi xuống. Rồi có tiếng chân bước lộp cộp và ngay sau đó bà chủ nhà đi vào phòng với vẻ lo âu hiện lên trên khuôn mặt. Hardcastle suy đoán rất nhanh là bà ta thường vẫn có nét mặt lo âu ấy.

“Ôi, trời ơi,” bà lại nói, “ôi, trời ơi. Thanh tra — gì đây — Hardcastle — à vâng.” Bà ta nhìn tấm thiệp. “Nhưng tại sao ông muốn gặp chúng tôi? Chúng tôi chả biết gì cả. Tôi muốn nói có lẽ là vụ án mạng ở đây, phải không? Tôi muốn nói, không phải là đăng ký thuê bao truyền hình chứ ạ?”

Thanh tra trấn an bà về điểm ấy.

“Toàn bộ vụ này có vẻ quá kỳ dị, phải không ạ?” Nét mặt bà tươi tỉnh hẳn lên. “Lại còn ngay trước hay sau giữa trưa nữa chứ. Đến đột nhập vào nhà trộm cắp giờ đó thật là kỳ quái. Đúng lúc người ta thường ở nhà. Nhưng ngày nay người ta lại đọc thấy tin về những chuyện khủng khiếp đó. Toàn xảy ra giữa thanh thiên bạch nhật. Này nhé, vài người bạn của chúng tôi — họ ra ngoài để ăn trưa, và một chiếc xe tải chuyên chở đồ đạc nội thất đỗ lại rồi một lũ đàn ông xông vào và khuân ra hết sạch đồ đạc lớn bé. Cả phố đều trông thấy nhưng tất nhiên họ không hề nghĩ có gì sai quấy cả. Ông biết không, quả thật tôi có nghĩ tới chuyện đã nghe ai la hét hôm qua, nhưng ông Angus lại bảo đó là hai thằng bé nhà bà Ramsay. Chúng thường xông vào vườn, gây ra những tiếng ồn ào như tàu vũ trụ, ông biết đó, tên lửa hay bom nguyên tử. Đôi lúc còn làm người ta hoảng sợ nữa.”

Một lần nữa thanh tra lại đưa bức ảnh ra.

“Bà có bao giờ gặp người đàn ông này chưa, bà McNaughton?”

Chủ nhà nhìn bức ảnh chăm chú như ngẫu như nghiêng.

“Tôi gần như chắc chắn đã từng gặp ông ta. Vâng. Vâng, tôi hầu như chắc chắn. À, ở đâu thế nhỉ? Có phải đó là cái ông đến hỏi tôi có muốn mua bộ bách khoa từ điển mười bốn tập hay không? Hoặc có phải đó là người đàn ông bán máy hút bụi đời mới? Tôi chả có việc gì với ông ta, nên ông ta ra ngoài và làm phiền chồng tôi trong vườn hoa đằng trước. Ông Angus đang trồng một số củ nghệ, ông biết đó, và không muốn công việc bị gián

đoạn, còn ông kia lại cứ nói hoài nói mãi về tác dụng của món hàng. Ông biết cái máy chạy lên chạy xuống các bậc màn ra sao, làm sạch các bậc thềm trước cửa, các bậc thang, các tấm đệm và cả tổng vệ sinh mùa xuân nữa. Mọi thứ, ông ta nói, tuyệt đối đủ mọi thứ. Thế rồi chồng tôi chỉ ngược nhìn ông ta và bảo, ‘Nó có trông được củ nghệ không?’ Phải nói là tôi không nín cười được vì câu đó, nó khiến ông ta giật lùi lại rồi bỏ đi một mạch.”

“Và bà thực sự nghĩ đó là người đàn ông trong bức ảnh này?”

“À không, thật tình tôi không nghĩ thế, vì đó là một người đàn ông trẻ hơn nhiều, bây giờ tôi mới nghĩ ra. Nhưng dù sao đi nữa tôi vẫn nghĩ mình từng thấy khuôn mặt này trước đây rồi. Vâng, càng nhìn tôi càng chắc chắn ông ta đã đến đây và mời tôi mua cái gì đó.”

“Có lẽ là mua bảo hiểm?”

“Không, không, không phải bảo hiểm. Chồng tôi tham gia đủ mọi loại hình đó. Chúng tôi được bảo hiểm đầy đủ về mọi mặt. Không phải thế. Nhưng dù sao đi nữa—vâng, càng nhìn tấm ảnh...”

Hardcastle kém hứng thú với chuyện này hơn ông tưởng. Từ cái kho kinh nghiệm của mình, ông cho bà McNaughton là một phụ nữ thường hay bồn chồn lo lắng vì bị kích động khi trông thấy ai đó liên can tới án mạng. Càng nhìn tấm hình lâu hơn, bà ta càng chắc chắn mình có thể nhớ ra ai đó giống hệt như vậy.

Ông thở dài.

“Ông ấy đã lái một chiếc xe tải, tôi tin là thế,” bà McNaughton tiếp tục. “Nhưng tôi trông thấy ông ta chính xác lúc nào thì tôi không nhớ được. Một xe bán bánh mì, tôi nghĩ vậy.”

“Hôm qua bà không gặp ông ấy, phải không bà McNaughton?”

Mặt bà chủ nhà hơi chùng xuống. Bà vuốt ngược mớ tóc phát phơ khá bạc màu ra khỏi trán.

“Không. Không, *không phải hôm qua*. ít ra là...” bà tạm dừng lại. “Tôi không *nghĩ thế*.” Rồi bà tươi tỉnh hơn một chút. “Có lẽ chồng tôi sẽ nhớ ra.”

“Ông ấy có ở nhà không?”

“Ôi, ông ấy ở ngoài vườn.” Bà chỉ tay qua cửa sổ, một người đàn ông có tuổi đang đẩy một cái xe cút kít dọc theo lối mòn.

“Để chúng tôi sẽ ra ngoài và nói chuyện với ông ấy.”

“Vâng. Xin đi lối này!”

Bà dẫn đường đi qua một cửa hông và vào trong vườn. Ông McNaughton đang mồ hôi mồ kê đầm đìa.

“Quý ông đây từ cơ quan cảnh sát đến, Angus à,” vợ ông ta nói như muốn hụt hơi. “Đến vì vụ án mạng bên nhà cô Pebmarsh. Có một bức ảnh họ chụp người chết. Anh biết không, em chắc chắn đã gặp ông ta ở đâu đó. Không phải người đó phải không, cái ông đã đến tuần trước và hỏi chúng mình có món đồ cổ nào muốn bán không đó?”

“Xem nào,” ông chồng nói. “Cứ cầm nó cho tôi xem đi, được không?” ông bảo Hardcastle. “Tay tôi dính nhiều đất quá không thể đụng vào bất cứ thứ gì.”

Ông ta nhìn sơ qua rồi nhận xét, “Cả đời tôi chưa bao giờ gặp thẳng cha này.”

“Láng giềng của ông bảo tôi là ông rất say mê làm vườn,” thanh tra nói.

“Ai bảo ông thế — không phải ông Ramsay chứ?”

“Không phải. Là ông Bland nói.”

Angus McNaughton khịt mũi.

“Ông Bland chả biết làm vườn nghĩa là gì. Ươm trồng cây con, ông ta chỉ làm có thế thôi. Cứ trồng xen vào thu hải đường, phong lữ và cúc Lobeli ngoài rìa. Cái mà tôi gọi là *làm vườn* chẳng phải thế. Thế thì sống trong công viên đi cho rồi. Ông thanh tra có quan tâm đến các cây bụi chút nào không ạ? Tất nhiên bây giờ không phải thời gian thích hợp trong năm, nhưng tôi có một vài cây bụi ở đây sẽ khiến ông ngạc nhiên vì tôi có thể trồng được. Những cây bụi mà người ta bảo chỉ phát triển tốt ở Devon và Cornwall mà thôi.”

“Tôi e mình không thể phát biểu gì với một nhà làm vườn đang hành nghề,” Hardcastle nói.

McNaughton nhìn ông ta y như một họa sĩ nhìn ai đó nói mình không biết gì về mỹ thuật nhưng lại rất rõ mình thích cái gì.

“Tôi e rằng phải đề cập đến một đề tài rất kém thú vị,” Hardcastle nói.

“Tất nhiên rồi. Vụ việc này hôm qua. Tôi đang ở ngoài vườn, ông biết đấy, khi chuyện đó xảy ra.”

“Thật thế sao?”

“À, tôi muốn nói tôi đang ở đây lúc cô gái thét lên.”

“Ông đã làm gì?”

“À,” ông chủ nhà đáp khá lúng túng, “tôi chả làm gì cả. Quả thật tôi cứ tưởng đó là mấy thằng cu trời đánh nhà Ramsay ấy. Lúc nào cũng kêu la thét lác và gây ồn ào.”

“Nhưng chắc chắn tiếng thét này không đến từ hướng đó?”

“Thì đúng là không, nếu như hai thằng cu trời đánh kia vẫn còn ở trong vườn nhà chúng. Nhưng chúng thường không như thế, ông biết đó. Chúng chui qua hàng rào và bờ giậu nhà người ta. Chúng đuổi bắt lũ mèo khốn khổ nhà bà Hemming khắp nơi. Chả có ai kiểm chế chúng cả, rắc rối là ở đó. Mẹ chúng thì mềm yếu như sên ấy.”

“Ông Ramsay ra nước ngoài rất nhiều, tôi nghe nói thế.”

“Kỹ sư xây dựng, hình như vậy,” McNaughton nói có vẻ mơ hồ không chắc chắn. “Luôn bỏ đi đâu đó. Các đập nước, ông biết mà. Tôi muốn nói những công việc có liên quan tới xây dựng đập nước, hoặc các đường ống dẫn dầu khí hay cái gì đại loại như thế. Thực sự tôi không biết rõ. Ông ấy phải đi Thụy Điển cách đây một tháng, vừa báo là đi ngay. Thế là bỏ lại mẹ hai thằng cu với rất nhiều việc phải làm — nấu ăn và việc nhà và điều đó — à — tất nhiên là hai thằng nhóc trở nên hoang dã. Chẳng phải chúng hư đốn, xin ông lưu ý cho, nhưng chúng cần có kỷ luật.”

“Chính ông không thấy bất cứ điều gì — tôi muốn nói là ngoài việc nghe thấy tiếng thét? À này, nghe thấy lúc nào thế nhỉ?”

“Không biết. Tôi luôn cởi đồng hồ đeo tay trước khi ra đây. Đã để vòi nước làm ướt nó hôm nọ, nên sau đó phải mất công đem đi sửa. Em ơi, lúc đó mấy giờ vậy em? Em nghe thấy, phải không?”

“Có lẽ là hai giờ rưỡi — ít nhất nửa giờ sau khi chúng tôi ăn trưa xong.”

“Tôi hiểu. Ông bà thường dùng bữa trưa lúc mấy giờ?”

“Một giờ rưỡi,” ông McNaughton đáp, “nếu chúng tôi gặp may. Cô gái người Đan Mạch giúp việc cho chúng tôi vô ý vô tứ, chẳng chịu xem giờ xem giấc gì cả.”

“Và sau đó — ông bà có thường ngủ trưa không?”

“Thỉnh thoảng thôi. Hôm nay tôi đã không ngủ. Tôi muốn tiếp tục công việc đang làm dở. Tôi đang dọn dẹp nhiều thứ, cho thêm vào đồng phân trộn. Thế thôi.”

“Thật tuyệt vời, một đồng phân trộn,” thanh tra Hardcastle nói với thái độ nghiêm túc.

Ông McNaughton tươi tỉnh lên ngay lập tức: “Tuyệt đối đúng. Chẳng có gì bằng phân trộn cả. A! Số người tôi đã làm đối ý cũng nhiều. Cứ dùng toàn là phân hóa học! Tự sát! Để tôi cho ông xem nhé!”

Ông ta hăng hái cầm tay Hardcastle lôi đi, và vừa đẩy cái xe cút kít vừa đi dọc theo lối mòn tới tận ngoài rìa hàng rào phân cách vườn nhà ông với vườn nhà số 19. Được những khóm tử đinh hương che giấu, đồng phân trộn đã bị dời chỗ. Nhà làm vườn đẩy xe cút kít tới một cái lán nhỏ bên cạnh. Bên trong lán những công cụ được xếp đặt thật ngăn nắp.

“Ông gìn giữ mọi thứ thật sạch sẽ gọn ghẽ nhỉ,” Hardcastle nhận xét.

“Phải chăm sóc đồ nghề của mình chứ,” McNaughton nói.

Thanh tra dăm chiêu nhìn sang nhà số 19. Bên kia hàng rào là một giàn hoa hồng dẫn tới tận sát hông nhà.

“Ông không trông thấy ai ở trong vườn nhà số 19 hay nhìn ra cửa sổ hoặc bất cứ điều gì như thế lúc ông đang ở bên đồng phân trộn của mình?”

McNaughton lắc đầu.

“Hoàn toàn không thấy gì cả. Rất tiếc không giúp được ông, thanh tra à.”

“Anh biết không, Angus,” vợ ông nói. “Em tin mình có thấy một bóng dáng lén lút lẩn tránh trong khu vườn ấy.”

“Anh không nghĩ em đã thấy đâu, em à,” chồng bà tỏ ra kiên quyết. “Anh cũng chẳng thấy.”

Khi đã trở ra và lên xe rồi, Hardcastle làu bàu: “Người đàn bà ấy cứ nói là đã thấy *mọi chuyện*.”

“Ông anh không nghĩ bà ta nhận ra người trong tấm ảnh hay sao?”

Thanh tra lắc đầu. “Tôi nghi ngờ điều ấy. Bà ta chỉ *muốn* nghĩ là đã thấy hẳn. Tôi biết nhân chứng cái kiểu này quá mà. Khi tôi buộc bà ta phải xác nhận, bà ta không thể kể lại rõ ràng rành mạch, đúng không?”

“Đúng vậy.”

“Dĩ nhiên bà ta có thể ngồi đối diện với hẳn trên xe buýt, hay cái gì đấy. Tôi để cho cậu nghĩ thế. Nhưng nếu cậu hỏi tôi, thì đấy là lẩn lộn mộng và thực. Cậu nghĩ sao?”

“Tôi cũng nghĩ y như vậy.”

“Chúng ta chẳng đạt được gì,” thanh tra thở dài. “Dĩ nhiên có những điều dường như kỳ quái. Chẳng hạn, hầu như không thể nào bà Hemming — dẫu có chăm chăm lữ mèò đến mức nào đi nữa — lại biết quá ít về người láng giềng Pebmarsh của mình. Và còn nữa, chuyện gì bà ta cũng không chắc chắn và chẳng quan tâm đến án mạng.”

“Bà ấy là hạng phụ nữ hiểu biết lơ mơ rồi.”

“Ngờ ngạc!” Hardcastle nói. “Khi cậu gặp một mục đàn bà ngờ ngạc — à, hỏa hoạn, trộm cướp và án mạng diễn ra xung quanh họ, nhưng họ chẳng thèm để ý đến.”

“Bà ấy được tất cả những lưới kềm gai che chắn thật kỹ, và bụi cây thời nữ hoàng Victoria ấy ngăn trở không cho ta mở rộng tầm nhìn.”

Họ về tới đồn cảnh sát. Hardcastle toét miệng cười với bạn và nói: “Này, trung sĩ Lamb, bây giờ tôi có thể để cậu thôi làm nhiệm vụ.”

“Không còn viếng thăm nhà ai nữa sao?”

“Không phải ngay bây giờ. Tôi còn phải đến một nhà nữa, nhưng tôi không định rủ cậu đi cùng.”

“À, cảm ơn ông anh về buổi sáng nay. Có thể cho đánh máy các ghi chép của tôi hay không?” Colin trao tập giấy. “Ông anh nói ngày một sẽ là buổi sơ thẩm chính thức, phải không? Mấy giờ hả?”

“Mười một giờ.”

“Được, tôi sẽ quay lại để tham dự.”

“Cậu sẽ đi đâu đó ư?”

“Mai tôi phải đi London để cập nhật báo cáo.”

“Tôi có thể đoán cậu đi gặp ai rồi.”

“Ông anh không đoán được đâu.”

Hardcastle cười toe toét.

“Nhấn giúp với ông trai già ấy tôi yêu ông ấy lắm!”

“Cũng có thể tôi sẽ đi gặp một chuyên gia,” Colin nói.

“Chuyên gia à? Để làm gì? Cậu có gì không ổn sao?”

“Không có gì hết — trừ cảm giác u ám nặng nề. Tôi không muốn nói ra loại chuyên gia đó đâu. Một người cùng chiến tuyến với ông anh.”

“Scotland Yard à?”

“Không phải. Một thám tử tư—bạn của ba tôi, và cũng là bạn của tôi. Vụ việc quái đản này của ông anh sẽ đến tai ông ấy ngay thôi, ông ấy sẽ yêu thích nó — sẽ làm cho ông phấn chấn lên. Tôi nghĩ ông ấy cần phấn chấn lên.”

“Ông ta tên gì?”

“Hercule Poirot.”

“Tôi có nghe nói về ông ấy. Cứ tưởng ông ấy chết rồi chứ.”

“Chưa chết. Nhưng tôi có cảm giác ông buồn chán lắm. Như vậy còn tệ hại hơn.”

Hardcastle tò mò nhìn Colin.

“Cậu là một anh chàng kỳ khôi. Có những người bạn thật lạ đời.”

“Bao gồm cả ông anh nữa,” Colin cười toe.

Sau khi cho Colin đi rồi, thanh tra Hardcastle nhìn địa chỉ được viết rõ nét trong quyển sổ của mình và gật đầu. Sau đó ông đút quyển sổ trở vào trong túi và bắt đầu giải quyết những vấn đề thường nhật đã chất thành đống trên bàn giấy.

Với ông đó là một ngày bận rộn. Ông bảo người đi lấy cà phê và sandwich, nhận các báo cáo của trung sĩ Cray— chẳng có chỉ dấu hữu ích nào xuất hiện cả. Chẳng có ai ở nhà ga xe lửa hay xe buýt nhận diện được bức ảnh của ông Curry. Các báo cáo của phòng thí nghiệm về y phục thêm vào một con số không. Bộ com-lê của ông ta do một thợ may lành nghề làm nên, nhưng nhãn hiệu tiệm may đã bị gỡ bỏ. Phải chăng ông Curry cố tình muốn giấu tên? Hay đó là mong muốn của kẻ giết ông. Các chi tiết nha khoa đã được chuyển tới bộ phận thích hợp và có lẽ là những chỉ dấu hữu ích nhất — cần ít thời gian — nhưng cuối cùng đạt được kết quả. Tất nhiên trừ trường hợp ông Curry là người nước ngoài? Thanh tra xem xét giả thuyết đó. Có thể có khả năng người chết là người Pháp — tuy nhiên y phục của ông ta rõ ràng không phải của Pháp.

Chẳng có nhãn hiệu tiệm giặt ủi nào để giúp ích cho việc điều tra. Thanh tra không hề nản chí. Nhận dạng là một việc thường chậm chạp, nhưng cuối cùng luôn luôn lòi ra ai đó. Một chủ tiệm giặt ủi, nha sĩ, bác sĩ, một bà chủ nhà trọ. Ảnh người chết sẽ được chuyển tới các đồn cảnh sát, sẽ được đăng lại trên các nhật báo. Sớm muộn gì rồi cũng biết được nhân thân chính xác của ông Curry.

Trong khi chờ đợi còn có lắm việc khác phải làm, không phải chỉ có vụ án Curry này. Hardcastle làm việc không nghỉ giải lao mãi tới năm giờ rưỡi. Ông nhìn đồng hồ đeo tay và quyết định đã đến đúng lúc phải gọi cú điện thoại ông muốn gọi.

Theo báo cáo của trung sĩ Cray thì Sheila Webb đã trở lại Phòng Cavendish. Lúc năm giờ cô sẽ làm việc suốt với Giáo sư Purdy ở Khách sạn Curlew và không thể nào rời khỏi đó, mãi rất lâu sau sáu giờ mới được về.

Để xem lại tên bà dì là gì? Lawton — bà Lawton. Số 14, đường Palmerston. Thay vì đi xe cảnh sát, ông đi bộ trên quãng đường ngắn.

Palmerston là một con đường u ám mà, người ta nói, từng nổi tiếng với những ngày tháng tốt đẹp hơn. Thanh tra lưu ý nhà cửa đã được chỉnh trang chủ yếu thành các căn hộ và nhà nhỏ. Khi ông rẽ ở góc đường, một cô gái đi trên lề tới gần ông với vẻ ngần ngừ. Trong đầu đang bận rộn, thanh tra thoáng có ý nghĩ cô gái định hỏi mình đường đến nơi nào đó. Tuy nhiên, nếu là vậy, hẳn cô gái đã đổi ý và lại tiếp tục đi ngang qua ông. Ông thắc mắc chẳng hiểu vì sao ý tưởng về đôi giày lại đột ngột nảy ra trong đầu ông. Đôi giày... Không, một chiếc giày. Gương mặt cô gái ông thấy hơi quen quen. Là ai vậy nhỉ — một người nào đó ông mới gặp gần đây... Có lẽ cô ta đã nhận ra ông và định nói với ông chẳng?

Ông dừng một lát, quay lại nhìn theo cô. Giờ đây cô đang bước rất nhanh. Rắc rối là ở chỗ, ông nghĩ, cô ta có một gương mặt mơ mơ hồ hồ rất khó nhận ra trừ phi có một lý do đặc biệt nào đó để làm như vậy. Đôi mắt màu xanh lơ, làn da đẹp, cái miệng hơi hé mở. Cái miệng. Cũng gợi nhớ một điều gì đó. Một điều gì đó cô ta đã làm với cái miệng của cô? Nói chuyện? Thoa son môi? Không phải. Ông cảm thấy hơi bức bối với chính mình. Hardcastle luôn lấy làm tự hào về khả năng nhận ra các gương mặt. Ông hay nói mình không bao giờ quên một bản mặt từng thấy ở vành móng ngựa hay trên bức nhân chứng, nhưng dẫu sao còn có những nơi giao tiếp khác. Chẳng hạn, ông không tài nào nhớ ra mọi nữ tiếp viên từng phục vụ

bàn cho mình. Ông không nhớ hết các cô lái xe buýt, ông xua vấn đề ấy ra khỏi đầu mình.

Giờ đây ông đã tới nhà số 14. Cánh cửa khép hờ và có bốn nút bấm chuông bên dưới có ghi tên. Bà Lawton, ông thấy bà ở trong một căn hộ tầng trệt, ông bước vào và bấm chuông trên cửa bên trái sảnh. Vài phút sau mới được đáp lại. Cuối cùng ông nghe có tiếng chân bước ở bên trong, rồi cửa được mở ra bởi một người đàn bà cao gầy với mái tóc đen rối bù, mặc áo khoác làm việc và có vẻ như bị hụt hơi. Mùi hành phảng phất bay tới từ một hướng hiển nhiên là nhà bếp.

“Bà Lawton phải không ạ?”

“Vâng?” Bà ngó Hardcastle với vẻ ngờ vực và hơi bực mình.

Ông nghĩ bà ta chừng bốn mươi lăm tuổi, vẻ bề ngoài có gì đó hơi giống người di-gan lưu linh lạc địa.

“Có chuyện gì thế?”

“Tôi rất hân hạnh nếu bà có thể dành cho tôi đôi chút thời gian.”

“À, về chuyện gì vậy? Lúc này thì tôi đang khá bận.” Bà nói thêm, giọng gay gắt, “Ông không phải phóng viên chứ?”

“Dĩ nhiên là không rồi,” giọng điệu của Hardcastle ra vẻ thân tình. “Chắc đám phóng viên đã làm phiền bà nhiều lắm ạ.”

“Đúng thế. Cứ gõ cửa, bấm chuông rồi hỏi tôi đủ thứ câu vớ va vớ vẩn.”

“Tôi biết là rất bực bội. Ước gì có thể chia sẻ với bà tất cả chuyện ấy, bà Lawton ạ. Tiện thể xin thưa với bà tôi là Thanh tra Hardcastle, phụ trách vụ án mà đám phóng viên đã quấy rầy bà. Giá như có thể, hẳn chúng tôi sẽ dẹp đi rất nhiều, nhưng chúng tôi chẳng có quyền hạn về chuyện đó, bà biết đấy. Báo chí có quyền của họ.”

“Tới tư gia làm phiền người ta như họ thường làm thật đáng hổ thẹn. Cứ lấy cớ là phải có tin tức cho công chúng. Điều duy nhất tôi thấy là tin tức họ đăng báo toàn là một mớ toàn những thứ láo toét từ đầu tới cuối. Cho tới nay như tôi được biết, *bất cứ chuyện gì* họ cũng xào nấu lại cả. Nhưng mời ông vào nhà đã!”

Bà lùi lại. Thanh tra bước qua ngưỡng cửa và bà đóng lại. Có hai lá thư rơi trên tấm thảm. Chủ nhà cúi tới trước định lượm lên, nhưng thanh tra đã lịch sự chặn trước bà ta. Mắt ông lướt qua chúng trong nửa giây khi trao cho bà, ưu tiên xem các địa chỉ.

“Cảm ơn ông.”

Bà đặt chúng lên cái bàn trong sảnh.

“Mời ông vào phòng khách, được không ạ? Ít ra là — ông đi vào cái cửa này và xin chờ tôi một lát thôi. Cái gì đó đang sôi sùng sục.”

Bà rút lui thật nhanh vào nhà bếp. Thanh tra Hardcastle thận trọng nhìn một lần chót mấy lá thư để trên cái bàn trong sảnh. Một lá gửi cho bà Lawton và hai lá khác gửi cho cô R.S.Webb. Ông bước vào căn phòng được chỉ định. Đó là một căn phòng nhỏ khá bừa bộn, bày biện đồ đạc tồi tàn nhưng đó đây trưng bày một cái đèn chiếu sáng nhiều màu và những đồ vật lạ thường. Một cái ly thủy tinh Venice pha nhiều màu sắc và hình thù trừu tượng trông thật hấp dẫn, có lẽ đắt tiền, hai tấm đệm nhung màu tươi thắm và một đĩa lớn bằng đất nung cần những vỏ sò kiểu nước ngoài. Cả dĩa lẫn chậu đều có nét độc đáo, ông nghĩ.

Chủ nhà quay trở lại, còn hệt hơi hơn trước.

“Bây giờ sẽ ổn cả thôi,” bà nói có vẻ không mấy chắc chắn.

Một lần nữa thanh tra tỏ ra ân hận.

“Xin lỗi vì đã đến nhà bà vào một giờ giấc không thuận tiện, nhưng tôi tình cờ đi qua đây, và muốn xác minh thêm vài điểm nữa về sự việc mà cháu gái bà thật không may đã dính líu vào. Hy vọng cô ấy không phải trải qua những thời khắc tồi tệ nhất, phải thế không? Chắc hẳn đấy là một cú sốc nặng nề với bất kỳ cô gái nào.”

“Vâng, quả đúng thế ạ,” bà Lawton nói. “Sheila trở về trong một tình trạng kinh khủng. Nhưng sáng nay nó đã bình thường và đi làm trở lại.”

“À phải, tôi biết điều ấy,” thanh tra nói. “Nhưng tôi được biết cô ấy đã ra ngoài làm việc cho một khách hàng ở đâu đấy và tôi chẳng muốn làm gián đoạn một công việc như thế nên tôi nghĩ sẽ tốt hơn nếu đến đây nói chuyện với cô ấy ở nhà riêng. Nhưng cô ấy chưa về, phải thế không?”

“Có lẽ tối nay nó về khá muộn. Đang làm cho một giáo sư tên Purdy và theo lời nó nói thì ông ấy chả bao giờ có ý niệm về thời gian. Lúc nào cũng nói ‘việc này sẽ mất không hơn mười phút nữa nên tôi nghĩ chúng ta cũng có thể làm cho xong’ và rồi dĩ nhiên mất gần cả bốn mươi lăm phút. Tuy nhiên, ông ta là người rất tử tế và rất phục thiện. Một vài lần ông ấy đã cố mời nó ở lại dùng bữa tối, và có vẻ hết sức ái ngại vì đã giữ nó lại quá lâu mà chẳng hề nhận ra. Tuy thế đôi khi cũng khá bực mình. Có chuyện gì tôi có thể kể cho ông nghe không, ông thanh tra? Trong trường hợp con bé về quá trễ.”

“À, không hẳn,” thanh tra mỉm cười đáp. “Dĩ nhiên hôm nọ chúng tôi chỉ ghi nhận những chi tiết sơ sài thôi, và tôi thực sự không chắc mình nắm những chi tiết ấy có đúng không.” Ông lại xem qua quyển sổ của mình một lần nữa. “Để tôi xem nào! Cô Sheila Webb — đấy có phải là tên đầy đủ hay cô ấy còn có tên thánh khác? Chúng tôi phải nắm thật chính xác, bà biết đấy, để lập hồ sơ ở buổi sơ thẩm.”

“Buổi sơ thẩm là vào ngày kia, phải không ạ? Nó đã nhận được thông báo phải đến dự.”

“Phải, nhưng cô ấy không nên để chuyện đó làm cô lo lắng. Chỉ cần kể lại chuyện mình đã phát hiện cái xác như thế nào thôi.”

“Các ông vẫn chưa biết người đàn ông đó là ai sao?”

“Chưa. Tôi e rằng mới mấy ngày đầu thôi nên chưa biết được. Trong túi ông ta có một tấm danh thiếp, nên ban đầu chúng tôi tưởng ông ta là nhân viên bảo hiểm kiểu nào đấy. Nhưng bây giờ dường như có nhiều khả năng ai đó đã đưa tấm thiếp cho ông ta. Có lẽ ông ta dự định mua bảo hiểm cho chính mình.”

“À, tôi hiểu rồi,” bà Lawton có vẻ hờ hững.

“Bây giờ tôi chỉ cần nắm cho đúng những cái tên. Tôi nghĩ mình đã ghi là cô Sheila Webb hay cô Sheila R. Webb. Tôi chả nhớ ra cái tên kia. Có phải Rosalie không?”

“Rosemary,” chủ nhà đáp. “Rosemary Sheila nhưng Sheila lúc nào cũng nghĩ cái tên Rosemary quá kỳ khôi nên chẳng bao giờ dùng cái tên nào

khác ngoài Sheila.”

“Tôi hiểu rồi,” giọng điệu ông thanh tra không hề lộ vẻ vui mừng vì một trong các linh cảm của ông đã thành sự thật. Ông chú ý đến một điểm nữa. Cái tên Rosemary chẳng hề làm cho bà Lawton lo lắng. Đối với bà, Rosemary đơn giản chỉ là một tên thánh mà cháu bà chả chịu dùng thôi.

“Tôi đã ghi được ngay rồi đây,” thanh tra mỉm cười. “Tôi được biết cháu gái bà từ London đến và đã làm việc cho Phòng Cavendish khoảng chừng mười tháng nay rồi. Chắc bà không rõ ngày tháng chính xác?”

“À, đúng vậy, tôi không thể nhớ được. Là lúc nào đó vào tháng mười một năm ngoái. Chắc là gần cuối tháng mười một.”

“Hẳn thế. Thật sự không thành vấn đề. Cô ấy không sống với bà ở đây trước khi xin được việc làm ở Phòng Cavendish?”

“Không. Trước đó nó sống ở London.”

“Bà có địa chỉ của cô ấy ở London không?”

“À, tôi để ở đâu đây nè,” bà ngó xung quanh mình với vẻ mặt lơ ngơ của người quen sống bừa bộn. “Trí nhớ của tôi kém lắm. Cái gì đó như là Allington Grove, tôi nghĩ là cách xa Fulham. Nó ở chung một căn hộ với hai đứa con gái khác. Những căn phòng giá đắt kinh khủng ở London dành cho bọn con gái.”

“Bà có nhớ tên công ty cô ấy làm việc ở đấy không?”

“À, có chứ. Hopgood và Trent. Một công ty bất động sản trên đường Fulham.”

“Cảm ơn bà. À, tất cả có vẻ rất rõ ràng rồi. Cô Webb là trẻ mồ côi, có đúng không?”

“Đúng,” bà Lawton đáp. Bà tựa quỳ có vẻ không thoải mái. Mắt bà lơ đãng nhìn ra phía cửa phòng. “Ông cảm phiền cho tôi trở vào nhà bếp được không?”

“Dĩ nhiên rồi.”

Ông mở cửa cho bà ta. Bà đi ra. Ông tự hỏi mình đúng hay sai khi nghĩ rằng câu hỏi vừa rồi của ông cách nào đó đã khiến bà bối rối. Cho tới lúc ấy

câu trả lời của bà được thốt ra một cách hết sức sẵn sàng và dễ dàng, ông suy nghĩ về điều đó cho tới khi bà Lawton quay trở lại.

“Tôi rất xin lỗi,” bà nói với vẻ áy náy, “nhưng ông biết nấu ăn là thế nào rồi đấy. Bây giờ mọi thứ đều hoàn toàn ổn thỏa rồi. Còn điều gì khác ông muốn hỏi tôi không? À này, tôi nhớ lại không phải là Allington Grove. Đó là Carrington Grove và số nhà là 17.”

“Cảm ơn bà. Tôi nghĩ mình vừa hỏi bà có phải cô Webb là trẻ mồ côi không.”

“Vâng, nó mồ côi. Bố mẹ nó đã mất rồi.”

“Cách đây đã lâu rồi à?”

“Họ mất khi nó còn bé.”

Có thể nhận thấy vẻ coi thường trong giọng điệu của bà ta.

“Cô ấy là con của chị bà, hay của anh bà?”

“Chị tôi.”

“À vâng. Và ông Webb làm nghề gì?”

Bà Lawton tạm dừng một chút trước khi trả lời. Bà đang cắn môi. Sau đó bà nói, “Tôi không biết.”

“Bà không biết ư?”

“Tôi muốn nói là không nhớ, cách đây đã quá lâu rồi.” Thanh tra chờ đợi vì biết bà sẽ nói tiếp. Quả thật bà nói tiếp.

“Xin cho tôi hỏi toàn bộ chuyện này có liên quan gì đến vụ ấy — tôi muốn nói bố mẹ nó là ai, bố nó làm gì, từ đâu đến và bất cứ chuyện gì như thế, có gì quan trọng chứ?”

“Tôi cho rằng thật ra thì không quan trọng, bà Lawton ạ, không quan trọng theo quan điểm của bà. Nhưng bà thấy đấy, hoàn cảnh thật khá bất thường.”

“Ông bảo hoàn cảnh bất thường là ý gì?”

“À, chúng tôi có lý do để tin rằng cô Webb đã đến ngôi nhà ấy hôm qua vì được đặc biệt yêu cầu đích danh ở Phòng Cavendish. Vì thế có vẻ như ai

đấy đã cố tình sắp đặt để cô ấy đến đấy. Ai đấy có lẽ...” ông ngần ngừ “... có ác cảm với cô ấy.”

“Tôi không thể tưởng tượng ai đó lại ác cảm với Sheila. Nó là một đứa con gái rất dịu dàng. Một đứa con gái hiền lành tốt bụng và thân thiện.”

“Phải,” thanh tra nói thật nhã nhặn. “Chính tôi cũng từng nghĩ thế đấy.”

“Và tôi chả thích nghe ai có ý nói ngược lại,” bà ta nói vẻ khiêu khích.

“Chính xác.” Hardcastle tiếp tục mỉm cười dễ dàng hòa. “Nhưng bà phải nhận ra, bà Lawton à, có vẻ như ai đấy đã cố tình làm cho cháu gái bà trở thành nạn nhân. Cô ấy bị đưa vào hiện trường, như phim ảnh thường nói. Ai đấy đã sắp đặt để cô vào một ngôi nhà có người chết, và người đó chỉ vừa mới chết thôi. Xem ra bề mặt của sự việc này là một chuyện hiểm ác.”

“Ông muốn nói — ông muốn nói ai đó đang cố làm cho có vẻ như Sheila đã giết chết ông kia? Ồ không đâu, tôi không thể tin chuyện ấy.”

“Khó tin thật,” thanh tra đồng ý, “nhưng chúng tôi phải hoàn toàn chắc chắn và làm sáng tỏ vấn đề. Chẳng hạn không chừng có một thanh niên, ai đấy có lẽ đã phải lòng cháu gái bà, và cháu gái bà có lẽ đã không hề để mắt đến cậu ta? Bọn con trai đôi lúc vẫn làm những việc trả thù cay độc, nhất là khi đã mất bình tĩnh.”

“Tôi không nghĩ chuyện là như vậy,” bà Lawton nhíu mắt cau mày ra chiều đăm chiêu suy nghĩ và nhăn nhó. “Sheila có quen một vài thằng, nhưng không có gì nghiêm trọng. Không có đứa nào kiên trì đeo đuổi bất cứ kiểu nào cả.”

“Biết đâu chuyện xảy ra trong thời gian cô ấy sống ở London?” thanh tra gợi ý. “Dẫu sao, tôi không cho rằng bà biết nhiều về chuyện cô Webb có những bạn bè nào ở đấy.”

“Không, không, có lẽ là không... À, chuyện đó ông phải đích thân hỏi nó, thanh tra Hardcastle. Còn tôi thì chưa bao giờ nghe có chuyện rắc rối nào.”

“Hay có thể là một cô gái khác,” thanh tra lại gợi ý. “Có lẽ một cô gái sống chung phòng ở đấy đã ghen với Sheila.”

“Tôi nghĩ có thể có một đứa con gái muốn chơi xấu,” bà Lawton nói về ngờ vực. “Nhưng không liên quan tới chuyện giết người, chắc chắn như vậy.”

Đó là một đánh giá sắc sảo và thanh tra lưu ý bà Lawton tuyệt nhiên không phải người khờ khạo. Ông nói thật nhanh: “Tôi biết toàn bộ chuyện này nghe có vẻ dứt khoát không thể nào xảy ra, nhưng nếu thế thì toàn bộ vụ việc ấy cũng dứt khoát không thể xảy ra.”

“Chắc phải có kẻ điên khùng nào đó,” bà chủ nhà nhận xét.

“Ngay cả trường hợp điên rồ cũng có một lý do rõ rệt đằng sau sự điên rồ ấy, bà biết đấy,” Hardcastle nói. “Cái gì đấy xui khiến nó xảy ra. Và thực sự,” ông nói tiếp, “chính vì vậy tôi mới hỏi bà về bố mẹ của Sheila Webb. Bà sẽ ngạc nhiên khi biết những động cơ phạm tội có gốc rễ trong quá khứ thường xuyên nảy sinh đến thế nào. Vì bố mẹ của cô Webb đã mất lúc cô còn rất bé, dĩ nhiên cô ấy chẳng thể cho tôi biết bất cứ chuyện gì về họ. Chính vì thế tôi mới hỏi bà đây.”

“Vâng, tôi hiểu, nhưng mà — à...”

Thanh tra để ý thấy giọng bà ta trở lại bối rối và không chắc chắn. Ông hỏi: “Có phải họ bị giết chết cùng một lúc trong một tai nạn, hay đại loại như thế?”

“Không, không có tai nạn gì cả.”

“Thế cả hai đều mất vì những lý do tự nhiên hay sao?”

“Tôi — à vâng, tôi muốn nói — thật ra tôi không rõ.”

“Chắc hẳn bà phải biết nhiều hơn một chút so với những gì bà vừa nói với tôi, bà Lawton ạ.” Ông đoán liều một câu. “Có lẽ họ đã ly dị — đại loại thế?”

“Không, họ không ly dị.”

“Nào nào, bà Lawton. Bà biết—bà phải biết chị bà chết vì chuyện gì chứ?”

“Tôi không hiểu chuyện gì — Ý của tôi là tôi không thể nói — rất khó. Cứ khơi lại chuyện này chuyện nọ. Tốt hơn hết đừng có khơi gợi lại nữa.”

Có một nét bối rối tuyệt vọng trong cái liếc nhìn của bà ta.

Thanh tra nhìn bà soi mói. Rồi ông nói một cách nhẹ nhàng: “Có lẽ Sheila Webb là con ngoài giá thú?”

Ông lập tức trông thấy một nỗi kinh sợ pha lẫn vẻ nhẹ nhõm hiện lên trên gương mặt bà ta.

“Nó không phải con *tôi*,” bà nói.

“Có phải cô ấy là con ngoài giá thú của chị bà?”

“Phải, nhưng nó không biết chuyện đó. Tôi chưa bao giờ cho nó biết. Tôi nói với nó bố mẹ nó đã chết lúc còn trẻ. Bởi thế cho nên — à, ông hiểu rồi đó...”

“Ô, vâng, tôi hiểu,” thanh tra nói, “và tôi cam đoan với bà trừ phi có gì xảy đến trong chuyên án đặc biệt này, tôi không cần thiết thẩm vấn cô Webb về đề tài này.”

“Ông muốn nói không cần cho nó biết sao?”

“Không cần, trừ phi có liên quan đến vụ án. Nhưng tôi cần biết tất cả những sự kiện mà bà biết, bà Lawton ạ, và tôi cam đoan với bà sẽ làm hết sức mình để giữ bí mật những gì bà nói với tôi, hoàn toàn chỉ có hai chúng ta biết mà thôi.”

“Chuyện xảy ra không hay ho gì,” bà Lawton nói, “và tôi rất đau buồn vì nó, có thể nói với ông như vậy. Chị tôi vẫn luôn là một người tài giỏi trong gia đình. Chị là giáo viên giỏi. Rất được kính trọng và mọi chuyện khác nữa. Người cuối cùng người ta nghĩ sẽ...”

“À,” thanh tra nói rất khéo, “vẫn thường xảy ra như thế đấy. Bà ấy đã quen với người đàn ông này — ông Webb này...”

“Ngay cả tên anh ta là gì tôi cũng không biết. Tôi chưa từng gặp anh ta. Nhưng chị ấy tới gặp tôi và kể chuyện đã xảy ra. Chị sắp có một đứa con nhưng người đàn ông lại không thể, hay không muốn — tôi không biết nữa — anh ta không chịu cưới. Chị ấy là người có nhiều hoài bão, và điều đó có nghĩa là phải bỏ việc nếu chuyện bại lộ. Vì vậy lẽ đương nhiên tôi — tôi đã nói là sẽ giúp.”

“Hiện giờ chị bà ở đâu, bà Lawton?”

“Tôi không biết gì cả. Hoàn toàn không biết gì cả.” Bà ta nhấn mạnh.

“Dẫu sao bà ấy vẫn còn sống chứ?”

“Chắc là vậy.”

“Bà đã không duy trì liên lạc với bà ấy sao?”

“Là do chị ấy muốn vậy. Chị ấy nghĩ sẽ tốt hơn cho đứa bé lẫn chị ấy nếu hoàn toàn cắt đứt quan hệ. Vì vậy mọi sự đã được định đoạt theo cách đó. Cả hai chị em tôi đều có một khoản thu nhập nhỏ do mẹ chúng tôi để lại. Chị Ann giao phần được chia đôi của chị cho tôi để lo nuôi dạy con bé. Còn chị thì tiếp tục hành nghề, chị nói vậy, nhưng sẽ chuyển trường. Có người đã nghĩ, tôi tin thế, chị ấy đã trao đổi một niên khóa với một giáo viên ở nước ngoài. Nước Úc hay đâu đó. Tất cả những gì tôi được biết chỉ có thế, thanh tra Hardcastle à, và là tất cả những gì tôi có thể kể cho ông nghe.”

Ông nhìn bà ta có vẻ nghĩ ngợi. Có thật đó là tất cả những gì bà ta biết? Một câu hỏi khó trả lời, rất khó. Chắc chắn đó là tất cả những gì bà ta muốn kể cho ông nghe. Cũng có thể đó là tất cả những gì bà ta biết. Tuy kết quả sưu tra về bà chị còn sơ sài, Hardcastle vẫn có ấn tượng về một cá tính mạnh mẽ, chua cay, giận dữ của người này. Dạng phụ nữ quyết không để mình tàn đời vì một sai lầm. Một cách kiên định lạnh lùng, bà ta đã chuẩn bị đầy đủ để nuôi dạy và có thể còn lo cho hạnh phúc của con mình nữa. Từ đó trở đi bà tự cắt đứt để lên đênh phiêu bạt, bắt đầu lại một cuộc sống tùy ý mình.

Ông nghĩ, sao bà ta cảm thấy như thế về đứa con thì có thể hiểu được, nhưng còn em gái bà thì sao? ông nói một cách nhẹ nhàng: “Bà ấy đã không giữ liên lạc tối thiểu với bà qua thư từ cũng kỳ thật, bộ không muốn biết đứa bé phát triển thế nào hay sao?”

Bà Lawton lắc đầu.

“Không đâu, giá như ông có quen biết chị Ann thì sẽ rõ. Chị ấy lúc nào cũng rất dứt khoát khi quyết định một việc gì. Và tôi với chị ấy không thân thiết lắm. Tôi nhỏ tuổi hơn chị ấy rất nhiều — mười hai tuổi. Như tôi nói đó, chúng tôi chưa bao giờ thân với nhau lắm.”

“Còn chồng bà thì nghĩ gì về việc nhận nuôi này?”

“Lúc đó tôi đã ở góa. Tôi lấy chồng lúc còn trẻ và chồng tôi chết trong chiến tranh. Thời gian ấy tôi trông coi một cửa hàng bánh kẹo.”

“Tất cả chuyện này xảy ra ở đâu thế? Không phải ở Crowdean này?”

“Không phải. Thời gian đó chúng tôi sống ở Lincolnshire. Tôi đã đến đây một lần vào kỳ nghỉ hè, và tôi thích quá chừng nên đã bán cửa hàng rồi dọn tới sống ở đây. Về sau, khi Sheila tới tuổi đi học, tôi xin vào làm ở Roscoe và West, cửa hàng bán vải lớn nơi này. Tôi vẫn còn làm việc ở đó. Họ là những người rất vui tính.”

“À, xin cảm ơn bà rất nhiều, bà Lawton,” Hardcastle đứng dậy, “vì đã thành thật kể cho tôi biết chuyện.”

“Ông sẽ không nói một lời nào với Sheila chứ?”

“Không đâu, trừ phi việc ấy trở nên cần thiết, và chỉ xảy ra nếu một số hoàn cảnh từ quá khứ tỏ ra có dính líu với án mạng ở nhà số 19, Wilbraham Crescent. Và điều ấy tôi nghĩ không thể nào xảy ra cả.” Ông rút trong túi ra bức ảnh mà ông đã đưa cho quá nhiều người xem, rồi chìa nó cho bà Lawton xem. “Bà có biết người đàn ông này là ai không?”

“Người ta đã đưa cho tôi xem rồi.” Bà Lawton cầm lấy bức ảnh, ngắm soi một cách sốt sắng.

“Không. Tôi chắc chắn, hoàn toàn chắc chắn, trước giờ tôi chưa hề gặp người này. Tôi không nghĩ ông ta là người ở đây hay nhớ đã từng gặp ở đâu đó. Dĩ nhiên...” bà nhìn thật kỹ. Ngừng lại một lát, rồi bà nói thêm, khá bất ngờ: “Ông này trông có vẻ là người tử tế, tôi nghĩ vậy. Một quý ông, phải nói như thế. Ông nghĩ sao?”

Đó là kiểu nói đã lỗi thời theo kinh nghiệm của ông thanh tra, thế nhưng lại rơi ra một cách tự nhiên từ đôi môi của bà chủ nhà. ‘Được nuôi dạy ở thôn quê,’ ông nghĩ. ‘Họ vẫn quen nghĩ về chuyện này chuyện nọ cái kiểu ấy.’ Ông tự ngó lại bức ảnh, trầm ngâm suy nghĩ với đôi chút ngạc nhiên vì đã không nghĩ về người chết theo kiểu đó. Có phải ông ta là người tử tế? Thanh tra vẫn luôn nghĩ điều ngược lại. Cho là như thế có lẽ vì vô thức, hoặc bị ảnh hưởng bởi sự kiện người đàn ông có một danh thiếp trong túi

mang một cái tên và một địa chỉ hiển nhiên là sai. Nhưng lời ông đã giải thích với bà Lawton ngay bây giờ có thể là đúng. Có thể tấm thiệp đó tiêu biểu cho một nhân viên bảo hiểm giả mạo đã ép người chết nhận tấm thiệp. Và, ông nghĩ một cách gượng gạo, điều đó thực sự khiến cho toàn bộ sự việc càng thêm khó khăn.

Ông lại liếc nhìn đồng hồ đeo tay.

“Tôi không nên tách bà khỏi việc nấu nướng lâu hơn nữa,” ông nói, “bởi vì cháu gái bà vẫn chưa về đến nhà.”

Tới lượt bà Lawton nhìn đồng hồ để trên bệ lò sưởi. ‘Chỉ có một chiếc đồng hồ trong phòng này, tạ ơn trời!’ thanh tra thầm nghĩ.

”Vâng, nó về trễ,” bà nhận xét. “Thật đáng ngạc nhiên. Edna không đợi cũng tốt đó chứ.”

Thấy vẻ mặt Hardcastle hơi ngơ ngác, bà giải thích: “Là một đứa con gái ở sở làm. Tối nay nó tới đây để gặp Sheila và đã chờ một chút xíu nhưng một lát sau nó nói không thể chờ lâu hơn nữa. Nó có hẹn với ai đó. Nó nói thôi để ngày mai hay là khi khác.”

Trong đầu thanh tra bừng sáng lên. Cô gái đã đi ngang qua ông ngoài đường! Giờ đây ông đã biết vì sao cô ta khiến ông nghĩ tới những chiếc giày. Đúng rồi. Chính là cô gái đã tiếp ông ở Phòng Cavendish và là cô gái lúc ông ra về đang cầm lên một chiếc giày với cái gót nhọn đã bị sút ra, và đã rối trí vì xúi quẩy nên bàn chuyện làm sao đi về nhà như thế. Một kiểu phụ nữ khó tả vì không có đặc điểm gì, ông nhớ lại, không hấp dẫn lắm, luôn mút một thứ kẹo nào đó khi nói chuyện. Cô đã nhận ra ông khi đi ngang qua trên phố dù ông không nhận ra cô. Cô cũng đã ngần ngừ do dự như thế định nói với ông. Ông tự hỏi khá vu vơ, không biết cô muốn nói gì. Phải chăng cô muốn giải thích vì sao tới nhà Sheila Webb hay cô tưởng ông mong cô nói điều gì đó? Ông hỏi: “Có phải cô ấy là một người bạn thân của cháu bà không?”

“À, không có gì đặc biệt,” bà Lawton đáp. “Tôi muốn nói bọn nó làm chung sở thôi, nhưng con bé ấy khá khù khờ. Không sáng dạ lắm, nó và Sheila không phải bạn đặc biệt gì. Thực tế là tôi đã thắc mắc không hiểu tại

sao tối nay nó lại muốn gặp Sheila vậy. Nó nói không hiểu nổi chuyện gì đó và muốn hỏi Sheila.”

“Cô ấy không cho bà biết là chuyện gì sao?”

“Không, nó bảo để nó nói chuyện đó với con bé, và không có gì quan trọng.”

“Tôi hiểu. À, tôi phải đi đây.”

“Thật lạ quá,” bà Lawton nói, “sao Sheila không gọi điện thoại. Nó thường vẫn gọi nếu về trễ, vì đôi khi ông giáo sư mời nó ở lại dùng bữa tối. A, phải rồi, tôi nghĩ nó sẽ về ngay bây giờ đây. Có nhiều xe buýt đôi khi nối đuôi nhau, và Khách sạn Curlew rất tiện đường để tới phố đi bộ Esplanade. Không có gì—không hẳn gì à—ông có muốn để lại lời nhắn cho Sheila không?”

“Tôi nghĩ là không,” thanh tra đáp.

Khi đi ra ông hỏi, “À này, ai đã chọn tên thánh cho cháu gái bà, Rosemary và Sheila? Chị bà hay chính bà?”

“Sheila là tên mẹ chúng tôi. Rosemary do chị tôi chọn. Chọn lựa gì kỳ cục thật! Lập dị. Nhưng mà chị tôi không hề lập dị hay đa cảm chút nào.”

“Vâng, chúc bà ngủ ngon nhé, bà Lawton.”

Khi từ lối vào cổng rẽ ra phố, thanh tra nghĩ: “Rosemary — Hừm... Rosemary để tưởng nhớ. Hồi tưởng lãng mạn? Hay là cái gì đó hoàn toàn khác?”

Lời kể của Colin Lamb

Tôi đi bộ ngược lên phía trên đường Charing Cross rồi rẽ vào một mê cung gồm những con đường ngoằn ngoèo uốn lượn giữa đường New Oxford và Vườn hoa Covent. Dù thứ cửa hàng không ngờ tới đang kinh doanh ở đó, những cửa hàng cổ kính, một bệnh viện dành cho búp bê, những đôi giày múa balê, những tiệm bán các món ăn ngon nước ngoài.

Tôi cưỡng lại sự quyến rũ của bệnh viện búp bê với nhiều cặp mắt thủy tinh màu xanh và nâu khác nhau, rồi cuối cùng cũng đến được mục tiêu của mình. Đó là một hiệu sách nhỏ nhếch nhác trong một đường hẻm không xa Viện Bảo tàng Anh Quốc. Có những khay sách thông thường bên ngoài. Tiểu thuyết xưa, sách giáo khoa cũ, sách linh tinh đủ loại, dán nhãn 3d., 6d., 1s., thậm chí một số sách của quý tộc được đóng bìa thậm chí vẫn còn nguyên vẹn.

Tôi bước xéo qua ngưỡng cửa. Cần phải đi xéo qua vì sách được tạm xếp đặt trên hành lang từ ngoài đường vào ngày một va đập vào người càng nhiều hơn. Bên trong rõ ràng là sách làm chủ cửa hiệu chứ chẳng còn cách mô tả nào khác. Sách lan tràn và chiếm hữu môi trường sống, sinh sôi nảy nở, nhân lên gấp bội và rõ ràng thiếu sự bạo tay kiềm chế chúng lại. Khoảng cách giữa các kệ sách quá chật hẹp nên phải khó khăn lắm lắm mới

quản lý nổi. Có hàng đồng sách chêm chệ ngự trên khắp các kệ, cũng y như thế trên khắp các bàn.

Ngồi trên cái ghế đầu trong một góc bị sách bao vây là ông già đội mũ chòm tròn, cong vành, với bộ mặt bự bèn bẹt giống y một con cá đã dồn thịt. Ông có cái dáng vẻ của kẻ đã từ bỏ một cuộc đấu tranh không cân sức. Ông đã thử làm chủ những quyển sách, nhưng hiển nhiên chúng đã thành công trong việc làm chủ ông ta. Ông là một kiểu Vua Canute của thế giới sách, rút lui trước những quyển sách ào ạt tiến lên như thủy triều dâng. Nếu ông ra lệnh cho chúng rút lui, chắc chắn trong cơn tuyệt vọng chúng sẽ chẳng chịu làm như thế. Đó là ông Solomon, chủ hiệu sách. Ông nhận ra tôi, cái nhìn chăm chặp như con cá dụ xuống trong chốc lát và ông gật đầu.

“Chuyên ngành của tôi có gì không?” tôi hỏi.

“Ông phải lên trên ấy mà xem, ông Lamb à. Vãn rong biển và các thứ chứ gì?”

“Đúng thế.”

“À, ông biết chúng ở đâu rồi đó. Hải dương học, hóa thạch, châu Nam cực — tầng hai. Tôi vừa có một gói sách mới hôm kia. Đã bắt đầu mở ra rồi nhưng chưa xem kỹ. Ông có thể tìm thấy chúng ở một góc trên ấy.”

Tôi gật đầu rồi đi xiên đi xéo lần bước tới chỗ cái cầu thang khá ọp ẹp và dơ bẩn dẫn lên lầu ở đằng sau cửa hiệu. Trên tầng một là Mỹ nghệ Đông phương, các sách mỹ thuật, y học và tác phẩm cổ điển Pháp. Trong phòng này có một góc nhỏ che màn khá thú vị mà công chúng nói chung không biết đến nhưng các chuyên gia có thể hiểu được, nơi các tập sách gọi là ‘kỳ dị’ hay ‘kỳ lạ’ chiếm chỗ. Tôi đi ngang qua chúng và lên tầng hai.

Ở đây các sách khảo cổ, lịch sử tự nhiên và các tập sách khả kính khác được sắp xếp phân loại không thỏa đáng lắm. Tôi luôn lách qua các sinh viên, các đại tá đã có tuổi và nhà tu hành, vòng qua góc của một kệ sách, bước qua nhiều gói sách khác nhau đang há hốc miệng trên sàn nhà và thấy con đường tiến bước xa hơn của mình bị chặn ngang bởi hai sinh viên thuộc hai giới tính trái ngược đang lạc lõng giữa cỏi trần đời trong vòng tay ôm nhau xà nẹo.

Họ đứng đó, cứ xàng xê qua qua lại lại mãi. Tôi nói: “Xin thứ lỗi,” kiên quyết đẩy họ sang một bên, vén tấm màn che kín một cánh cửa lên và rút nhẹ từ trong túi ra một chiếc chìa khóa, tra vào ổ khóa rồi bước qua. Thật phi lý, tôi thấy mình đang ở trong một kiểu tiền sảnh có những bức tường sơn màu keo đều đặn, treo những bức ảnh các giống bò trên cao nguyên, và một cánh cửa trên đó treo cái búa gỗ cửa bóng loáng.

Tôi dè dặt gõ nhẹ, và cửa được mở ra bởi một phụ nữ đã có tuổi với mái tóc hoa râm, cặp mắt kính kiểu đặc biệt cổ xưa, mặc cái váy màu đen và khá bất ngờ, bà ta khoác một cái áo tròng đầu có sọc màu xanh bạc hà.

“Cậu đấy à?” bà ta hỏi, không có bất cứ hình thức chào hỏi nào khác. “Ông ấy mới hỏi cậu hôm qua đây thôi. Ông ấy không hài lòng.” Bà lắc đầu nhìn tôi, gần giống một nữ gia sư có tuổi có lẽ đã làm như vậy với một đứa bé khiến bà ta thất vọng. “Cậu phải cố làm tốt hơn nhá,” bà bảo.

“Ôi thôi đi, vú ời,” tôi đáp.

“Này, đừng có gọi tôi là vú này vú nọ nhá! Thế là vô lễ đấy. Tôi đã bảo cậu rồi cơ mà.”

“Đó là lỗi của bà. Bà không nên nói với tôi như thế tôi là một thằng nhóc con.”

“Thời gian qua cậu đã trưởng thành rồi. Cậu nên vào trong làm cho xong việc đi.”

Bà ấn cái nút kêu vo ve rồi nhắc điện thoại để trên bàn giấy lên và nói: “Cậu Colin... Vâng, tôi đang cho cậu ấy vào đây.” Bà đặt máy xuống rồi gật đầu với tôi.

Tôi đi qua cánh cửa cuối phòng sang một phòng khác mịt mù khói xì gà tới nỗi rất khó nhìn thấy bất cứ thứ gì.

Sau khi cặp mắt cay xè của tôi sáng tỏ trở lại, tôi mới thấy được những phần cơ thể phì nhiêu của sếp tôi đang ngồi dựa ngửa trên một cái ghế già cỗi nhếch nhác, cạnh tay vịn của nó là một bàn giấy có đế xoay để đọc hay viết.

Đại tá Beck gỡ cặp mắt kính ra, đẩy sang một bên cái bàn đọc có một quyển sách to tướng bên trên và ngó tôi vẻ thất vọng.

“Cuối cùng là cậu đấy ư?”

“Vâng, thưa sếp.”

“Có được gì không?”

“Không, thưa sếp.”

“Thôi được, chả sao cả, Colin ạ, cậu biết rồi hử? Chả sao. Đúng là các vầng trăng khuyết thật rồi!”

“Tôi vẫn còn suy nghĩ,” tôi mở đầu.

“Được. Cậu vẫn còn suy nghĩ. Nhưng chúng tôi chẳng thể chờ mãi trong lúc cậu vẫn đang suy nghĩ.”

“Tôi xin thừa nhận đó chỉ là linh cảm mà thôi.”

“Thế cũng chẳng hại gì,” đại tá Beck nói.

Ông ta là một người mâu thuẫn.

“Những việc tốt nhất tôi từng làm là linh cảm. Có điều linh cảm này của cậu dường như chả đi đến đâu. Kết thúc với các quán nhậu rồi chứ?”

“Vâng, thưa sếp. Như đã nói với sếp, tôi bắt đầu với các trăng lưỡi liềm. Những căn nhà xây theo kiểu trăng lưỡi liềm là điều tôi muốn nói.”

“Chắc cậu không có ý muốn nói đến các cửa hàng bán bánh mì có những ổ bánh mì tròn kiểu Pháp, dù sao cũng nghĩ đến điều ấy đi nhá, chẳng có lý do gì lại không nghĩ thế. Một số cửa hàng đó làm người ta tuyệt đối cả tin, cứ tưởng họ sản xuất loại bánh mì sừng trâu của Pháp, đấy thực ra không phải của Pháp. Ngày nay như với mọi thực phẩm khác, người ta cho đông lạnh hết. Chính vì thế mà bây giờ chả có cái gì có mùi vị ra làm sao cả.”

Tôi chờ xem ông trai già ấy có mở rộng chủ đề này hay không. Đó là chủ đề ông ưa thích nhất. Nhưng thấy tôi đang mong đợi ông làm như thế, đại tá Beck kìm lại.

“Đi loanh quanh vậy đủ chưa?” ông hặc hỏi.

“Sắp rồi. Tôi còn phải đi một quãng ngắn nữa thôi.”

“Cậu còn muốn có thêm thời gian nữa ư?”

“Tôi muốn có thêm thời gian, đúng vậy,” tôi đáp. “Nhưng lúc này thì tôi không muốn dời đi nơi khác. Đã có một sự trùng hợp và có thể — chỉ là có

thế thôi — có ý nghĩa gì đó.”

“Đừng dông dài nữa! Hãy cho tôi biết các sự kiện!”

“Đối tượng điều tra là Wilbraham Crescent.”

“Và cậu chẳng tìm thấy gì! Hay là có?”

“Tôi không chắc.”

“Nói rõ đi, nói rõ đi, cậu bé!”

“Trùng hợp ở chỗ có một người đàn ông bị sát hại ở Wilbraham Crescent.”

“Ai bị sát hại?”

“Chưa biết là ai. Trong túi có một tấm thiệp đề tên và địa chỉ nhưng đều là giả cả.”

“Hừm. Phải rồi. Có gợi ý đấy. Đã kết hôn chưa?”

“Chuyện đó tôi không biết được, thưa sếp, nhưng mà cũng vậy thôi...”

“Tôi biết, tôi biết. Cũng vậy thôi... À, cậu đến để làm gì? Để xin phép tiếp tục sục sạo Wilbraham Crescent — cái nơi nghe buồn cười ấy ở đâu thế?”

“Nơi đó gọi là Crowdean. Cách Portlebury mười dặm.”

“Phải, phải. Một nơi rất tốt. Nhưng cậu đến đây làm gì? Cậu thường không xin phép mà. Cậu vẫn làm kiểu ương bướng của riêng mình, đúng không?”

“Đúng vậy, thưa sếp, tôi e là vậy.”

“À, rồi sao nữa?”

“Có hai người tôi muốn sưu tra kỹ.”

Với một tiếng thở dài đại tá Beck kéo cái bàn đọc trở về vị trí cũ, lấy từ trong túi áo ra một chiếc bút bi, thổi vào nó rồi nhìn tôi.

“Gì nào?”

“Ngôi nhà gọi là Diana Lodge. Đúng ra là số 20, Wilbraham Crescent. Người đàn bà gọi là bà Hemming và chừng mười tám con mèo sống ở đó.”

“Diana à? Hừm,” đại tá Beck nói. “Nữ thần Mặt Trăng. Diana Lodge. Đúng. Bà ta làm gì, cái bà Hemming ấy?”

“Không gì hết. Bà ta chỉ chăm chăm vào bầy mèo của mình thôi.”

“Vỏ bọc tuyệt hảo, tôi dám nói thế đấy,” đại tá đánh giá. “Chắc chắn có thể thế. Chỉ thế thôi sao?”

“Còn nữa ạ. Một người đàn ông tên là Ramsay. Sống ở số 62, Wilbraham Crescent. Nghe nói là kỹ sư xây dựng, là gì cũng vậy thôi. Ra nước ngoài rất nhiều.”

“Tôi thích cái tên nghe hay ho này. Tôi thích lắm đấy. Cậu muốn biết về anh ta, phải không? Được.”

“Ông ấy có một bà vợ. Một bà vợ cực kỳ tử tế, và hai thằng nhóc con quậy phá.”

“À, anh ta có thể có vợ con chứ,” đại tá Beck nói. “Chuyện như thế đã được biết đến rồi. Cậu nhớ Pendleton chứ? Hẳn cũng có vợ con. Vợ hẳn rất tử tế. Một người đàn bà ngu đần nhất tôi từng gặp phải. Chị ta chả biết gì về việc thằng chồng không phải là kẻ buôn sách phương Đông đáng kính. Nghĩ đến điều ấy đi nhé, bây giờ tôi nhớ ra Pendleton có một cô vợ người Đức và hai đứa con gái. Hẳn còn có một cô vợ ở Thụy Sĩ nữa. Tôi chả biết mấy người vợ của hẳn là gì — là những mối quan hệ riêng tư quá mức của hẳn hay vỏ bọc cho hẳn. Tất nhiên hẳn sẽ nói đấy là nguy trang. À, dù sao cậu cũng muốn biết về Ramsay. Còn gì nữa không?”

“Tôi không chắc. Có một cặp vợ chồng ở nhà số 63. Giáo sư về hưu. Tên McNaughton. Người Scotland. Đã có tuổi. Dành thời gian của mình để làm vườn. Không có lý do để nghĩ ông ta và vợ không ổn... nhưng...”

“Được. Chúng tôi sẽ kiểm tra. Sẽ soát họ qua hệ thống để biết chắc. Mà này, tất cả những người này là sao đây?”

“Nhà của những người này đều có vườn liền kề hay tiếp giáp với vườn nhà xảy ra án mạng.”

“Nghe giống tác phẩm của người Pháp,” Beck nói. “Xác của chú tôi ở đâu? Trong vườn nhà anh họ của thím tôi. Vậy còn chính nhà số 19 thì sao?”

“Một bà mù, từng là giáo viên, sống ở đó. Hiện bà làm cho một học viện dành cho người khiếm thị và đã được cảnh sát địa phương điều tra rất kỹ

rồi.”

“Sống một mình à?”

“Vâng.”

“Và cậu có ý kiến gì về tất cả những người kia?”

“Ý kiến của tôi là,” tôi nói, “nếu bất cứ ai trong những người này phạm tội giết người ở bất cứ nhà nào trong những nhà mà tôi đã đề cập với ông, mặc dù mạo hiểm nhưng chuyển cái xác vào trong nhà số 19 vào một thời điểm thích hợp trong ngày là hoàn toàn dễ dàng. Đó là một khả năng, chỉ có vậy thôi. Và có một điều tôi muốn trình cho sếp xem. *Cái này đây.*”

Đại tá cầm lấy đồng tiền kim loại dính đất tôi chìa ra cho ông.

“Tiền Tiệp Khắc. Cậu tìm thấy ở đâu thế?”

“Không phải tôi. Mà nó đã được tìm thấy trong vườn sau nhà số 19.”

“Thú vị thật. Rốt cuộc cậu có thể có cái gì đấy để kiên trì xác định về những vầng trăng khuyết và trăng tròn rồi.” Ông nói thêm với vẻ đăm chiêu, “Có một quán nhậu tên là Trăng Lên ở đường kế bên con đường này. Sao cậu không đi thử vận may của mình ở đấy?”

“Tôi đã tới đó rồi.”

“Lúc nào cậu cũng có sẵn câu trả lời, phải không?” đại tá Beck nói. “Hút một điếu xì gà nhé!”

Tôi lắc đầu. “Cám ơn sếp—hôm nay không có thời gian.”

“Quay về Crowdean à?”

“Vâng. Có một buổi sơ thẩm phải tham dự ạ.”

“Cái đó thì chỉ là thủ tục thôi. Chắc chắn không phải cậu đang đeo đuổi cô gái nào đó ở Crowdean đấy chứ?”

“Chắc chắn không phải,” tôi đáp cộc lốc.

Bất ngờ ông đại tá bật cười khúc khích.

“Coi chừng vấp ngã đấy, cậu bé của tôi! Tình dục ngãng cái đầu xấu xí của nó lên như thường lệ rồi. Cậu quen cô ta bao lâu rồi?”

“Không có cô nào hết — tôi muốn nói... à, cô gái đã phát hiện cái xác.”

“Cô ấy đã làm gì khi phát hiện cái xác?”

“La hét.”

“Cũng rất tuyệt đấy,” đại tá nhận xét. “Cô ấy đã lao vào người cậu, khóc trên vai cậu rồi kể cậu nghe chuyện ấy. Phải thế không?”

“Tôi không biết sếp đang nói gì,” tôi lạnh lùng đáp lại. “Hãy xem qua mấy cái này!”

Tôi đưa cho ông xấp hình cảnh sát đã chụp và tuyển chọn.

“Ai đây?” đại tá gặng hỏi.

“Người chết.”

“Cá mồi ăn một là cô gái mà cậu quá si tình đã giết người này. Với tôi toàn bộ câu chuyện nghe có vẻ rất ám muội.”

“Sếp còn chưa nghe kể chuyện mà. Tôi vẫn chưa kể cho sếp nghe.”

“Tôi chả cần nghe kể,” đại tá vung vẩy điếu xì gà. “Thôi, đi mà dự buổi sơ thẩm của cậu đi, cậu bé của tôi, và tìm cho ra cô gái ấy nhé! Cô ta tên là Diana, Artemis hay tên gì đấy liên quan đến trăng khuyết hay ánh trăng?”

“Không, không phải vậy.”

“À, hãy nhớ là có thể đấy!”

Lời kể của Colin Lamb

Lâu lắm rồi tôi không đến thăm Khu nhà Whitehaven.

Cách đây mấy năm đây là một cao ốc nổi trội với những căn hộ hiện đại. Bây giờ có thêm nhiều chung cư khác bề thế hơn và thậm chí còn hiện đại hơn áp sát hai bên hông nó. Bên trong tôi để ý gần đây mới được tân trang. Nó đã được sơn lại màu vàng và xanh lá cây nhạt.

Tôi vào thang máy lên lầu rồi bấm chuông căn hộ số 203. Anh người hầu không chê vào đâu được tên là George mở cửa cho tôi. Một nụ cười chào mừng hiện ra trên khuôn mặt anh ta.

“Ông Colin! Đã lâu chúng tôi không thấy ông tới đây.”

“Phải, tôi biết rồi. Anh khỏe không, George?”

“Tôi vẫn khỏe. Rất cảm ơn ông đã hỏi thăm.”

Tôi hạ giọng. “Còn ông ấy thì sao?”

George cũng hạ giọng mặc dù điều ấy gần như không cần thiết vì nó đã được điều chỉnh theo một quy tắc hết sức thận trọng kín đáo ngay từ đầu cuộc trò chuyện của chúng tôi.

“Tôi nghĩ, thưa ông, thỉnh thoảng ông hơi bị chán nản.”

Tôi gật đầu về thông cảm.

“Xin ông đi lối này,” anh ta đỡ lấy cái mũ của tôi.

“Xin vui lòng báo có tôi là Colin Lamb tới!”

“Hay lắm, thưa ông.” Anh mở một cánh cửa và nói với giọng rõ ràng, “Ông Colin Lamb cần gặp, thưa ông.”

Anh lùi lại để tôi đi qua, và tôi bước vào trong phòng. Ông bạn Hercule Poirot của tôi đang ngồi như thường lệ trong cái ghế bành vuông vức rộng lớn trước lò sưởi. Tôi để ý một thanh của ngọn lửa điện hình chữ nhật đã đỏ rực lên. Đầu tháng 9, thời tiết ấm áp, nhưng Poirot là một trong những người đầu tiên cảm nhận cái giá lạnh của mùa thu, và cảnh giác với nó. Hai bên người ông là những chồng sách xếp gọn gàng trên sàn nhà. Trên cái bàn bên phải có những quyển sách dựng đứng. Trên tay phải ông là một cái tách đang bốc hơi. Nước thuốc sắc, tôi nghĩ vậy. Poirot rất mê thuốc sắc và thường giục tôi uống. Chúng có mùi vị gây buồn nôn và hăng nồng không ngửi nổi.

“Đừng đứng lên,” tôi nói, nhưng Poirot đã đứng dậy. Ông tiến về phía tôi trên đôi chân mang giày da hàng hiệu bóng loáng, hai tay giang ra.

“Ha ha, à ra là cậu, cậu đây rồi, bạn của tôi ời! Anh bạn trẻ Colin của tôi. Nhưng sao cậu lại tự xưng cái tên Lamb vậy? Để tôi nghĩ xem nào! Có một câu tục ngữ hay châm ngôn. Cái gì đấy nói về cừu già giả dạng cừu non. Không phải. Đấy là nói về các quý bà sồn sồn cố làm cho vẻ bề ngoài trẻ hơn tuổi thật. Không áp dụng cho cậu. Ha ha, tôi biết rồi. Cậu là sói đội lột cừu. Có phải thế không?”

“Không phải vậy đâu,” tôi đáp. “Chỉ là trong chuyên ngành công tác của mình, cháu nghĩ cái tên của cháu gần như là một cái lỗi, dính líu quá nhiều với cha cháu. Do đó mới có cái tên Lamb. Ngắn gọn, đơn giản, dễ nhớ. Tự tâng bốc mình, thì phải nói là hợp với cá tính của cháu.”

“Vậy thì tôi không dám chắc,” Poirot nói. “Còn ông bạn tốt của tôi là bố cậu thì thế nào rồi?”

“Ông cụ vẫn khỏe ạ,” tôi đáp. “Rất bận rộn với những cây thực quý — hay đó là hoa cúc? Mùa vụ qua đi quá nhanh nên cháu không nhớ nổi lúc này đang trồng hoa gì nữa.”

“Thế ra ông ấy vẫn bận rộn với nghề làm vườn ư?”

“Hình như cuối cùng mọi người đều đến với nghề đó,” tôi đáp.

“Tôi thì không,” Hercule Poirot nói. “Một lần trồng bí ngô, đúng thế — nhưng không bao giờ trồng nữa. Nếu muốn có hoa đẹp nhất, sao không ra hàng hoa? Tôi tưởng ngài thượng cấp tài ba sắp viết hồi ký của ông ấy chứ.”

“Ông đã bắt đầu viết,” tôi nói, “nhưng lại thấy viết nhiều quá thế nào cũng bị lãng quên, vì vậy cuối cùng ông đi đến kết luận rằng những điều đưa vào sẽ quá nhạt nhẽo không chịu nổi, nên không đáng viết ra.”

“Phải thận trọng thôi, đúng thế. Thật không may, vì bố cậu có thể kể một số chuyện rất thú vị. Tôi rất ngưỡng mộ ông ấy. Vẫn luôn thế. Cậu biết đấy, các phương pháp của ông đối với tôi rất thú vị. Ông ấy rất đơn giản. Ông thường sử dụng những điều rõ ràng rành rành mà trước đó chưa ai dùng đến. Ông thường giảng bầy, cái bầy rất lộ liễu và những kẻ ông muốn bắt sẽ nói ‘Lộ liễu quá. Không thể là thật’ và thế là chúng rơi vào bầy!”

Tôi cười. “À, đời nay không có cái một con trai thán phục cha chúng đâu ạ. Hầu hết chúng nó dường như thường ngồi xuống, cầm ngòi bút đọc địa của chúng, nhớ tất cả những chuyện bản thủ có thể nhớ được và viết ra, rõ ràng rất hài lòng thỏa dạ. Còn riêng cá nhân cháu lại vô cùng kính trọng ông già mình. Cháu hy vọng cũng được tài giỏi như ông. Không hẳn là chuyên ngành của ông, tất nhiên rồi.”

“Nhưng có liên quan mà,” Poirot nói. “Có liên quan mật thiết mặc dù cậu phải làm việc đằng sau hậu trường theo cách mà ông ấy không làm.” Ông húng hắng ho kiểu ứng biến. “Tôi nghĩ phải chúc mừng cậu vì gần đây đã đạt được thành công khá ngoạn mục. Không phải thế sao? *Vụ Larkin* ấy.”

“*Vụ* đó tới nay đã ổn rồi. Nhưng vẫn còn rất nhiều điều cháu muốn làm rõ, chỉ để khép lại một cách thỏa đáng thôi. Tuy nhiên không phải vì chuyện đó mà cháu tới đây đâu.”

“Dĩ nhiên là không, dĩ nhiên là không rồi,” Poirot nói. Ông vẫy tay bảo tôi đi tới một cái ghế rồi mời tôi uống thuốc sắc. Tôi từ chối ngay tức thì.

George đi vào thật đúng lúc với một bình cổ thon đựng rượu whisky, một cái ly và một ống hút, đặt sát cùi chỏ tôi.

“Dạo này bác đang làm gì?” tôi hỏi Poirot.

Liếc nhìn cả đống sách đủ loại quanh ông tôi lại hỏi: “Trông có vẻ bác đang làm một cuộc nghiên cứu nho nhỏ thì phải?”

Poirot thở dài. “Cậu gọi như thế cũng được. Phải, chừng là vậy. Gần đây tôi cảm thấy rất cần nghiên cứu một vấn đề. Tôi tự nhủ vấn đề ấy là gì không quan trọng. Như Sherlock Holmes tài ba, có chiều sâu như rau mùi tây dầm bơ. Quan trọng là có một vấn đề cần tìm hiểu. Tôi không cần tập luyện cơ bắp mà cần tập luyện các tế bào não.”

“Chỉ là chuyện duy trì tập luyện mà thôi. Cháu hiểu rồi.”

“Đúng như cậu nói.” Ông thở dài. “Nhưng vấn đề là, *mon cher*, giải quyết được thì không phải dễ dàng quá đâu. Quả thật thứ năm vừa rồi có một vấn đề nan giải với tôi. Có ba mẫu vỏ cam khô xuất hiện một cách vô lý ở chỗ cái giá móc ô. Sao chúng lại đến đấy? Sao chúng lại có thể đến đấy chứ? Tôi thường không ăn cam. George chả bao giờ bỏ vỏ cam cũ ở giá móc áo. Cũng không có khả năng một vị khách mang theo ba mẫu vỏ cam. Phải, đúng là một vấn đề nan giải.”

“Và bác đã giải quyết xong rồi chứ?”

“Tôi đã giải quyết xong.” Poirot đáp với vẻ u sầu hơn là kiêu hãnh.

“Cuối cùng chả thú vị cho lắm. Vấn đề thay thế bà giúp việc dọn vệ sinh thường lệ bằng người mới mà bà ta dẫn theo, trái với quy tắc, là một đứa con của bà ta. Mặc dù nghe chả thú vị gì, thế mà họ cứ phải liên tục đưa ra những lời nói dối, những trò giả trá và tất tậ những thứ khác. Có thể nói là thỏa mãn, nhưng tầm thường.”

“Thật đáng chán,” tôi góp ý.

“*Enfin*,” Poirot nói, “tôi là người khiêm tốn. Nhưng người ta không nên giết gà bằng dao mổ trâu chứ.”

Tôi lắc đầu một cách trang trọng. Poirot nói tiếp, “Dạo gần đây tôi bận đọc nhiều chuyện bí ẩn có thật của cuộc đời chưa được làm sáng tỏ. Tôi áp dụng vào đấy cách giải quyết của riêng tôi.”

“Bác muốn nói tới các vụ án như vụ Bravo, là Adelaide Bartlett và tất cả những đứa còn lại trong bọn hả?”

“Chính xác. Nhưng quá dễ dàng. Chẳng có gì phải nghi ngờ về chuyện ai đã sát hại Charles Bravo. Người đi cùng có thể có liên can, nhưng chắc chắn cô ta chẳng phải là một con ma xón xác tự đâm đầu vào vụ ấy. Rồi còn có đứa con gái vị thành niên không may mắn là Constance Kent. Động cơ thực sự khiến thằng em siết cổ con chị vốn rất yêu quý nó vẫn luôn là một câu hỏi với mọi người. Nhưng chẳng hóc búa gì đối với tôi. Mọi thứ đều thật rõ ràng sáng tỏ khi tôi vừa đọc xong về vụ án ấy. Về phần Lizzie Borden, người ta chỉ mong sao mình có thể đặt vài câu hỏi cần thiết với những người có liên quan khác nhau. Trong đầu tôi đã khá chắc chắn những câu trả lời sẽ là gì. Than ôi, tôi sợ bây giờ họ chết hết cả rồi.”

Tôi thầm nghĩ, như trước đây vẫn thường như thế, đức khiêm tốn chẳng phải là ưu điểm của Hercule Poirot.

“Và tôi đã làm gì kế tiếp?” ông tiếp tục.

Tôi đoán ít lâu nay ông chẳng có ai để mà trò chuyện, và đang thích thú thường thức giọng nói của chính mình.

“Từ cuộc sống hiện thực tôi đã chuyển sang tiểu thuyết. Cậu thấy tôi ở đây với nhiều bản tiểu thuyết hình sự khác nhau bên phải và bên trái của mình. Tôi đang nghiên cứu trở lui về quá khứ. Đây này...” ông cầm lên quyển sách để trên tay vịn chiếc ghế bành, “...đây, Colin thân mến ạ, là *Vụ án Leavenworth*.” Ông trao quyển sách cho tôi.

“Trở ngược một thời gian rất dài về quá khứ,” tôi nói. “Cháu nhớ từng nghe bố nói ông đã đọc quyển này lúc còn nhỏ. Cháu nhớ mình cũng từng đọc một lần. Bây giờ chắc đã khá lỗi thời rồi.”

“Thật đáng thán phục,” Poirot nói. “Người ta được ném trái bầu không khí thời kỳ ấy, sự cố tình cường điệu có cân nhắc thật cẩn trọng của nó. Những miêu tả thái quá cực hay ấy về nhan sắc lóng lánh ánh vàng của Eleanor, sắc đẹp rực sáng ánh trắng của Mary!”

“Cháu phải đọc lại mới được,” tôi nói. “Đã quên mất phần nói về các cô gái đẹp rồi.”

“Còn có cô hầu Hannah, một nhân vật điển hình quá chân thực, và một kẻ sát nhân, một nghiên cứu tâm lý học xuất sắc.”

Tôi nhận ra tôi đã để mình dẫn vào một cuộc diễn giảng. Tôi chuẩn bị tinh thần để lắng nghe.

“Tiếp theo chúng ta sẽ lấy quyển *Những cuộc phiêu lưu của Arsene Lupin*,” Poirot tiếp. “Thật kỳ dị xiết bao, hảo huyền dường nào! Thế mà trong đấy vẫn tràn trề sinh lực, mãnh liệt, sinh động biết bao nhiêu! Những chuyện vô lý, nhưng bút pháp rất bóng bẩy hào nhoáng. Còn hài hước nữa chứ.”

Ông đặt quyển *Những cuộc phiêu lưu của Arsene Lupin* xuống, và cầm lên một quyển sách khác. “Và còn có quyển *Bí mật căn phòng màu vàng*. Thật là — à, thật đúng là một tác phẩm kinh điển! Tôi tán thành từ đầu đến cuối. Cách tiếp cận hợp lý biết bao! Còn nhớ đã có phê bình, nói rằng không công bằng. Nhưng chả phải là không công bằng, Colin thân mến ạ. Không, không. Có lẽ rất gần như thế, nhưng không hẳn. Có khác biệt một chút xíu. Không. Xuyên suốt vẫn là sự thật, được che giấu bằng cách sử dụng ngôn từ thận trọng và khôn khéo. Mọi sự có lẽ sẽ sáng tỏ vào thời khắc quan trọng nhất ấy khi những người đàn ông gặp nhau ở góc của ba hành lang.” Ông kính cẩn đặt quyển sách xuống. “Đích thị là một tuyệt tác, và tôi được biết ngày nay hầu như đã bị lãng quên.”

Rồi Poirot bỏ qua chừng hai mươi năm để tiếp cận tác phẩm của các tác giả về sau này một chút.

“Tôi cũng từng đọc,” ông nói, “một số tác phẩm đầu tay của bà Ariadne Oliver. Bà ấy xem như là bạn của tôi, và tôi nghĩ cả của cậu nữa. Tôi không hoàn toàn tán đồng các tác phẩm của bà, xin cậu lưu ý cho. Các tình tiết trong những truyện ấy cực kỳ không thực tế. Sức mạnh của sự trùng hợp ngẫu nhiên còn xa mới được sử dụng một cách nhuần nhuyễn. Và vì lúc ấy còn trẻ nên bà đã khá đại dột khi cho thám tử của mình là một người Phần Lan, và rõ ràng bà chả biết gì về đất nước và con người Phần Lan, có lẽ ngoại trừ các tác phẩm của Sibelius. Tuy thế bà có tính khí rất độc đáo, thỉnh thoảng suy luận cũng sắc sảo, và những năm về sau này bà đã học

được rất nhiều điều trước đây bà chưa biết. Các thủ tục của cảnh sát chẳng hạn. Bây giờ bà cũng đáng tin cậy hơn một chút về đề tài súng đạn. Cả những gì thậm chí còn cần thiết hơn, có thể bà đã được bạn bè là cố vấn pháp luật hay luật sư giúp bà hiệu chỉnh một số điểm liên quan đến pháp luật.”

Ông để sang một bên bà Ariadne Oliver và cầm lên một quyển truyện khác.

“Bây giờ đây là ông Cyril Quain. A, ông Quain này là bậc thầy về chứng cứ ngoại phạm.”

“Ông ta là một nhà văn chán chết đi được, nếu cháu nhớ không lầm,” tôi nói.

“Đúng là trong sách của ông ấy chẳng xảy ra chuyện gì đặc biệt ly kỳ rùng rợn,” Poirot nói. “Có một xác chết, dĩ nhiên. Thỉnh thoảng còn có hai cái. Nhưng toàn bộ vấn đề bao giờ cũng là chứng cứ ngoại phạm, lịch trình tàu hỏa, các tuyến đường xe buýt, sơ đồ các đường lộ băng qua vùng thôn quê. Tôi thú thật mình rất khoái sự rối rắm phức tạp này, cách sử dụng chứng cứ ngoại phạm thật công phu này. Tôi rất thích thú khi cố bắt giở ông Cyril Quain.”

“Và cháu nghĩ bác luôn thành công,” tôi nói.

Poirot thật thà.

“Không phải luôn luôn,” ông thừa nhận. “Không, không phải luôn luôn. Dĩ nhiên sau một thời gian người ta nhận ra quyển này của ông gần như giống hệt một quyển khác. Các chứng cứ ngoại phạm lần nào cũng giống nhau, mặc dù không phải là giống hệt. Cậu biết đấy, *mon cher Colin*, tôi hình dung cái ông Cyril Quain này đang ngồi trong phòng, hút ống điếu như đã được miêu tả trong bức ảnh của ông ta. Ông ngồi đấy, xung quanh là sách kiến thức phổ thông, các tác phẩm của Bradshaw đại lục, các tập sách giới thiệu các hãng hàng không, các thời biểu đủ loại. Thậm chí lịch hoạt động của các tàu khách nữa. Nói gì thì nói, Colin ạ, có trình tự và phương pháp trong các tác phẩm của Cyril Quain đấy.”

Poirot đặt ông Quain xuống và cầm lên một quyển sách khác.

“Bây giờ là ông Garry Gregson, một nhà văn viết truyện trinh thám kỳ lạ. Ông đã viết ít nhất sáu mươi bốn quyển, tôi nhớ là thế. Ông ta gần như trái ngược hẳn với Quain. Trong sách của Quain chẳng có bao nhiêu chuyện xảy ra, còn trong truyện của Garry Gregson lại có quá nhiều. Chúng xảy ra một cách bất hợp lý trong cảnh đông người hỗn loạn. Chúng có rất nhiều màu sắc, một mớ những chuyện cường điệu quấy lên bằng gậy. Cảnh đổ máu — những cái xác — các manh mối — những cơn rùng mình kinh hãi chất đống rồi lan tràn khắp nơi. Tất cả thật hấp dẫn, tất cả rất không giống với cuộc sống thật. Ông ta gần giống một ly rượu cocktail Mỹ thuộc hạng không có tiếng tăm gì, mà thành phần pha chế rất đáng nghi ngờ.”

Poirot dừng lại, thở dài rồi trở lại với bài thuyết giảng của ông. “Thế rồi chúng tôi quay sang nước Mỹ.” Ông rút một quyển từ đống sách bên tay trái. “Giờ đây là Florence Elks. Quý bà này có trí khôn, mặc dù có lẽ như quá nhiều nhà văn Mỹ, hơi bực tức với rượu. Cậu biết đấy, *mon ami*, tôi là người chuyên nếm rượu vang. Một thứ rượu vang đỏ hay rượu vang Bourgogne của Pháp được đưa vào một câu chuyện, với việc hái nho nấu rượu và xin chứng thực chất lượng, tôi vẫn luôn thấy nó làm cho mình vui thích. Nhưng lượng rượu whisky lúa mạch đen và whisky ngô chính xác đã được thám tử tiêu thụ trên mọi trang sách khác của truyện trinh thám Mỹ đối với tôi dường như chẳng thú vị chút nào. Anh ta uống một pint hay nửa pint rượu mà anh ta lấy ra từ túi ngực áo của mình đối với tôi dường như chẳng có cách nào ảnh hưởng đến các hành động trong truyện. Động cơ giết người vì uống rượu trong sách của Mỹ cũng từng xảy ra trong vụ chặt đầu Vua Charles, có rất nhiều ý nghĩa với ông Dick đáng thương khi ông cố viết hồi ký đời mình. Không thể nào tránh khỏi.”

“Còn trường phái mạnh mẽ thì sao?” tôi hỏi.

Poirot phẩy tay gạt sang một bên cái trường phái mạnh mẽ giống như đuổi con ruồi hay con muỗi không mời mà đến.

“Bạo lực đáp trả bạo lực ư? Khiến người ta quan tâm từ bao giờ thế? Tôi từng thấy rất nhiều hành vi bạo lực khi mới vào nghề làm một sĩ quan cảnh sát. Ái chà, cậu cũng có thể đọc một sách giáo khoa về y học. *Tout de*

même, tôi vẫn cho tiêu thuyết hình sự Mỹ một vị trí khá cao. Tôi nghĩ nó tài tình hơn, giàu trí tưởng tượng hơn các tác phẩm của Anh. Giọng văn có sức biểu cảm kém hơn, bầu không khí căng thẳng bị quá tải so với hầu hết các nhà văn Pháp. Bây giờ ta hãy lấy Louisa O'Malley làm ví dụ.”

Ông lại lục lọi tìm một quyển sách.

“Những trang viết uyên bác tuyệt hay của bà mẫu mực biết chừng nào, tuy thế cũng hấp dẫn biết bao, bà gọi cho độc giả một nỗi khiếp sợ cứ tăng lên ghê gớm! Những ngôi nhà lớn bằng đá nâu ở New York ấy. Enfin một ngôi nhà lớn bằng đá nâu là gì — sao tôi chưa từng biết nhỉ? Những căn hộ biệt lập, những kiểu cách trường giả gây cảm xúc ấy, và ẩn sâu dưới đây những băng đảng tội ác không hề bị tình nghi cứ tiến hành hoạt động theo lộ trình chưa bị lộ. Có thể xảy ra như thế, và thường xảy ra như thế. Bà ta giỏi thật, bà Louisa O'Malley này, quả thật bà ta rất tài giỏi.”

Ông thở dài, dựa ngửa ra, lắc đầu rồi nốc cạn chỗ nước thuốc sắc còn lại.

“Và rồi — vẫn luôn có những quyển sách cũ được yêu thích nhất.”

Ông lại lục lọi tìm một quyển khác.

“*Những cuộc phiêu lưu của Sherlock Holmes*,” ông lẩm bẩm một cách trìu mến, và thậm chí còn cung kính thốt ra chỉ một từ thôi, “Maitre!”

“Sherlock Holmes ư?” tôi hỏi.

“A, non, non, không phải Sherlock Holmes! Đây là tôi kính chào tác giả Sir Arthur Conan Doyle ấy mà. Những chuyện kể về Sherlock Holmes này thực tế đều gượng gạo, đầy rẫy nguy hiểm, hầu hết được bịa đặt một cách giả tạo. Nhưng nghệ thuật sáng tác lại — à, là chuyện hoàn toàn khác. Sự thú vị của ngôn ngữ, trên tất cả là sự sáng tạo nhân vật rất cừ khôi là bác sĩ Watson. A, quả đúng là một thắng lợi lớn.”

Ông thờ dài và lắc đầu rồi thì thầm, kết hợp một cách tự nhiên những ý tưởng: “Ce cher Hastings. Ông bạn Hastings mà cậu thường nghe tôi nói ấy. Đã lâu rồi không có tin tức gì về ông ta cả. Thật vô lý biết bao khi người ta đi tự chôn xác mình ở Nam Mỹ là nơi vẫn luôn có các cuộc cách mạng.”

“Đâu chỉ giới hạn ở Nam Mỹ,” tôi làm rõ. “Ngày nay cách mạng khắp thế giới mà bác.”

“Chớ có bàn về quả bom ấy chứ,” Hercule Poirot nói. “Chuyện gì phải đến sẽ đến, nhưng chúng ta chớ có bàn!”

“Thật ra cháu tới để bàn một chuyện hoàn toàn khác với bác.”

“A, cậu sắp cưới vợ, phải thế không? Tôi rất vui mừng, *mon cher* mừng lắm.”

“Cái quái gì khiến bác nghĩ vậy chứ hả, bác Poirot?”

“Chuyện thường tình, vẫn thường xảy ra mà cậu.”

“Có lẽ vậy,” tôi quả quyết, “nhưng không phải với cháu đâu. Thật ra cháu tới để kể cho bác nghe là cháu đã đụng phải một vấn đề nhỏ hay hay về án mạng.”

“Thật thế ư? Một vấn đề hay hay về án mạng, cậu bảo thế ư? Và cậu đã mang đến cho tôi. Tại sao?”

“À...” tôi hơi bối rối, “cháu... cháu tưởng bác sẽ thích thú.”

Poirot nhìn tôi với vẻ đăm chiêu, ông vuốt ve hàng ria mép rồi nói: “Một ông chủ rất tử tế với con chó của mình. Ông thường ra ngoài và ném bóng cho con chó. Con chó coi vậy mà cũng có khả năng tử tế với chủ. Con chó thường giết thỏ hay chuột rồi đem đến đặt dưới chân chủ. Khi ấy nó thường làm gì hử? Nó vẫy đuôi.”

Tôi không nín được cười. “Cháu đang vẫy đuôi sao?”

“Đúng thế đấy anh bạn ạ. Phải, tôi nghĩ thế.”

“Được thôi. Và ông chủ nói gì? Ông ta có muốn thấy con chuột của con chó không đây? Ông ta có muốn biết hết không?”

“Dĩ nhiên rồi. Lẽ tự nhiên là thế. Cậu nghĩ tội ác khiến tôi quan tâm thích thú chứ gì? Đúng không nào?”

“Toàn bộ thật ra không có nghĩa lý gì hết.”

“Không thế nào,” Poirot nói. “Mọi sự việc đều có ý nghĩa. Mọi sự trên đời.”

“VẬY bác cố tìm ra ý nghĩa vụ này đi! Cháu không làm được. Chuyện thực ra không liên quan đến cháu. Chỉ tình cờ đâm đầu vào thôi. Bác à, chuyện có thể hóa ra là rất đơn giản một khi người chết được nhận diện.”

“Cậu đang kể chuyện chả có phương pháp và chả có trình tự đầu đuôi gì cả,” Poirot tỏ ra nghiêm khắc. “Hãy để tôi đề nghị cậu cho tôi biết rõ các sự kiện! Cậu bảo là một án mạng, phải thế không?”

“Đúng là một án mạng,” tôi đoán chắc. “Chúng ta bắt đầu nhé!”

Tôi tả lại cho ông nghe từng chi tiết về biến cố đã diễn ra ở nhà số 19, Wilbraham Crescent. Hercule Poirot dựa ngửa trên ghế. Ông nhắm mắt lại, ngón tay trở gõ nhẹ lên tay vịn trong khi nghe tôi kể. Cuối cùng khi tôi đã ngừng lại, ông vẫn không nói gì hết một lúc. Rồi ông hỏi, vẫn không mở mắt ra: “*Sans blague?*”

“Ô, tuyệt đối không,” tôi đáp.

“*Epatant,*” ông nói, thường thức từ này trên đầu lưỡi, rồi lặp lại từng âm tiết. “E-pa-tant.” Sau đó ông tiếp tục gõ lên tay ghế và khẽ gật gật cái đầu.

“Nào,” tôi sốt ruột nói, sau khi chờ thêm vài phút. “Bác nói gì đi chứ?”

“Nhưng cậu muốn tôi nói gì đây?”

“Cháu muốn bác cho cháu giải pháp. Cháu đã luôn hiểu được từ bác rằng hoàn toàn có thể nằm dựa ngửa trên ghế, chỉ cần suy nghĩ thấu đáo rồi đi đến giải pháp. Hoàn toàn không cần phải đi thăm vấn người này kẻ nọ và chạy đôn chạy đáo tìm manh mối.”

“Tôi vẫn luôn giữ cách làm việc như thế.”

“À, bắt được tầy của bác rồi,” tôi nói. “Cháu đã cho bác biết các sự kiện, bây giờ cháu muốn có lời giải.”

“Đúng như thế, hử? Nhưng vẫn còn nhiều điều cần phải biết đấy, *mon ami*. Chúng ta chỉ mới ở *khởi điểm* thôi. Chẳng phải thế sao?”

“Cháu vẫn muốn bác nghĩ ra *cái gì đó*.”

Ông trầm ngâm suy nghĩ một lát: “Tôi hiểu. Có một điều chắc chắn,” ông tuyên bố. “Chắc hẳn đây là một vụ án rất đơn giản.”

“Đơn giản sao?” tôi gặng hỏi với đôi chút ngạc nhiên.

“Bản chất là thế.”

“Tại sao chắc hẳn là đơn giản chứ?”

“Bởi vì nó có vẻ bề ngoài quá phức tạp. Nếu cần phải có vẻ bề ngoài phức tạp thì chắc hẳn là đơn giản. Cậu hiểu được điều ấy chứ?”

“Thật tình cháu không rõ mình có hiểu không nữa.”

“Kỳ lạ thật,” ông trầm ngâm, “những gì cậu kể tôi nghe — tôi nghĩ — có gì đấy quen thuộc với tôi. Xem ở đâu nào— khi nào — tôi đã gặp phải chuyện gì...” ông dừng lại.

“Bộ nhớ của bác,” tôi nói, “hẳn phải là một bồn thật rộng chứa đầy các vụ án. Bác nhớ được hết cả, phải không?”

“Rủi thay, không phải thế,” Poirot nói, “nhưng thỉnh thoảng những hồi ức này cũng hữu ích. Tôi nhớ một lần ở Liège có một chủ hãng xà phòng. Hẳn hạ độc bà vợ để cưới cô thư ký tóc vàng. Vụ án hình sự ấy đã thành kiểu mẫu. Về sau, rất lâu mãi về sau, *kiểu mẫu* ấy lại tái diễn.

“Tôi đã nhận ra nó. Lần này là vụ án một con chó Bắc Kinh bị bắt cóc, nhưng cũng cái kiểu ấy. Tôi đã tìm điều tương đương ở cô thư ký tóc vàng và chủ hãng xà phòng. Và, *voilà*, đấy là một dạng sự việc. Trong những điều cậu nói với tôi một lần nữa tôi lại có cái cảm giác nhận ra cái gì đó.”

“Những chiếc đồng hồ hả?” Tôi gợi ý, trong lòng tràn trề hy vọng. “Nhân viên bảo hiểm giả mạo à?”

“Không, không,” Poirot lắc đầu.

“Bà mù phải không?”

“Không, không, không. Đừng làm tôi rối trí!”

“Cháu có phần thất vọng về bác, bác Poirot à,” tôi nói. “Cháu tưởng bác sẽ cho cháu đáp án ngay tức khắc chứ.”

“Nhưng bạn trẻ ơi, hiện thời cậu chỉ mới trình cho tôi cái kiểu mẫu. Còn nhiều điều phải tìm ra nữa. Có thể người đàn ông này sẽ được nhận dạng. Cảnh sát rất xuất sắc trong việc đó. Họ có hồ sơ các vụ hình sự, họ có thể đăng ảnh người đàn ông, họ có thể lấy được danh sách những người mất tích, có những cuộc khảo sát khoa học về y phục của người chết, vân

vân và vân vân. À phải rồi, có cả trăm phương ngàn cách và nhiều phương tiện khác để họ sắp đặt bố trí. Không nghi ngờ gì cả, người này sẽ được nhận dạng.”

“Như vậy lúc này không có gì để làm, có phải bác nghĩ vậy không?”

“Luôn luôn có việc gì đấy để làm,” Hercule Poirot nói vẻ nghiêm trọng.

“Như là việc gì?”

Ông ve vẩy ngón trỏ chỉ vào tôi để nhấn mạnh.

“Hãy trò chuyện với các láng giềng!”

“Đã làm rồi. Cháu đã cùng đi với Hardcastle khi anh ấy thăm vấn họ. Họ không biết điều gì có ích hết.”

“Ái chà chà, đấy là cậu nghĩ như thế. Nhưng tôi cam đoan với cậu chẳng thể nào như vậy. Cậu đến gặp họ, hỏi họ có thấy gì đáng nghi ngờ không, và họ trả lời là không. Rồi cậu nghĩ tất cả chỉ có thể thôi. Nhưng đấy không phải điều tôi muốn nói khi bảo hãy trò chuyện với các láng giềng. Tôi bảo hãy nói chuyện với họ! Hãy để họ nói chuyện với cậu! Và qua cuộc đàm thoại của họ cậu sẽ luôn tìm ra một manh mối ở đâu đó. Họ có thể nói về vườn nhà mình, các thú cưng, hoặc hiệu làm tóc, hiệu may, hay bạn bè, hoặc món ăn họ thích. Luôn luôn ở đâu đó sẽ có một lời nói tỏa sáng. Cậu bảo chả có gì hữu ích trong các cuộc trò chuyện ấy sao. Tôi nói không thể thế đâu. Giá như cậu có thể lặp lại cho tôi nghe từng từ một nhi...”

“À, thực ra cháu có thể làm được chuyện đó. Cháu đã ghi tốc ký những gì đã được nói ra, đóng vai một hạ sĩ quan cảnh sát phụ tá. Cháu đã cho giải mã và đánh máy, rồi đem tới cho bác. Đây này!”

“A, cậu đúng là một cậu bé ngoan, quả thật cậu rất ngoan! Những gì cậu đã làm là đúng chính xác. Chính xác. *Je vous remercie infiniment.*

Cảm thấy rất bối rối, tôi hỏi: “Bác có gợi ý nào nữa không?”

“Có, tôi luôn có gợi ý. Có cô gái này. Cậu có thể nói chuyện với cô gái này. Hãy đi gặp cô ấy! Hai người đã kết bạn rồi, không phải thế ư? Chẳng phải cậu đã ôm siết cô ấy trong vòng tay khi cô ấy bỏ chạy ra khỏi ngôi nhà trong cơn hoảng loạn sao?”

“Bác bị lạm vì đọc Garry Gregson rồi,” tôi nói. “Bác bị lạm cái bút pháp cường điệu đó mất rồi.”

“Có lẽ cậu nói đúng đấy,” Poirot thừa nhận. “Người ta thường bị ảnh hưởng, đúng thế, văn phong của một tác phẩm đã đọc.”

“Còn đối với cô gái...” tôi nói, rồi dừng lại.

Poirot nhìn tôi có ý dò hỏi.

“Sao?”

“Cháu đâu có thích — cháu không muốn...”

“À ra thế. Trong thâm tâm cậu nghĩ cô ta có liên quan thế nào đấy với vụ án này.”

“Không, không phải. Hoàn toàn thuần túy ngẫu nhiên khiến cô ấy tình cờ tới đó.”

“Không, không đâu, *mon ami*, không phải thuần túy ngẫu nhiên đâu. Cậu biết rõ mà. Cậu đã nói với tôi như thế mà. Cô ấy đã được yêu cầu qua điện thoại. Yêu cầu đích danh.”

“Nhưng cô ấy đâu có biết tại sao.”

“Cậu đâu có thể chắc chắn là cô ta không biết. Rất có thể cô ta biết vì sao nhưng đang giấu giếm chuyện ấy.”

“Cháu không nghĩ vậy,” tôi đáp một cách ngang bướng.

“Vẫn có khả năng cậu tìm ra được lý do vì sao lại thế bằng cách trò chuyện với cô ta, ngay cả khi chính cô ta cũng không nhận biết sự thật.”

“Cháu không biết cách nào—ý cháu muốn nói — cháu chỉ mới biết cô ấy thôi.”

Hercule Poirot lại nhắm mắt. Rồi ông nói: “Có lúc trong quá trình hai người thuộc giới tính trái ngược đang hấp dẫn nhau, khi ấy câu nói này nhất định đúng. Cô ta là một cô gái hấp dẫn, tôi nghĩ thế có đúng không?”

“Đúng. Rất hấp dẫn.”

“Hãy trò chuyện với cô ta đi nhé,” Poirot ra lệnh, “vì cô cậu đã là bạn bè, và cậu sẽ lại đi gặp người đàn bà mù với đôi lời xin lỗi. Cậu nói chuyện với bà ta nhé. Rồi cậu đến cái phòng đánh máy ấy, có lẽ giả vờ thuê đánh máy

một bản thảo viết tay. Có lẽ cậu nên làm quen với một cô gái khác làm việc ở đây. Hãy nói chuyện với tất cả những người này, rồi sau đó trở lại gặp tôi và kể tôi nghe mọi điều họ nói!”

“Tha cho cháu đi!” tôi nói.

“Chả sao đâu mà,” Poirot bảo. “Rồi cậu sẽ thích thú thôi.”

“Hình như bác không thấy cháu còn có việc của cháu phải làm nữa.”

“Cậu sẽ làm còn tốt hơn nhiều vì có khoảng thời gian thư giãn,” Poirot trấn an tôi.

Tôi đứng dậy và cười.

“À, bác là bác sĩ mà! Còn lời khôn ngoan nào dành cho cháu nữa không? Bác có cảm nhận điều gì về việc những chiếc đồng hồ kỳ lạ không ạ?”

Poirot lại dựa ngửa ra ghế và nhắm mắt.

Lời ông nói hoàn toàn bất ngờ.

*“Thời gian đến rồi, con hải mã nói,
Để bàn đàm chuyện với nhiều lời.
Về giày, tàu thủy và xi găng,
Bắp cải cùng vua chúa khắp nơi.
Vì sao biển nóng như đang sôi,
Và phải chăng lợn nhà có cánh?”*

Ông lại mở mắt rồi gật đầu.

“Cậu có hiểu không?”

“Trích từ *Con hải mã và gã thợ mộc, Alice qua gương soi.*”

“Chính xác. Ngay lúc này, đây là điều tốt nhất tôi có thể làm cho cậu, mon cher. Hãy suy ngẫm thật kỹ nhé!”

Buổi sơ thẩm được đông đảo công chúng tham dự. Rùng mình kinh sợ vì một án mạng ngay giữa lòng thành phố, người dân Crowdean đâm ra nhiệt thành hy vọng vụ án sẽ được vạch trần với những tình tiết giật gân. Tuy nhiên các bước tiến hành vẫn khô khan như thường lệ. Sheila Webb chẳng cần phải sợ hãi, nó qua đi trong vòng hai phút.

Đã có một lời nhắn qua điện thoại gọi tới Phòng Cavendish hướng dẫn cô đến nhà số 19, Wilbraham Crescent. Cô đã đi, rồi vào phòng khách theo lời chỉ dẫn. Cô đã phát hiện người chết ở đó, hét lên rồi chạy nhanh ra khỏi căn nhà để tìm người trợ giúp. Chẳng có vấn đề gì, cũng không cần điều tra chi tiết.

Bà Martindale, cũng cung cấp lời khai, bị thẩm vấn với thời gian thậm chí còn ngắn hơn. Bà đã nhận một lời nhắn có nội dung cô Pebmarsh yêu cầu bà gửi một thư ký đánh máy kiêm tốc ký, ưu tiên cho cô Sheila Webb, tới 19, Wilbraham Crescent, và cho vài chỉ dẫn. Bà đã ghi lại giờ chính xác của cuộc gọi điện là 1 giờ 49 phút. Vậy là bà Martindale đã được hỏi xong.

Được gọi tiếp sau đó, bà Pebmarsh khẳng khái phủ nhận việc yêu cầu bất cứ thư ký đánh máy nào tới nhà mình ngày hôm đó từ Văn phòng Cavendish.

Thanh tra Hardcastle phát biểu ngắn gọn không cảm xúc. Nhận được cuộc điện thoại ông đã đến số 19, Wilbraham Crescent, ở đó ông tìm thấy cái xác của người chết.

Sau đó viên cán bộ sơ thẩm của tòa án chuyên điều tra về những cái chết bất thường hỏi ông: “Ông đã nhận dạng người chết được chưa?”

“Vẫn chưa, thưa ông. Vì lý do ấy, tôi đã yêu cầu lùi buổi sơ thẩm này.”

“Phải thế thôi.”

Rồi đến chứng cứ pháp y. Bác sĩ Rigg, bác sĩ pháp y, sau khi tự giới thiệu bản thân và trình độ chuyên môn, kể lại chuyện đã tới nhà số 19, Wilbraham Crescent và việc khám nghiệm tử thi.

“Bác sĩ có thể cho chúng tôi ý kiến gần đúng về thời gian tử vong không?”

“Tôi khám cái xác lúc ba giờ rưỡi. Có thể xác định thời gian tử vong trong vòng từ một giờ rưỡi đến hai giờ rưỡi.”

“Ông không thể xác định khoảng thời gian ngắn hơn thế hay sao?”

“Tôi chọn không làm thế. Theo ước đoán thì thời gian có khả năng nhất là hai giờ hay sớm hơn nữa. Nhưng có nhiều yếu tố cần phải tính đến. Tuổi tác, tình trạng sức khỏe, vân vân.”

“Ông có tiến hành giải phẫu tử thi không?”

“Tôi đã làm.”

“Nguyên nhân gây ra cái chết?”

“Nạn nhân đã bị đâm bằng một con dao mỏng, sắc bén. Một con dao bình thường, có lẽ là dao làm bếp của Pháp có lưỡi thon nhọn. Mũi dao đã đâm vào...” Nói tới đây bác sĩ dùng từ chuyên môn kỹ thuật nhiều hơn để giải thích vị trí chính xác chỗ dao đâm vào tim.

“Có phải chết ngay tức thì không?”

“Chắc đã xảy ra chỉ trong vòng vài phút.”

“Người ấy đã không la hét hay kháng cự sao?”

“Không hề, trong hoàn cảnh lúc ông ta bị đâm.”

“Bác sĩ có thể giải thích cho chúng tôi biết ông nói câu ấy có nghĩa gì?”

“Tôi đã khám một số cơ quan nội tạng và làm một số xét nghiệm. Có thể nói khi bị giết ông ta đang trong tình trạng hôn mê do sự phát tác của thuốc.”

“Bác sĩ có thể cho biết đó là thuốc gì hay không?”

“Vâng, đó là *chloral hydrate*.”

“Ông có thể cho biết nó phát tác thế nào?”

“Có thể nói là được pha vào một thứ rượu gì đó. Tác dụng của *chloral hydrate* rất nhanh chóng.”

“Nghe nói chỉ trong vài khắc, như uống Mickey Finn,” viên cán bộ sơ thẩm lẩm bẩm.

“Hoàn toàn đúng như vậy,” bác sĩ Rigg nói. “Ông ta đã uống chất lỏng đó mà không hề nghi ngờ. Vài phút sau ông ta bị choáng và ngã lăn ra bất tỉnh.”

“Theo ý kiến của ông thì ông ấy bị đâm trong khi bất tỉnh sao?”

“Tôi tin thế. Căn cứ vào việc không có dấu hiệu kháng cự và ông ta có vẻ thanh thản.”

“Ông ta bị giết bao lâu sau khi trở nên bất tỉnh?”

“Tôi không thể nói điều đó với bất kỳ độ xác thực nào. Ở đây lại tùy thuộc vào khí chất của nạn nhân. Ông ta sẽ không hồi tỉnh trong nửa giờ và có thể còn lâu hơn thế rất nhiều.”

“Cảm ơn bác sĩ Rigg. Ông có chứng cứ nào về việc người này đã dùng bữa lần cuối lúc nào hay không?”

“Ông ta chưa ăn trưa, nếu đó là điều ông muốn hỏi. Ông ta đã không ăn thức ăn rắn trong vòng ít nhất bốn giờ.”

“Cảm ơn bác sĩ Rigg. Tôi nghĩ tất cả chỉ có thể thôi.” Sau đó viên cán bộ sơ thẩm nhìn quanh rồi nói: “Buổi thẩm tra sẽ dời lại nửa tháng, cho đến ngày 28 tháng 9.”

Buổi sơ thẩm kết thúc. Người ta bắt đầu ra khỏi tòa án. Edna Brent cùng với hầu hết các cô gái ở Phòng Cavendish đều có mặt. Khi đã ra ngoài Edna có vẻ tằn nằn. Phòng Thư ký Cavendish đã đóng cửa cả buổi sáng. Maureen West, một cô gái khác, nói với cô: “Sao đây, hả Edna? Tụi mình tới quán Bluebird ăn trưa há? Còn cả đồng thời gian. Dù sao cậu cũng có thời gian mà.”

“Tớ không còn thời gian như các cậu,” Edna nói với vẻ phật ý. “Mèo Hung bảo tớ nên ăn trưa khi nghỉ giải lao lần đầu tiên. Keo kiệt thiệt. Tớ tưởng mình sẽ có thêm một giờ để đi mua sắm và làm việc này việc nọ chứ.”

“Đúng là Mèo Hung,” Maureen nói. “Bả keo kiệt như quỷ, phải không? Chỗ mình mở cửa lại lúc hai giờ, mà tụi mình phải có mặt đầy đủ ở đó. Cậu đang tìm ai hả?”

“Tìm Sheila. Tớ không thấy cậu ấy đi ra.”

“Sheila đã bỏ về sớm rồi,” Maureen nói, “sau khi cung cấp lời khai xong. Cô ấy bỏ đi với một anh chàng nhưng tớ không biết hắn là ai. Cậu có đi không hả?”

Edna vẫn còn phân vân. Cô bảo: “Thôi cậu cứ đi đi — Dù sao tớ còn phải đi mua sắm.”

Maureen và một cô khác cùng bỏ đi. Edna chần chừ nán lại. Cuối cùng cô thu hết can đảm để nói với anh cảnh sát trẻ tóc vàng hoe đứng ở lối vào.

“Tôi trở vô bên trong được không?” cô rụt rè thì thầm, “để nói chuyện với cái ông đã tới văn phòng — thanh tra gì đó.”

“Thanh tra Hardcastle hả?”

“Vâng, đúng rồi. Cái ông đã cho lời khai sáng nay đó.”

“À...” anh cảnh sát trẻ ngó vào bên trong tòa án và quan sát ông thanh tra đang mải mê trò chuyện với nhân viên điều tra và cảnh sát trưởng hạt này. “Trông ông ấy có vẻ đang bận, cô à. Lát nữa cô ghé vào đồn cảnh sát đi, hay cứ nhắn lại với tôi... Có phải chuyện gì quan trọng không hả?”

“À, thật ra không thành vấn đề,” Edna đáp. “Đó là... à... chỉ là tôi không hiểu làm sao mà điều cô ấy nói lại có thể là sự thật bởi vì tôi muốn nói...” Cô xoay người bỏ đi, vẫn đang nhúu mày rất khó hiểu.

Rời khỏi chợ ngũ cốc, cô gái lang thang trên phố chính. Cô vẫn cau mặt nhăn mày bối rối, cố suy nghĩ. Suy nghĩ chưa bao giờ là thế mạnh của Edna. Cô càng cố làm sáng tỏ mọi sự trong đầu mình, đầu óc cô càng trở nên rối beng.

Có một lần cô nói lớn tiếng: “Nhưng không thể nào như vậy... Không thể nào như cô ấy nói...”

Đột nhiên với dáng vẻ của một kẻ đang làm một cuộc cách mạng, cô xoay người rời khỏi con phố chính, rồi theo đường Albany đi về hướng Wilbraham Crescent.

Từ ngày báo chí loan tin một án mạng đã xảy ra ở số 19, Wilbraham Crescent, rất đông người tụ tập trước ngôi nhà đó hằng ngày để ngắm nghía thỏa thích. Gạch vữa đơn sơ lại có thể làm cho đông đảo công chúng mê mẩn trong một số hoàn cảnh thật sự là một điều huyền bí. Trong hai mươi bốn giờ đầu tiên, một viên cảnh sát đã phải gác tại đó để xua người ta đi một cách hách dịch. Từ lúc đó sự quan tâm chú ý đã giảm bớt nhưng vẫn không ngừng hẳn. Xe tải giao hàng của các thương gia giảm bớt tốc độ một chút khi chạy ngang qua. Những phụ nữ đẩy xe nôi thường dừng lại trên lề đường đối diện chừng bốn, năm phút và đăm đăm nhìn muốn lòi tròng con mắt ra khi chiêm ngưỡng cơ ngơi sạch sẽ, ngăn nắp của cô Pebmarsh. Các bà, các cô xách túi đi mua sắm thường tạm dừng với ánh mắt tò mò và tám chuyện với bạn bè một cách thích thú.

“Đó là căn nhà — người đó ở trong...”

“Cái xác ở trong phòng khách... Không, tôi nghĩ phòng khách là căn phòng đằng trước, căn ở bên trái đó.”

“Chú bán tạp hóa nói với tui là căn bên phải mà.”

“À, tất nhiên có thể như vậy. Có lần tôi vô nhà số 10 và ở đó tôi nhớ rất rành rẽ phòng ăn ở bên phải, còn phòng khách ở bên trái...”

“Trông không có vẻ gì là đã có một vụ giết người trong ấy, phải không...?”

“Tôi tin cô gái đã ra khỏi cổng, la hét như loạn trí...”

“Người ta bảo từ hôm ấy đầu óc cô ta không ổn. Cú sốc khủng khiếp, tất nhiên rồi...”

“Hắn đột nhập vào qua cửa sổ đằng sau, vì thế người ta nói hắn đang bỏ bạc vào bao thì cô gái đi vào và phát hiện hắn ở đó...”

“Người đàn bà đáng thương chủ ngôi nhà, bà ta bị mù, tội nghiệp quá! Bởi vậy dĩ nhiên bà không thể nào biết chuyện gì đang xảy ra.”

“Ôi, nhưng khi ấy bà đâu có ở đó...”

“Tôi tưởng bà có ở đó chứ. Bà có ở trên lầu và đã nghe tiếng hân. Ôi trời ôi, tôi phải tiếp tục đi mua hàng thôi.”

Hầu như lúc nào vẫn tiếp tục có những cuộc tám chuyện tương tự. Bị cuốn hút như nam châm, những người hầu như không thể đến cũng đến Wilbraham Crescent. Họ tạm dừng, nhìn chăm chặp rồi tiếp tục đi ngang qua, nhu cầu trong lòng phần nào được thỏa mãn.

Đến đây rồi vẫn còn rối trí, Edna Brent thấy mình đang chen chúc trong một nhóm nhỏ độ năm hay sáu người đang mải mê với thú tiêu khiển ưa thích nhất là ngắm nghía ngôi nhà có án mạng.

Edna vốn dễ bị người khác gợi ý cũng nhìn chăm chặp.

Vậy ra đó là căn nhà nơi vụ án xảy ra. Những tấm màn che cửa sổ sạch sẽ gọn gàng. Trông vẫn đẹp đẽ quá. Vậy mà một người đàn ông lại bị giết trong đó. Giết bằng một con dao làm bếp. Một con dao làm bếp bình thường. Hầu như mọi người đều có một con dao làm bếp...

Bị mê hoặc bởi hành vi của những người xung quanh, Edna cũng nhìn chăm chặp và thôi không suy nghĩ nữa...

Cô hầu như quên băng điều gì đã đưa cô tới đây...

Cô giật mình khi nghe một giọng nói bên tai.

Cô quay đầu lại, kinh ngạc vì nhận ra.

Lời kể của Colin Lamb

Tôi để ý thấy Sheila Webb lẳng lặng lên ra khỏi tòa. Cô đã cho lời khai rất tốt. Trông cô có vẻ căng thẳng, nhưng không căng thẳng quá mức. Chỉ tự nhiên vậy thôi, thật vậy. (Ông Beck sẽ nói gì? “Biểu hiện tốt lắm.” Tôi đã nghe ông ta nói thế!)

Tôi ngạc nhiên trước những chứng cứ của bác sĩ Rigg. (Dick Hardcastle đã không nói với tôi nhưng chắc hẳn ông biết) và sau đó tôi đi theo cô ấy.

“Dù sao cũng không tệ lắm, phải không?” tôi nói khi bắt kịp cô.

“Không tệ. Thật ra rất dễ chịu. Sơ thẩm viên thật tử tế.” Cô do dự. “Tiếp theo sẽ là chuyện gì?”

“Ông ấy sẽ hoãn cuộc điều tra — để tìm thêm chứng cứ. Có lẽ nửa tháng hoặc cho tới khi có thể nhận dạng người chết.”

“Anh nghĩ họ sẽ nhận diện được ông ấy hả?”

“Phải,” tôi đáp. “Họ sẽ nhận diện được thôi. Chuyện ấy không có gì phải nghi ngờ cả.”

Cô rùng mình. “Hôm nay trời lạnh quá.”

Trời không quá lạnh lẽo. Thật sự, tôi nghĩ là khá ấm áp.

“Đi ăn trưa sớm được không?” tôi đề nghị. “Cô không phải trở lại chỗ đánh máy, phải không?”

“Không. Văn phòng đóng cửa tới hai giờ.”

“Thế thì ta đi thôi. Món ăn Trung Hoa cô có dùng được không? Tôi thấy có một quán ăn nhỏ trên đường này ở dưới kia kìa.”

Sheila có vẻ do dự.

“Tôi phải đi mua sắm.”

“Để sau đi mua cũng được mà.”

“Không, tôi không thể — một số cửa hàng đóng cửa từ một tới hai giờ.”

“Thôi được. Cô sẽ gặp tôi ở đó chứ? Nửa giờ nữa được không?”

Cô ấy nói sẽ đến.

Tôi đi ra khu nhà ven biển và ngồi trong một cái chòi ở đó. Gió từ ngoài biển thổi thẳng vào người tôi.

Tôi muốn có thời gian suy nghĩ. Người ta vẫn luôn nổi giận khi những người khác biết về ta nhiều hơn ta biết về chính mình. Nhưng ông già Beck, Hercule Poirot và Dick Hardcastle, tất cả bọn họ đều đã thấy rõ những gì bây giờ tôi buộc phải thừa nhận với chính mình là có thật.

Tôi đã quan tâm lo lắng cho cô gái này — đã quan tâm theo một cách trước giờ tôi chưa từng quan tâm lo lắng cho một cô gái.

Không phải vì nhan sắc của cô. Cô ấy xinh đẹp, xinh đẹp một cách nói đúng ra là bất thường, không hơn không kém. Không phải vì cô gợi cảm — tôi vẫn thường gặp các cô gái quyến rũ — và đã hoàn toàn chữa được cái bệnh đam mê tình ái rồi.

Chỉ là, gần như ngay từ lần đầu gặp mặt, tôi đã nhận ra cô chính là cô gái của mình.

Và tôi không biết điều chết tiệt gì về cô cả!

Ngay sau hai giờ tôi bước vào đồn cảnh sát và xin gặp Dick. Tôi thấy ông ngồi ở bàn giấy, đang lật một chồng hồ sơ. Ông ngược nhìn lên và hỏi tôi nghĩ gì về buổi điều tra chính thức.

Tôi nói rằng tôi nghĩ buổi sơ thẩm được điều hành rất tuyệt, biểu hiện rất lịch lãm.

“Chúng ta làm cái việc ấy quá tốt ở đất nước này.”

“Cậu nghĩ sao về chứng cứ pháp y?”

“Nói đúng ra là một cú đấm bất ngờ. Tại sao ông anh không cho tôi biết hả?”

“Cậu mắc đi xa mà. Cậu có tham khảo chuyên gia của cậu không?”

“Có đây.”

“Tôi tin mình chỉ nhớ ông ấy lờ mờ thôi. Ria mép rất nhiều.”

“Rậm rạp,” tôi đồng ý. “Ông ấy tự hào về bộ ria mép lắm.”

“Chắc ông ấy già lắm rồi nhỉ.”

“Già nhưng chưa lú lẫn.”

“Thực sự vì sao cậu lại đến gặp ông ấy? Có phải thuần túy chỉ vì nhân từ bác ái?”

“Ông anh quả thật có một đầu óc cảnh sát quá đa nghi, Dick! Chủ yếu là thế đó. Nhưng tôi thừa nhận còn do hiếu kỳ nữa. Tôi muốn nghe ông ấy nói về kế hoạch phá án của chúng ta. Ông anh thấy đó, ông vẫn luôn nói cái điều mà tôi gọi là nổ quá cỡ về chuyện dễ dàng phá án, chỉ cần ngồi trên ghế bành, các đầu ngón chạm vào nhau, nhắm mắt lại mà suy nghĩ. Tôi muốn tới đó để lật tẩy ông.”

“Ông ta có làm theo quy trình ấy để giúp cậu không?”

“Có chứ.”

“Ông ấy đã nói gì?” Dick hỏi với đôi chút tò mò.

“Ông bảo chắc hẳn là một án mạng rất đơn giản.”

“Đơn giản à, lạy Chúa tôi!” Hardcastle có vẻ kích động. “Sao mà đơn giản chứ?”

“Theo như tôi hiểu,” tôi đáp, “thì là vì toàn bộ vụ án này có vẻ quá phức tạp.”

Hardcastle lắc đầu. “Tôi chẳng hiểu gì hết. Nghe như kiểu nói năng khôn lanh của lũ trẻ ở Chelsea, nhưng tôi chả hiểu nổi.”

“Ông ấy bảo tôi đi nói chuyện với mấy nhà hàng xóm. Tôi đã cam đoan với ông chúng ta đã làm thế rồi.”

“Với chứng cứ pháp y thì bây giờ lát giềng thậm chí còn quan trọng hơn.”

“Có căn cứ nào để đoán người ấy đã bị đánh thuốc mê ở một nơi nào khác rồi bị đưa đến nhà số 19 để bị giết chết hay không?”

Lời tôi vừa nói có gì đó quen quen khiến tôi kinh ngạc, “Ít nhiều giống như lời của bà tên gì đó, cái bà nuôi mèo đã nói. Lúc ấy tôi thật kinh ngạc khi nghe một nhận xét khá lý thú.”

“Những con mèo ấy,” Dick rùng mình, ông nói tiếp: “À này, chúng tôi đã tìm thấy hung khí rồi. Hôm qua.”

“Thấy rồi hả? Ở đâu vậy?”

“Trong nhà nuôi mèo. Có thể đoán kẻ sát nhân đã ném vào đấy sau khi giết người.”

“Không có dấu tay, tôi đoán đúng không?”

“Đã lau chùi kỹ. Có thể là dao của bất cứ ai — mới dùng sơ qua thôi — mới mài sắc gần đây.”

“Vậy đã diễn ra như thế này. Ông ta bị đánh thuốc mê — rồi chở tới nhà số 19 — trong một chiếc ô tô? Hay bằng cách nào?”

“Có thể đã bị khiêng đi từ một trong các ngôi nhà có vườn liền kề.”

“Có một chút mạo hiểm, phải thế không?”

“Cần phải liều lĩnh mới làm thế được,” thanh tra đồng ý, “và phải hiểu biết thật rành rẽ thói quen của các nhà lân cận nữa. Có nhiều khả năng nạn nhân bị chở đến trên một chiếc ô tô hơn.”

“Như thế cũng mạo hiểm. Người ta thường để ý đến ô tô.”

“Xung quanh chẳng có ai cả. Nhưng tôi đồng ý là kẻ sát nhân không thể nào biết người ta không để ý. Những người qua đường lẽ ra đã để ý thấy một chiếc ô tô đỗ trước nhà số 19 ngày hôm ấy...”

“Không biết họ có để ý hay không,” tôi nói. “Người ta quá quen thuộc với ô tô rồi. Tất nhiên trừ khi đó là một chiếc ô tô thật lộng lẫy — cái gì đó bất thường, nhưng không có khả năng ấy...”

“Và dĩ nhiên lúc đó là giờ ăn trưa. Cậu nhận ra không, Colin, điều này đưa cô Millicent Pebmarsh trở vào vòng điều tra chứ? Một người đàn ông còn đủ sức khỏe mà lại bị một người đàn bà mù dâm nghĩ cũng kỳ, nhưng nếu hẳn đã bị đánh thuốc mê thì...”

“Nói cách khác ‘nếu ông ấy đến đó để bị giết’ như bà Hemming của chúng ta đã đề ra, thì ông ta đã đến do có hẹn trước mà không hề nghi ngờ gì hết, được mời uống sherry hay cocktail — thứ thuốc Mickey Finn đã phát tác và cô Pebmarsh ra tay. Sau đó bà ta rửa sạch ly thuốc Mickey Finn, đặt cái xác nằm gọn trên sàn nhà, ném con dao sang vườn nhà hàng xóm rồi nhẹ nhàng bước ra ngoài như thường lệ.

“Gọi điện đến Phòng Thư ký Cavendish trên đường đi...”

“Và tại sao bà ta lại làm như thế? Còn yêu cầu đích danh Sheila Webb nữa chứ?”

“Giá mà chúng ta biết được nhỉ,” Hardcastle nhìn tôi.

“Bà ta có biết không? Biết cô gái ấy?”

“Bà ấy bảo không biết.”

“Bà ấy bảo không biết,” Hardcastle thần thờ lặp lại. “Tôi đang hỏi *cậu* nghĩ gì về chuyện ấy?”

Tôi chẳng nói chẳng rằng trong vài phút. Tôi *đã* nghĩ gì? Tôi phải quyết định hành động theo trình tự nào. Sự thật cuối cùng sẽ lộ rõ. Nó sẽ không làm tổn thương Sheila nếu cô quả đúng như tôi hằng tin tưởng.

Bằng một động tác vội vàng hấp tấp tôi rút một bưu thiếp từ trong túi ra, đưa qua bàn.

“Sheila nhận được cái này từ bưu điện.”

Thanh tra sẫm soi xem kỹ. Đó là một tấm trong loạt bưu thiếp về các dinh thự ở London. Ảnh chụp Tòa Đại hình Trung ương. Hardcastle lật lại. Bên phải là địa chỉ — in rõ nét. Cô R.S.Webb, 14, đường Palmerston, Crowdean, Sussex.

Bên trái cũng được in, chữ: REMEMBER! và dưới đó là 4 giờ 13.

“4 giờ 13,” Hardcastle nhận xét. “Đó là giờ xem được trên những chiếc đồng hồ hôm ấy.” Ông lắc đầu. “Một bức ảnh Tòa Đại hình London, một chữ ‘Remember’ và một thời khắc: 4 giờ 13. Chắc hẳn có liên quan mật thiết với điều gì đấy.”

Tôi nói thêm vào: “Cô ấy bảo không hiểu gì cả. Tôi tin cô ấy.”

Thanh tra gật đầu.

“Để tôi giữ cái này. Chúng tôi có thể biết được điều gì đấy từ nó.”

“Hy vọng vậy.”

Cả hai chúng tôi đều bối rối. Để giải tỏa tôi nói: “Ông anh cũng thu được nhiều tài liệu nhỉ.”

“Toàn những thứ thường thường thôi. Và hầu hết chẳng ích lợi cái quái gì. Người chết không có tên trong hồ sơ hình sự, dấu vân tay của hắn cũng không có trong tài liệu lưu trữ. Thực tế cả xấp thư này từ những người khai là đã nhận ra hắn gửi đến.”

Ông đọc lên:

“Kính thưa ông, bức ảnh trên báo, tôi hầu như chắc chắn đúng là người đàn ông đã lên xe lửa ở Ga trung chuyển Willesden bữa nọ. Hắn thì thầm nói một mình, trông có vẻ rất man rợ và kích động, khi nhìn thấy hắn tôi đã nghĩ chắc hẳn có chuyện gì không ổn đây.”

“Kính thưa ông, tôi nghĩ người đàn ông này trông rất giống anh họ của chồng tôi tên là John. Anh ấy xuất ngoại đến Nam Phi nhưng có thể đã trở về. Lúc ra đi anh ấy để râu mép, nhưng lẽ dĩ nhiên có thể đã cạo đi rồi.”

“Kính thưa ông, tôi đã trông thấy người đàn ông đăng báo trên một chuyến tàu điện ngầm đêm hôm qua. Lúc ấy tôi nghĩ có điều gì đấy khác thường về ông ta.”

Thanh tra nói tiếp: “Lẽ dĩ nhiên còn có cả các bà nhận chồng nữa. Dường như các bà thực sự không biết chồng mình trông ra làm sao. Có các bà mẹ tràn trề hy vọng nhận lại con trai mà họ không gặp mặt đã hai mươi năm rồi.

“Còn đây là danh sách những người mất tích. Chẳng có gì ở đây có thể giúp chúng tôi. ‘George Barlow, 65 tuổi, bỏ nhà đi mất biệt. Vợ hẳn nghĩ chắc hẳn đã bị mất trí nhớ.’ Bên dưới có ghi chú: ‘Nợ rất nhiều tiền. Đã thấy bỏ đi với một góa phụ tóc đỏ. Gần như chắc chắn hẳn đã quyết nợ và chuồn thẳng.’”

“Người kế tiếp: ‘Giáo sư Hargraves, sinh viên mong ông ta đến giảng bài thứ ba tuần trước. Đã không xuất hiện, cũng không gửi điện báo hay thư cáo lỗi.’”

Hardcastle hình như không xem trường hợp giáo sư Hargrave là quan trọng.

“Thiết tưởng buổi diễn giảng là vào tuần lễ trước hay tuần lễ sau đấy,” ông nói. “Có lẽ ông ấy định báo với quản gia mình sẽ đi đâu nhưng lại không báo. Chúng tôi gặp nhiều trường hợp thế đấy.”

Có tiếng vo ve của điện thoại nội bộ trên bàn Hardcastle. Ông nhắc ống nghe lên.

“Hả?... Cái gì?... Ai phát hiện cô ấy? Bà ta có cho biết tên không? Tôi hiểu. Cứ tiếp tục nhé!” Ông đặt ống nghe xuống. Khi quay lại nhìn tôi mặt ông thay đổi hẳn. Nghiêm khắc và căm giận.

“Người ta tìm thấy một cô gái chết trong một buồng điện thoại công cộng trên đường Wilbraham Crescent.”

“Chết à?” tôi nhìn ông chăm chăm. “Chết như thế nào?”

“Bị siết cổ. Bằng chính chiếc khăn quàng cổ của mình!”

Bất chợt tôi thấy ớn lạnh.

“Cô gái nào? Không phải là...”

Hardcastle cho tôi một cái liếc mắt lạnh lùng đánh giá mà tôi chẳng thích.

“Không phải bạn gái của cậu đâu,” ông nói, “nếu như đấy là điều cậu lo sợ. Cảnh sát ở đó dường như biết cô ta là ai. Hẳn bảo đấy là một cô làm chung sở với Sheila Webb. Tên cô ta là Edna Brent.”

“Ai đã tìm thấy cô ấy? Viên cảnh sát nào?”

“Cô Waterhouse từ nhà số 18 đã phát hiện cô ta. Dường như bà ấy đến buồng điện thoại để gọi điện vì điện thoại nhà bà bị trục trặc và thấy cô gái đã ngã nhào xuống thành một đống ở đó.”

Cửa mở ra và một nhân viên cảnh sát nói: “Bác sĩ Rigg điện thoại nói đang trên đường đi, thưa sếp. Ông ấy sẽ gặp sếp ở Wilbraham Crescent.”

Một tiếng rưỡi đồng hồ sau đó, Thanh tra thám tử Hardcastle ngồi vào bàn làm việc của mình, đã nguôi bớt nỗi đau buồn, nhận lấy một tách trà của cơ quan. Mặt ông vẫn còn nét hoang mang tức giận.

“Xin lỗi sếp, Pierce muốn nói với sếp mấy câu.”

Hardcastle tỉnh táo lại.

“Pierce à? Được, cho anh ta vào.”

Pierce đi vào, một viên cảnh sát trẻ trông có vẻ bồn chồn lo lắng.

“Xin lỗi sếp, tôi nghĩ có lẽ mình phải nói với sếp.”

“Sao? Nói với tôi cái gì?”

“Đó là sau buổi điều tra, thưa sếp. Tôi đang làm nhiệm vụ ở cửa vào. Cô gái này — cô gái đã bị giết chết ấy. Cô — cô ta nói với tôi.

“Nói với cậu, thế à? Cô ấy đã nói gì?”

“Cô bảo muốn nói với sếp vài lời ạ.”

Hardcastle ngồi thẳng dậy, bất chợt tỉnh táo hẳn.

“Cô ta muốn nói với tôi vài lời ư? Cô ta có nói vì sao không?”

“Không biết chính xác, thưa sếp. Xin lỗi sếp ạ. Giá mà... giá mà tôi đã làm gì đó giúp cô ta. Tôi hỏi cô có thể để lại lời nhắn hay không, hoặc có lẽ cô có thể tới đồn cảnh sát sau. Sếp thấy đó, khi ấy sếp đang bận rộn với ông cảnh sát trưởng và người bên toà án nên tôi đã nghĩ...”

“Chết tiệt!” Hardcastle làu bàu trong miệng. “Lẽ ra cậu có thể bảo cô ta đợi đến khi tôi rảnh việc chứ?”

“Tôi rất tiếc, thưa sếp.” Anh cảnh sát đỏ mặt. “Tôi cho rằng nếu biết chuyện hẳn tôi đã làm như vậy. Nhưng tôi đã không nghĩ có việc quan trọng. Tôi không biết cô ta nghĩ việc đó quan trọng. Cô nói chỉ là điều gì đó khiến cô lo lắng.”

“Lo lắng ư?” Hardcastle hỏi. Ông im lặng cả một phút, trong đầu nhớ lại vài sự kiện. Đây là cô gái ông đã đi ngang qua ngoài phố khi ông đang trên đường tới nhà bà Lawton, cô gái đã muốn gặp Sheila Webb. Cô gái nhận ra ông khi đi ngang qua và đã ngần ngừ một lát như thể không chắc có nên xin ông dừng lại hay không. Cô ta đã có điều gì đó trong đầu. Phải, là thế đó. Điều gì đó trong đầu cô. Ông đã để vuột mất. Đã không đủ lanh lẹ để chụp lấy cái bóng. Mãi mê theo đuổi mục đích của riêng mình là tìm ra thêm những chi tiết căn bản về Sheila Webb, ông lại bỏ qua một điểm có giá trị. Cô gái đó đã lo lắng ư? Vì sao? Giờ đây có lẽ họ sẽ không bao giờ biết được vì sao.

“Tiếp tục đi, Pierce,” ông bảo. “Nói cho tôi biết tất cả những gì cậu còn nhớ được!” Ông nói thêm một cách tử tế, vì ông vốn là người công bằng chính trực: “Cậu lúc đó không biết việc ấy là quan trọng.”

Ông biết đổ vấy cơn tức giận và tâm trạng thất vọng của mình bằng cách trách mắng cậu trai trẻ này thì chẳng hay ho gì. Làm sao cậu ta biết được chứ? Một phần trong chương trình huấn luyện của anh ta là đề cao kỷ luật, bảo đảm người ta chỉ được tiếp cận cấp trên của anh vào thời gian thích hợp và địa điểm thích hợp. Nếu cô gái nói là quan trọng hay khẩn cấp thì đã khác hẳn. Nhưng ông nghĩ khi nhớ lại lần đầu trông thấy cô ở văn phòng, cô không phải kiểu phụ nữ ấy. Một người suy nghĩ chậm lụt. Một cô gái có lẽ hay ngờ vực do tâm thần chậm phát triển.

“Cậu có thể nhớ chính xác đã xảy ra những gì và cô ấy đã nói gì với cậu không, Pierce?” ông hỏi.

Anh cảnh sát đang nhìn ông với vẻ tha thiết biết ơn.

“Thưa sếp, khi mọi người đang ra về, cô ấy tới chỗ tôi, có phần do dự một lát, ngó quanh như đang tìm ai đó. Không phải sếp đâu, tôi nghĩ vậy. Một kẻ nào khác. Sau đó cô đi tới chỗ tôi và nói cô có thể gặp sĩ quan cảnh

sát hay không, cô nói là người đã cho lời khai. Vậy là như tôi đã nói tôi nhìn thấy sếp đang bận việc với ông cảnh sát trưởng, và tôi giải thích với cô là sếp đang bận lắm, cô ấy có thể nhắn lại hay là sau đó gặp sếp ở đồn. Tôi nghĩ cô ấy đã nói như thế không tốt lắm. Tôi hỏi có gì đặc biệt không...”

“Sao?” Hardcastle chồm người tới trước.

“Và cô ấy nói thật ra không hẳn vậy. Chỉ là cái gì đó mà cô không hiểu tại sao lại có thể như thế.”

“Cô ta không hiểu làm sao mà điều cô thấy lại có thể như thế à?” Hardcastle lặp lại.

“Đúng vậy, thưa sếp. Tôi không chắc có đúng từng từ hay không. Có lẽ là: ‘Tôi không hiểu làm sao mà điều cô ta nói lại có thể là sự thật.’ Cô ấy cau mày và có vẻ rối trí. Nhưng khi tôi hỏi thì lại nói là không thật sự quan trọng.”

Không thật sự quan trọng, cô gái đã nói vậy. Cũng chính cô gái ấy đã được tìm thấy không bao lâu sau đó, bị siết cổ chết trong buồng điện thoại công cộng...

“Có ai ở gần cậu lúc cô ta nói với cậu không?” ông hỏi.

“Lúc đó có rất nhiều người, thưa sếp, đang xếp hàng đi ra, sếp biết rồi đó. Có rất nhiều người dự buổi điều tra mà. Vụ án gây náo loạn quá chừng, vụ giết người này cùng với cái cách báo chí tận dụng làm rùm beng lên nữa.”

“Cậu không nhớ đã thấy ai ở gần lúc ấy sao — ai đấy trong số những người cung cấp chứng cứ, chẳng hạn thế?”

“Tôi e mình không nhớ bất kỳ ai, thưa sếp.”

“Thiệt tình,” thanh tra nói, “không giúp ích gì. Thôi được, Pierce à, nếu cậu nhớ thêm điều gì nữa, hãy đến gặp tôi ngay lập tức nhé!”

Còn lại một mình ông cố dằn cơn nóng giận đang tăng lên và tự lên án mình. Cô gái ấy, cái cô trông có vẻ nhất như thỏ đế ấy đã biết được điều gì đó. Không, có lẽ nói cô ấy biết là quá đề cao, cô đã trông thấy gì đó, nghe thấy gì đó. Điều gì đã khiến cô lo âu. Và nỗi lo âu ấy càng mãnh liệt hơn

sau khi cô dự buổi sơ thẩm. Có thể là gì chứ? Điều gì đó trong các lời khai? Điều gì đó rất có khả năng là nằm trong lời khai nhân chứng của Sheila Webb? Có phải hai ngày trước cô ta đến nhà dì của Sheila với mục đích gặp Sheila? Chắc chắn cô có thể nói chuyện với Sheila ở sở làm? Tại sao cô lại muốn gặp riêng cô ấy? Có phải cô đã biết gì đó về Sheila Webb khiến cô bối rối? Có phải cô muốn yêu cầu Sheila giải thích về vấn đề nào đó, ở nơi nào đó tại chỗ riêng tư—không ở trước mặt các cô gái khác? Có vẻ là cái kiểu đó. Chắc chắn có vẻ như vậy.

Ông cho Pierce ra ngoài. Sau đó ông chỉ đạo trung sĩ Cray vài việc.

“Sếp vẫn nghĩ cô gái đến Wilbraham Crescent ạ?” trung sĩ Cray hỏi.

“Tôi vẫn đang thắc mắc về điều ấy,” Hardcastle đáp. “Lẽ dĩ nhiên có khả năng cô ta chỉ hiếu kỳ quá không chịu nổi — muốn xem nơi ấy trông ra làm sao. Chẳng có gì bất thường khi một nửa dân số của Crowdean cũng đều cảm thấy như thế.”

“Không phải chúng ta vẫn biết vậy sao?” viên trung sĩ có vẻ cảm thán.

“Mặt khác,” Hardcastle nói chậm rãi, “cô có thể đến gặp người sống ở đây nữa...”

Khi trung sĩ Cray đã trở ra ngoài, Hardcastle ghi ba con số trên xấp giấy thẩm của mình.

“20,” ông viết, và đặt một dấu chấm hỏi sau nó. Ông thêm vào: “19?” và sau đó là “18?” ông viết những cái tên tương ứng. Hemming, Pebmarsh, Waterhouse.

Ba ngôi nhà ở khúc trên đường Crescent nằm ngoài vụ việc. Hẳn Edna Brent không ghé thăm một trong ba nhà này vì cô đã đi trên khúc dưới con đường, nơi có bùng điện thoại.

Hardcastle nghiên cứu ba khả năng.

Ông lấy số 20 trước tiên. Con dao gậy án trong vụ giết người đầu tiên đã được tìm thấy ở đó. Hình như có nhiều khả năng con dao được ném qua đó từ vườn nhà số 19 nhưng họ không biết điều ấy. Có thể chính chủ nhà số 20 đã nhét nó vào bụi rậm. Khi được thẩm vấn, phản ứng duy nhất của bà Hemming là căm phẫn. Bà ta đã nói: ‘Đứa nào ném con dao kinh tởm như

thế vào bầy mèo của tôi thật ác quá!’ Làm sao bà Hemming dính líu với Edna Brent chứ? Bà ta vô can, thanh tra quyết định như vậy.

Ông tiếp tục xem xét cô Pebmarsh. Phải chăng Edna Brent đến Wilbraham Crescent để ghé thăm bà ta? Bà đã khai báo tại buổi điều tra. Phải chăng đã có điều gì trong lời khai ấy khiến Edna không tin? Nhưng cô gái ấy đã lo lắng trước buổi sơ thẩm. Phải chăng cô đã biết điều gì đó về cô Pebmarsh rồi? Phải chăng cô đã biết chẳng hạn như có một mối liên hệ kiểu nào đó giữa bà cô này và Sheila Webb? Điều ấy khớp với lời cô nói với Pierce. “Những gì cô ta nói không thể đúng sự thật.”

‘Phỏng đoán, tất cả chỉ là phỏng đoán,’ ông tức giận nghĩ thầm.

Còn nhà số 18 thì sao? Cô Waterhouse đã tìm thấy cái xác. Thanh tra Hardcastle mắc cái bệnh nghề nghiệp hay thành kiến với những ai phát hiện xác chết. Đối với một tên sát nhân, việc tìm thấy xác chết giúp hắn tránh né rất nhiều khó khăn phiền phức — khỏi phải gặp nhiều rủi ro khi sắp đặt một trường hợp ngoại phạm, giải thích vì sao lại có dấu tay của hắn khi người ta sẫm soi xem xét kỹ. Trong nhiều tình thế đó là một vị trí vững như bàn thạch — chỉ cần một điều kiện duy nhất. Chắc hẳn không có động cơ hiển nhiên nào. Chắc chắn không có động cơ rõ ràng khiến cô Waterhouse trừ khử Edna Brent nhỏ bé. Bà ta không phải cho lời khai trong buổi điều tra. Tuy nhiên có thể bà ta đã đến đó. Có lẽ cô ấy đã có lý do gì đó để biết hay tin chính bà ta đã giả làm cô Pebmarsh gọi điện yêu cầu gửi một thư ký đánh máy kiêm tốc ký đến nhà số 19?

Lại phỏng đoán nữa rồi.

Và dĩ nhiên còn có chính Sheila Webb nữa...

Thanh tra đưa tay tới cái máy điện thoại. Ông gọi đến khách sạn Colin Lamb đang lưu trú. Ngay sau đó ông đã gặp anh trên đường dây.

“Hardcastle đây—hôm nay cậu ăn trưa với Sheila Webb lúc mấy giờ?”

Anh ta im lặng một lúc rồi mới trả lời: “Sao ông anh biết chúng tôi cùng ăn trưa?”

“Đoán cực hay mà. Cậu từng đoán, phải không?”

“Tại sao tôi phải ăn trưa với cô ấy chứ?”

“Chả có lý do gì cả. Tôi chỉ hỏi cậu về thời gian thôi. Có phải cô cậu đã đi ăn trưa ngay sau buổi điều tra?”

“Không. Cô ấy phải đi mua sắm. Chúng tôi gặp nhau ở hiệu ăn Trung Hoa trên đường Market lúc một giờ.”

“Tôi hiểu rồi.”

Hardcastle nhìn xuống ghi chú của mình. Edna Brent chết khoảng từ 12 giờ 30 đến 1 giờ.

“Ông anh không muốn biết chúng tôi ăn trưa món gì sao?”

“Bình tĩnh nào! Tôi chỉ muốn biết giờ giấc chính xác thôi. Để làm hồ sơ ấy mà.”

“Tôi hiểu. Ra là vậy.”

Một thoáng im lặng. Hardcastle cố làm dịu bớt căng thẳng: “Nếu như tối nay cậu không làm gì...”

Người kia ngắt ngang.

“Tôi phải đi. Đang chuẩn bị hành lý. Được thông báo có việc đang đợi tôi. Tôi phải xuất ngoại.”

“Bao giờ thì cậu trở về?”

“Ai muốn đoán gì thì đoán. Ít nhất một tuần — có lẽ lâu hơn nữa — có thể không bao giờ!”

“Vận rủi — hay không phải thế?”

“Tôi không chắc chắn,” Colin đáp, rồi gác máy.

Hardcastle tới nhà số 19, Wilbraham Crescent đúng lúc cô Pebmarsh đang rời khỏi nhà.

“Xin lỗi, cho tôi một phút, cô Pebmarsh à.”

“Ô, có phải thanh tra Hardcastle đấy không?”

“Phải, tôi có thể nói vài lời với cô không?”

“Tôi không muốn đến viện trẻ. Có lâu không?”

“Tôi cam đoan chỉ ba hay bốn phút thôi.”

Bà vào nhà và ông đi theo.

“Cô đã nghe chuyện xảy ra chiều nay rồi, phải không?” ông hỏi.

“Chuyện gì đã xảy ra ư?”

“Tôi tưởng cô đã nghe rồi chứ. Một cô gái bị giết trong buồng điện thoại ngay khúc phía dưới đường này.”

“Bị giết? Lúc nào?”

“Cách đây hai giờ bốn mươi lăm phút.” Ông ngó chiếc đồng hồ đứng.

“Tôi chả nghe nói gì cả. Chẳng có gì,” cô Pebmarsh nói. Ngay tức khắc một nỗi giận dữ vang lên trong giọng nói của bà. Như thể sự bất lực đã theo bà về tận nhà theo một cách đặc biệt gây tổn thương. “Một cô gái — bị giết! Cô gái nào thế?”

“Tên cô ta là Edna Brent và cô ấy làm việc ở Phòng Thư ký Cavendish.”

“Một cô từ đấy nữa! Cô ấy cũng được phái đến như cái cô Sheila gì đấy ư?”

“Tôi không nghĩ thế,” thanh tra đáp. “Chẳng phải cô ta đến gặp bà ở đây trong nhà bà hay sao?”

“Ở đây ư? Không, chắc chắn không.”

“Nếu như cô ta đã đến đây, lúc ấy cô có ở nhà hay không?”

“Tôi không chắc chắn. Ông bảo lúc mấy giờ?”

“Khoảng chừng mười hai giờ ba mươi hay muộn hơn một chút.”

“Vâng, hẳn lúc ấy tôi có ở nhà.”

“Cô đã đi đâu sau buổi sơ thẩm?”

“Tôi đi thẳng về đây.” Bà tạm dừng rồi hỏi, “Sao ông lại nghĩ cô gái này có thể đã đến nhà tôi?”

“À, sáng nay cô ta dự buổi sơ thẩm và đã thấy bà ở đấy. Hẳn cô ta có lý do gì đó để đến Wilbraham Crescent. Theo như chúng tôi được biết thì cô ta chẳng quen ai ở đường này cả.”

“Nhưng sao cô ấy lại đến gặp tôi, chỉ vì đã thấy tôi ở buổi sơ thẩm?”

“À...” thanh tra hơi mỉm cười, rồi hấp tấp cố làm cho giọng nói của mình vui tươi lên khi nhận thấy bà ta chẳng thể nào chấp nhận cái giọng giả lả giảng hòa của mình. “Người ta không bao giờ biết được các cô gái này muốn gì. Cô ta có thể chỉ muốn xin chữ ký thôi. Đại loại thế.”

“Xin chữ ký!” Giọng cô Pebmarsh đầy khinh miệt. “Phải. Phải rồi, chắc ông nói đúng đấy. Cái kiểu ấy vẫn thường xảy ra.” Rồi bà lắc đầu dữ dội. “Tôi chỉ có thể cam đoan với ông, thanh tra Hardcastle à, chuyện ấy hôm nay đã không xảy ra. Chẳng có ai đến đây từ lúc tôi trở về sau buổi sơ thẩm cả.”

“À, cảm ơn cô Pebmarsh. Chúng tôi chỉ nghĩ nên kiểm tra mọi khả năng có thể xảy ra.”

“Cô ta bao nhiêu tuổi?” cô Pebmarsh hỏi.

“Chắc là mười chín tuổi.”

“Mười chín ư? Còn trẻ lắm.” Bà hơi đổi giọng. “Trẻ quá... Tội nghiệp con bé! Ai lại muốn giết một con bé mới từng ấy tuổi vậy chứ?”

“Chuyện đã xảy ra rồi,” thanh tra nói.

“Con bé khá gợi cảm à?”

“Không. Chắc cũng muốn thế, nhưng không được.”

“Thế thì chẳng phải vì lý do ấy rồi,” bà lại lắc đầu. “Tôi rất tiếc, còn tiếc hơn vì chẳng giúp được gì cho ông, thanh tra Hardcastle.”

Ông đi ra, trong lòng đầy ấn tượng, như vẫn luôn đầy ấn tượng về cá tính của cô Pebmarsh.

Cô Waterhouse cũng đang ở nhà. Cũng đúng cái kiểu ấy, bà ta đột nhiên mở toang cửa ra, bày tỏ ước muốn gài cho ai đó làm điều không nên làm.

“À ra là ông,” bà nói. “Thực sự tôi đã kể cho người của ông nghe tất cả những gì tôi biết rồi mà.”

“Tôi chắc chắn cô đã trả lời tất cả các câu được hỏi,” Hardcastle nói, “nhưng không thể hỏi hết mọi điều ngay một lúc, cô biết đấy, nên chúng tôi cần phải đi sâu vào một vài chi tiết nữa.”

“Tôi chả hiểu vì sao nữa. Toàn bộ chuyện này là một cú sốc khủng khiếp nhất,” cô Waterhouse nhìn ông như thể khiển trách ông ta đã gây ra mọi chuyện. “Vào đi, vào đi! Ông không thể đứng trên tấm thảm suốt ngày. Vào đi và ngồi xuống, rồi muốn hỏi gì thì hỏi, mặc dù thực sự tôi không hiểu có thể còn câu hỏi gì. Như đã kể với các ông, tôi đã ra ngoài để gọi điện thoại. Tôi mở cửa buồng điện thoại và cô gái ở đấy. Cả đời tôi chưa bao giờ bị sốc đến thế. Tôi vội vàng đi tìm một cảnh sát viên. Rồi sau đấy, trong trường hợp ông muốn biết, tôi trở về đây tự cho mình một liều rượu mạnh làm thuốc an thần. *Một liều thuốc*,” cô Waterhouse nhấn mạnh.

“Cô thật khôn ngoan, thưa cô,” thanh tra nói.

“Và chỉ có vậy thôi,” chủ nhà đáp lại một cách dứt khoát.

“Tôi muốn hỏi cô có hoàn toàn chắc chắn trước giờ mình chưa từng gặp cô này hay không?”

“Có thể đã gặp hàng chục lần nhưng chả nhớ. Tôi muốn nói cô ấy có thể đã phục vụ tôi ở nhà hàng Woolworth, ngồi gần tôi trên xe buýt hay bán vé cho tôi ở rạp chiếu phim.”

“Cô ta là thư ký đánh máy kiêm tốc ký ở Phòng Cavendish.”

“Tôi không nghĩ mình từng có cơ hội sử dụng một thư ký đánh máy kiêm tốc ký. Có lẽ cô ấy làm việc trong văn phòng của em trai tôi ở Gainsford và Swettenham. Có phải đấy là điều các ông đang hướng đến hay không?”

“Ồ, không. Chắc không có liên quan kiểu ấy đâu. Nhưng tôi chỉ thắc mắc có phải cô ta đã đến gặp cô sáng nay trước khi bị giết hay không.”

“Đến gặp tôi à? Không, dĩ nhiên là không. Gặp để làm gì cơ chứ?”

“À, chuyện ấy chúng tôi không biết. Nhưng cô hãy nói đi, có được không, có phải có người nhìn thấy cô ta vào cổng nhà bà sáng nay là đã trông nhầm?” Thanh tra nhìn cô Waterhouse với ánh mắt vô tư.

“Có người đã trông thấy cô ấy vào cổng nhà tôi ư? Vớ vẩn,” cô Waterhouse ngập ngừng. “Chí ít...”

“Sao ạ?” Hardcastle lắng nghe, không để lộ mình đang cảnh giác.

“À, tôi cho rằng có thể cô ấy đã nhét một tờ giấy nhỏ hay cái gì đấy qua cửa cái. Có một tờ giấy nhỏ ở đấy vào giờ ăn trưa. Chắc là mời dự một cuộc mít-tinh về giải trừ vũ khí hạt nhân, tôi nghĩ vậy. Ngày nào cũng có mấy chuyện này. Có thể hiểu cô ấy đã đến nhét cái gì đấy vào hộp thư nhà tôi, nhưng ông không thể trách tôi vì chuyện ấy, phải không ạ?”

“Dĩ nhiên là không. Bây giờ nói về cuộc gọi của cô — cô bảo điện thoại nhà bị trục trặc. Nhưng qua trao đổi lại không phải thế.”

“Trao đổi chả nói lên bất cứ điều gì! Tôi đã bấm số và nghe có tiếng ồn khác thường chứ không phải tín hiệu đã nối máy, vì thế tôi đi ra buồng điện thoại công cộng.”

Hardcastle đứng lên.

“Xin lỗi cô Waterhouse vì đã làm phiền như thế này, nhưng có ý kiến cho rằng cô ta đã ghé thăm ai đó ở đây và đến một nhà cách nơi này không xa lắm.”

“Và thế là ông phải điều tra khắp các nhà ở đường Crescent này á? Tôi thiết nghĩ khả năng nhiều nhất cô ấy đã đến nhà kế bên — nhà cô Pebmarsh, ý tôi là thế.”

“Sao cô lại cho là nhiều khả năng nhất?”

“Ông bảo cô ấy là một thư ký đánh máy kiêm tốc ký và đến từ Phòng Cavendish mà. Chắc chắn nếu tôi nhớ không nhầm, nghe nói cô Pebmarsh đã yêu cầu một thư ký đánh máy kiêm tốc ký đến nhà bà ấy hôm nọ khi người đàn ông bị giết.”

“Đã nghe nói thế, phải, nhưng bà ta phủ nhận.”

“À, nếu ông hỏi tôi,” cô Waterhouse nói, “chẳng ai chịu nghe *tôi* nói cho đến khi quá muộn, tôi xin thưa rằng bà ấy đã trở nên hơi khật khùng, tôi muốn nói cô Pebmarsh ấy. Tôi nghĩ có lẽ bà thường gọi đến các văn phòng để yêu cầu một thư ký đánh máy kiêm tốc ký đến. Sau đấy có lẽ bà lại quên tuốt luốt.”

“Nhưng cô không nghĩ bà ta giết người chứ?”

“Tôi không hề đề cập đến chuyện giết người hay bất cứ chuyện gì đại loại như thế. Tôi biết một người đàn ông đã bị giết trong nhà bà ta, nhưng tôi chưa phút giây nào nảy ra cái ý nghĩ rằng cô Pebmarsh có liên quan với chuyện ấy. Không. Tôi chỉ nghĩ có thể bà ta đã bị lú lẫn rất kỳ khôi như người ta thường như thế. Tôi từng biết một bà đạo ấy cứ gọi điện thoại đến cửa hàng bánh mứt đặt mua một tá bánh quy giòn. Bà ta đâu có muốn mua, và khi người ta mang đến thì bà bảo không hề đặt mua. Cái kiểu ấy đấy mà.”

“Dĩ nhiên mọi chuyện đều có thể,” thanh tra chào tạm biệt bà chủ nhà rồi rời đi.

Ông nghĩ bà ta chưa dốc hết tài năng với lời gợi ý sau cùng. Mặt khác, nếu bà tin rằng người ta đã thấy cô gái vào nhà mình, và quả thật đã xảy ra như vậy, thì gợi ý về chuyện cô gái đã vào nhà số 19 đúng là một gợi ý khôn khéo trong hoàn cảnh này.

Hardcastle lại liếc nhìn đồng hồ đeo tay và quyết định vẫn còn thời gian để làm việc với Phòng Thư ký Cavendish. Ông biết chiều nay nó đã mở cửa lại lúc hai giờ. Ông có thể được các cô gái ở đó giúp cho đôi chút. Và ông cũng sẽ gặp Sheila Webb ở đó.

Một cô gái đứng dậy ngay lập tức khi ông đi vào văn phòng.

“Thanh tra Hardcastle, phải không ạ?” cô hỏi. “Cô Martindale đang mong gặp ông đó.”

Cô dẫn ông vào văn phòng bên trong. Không đợi một phút giây nào, cô Martindale tấn công luôn.

“Thật nhục nhã, thanh tra Hardcastle ạ, nhục nhã quá đi! Ông phải tìm hiểu cho rõ ngọn nguồn chuyện này. Phải rõ ngọn nguồn ngay lập tức. Đừng lẩn lữa nữa! Cảnh sát có nhiệm vụ bảo vệ người dân và chúng tôi cần điều đó ở đây trong văn phòng này. Bảo vệ. Tôi muốn bảo vệ các nữ nhân viên của mình và tôi muốn nói là phải đạt được điều ấy.”

“Tôi chắc chắn, cô Martindale à, là...”

“Có phải ông định chối bỏ trách nhiệm về việc hai nữ nhân viên của tôi, hai cô đã trở thành nạn nhân? Rõ ràng người nào đó vô trách nhiệm không tìm cho ra những kẻ nào có cái kiểu cách — mà ngày nay người ta gọi là — định kiến hay mặc cảm — đối với các thư ký đánh máy kiêm tốc ký hoặc các phòng thư ký. Chúng hành hạ đọa đày cơ sở này một cách có tính toán. Trước tiên là Sheila Webb bị gọi đến bởi một trò gian ác để cô ta tìm thấy một xác chết—cái kiểu ấy có thể khiến một cô gái bị bắn loạn tâm thần — rồi bây giờ là chuyện này. Sát hại một cô gái tử tế hoàn toàn vô hại trong buồng điện thoại. Ông phải tìm cho ra ngọn nguồn vụ này, ông thanh tra ạ.”

“Tôi không muốn gì hơn là tìm hiểu rõ ngọn nguồn vụ này, cô Martindale à. Tôi đến để xem cô có thể giúp gì cho tôi hay không.”

“Giúp, giúp! Tôi có thể giúp gì cho ông chứ? Ông phải biết nếu tôi có gì giúp được ông, hẳn tôi chạy ngay đến tìm ông chứ chả đợi đến bây giờ? Ông phải tìm cho ra kẻ đã giết cô gái đáng thương Edna, và kẻ đã chơi trò gian ác với Sheila. Tôi nghiêm khắc với nhân viên, ông thanh tra ạ, tôi giữ cho họ luôn làm việc siêng năng và không cho họ bê trễ hay cầu thả. Nhưng tôi không thể chịu nổi khi họ bị biến thành nạn nhân hay bị giết chết. Tôi muốn bảo vệ họ và muốn xem những người được nhà nước trả lương để bảo vệ họ làm công việc của mình thế nào.” Bà trừng mắt nhìn ông y như một con cọp cái đội lốt người.

“Xin cho chúng tôi thời gian, cô Martindale à,” ông nói.

“Thời gian ư? Chỉ vì con bé ngốc nghếch ấy đã chết rồi, nên chắc ông nghĩ mình còn đủ cả thời gian ở trên đời. Chuyện kế tiếp sẽ là một cô gái khác bị giết chết.”

“Tôi nghĩ cô chẳng cần phải lo lắng đến thế đâu, cô Martindale à.”

“Sáng nay khi ông thức dậy, chắc ông đâu nghĩ cô gái này sẽ bị giết, ông thanh tra. Nếu nghĩ thế chắc ông đã có vài biện pháp đề phòng và để ý đến cô ta. Và khi một cô bị giết hay bị đưa vào một tình thế tổn hại nào đấy, ông cũng sẽ kinh ngạc y như thế. Toàn bộ vụ này quái đản, *điên rồ!* Ông phải thú nhận đấy là một vụ án điên rồ. Mà ấy là nếu những điều đọc được trên báo là đúng sự thật. Tất cả những chiếc đồng hồ ấy, chẳng hạn thế. Tôi để ý chúng không được đề cập đến trong buổi sơ thẩm sáng nay.”

“Sáng nay đề cập đến càng ít vấn đề càng tốt, cô Martindale à. Chỉ là hoãn sơ thẩm thôi.”

“Tất cả những gì tôi nói là,” cô Martindale lại nhìn ông trừng trừng, “ông phải *làm* gì đấy để giải quyết vụ này.”

“Và cô không có gì nói cho tôi biết hay sao? Không lẽ Edna không cho cô một lời bóng gió nào hay sao? Cô ta không có vẻ lo lắng về điều gì đấy, không hỏi ý kiến của cô sao?”

“Chắc chắn cô ấy sẽ không hỏi ý kiến tôi nếu cô ấy lo lắng,” cô Martindale đáp. “Nhưng cô ấy phải lo lắng vì chuyện gì kia chứ?”

Chính xác đó là câu hỏi mà thanh tra Hardcastle muốn có câu trả lời, nhưng ông thấy là không thể nào có được câu trả lời từ cô Martindale này. Thay vì hỏi lại, ông nói: “Tôi muốn nói chuyện càng nhiều với các cô ở đây càng tốt. Tôi có thể thấy là có rất ít khả năng Edna Brent giải bày tâm sự với cô về bất cứ nỗi sợ hãi hay lo âu nào, nhưng cô ấy có thể đã tâm sự với các bạn cùng sở làm.”

“Cũng có khả năng ấy, tôi mong như thế,” bà trưởng phòng nói. “Các cô gái dành thời gian để tán chuyện — những cô gái này. Ngay khi nghe tiếng chân tôi bước ngoài hành lang, các máy đánh chữ bắt đầu đồng loạt kêu lóc cóc. Nhưng ngay trước đó họ đang làm gì? Nói chuyện. Tán gẫu tán dóc, mồm cứ lách cha lách chách!” Bình tĩnh hơn một chút, bà ta nói tiếp, “Hiện

giờ thì chỉ có ba cô trong văn phòng, ông có muốn nói chuyện với họ luôn không? Các cô khác đi công tác bên ngoài rồi. Tôi có thể cho biết tên và địa chỉ, nếu ông thích.”

“Cảm ơn cô Martindale.”

“Ông có thể nói chuyện riêng với họ. Họ sẽ không muốn nói hết nếu tôi đứng đấy canh chừng, vì nói hết thì khác nào thừa nhận, ông thấy đấy, rằng họ đã ngồi lê đôi mách và lãng phí thời gian.”

Từ chỗ ngồi, cô Martindale đứng lên, mở cửa ra văn phòng bên ngoài.

“Này các cô, thanh tra Hardcastle muốn bàn chuyện với các cô. Các cô có thể ngừng làm việc một lúc. Hãy nói với ông ấy bất cứ điều gì mình biết có thể giúp tìm ra kẻ đã giết Edna Brent.”

Bà trở vào văn phòng riêng và đóng sập cửa lại. Ba khuôn mặt thiếu nữ hoảng hốt nhìn ông thanh tra. Ông nhận xét tóm tắt về họ thật nhanh chóng và sơ sài, nhưng đủ để ông quyết tâm đạt được chất lượng trong những vấn đề sắp sửa nêu ra. Một cô gái đeo kính tóc vàng trông có vẻ vững vàng. Đáng tin cậy, ông nghĩ, nhưng không quá thông minh, sáng láng. Một cô da ngăm tóc đen trông có vẻ khá ngênh ngang với kiểu tóc gợi lên ý nghĩ cô vừa mới ra ngoài gặp cơn bão tuyết. Mắt có lẽ đang để ý chuyện này chuyện nọ ở đây, nhưng chắc là cực kỳ không đáng tin cậy khi cô ta hồi tưởng lại những sự kiện đã qua. Mọi sự sẽ được chỉnh sửa cho phù hợp. Cô thứ ba bặm sinh hay cười rúc rích, ông chắc chắn cô ta sẽ đồng ý với bất cứ điều gì người khác nói.

Ông khẽ nói một cách thân tình: “Chắc cả ba cô đã nghe chuyện xảy đến với Edna Brent làm việc ở đây rồi nhỉ?”

Ba cái đầu gật thật mạnh.

“Mà này, các cô đã nghe nói thế nào?”

Họ nhìn nhau như thể cố quyết định xem ai sẽ là người phát ngôn. Theo thỏa thuận chung có vẻ như đó là cô tóc vàng, tên cô ta hình như là Janet.

“Edna đã không tới làm lúc hai giờ như thường lệ,” cô giải thích.

“Mèo Hung đã rất bực mình,” cô Maureen tóc đen lên tiếng rồi ghì lại.
“Tôi muốn nói cô Martindale đó.”

Cô thứ ba cười khúc khích. “Mèo Hung là cái tên tui tui gọi bả,” cô giải thích.

‘Chẳng phải là một cái tên xấu,’ thanh tra nghĩ bụng.

“Bà ấy hề thích thì khủng bố dữ lắm,” Maureen nói. “Gần như là nhảy xổ vào người ta vậy đó. Bà hỏi Edna có nói gì với chúng tôi về việc chiều nay không trở lại văn phòng hay không, và ít nhất cô ấy cũng phải xin phép chứ.”

Cô tóc vàng nói tiếp: “Tôi cho cô Martindale biết Edna đã tới dự buổi sơ thẩm cùng với cả bọn tôi, nhưng sau đó bọn tôi không thấy cô ấy và không biết cô ấy đã đi đâu nữa.”

“Đúng như thế ư?” thanh tra Hardcastle hỏi. “Các cô chẳng hề biết cô ta đã đi đâu khi rời khỏi tòa án?”

“Tôi có rủ Edna cùng đi ăn trưa với tôi,” Maureen nói, “nhưng dường như trong đầu cô ấy đang bận nghĩ chuyện gì đó. Cô ấy nói không chắc có đủ thời gian để ăn trưa. Chỉ mua gì đó rồi về văn phòng ăn thôi.”

“Thế nghĩa là cô ấy có ý nói sau đấy sẽ trở về văn phòng?”

“Dạ đúng, tất nhiên rồi. Chúng tôi đều biết phải làm như vậy.”

“Vài ngày vừa qua, các cô có ai để ý điều gì khác lạ về Edna Brent hay không? Có thấy cô ấy có vẻ lo lắng gì, như thể đang bận tâm điều gì đấy hay không? Cô ấy có nói gì với các cô liên quan đến điều ấy không? Nếu biết được bất cứ điều gì, tôi xin các cô hãy nói!”

Ba cô nhìn nhau, nhưng không phải cái kiểu cách của những kẻ phản lại một âm mưu bí mật. Có vẻ đơn giản chỉ là phỏng đoán mơ hồ mà thôi.

“Lúc nào cô ấy cũng lo lắng về điều gì đó,” Maureen nói. “Cứ làm chuyện này chuyện nọ rồi tung rồi mù cả lên, và mắc lỗi này lỗi nọ. Con nhỏ hơi chậm hiểu một chút xíu.”

“Hình như lúc nào cũng có chuyện xảy ra với Edna,” cô hay cười rúc rích nói. “Ông có nhớ cái gót giày của cô ấy bị rớt ra bữa đó không? Toàn

những chuyện thường xảy ra với Edna.”

“Tôi nhớ rồi,” thanh tra đáp.

Ông nhớ lại cô gái đã đứng nhìn xuống một cách rầu rĩ chiếc giày trong tay mình như thế nào.

“Ông biết không, tôi đã cảm giác có chuyện gì rất đáng sợ xảy ra chiều nay khi Edna không trở về lúc hai giờ,” Janet gật đầu với vẻ mặt nghiêm trang.

Hardcastle ngó cô ta, có đôi chút không ưa. Ông vẫn luôn không ưa những kẻ tỏ ra rành rõi sau khi sự việc đã xảy ra rồi. Ông chắc chắn cô gái này không hề nghĩ kiểu đó. Ông thầm nghĩ nhiều khả năng hơn đó là cô ta đã nói: ‘Edna sẽ bị Mèo Hung rầy la khi nó vô cho mà coi.’

“Các cô nghe chuyện đã xảy ra khi nào?” ông lại hỏi.

Ba cô đưa mắt nhìn nhau. Cô hay cười rúc rích đỏ mặt vì mặc cảm phạm tội. Mắt cô liếc xéo tới cánh cửa vào văn phòng riêng của bà chủ.

“À, tui — ơ — tui chỉ chuồn ra ngoài có một phút thôi. Tui muốn mua mấy cái bánh ngọt đem về nhà. Khi tui tới cửa tiệm — ở góc đường và ở đó người ta quá rành về tui — cái bà ở đấy nói: ‘Con bé ấy làm ở chỗ lũ vịt giời chúng mày, phải không?’ Tui hỏi: ‘Bà muốn nói ai vậy hả?’ Và rồi bà trả lời: ‘Người ta vừa tìm thấy con bé ấy chết trong một buồng điện thoại.’ Chuyện đó giáng cho tui một cú điếng cả người! Tui liền trở về kể cho mấy đứa khác nghe. Sau cùng cả đám tụi tui đều nói phải báo tin cho cô Martindale. Ngay lúc đó, bà từ trong văn phòng vọt ra và hỏi: ‘Các cô đang làm gì đó? Chẳng thấy một cái máy đánh chữ nào hoạt động cả.’”

Cô gái tóc vàng kể tiếp.

“Rồi tôi nói: ‘Thật ra không phải lỗi tại bọn tôi. Bọn tôi vừa nghe một tin kinh khủng về Edna, thưa cô Martindale.’”

“Và cô Martindale đã nói hay làm gì?”

Cô gái da ngăm tóc đen đáp: “À, mới đầu bà ta không tin. Bà nói: ‘Vớ vẩn. Bọn bay chỉ nhặt về ba cái chuyện ngồi lê đôi mách ngu ngốc ở một cửa hàng mà thôi. Chắc là đứa con gái nào khác. Sao lại là Edna chứ?’ Rồi

bà giậm chân bước về phòng riêng, gọi điện thoại cho đồn cảnh sát và được biết đó *đúng là sự thật.*”

“Nhưng tôi không hiểu,” Janet nói như đang nằm mơ, “tôi không hiểu tại sao ai đó lại muốn giết Edna.”

“Chắc không phải cô ấy có bạn trai hay gì gì đó,” cô da ngăm tóc đen nói.

Cả ba nhìn ông thanh tra tràn trề hy vọng ông có thể giải cho họ bài toán hóc búa này. Ông thở dài. Chẳng có gì ở đây cho ông cả. Có lẽ một cô khác sẽ hữu ích hơn. Và còn Sheila Webb nữa.

“Sheila Webb và Edna Brent có là bạn bè thân thiết không?” ông hỏi.

Các cô nhìn nhau ngơ ngác.

“Không đâu. Tôi không nghĩ như vậy.”

“À này, cô Webb đang ở đâu thế?”

Ông được nói cho biết Sheila Webb đang ở Khách sạn Curlew, làm việc cho giáo sư Purdy.

Giọng giáo sư Purdy nghe có vẻ tức tối khi ông ngừng đọc chính tả giữa chừng để trả lời điện thoại.

“Ai đó? Cái gì? Cậu muốn nói hay giờ anh ta đang ở đây sao? Hỏi anh ta mai có được không? — Ô, tốt lắm — tốt lắm — Bảo anh ta cứ tới nhé!”

“Lúc nào cũng có chuyện,” ông nói với giọng bực bội. “Làm sao người ta có thể trông mong làm được việc gì nghiêm chỉnh khi mà cảnh sát cứ ngắt ngang.” Ông nhìn Sheila Webb, có vẻ hơi bất mãn khi nói: “Nào, chúng ta tới đâu rồi?”

Sheila chưa kịp trả lời thì có tiếng gõ cửa. Giáo sư Purdy bình tâm lại với đôi chút khó khăn, một trong những nỗi khó khăn trong biên niên sử cách đây đã hàng ngàn năm rồi.

“Gì hả?” ông cau kinh hỏi. “Thôi được, vào đi, có chuyện gì? Xin nói thẳng chiều nay tôi không muốn bị làm phiền đâu.”

“Tôi rất tiếc, thưa ông, thực sự rất tiếc vì cần thiết phải làm thế. Chào cô Webb.”

Sheila Webb đã đứng lên, xếp sang một bên quyển sổ ghi chép của cô. Hardcastle tự hỏi có phải mình chỉ tưởng tượng khi trông thấy nỗi sợ hãi thành linh xuất hiện trong đôi mắt của cô ta.

“À, có chuyện gì vậy?” ông giáo sư lại hỏi cộc lốc.

“Tôi là thanh tra Hardcastle. Cô Webb đây sẽ nói cho ông rõ.”

“Được,” giáo sư nói. “Được thôi.”

“Thật ra tôi chỉ muốn nói vài lời với cô Webb.”

“Anh không đợi được hay sao? Ngay lúc này quả thật hết sức bất tiện. Hết sức bất tiện. Chúng tôi đã tới đúng một điểm rất quan trọng. Mười lăm phút nữa cô Webb sẽ xong việc — À, phải rồi, có lẽ là nửa tiếng đồng hồ nữa. Ước chừng như vậy. Ôi trời ơi, đã sáu giờ rồi sao?”

“Tôi rất tiếc, thưa giáo sư Purdy,” giọng thanh tra rất kiên quyết.

“Ôi, được rồi, được lắm. Chuyện gì vậy — chắc là vi phạm luật giao thông chứ gì? Mấy anh gác đường coi bộ lằng xằng lít xít quá trời. Hôm nọ, một anh cứ khăng khăng nói tôi đã để xe hơi của mình suốt bốn giờ rưỡi theo đồng hồ ghi giờ đậu xe. Tôi chắc chắn chẳng thể nào như vậy.”

“Hơi nghiêm trọng hơn vi phạm quy tắc đậu xe một chút, thưa ông.”

“À, phải. À, phải rồi. Cô không có xe hơi, phải không?” Ông nhìn cô thư ký với vẻ mơ hồ. “Phải, tôi nhớ rồi, cô tới đây bằng xe buýt mà. Vậy thì, thưa ông thanh tra, có chuyện gì thế hả?”

“Chuyện liên quan đến một cô gái tên là Edna Brent.” Ông quay sang Sheila Webb. “Tôi nghĩ cô có nghe nói đến chuyện ấy rồi.”

Cô gái nhìn ông chăm chặp. Đôi mắt đẹp quá. Đôi mắt biếc màu hoa thanh cúc. Đôi mắt ấy nhắc ông nhớ đến một người nào đó.

“Ông vừa nói là Edna Brent sao?” Cô nhướn cặp lông mày. “À, phải rồi. Tôi có biết cô ấy, tất nhiên rồi. Có chuyện gì với cô ấy hả?”

“Tôi thấy tin vẫn chưa đến tai cô. Cô đã ăn trưa ở đâu, cô Webb?”

Má cô gái ửng hồng.

“Tôi ăn trưa với một người bạn ở nhà hàng Ho Tung. Có phải — thật sự có phải là vụ việc gì của ông không?”

“Sau đó cô không đi ngay về văn phòng à?”

“Ông muốn nói về Phòng Cavendish hả? Tôi đã gọi điện thoại về và biết công việc đã được sắp xếp. Tôi phải đi thẳng đến đây gặp giáo sư Purdy lúc hai giờ rưỡi.”

“Đúng vậy, ” ông giáo sư gật đầu xác nhận. “Hai giờ rưỡi. Và chúng tôi đã cùng làm việc ở đây mãi đến bây giờ. Mãi đến bây giờ. Trời ơi, đáng lẽ

tôi phải gọi trà chứ. Thật xin lỗi cô Webb, tôi e cô đã quên mất chuyện uống trà. Đáng lẽ cô phải nhắc tôi chứ.”

“À, không sao đâu, giáo sư Purdy, hoàn toàn không có vấn đề gì đâu ạ.”

“Tôi sơ ý quá đi mất,” ông giáo sư nói. “Mà thôi. Tôi không nên ngắt ngang, vì thanh tra muốn hỏi cô vài câu.”

“Thế cô không biết chuyện gì đã xảy đến với Edna Brent sao?”

“Xảy đến với nó ư?” Sheila lên giọng hỏi cộc lốc. “Xảy đến với cô ấy? Ông muốn nói gì? Có phải con nhỏ đã bị tai nạn hay cái gì đó — bị xe cán hả?”

“Chạy xe quá tốc độ là rất nguy hiểm,” giáo sư nói xen vào.

“Phải,” Hardcastle đáp, “có chuyện đã xảy đến với cô ta.” Ông tạm dừng rồi nói tiếp, giọng điệu tàn nhẫn hết mức. “Cô ta đã bị siết cổ chết vào lúc, khoảng chừng, mười hai giờ rưỡi, trong một buồng điện thoại công cộng.”

“Trong buồng điện thoại công cộng sao?” giáo sư lập tức tỏ ra quan tâm đến sự việc.

Sheila Webb chẳng nói gì. Cô nhìn ông thanh tra chăm chặp. Miệng cô hé mở, đôi mắt xoe tròn. Thanh tra thầm nghĩ: ‘Cô mới nghe nói đến lần đầu tiên, hay là cô đóng kịch cực kỳ tài giỏi thế hả?’

“Trời ơi là trời,” giáo sư nói. “Bị siết cổ chết trong một buồng điện thoại. Quá dị thường với tôi. Quá đổi dị thường. Không phải loại chỗ tôi chọn. Tôi muốn nói nếu như tôi làm chuyện ấy. Không, không đâu. À, à. Tội nghiệp cô gái. Xui xẻo cho cô ta quá!”

“Edna — bị giết! Nhưng tại sao chứ?”

“Cô Webb có biết Edna Brent đã rất nóng lòng muốn gặp cô ngày hôm kia hay không? Cô ấy đã đến nhà dì cô và đã ngồi một lúc ở đó đợi cô về?”

“Lại là lỗi tại tôi,” giáo sư có vẻ ân hận. “Chiều tối hôm đó tôi đã giữ cô Webb ở lại quá trễ, tôi còn nhớ. Quả thật rất trễ. Thật sự tôi vẫn cảm thấy rất có lỗi. Cô phải nhắc tôi về giờ giấc, cô à. Cô phải nhắc chứ.”

“Dì tôi có kể cho tôi nghe,” Sheila đáp, “nhưng tôi không biết đó là chuyện gì. Phải vậy không? Có phải Edna đã gặp rắc rối kiểu nào đó?”

“Chúng tôi không biết,” thanh tra đáp. “Có lẽ chẳng bao giờ biết được. Trừ phi cô có thể cho chúng tôi biết?”

“Tôi cho các ông biết à? Làm sao tôi biết được?”

“Biết đâu cô có giả thuyết gì đấy, có lẽ thế, về việc Edna Brent muốn gặp cô để nói chuyện gì?”

Cô lắc đầu. “Tôi nào có biết gì, hoàn toàn không biết gì hết.”

“Cô ấy có ám chỉ điều gì đấy với cô, có nói với cô trong văn phòng chút gì về chuyện rắc rối nào đấy hay không?”

“Không có. Không, quả thật nó không — đã không có nói gì — cả ngày hôm qua tôi không ở văn phòng. Tôi phải đi tới vịnh Landis để gặp một tác giả của chúng tôi suốt cả ngày.”

“Cô không từng nghĩ gần đây cô ấy rất lo âu hay sao?”

“À, Edna lúc nào cũng có vẻ lo âu hay rối trí. Nó đó có một cái — tôi phải nói sao đây — một cái kiểu đầu óc rất thiếu tự tin, không chắc chắn. Tôi muốn nói không bao giờ nó dám chắc chắn điều nó nghĩ hay làm là đúng hay sai. Có một lần còn bỏ sót cả hai trang khi đánh máy sách của Armand Levine và lo lắng kinh khủng không biết sau đó phải làm gì vì đã gửi cho ông ta trước khi kịp nhận ra.”

“Tôi hiểu. Và cô ấy đã nhờ cô khuyên bảo nên làm gì để xử lý việc ấy, phải không?”

“Đúng vậy. Tôi đã bảo mau chóng viết một lá thư ngắn gửi cho ông ta vì người ta không phải lúc nào cũng bắt đầu đọc bản đánh máy ngay lập tức để sửa lỗi. Tôi bảo là nên viết, nói rõ chuyện đã xảy ra, rồi yêu cầu ông ta đừng than phiền với cô Martindale. Nhưng nó lại nói không thích làm như vậy.”

“Cô ấy thường đến nhờ khuyên bảo khi phát sinh những chuyện như thế ư?”

“Phải, gần như vậy. Nhưng rắc rối là — tất nhiên không phải lúc nào chúng tôi cũng hoàn toàn đồng ý nó nên làm gì. Rồi sau đó nó lại bị rối.”

“Như vậy là đương nhiên cô ấy sẽ đến với một trong các cô nếu gặp vấn đề nan giải? Có phải chuyện ấy rất thường xảy ra không?”

“Phải. Phải, rất thường xuyên.”

“Cô không nghĩ lần này có thể vấn đề nghiêm trọng hơn hay sao?”

“Tôi không cho là vậy.”

Thanh tra tự hỏi, phải chăng Sheila Webb hoàn toàn thanh thản như vẻ ngoài lúc này hay chỉ cố tỏ ra vậy?

“Tôi không rõ nó muốn bàn chuyện gì với tôi,” Sheila nói tiếp, nhanh hơn và gần như hết hơi. “Tôi không biết gì cả và không thể tưởng tượng tại sao con nhỏ lại muốn tới nhà dì tôi và nói với tôi ở đó.”

“Đương như là chuyện gì đó mà cô ấy không muốn nói với cô ở Phòng Cavendish trước mặt các cô khác, nói thế có đúng không? Có lẽ là chuyện gì mà cô ấy cảm thấy phải nói riêng giữa hai người. Có thể nào sự việc là như thế không?”

“Tôi nghĩ không thể nào. Tôi chắc chắn là không thể nào như thế.” Hơi thở cô dồn dập.

“Thế cô không thể giúp tôi sao, cô Webb?”

“Không, xin lỗi ông. Tôi rất tiếc về chuyện của Edna, nhưng tôi không biết gì để có thể giúp ông.”

“Không gì có thể có liên quan hay liên kết với chuyện đã xảy ra vào ngày 9 tháng 9 hay sao?”

“Ông muốn nói — người đàn ông ấy — người đàn ông ở Wilbraham Crescent?”

“Đúng là điều tôi muốn nói.”

“Làm sao có thể như vậy chứ? Edna *có thể* biết gì về chuyện ấy chứ?”

“Chẳng có gì quan trọng lắm đâu, có lẽ thế,” thanh tra nói, “nhưng là một điều gì đấy. Và bất cứ điều gì cũng hữu ích. *Bất cứ điều gì*, dù nhỏ nhất thế nào.” Ông tạm dừng. “Buồng điện thoại nơi cô ấy bị giết là ở Wilbraham Crescent. Việc ấy có khiến cô nghĩ đến điều gì hay không, cô Webb?”

“Hoàn toàn không.”

“Hôm nay cô có đến Wilbraham Crescent không?”

“Không, không có,” cô gái đáp lại thật mạnh mẽ. “Tôi không hề tới gần đó. Tôi bắt đầu cảm thấy đó là một nơi kinh khủng. Giá như tôi chưa bao giờ tới đó ngay từ đầu! Giá như tôi chưa bao giờ dính líu tới toàn bộ vụ này! Tại sao họ lại phái tôi đi, lại yêu cầu đích danh tôi đến ngày hôm ấy? Tại sao Edna lại bị giết ở gần đó chứ? Ông *phải* tìm ra, ông thanh tra, ông *phải* tìm, *phải* tìm ra

“*Chúng tôi có ý định tìm ra mà, cô Webb,*” thanh tra nói. *Có chút hăm he đe dọa trong giọng ông khi nói tiếp: “Tôi có thể cam đoan với cô điều ấy.”*

“*Cô đang run kìa,*” giáo sư Purdy nói. “*Tôi nghĩ, thật tình tôi nghĩ cô phải uống một cốc sherry mới được.*”

Lời kể của Colin Lamb

Tôi báo cáo với Beck ngay khi vừa tới London.

Ông vầy vầy điếu xì gà về phía tôi.

“Rốt cuộc có thể có điều gì đấy trong cái ý tưởng ngốc nghếch về trăng lưỡi liềm của cậu rồi đây,” ông công nhận.

“Cuối cùng, tôi đã lật lên cái gì đó rồi, phải không ạ?”

“Chưa đạt đến mức ấy, tôi chỉ nói có lẽ thế thôi. Cái tay Ramsay kỹ sư xây dựng của chúng ta ở số 62, Wilbraham Crescent không hoàn toàn như thế đâu. Gần đây hẳn ta đã nhận một số việc rất kỳ lạ. Các hãng có thật đấy, nhưng lại là các hãng hoạt động chưa lâu lắm, và có quá trình hoạt động khá lạ lùng. Ramsay vừa nói xong là bỏ đi ngay, cách nay độ năm tuần. Hẳn đã đến Rumania.”

“Ông ta nói với vợ không phải như vậy.”

“Có thể không phải thế, nhưng đấy là nơi hẳn đã đến. Và là nơi hiện giờ hẳn đang ở. Chúng ta muốn biết về hẳn nhiều hơn một chút. Bởi thế cậu cần gấp gấp lên, anh chàng của tôi ạ, và chuẩn bị ra đi. Tôi đã lấy sẵn cho cậu tất thị thực và một hộ chiếu mới ngon lành. Lần này sẽ là Nigel Trench. Hãy dùi mài kỹ các kiến thức về thực vật hiếm có ở vùng Balkans nhé! Cậu là nhà sinh học cơ mà.”

“Có chỉ dẫn gì đặc biệt không ạ?”

“Không có. Chúng tôi sẽ cho cậu biết nơi liên lạc khi cậu nhận giấy tờ. Hãy tìm ra tất cả những gì cậu có thể tìm được về cái ông Ramsay của chúng ta nhé!” Ông nhìn tôi soi mói. “Cậu có vẻ không hài lòng.” Ông chăm chú nhìn qua làn khói xì gà.

“Người ta luôn vui thích khi linh cảm có kết quả,” tôi nói tránh đi.

“Đúng là Crescent, sai số nhà. Số 61 là nhà một chủ thầu xây dựng hoàn toàn không có gì để phiến trách. Không đáng phiến trách theo ý nghĩa của chúng ta, là thế đấy. Tội nghiệp lão Hanbury của chúng ta đã nhầm con số nhưng không sai lệch lắm.”

“Sếp có kiểm tra những người khác không ạ? Hay chỉ Ramsay thôi?”

“Diana Lodge dường như cũng sáng tỏ như nữ thần Diana, một thiên trường sử của loài mèo. McNaughton chỉ đáng quan tâm một chút thôi, ông ta là một giáo sư về hưu, như cậu biết đấy. Toán học. Rất xuất sắc, dường như thế. Đã nhường ghế của mình hoàn toàn đột ngột vì lý do sức khỏe. Tôi cho điều ấy có thể đúng sự thật — nhưng ông ta có vẻ vẫn còn khỏe mạnh tráng kiện. Dường như ông ta đã cắt đứt với tất cả những người bạn cũ, điều ấy cũng khá kỳ lạ.”

“Rắc rối ở chỗ,” tôi nói, “chúng ta quen nghĩ mọi việc mà mọi người làm đều cực kỳ đáng nghi.”

“Cậu có thể biết điều gì đấy ở nơi ấy,” đại tá Beck nói. “Colin à, có những lúc tôi nghi cậu đã chuyển sang phía bên kia. Có những lúc tôi lại nghi chính mình đã chuyển sang bên kia rồi lại chuyển trở về bên này. Toàn là chuyện lộn xộn mà vui nhộn.”

Chuyến bay của tôi cất cánh lúc mười giờ tối. Tôi đến gặp Hercule Poirot trước khi đi. Lần này ông ta đang uống một ly *sirop de cassis* (bạn và tôi gọi là trái lý chua đen). Ông mời tôi uống. Tôi từ chối. Anh George đem cho tôi rượu whisky. Mọi thứ vẫn như thường lệ.

“Trông cậu có vẻ nản chí,” Poirot nói.

“Không đâu ạ. Chỉ là cháu sắp phải ra nước ngoài.”

Ông nhìn tôi. Tôi gật đầu.

“Đúng thế chứ?”

“Vâng, đúng là vậy đó.”

“Chúc cậu thành công!”

“Cám ơn bác. Còn bác thì sao, bác Poirot, bài tập về nhà bác làm tới đâu rồi?”

“Pardon?”

“Án mạng đồng hồ Crowdean sao rồi — Bác có ngồi dựa ngửa, nhắm mắt lại rồi chợt nghĩ ra tất cả lời giải không?”

“Tôi đã đọc những gì cậu để lại đây hết sức cẩn thận,” Poirot nói.

“Chẳng có gì nhiều trong đó, phải không? Cháu đã nói với bác mấy người hàng xóm đó chẳng giúp được gì rồi.”

“Ngược lại. Ít nhất là hai trong số những người này, theo tôi thấy, đã có nhận xét rất sáng tỏ...”

“Ai vậy bác? Và những nhận xét gì ạ?”

Poirot cúi kính bảo tôi phải đọc những ghi chép của mình thật kỹ càng.

“Rồi cậu sẽ tự thấy — nó đập vào nháy xố vào mắt cậu. Việc phải làm bây giờ là nói chuyện với các láng giềng khác nữa.”

“Còn ai nữa đâu ạ.”

“Còn chứ. Luôn *có ai đó* đã trông thấy cái gì đấy. Một chân lý hiển nhiên là vậy.”

“Có thể đó là một chân lý hiển nhiên nhưng trong vụ án này không phải vậy. Và cháu có đem thêm những tình tiết khác đến cho bác đây. Lại có một án mạng nữa.”

“Thật thế ư? Sớm thế? Thật thú vị. Kể tôi nghe đi!”

Tôi kể cho ông nghe. Ông gặng hỏi thật kỹ cho tới khi biết được từ tôi mọi tình tiết. Tôi cũng kể về tấm bưu thiếp đã chuyển cho Hardcastle.

“Hãy nhớ— bốn một ba — hay bốn mười ba,” ông lặp lại. “Phải — cũng cùng cái kiểu mẫu ấy.”

“Bác nói vậy là ý gì?”

Poirot nhắm mắt lại.

“Tấm bư thiếp ấy thiếu chỉ một thứ thôi, một dấu vân tay nhúng máu.”

Tôi nhìn ông ngờ vực.

“Thật sự bác nghĩ gì về vụ này?”

“Diễn tiến của nó đã sáng tỏ hơn nhiều — như thường lệ, kẻ sát nhân không chịu ngồi yên được.”

“Nhưng kẻ sát nhân là ai vậy?”

Ông Poirot già láu cá không trả lời câu hỏi đó.

“Trong lúc đi xa, cậu cho phép tôi nghiên cứu vài vấn đề chứ?”

“Như là vấn đề gì?”

“Ngày mai tôi sẽ hướng dẫn cô Lemon gửi một lá thư cho một ông bạn luật sư già của tôi là ông Enderby. Tôi sẽ yêu cầu cô ta tra cứu sổ bộ đăng ký kết hôn ở Nhà Somerset. Cô ấy cũng sẽ gửi cho tôi một bản danh sách hải ngoại nào đấy.”

“Vậy là chơi ăn gian rồi,” tôi phản đối. “Bác đâu chỉ có ngồi và suy nghĩ.”

“Đấy chính xác là việc tôi đang làm! Việc cô Lemon phải làm là xác minh cho tôi lời giải đáp mà tôi đã đạt đến rồi. Tôi không yêu cầu thông tin, mà cần *chứng thực*.”

“Cháu không tin bác biết được điều gì, bác Poirot à! Đây toàn là chuyện bịp. À, không ai biết người chết là ai...”

“Tôi biết đấy.”

“Ông ta tên gì vậy?”

“Tôi không rõ. Tên hã không quan trọng. Tôi biết, nếu cậu có thể hiểu được, không phải hã là *ai* mà hã là *ai*.”

“Một kẻ tổng tiền hả?”

Poirot nhắm mắt lại.

“Một thám tử tư.”

Poirot mở mắt ra.

“Tôi đọc cho cậu nghe một trích đoạn nho nhỏ. Như đã làm lần trước. Và sau đấy tôi sẽ không nói gì nữa.”

Ông ta ngâm nga một cách cực kỳ trang trọng: “*Người phi thường, phi thường, phi thường — Hãy đến và bị giết!*”

Thanh tra thám tử Hardcastle xem lịch để trên bàn làm việc. Ngày 20 tháng 9. Đã hơn mười ngày rồi. Họ vẫn không đạt được tiến bộ gì nhiều như ông mong muốn bởi họ bị níu giữ lại với khó khăn ban đầu: nhận diện một xác chết. Thời gian kéo dài đã lâu quá mức ông có thể tưởng. Tất cả các chỉ dấu dường như mất dần, đã thất bại. Xét nghiệm y phục chẳng đem lại điều gì đặc biệt hữu ích. Chính y phục cũng không cung cấp manh mối nào. Đó là những quần áo chất lượng tốt, chất lượng hàng xuất khẩu, không mới nhưng được giặt giũ tươm tất. Các nha sĩ không giúp được gì, các tiệm giặt ủi hay hấp tẩy cũng không. Người chết vẫn còn là một ‘người đàn ông bí ẩn’. Thế nhưng ông thanh tra lại cảm thấy ông ta thật sự không phải là một ‘người đàn ông bí ẩn’. Chẳng có gì ngoạn mục hoặc kịch tính về ông ta cả. Ông ta chỉ là một con người mà không một ai có thể nhận diện được. Đó là một kiểu vụ án, ông chắc chắn như thế. Hardcastle thở dài khi nghĩ tới những cú điện thoại và những lá thư đã đổ về một cách cần thiết sau khi công bố bức ảnh trên báo với chú thích bên dưới: Bạn có biết người này không? Số người nghĩ mình có biết người ấy thật đúng là làm cho người ta kinh ngạc. Những cô con gái viết thư trong lòng tràn trề hy vọng gặp lại người cha bao năm qua đã trở nên xa lạ. Một bà già chín mươi tuổi chắc chắn người trong bức ảnh là con trai của mình đã bỏ nhà ra đi cách đây ba mươi năm. Vô số các bà vợ đã chắc chắn đó là ông chồng mất tích của mình. Các chị em gái không hoàn toàn nóng lòng nhận anh em trai như thế. Các chị em gái có lẽ là những người nghĩ mình ít hy vọng hơn. Và tất nhiên có một số rất lớn những người từng gặp chính người đàn ông này ở

Lincolnshire, Newcastle, Devon, London, trên tàu điện ngầm, trên xe buýt, lẫn trốn trong đám người ngồi câu cá trên một chiếc cầu nhô ra biển, trông có vẻ hung ác ở một góc đường, cố che mặt mình khi ra khỏi một rạp chiếu bóng. Hàng trăm chỉ dấu, các nhân viên nhiều triển vọng nhất kiên trì đeo bám nhưng chẳng có kết quả gì.

Nhưng hôm nay, ông thanh tra cảm thấy có hy vọng hơn một chút. Ông xem lại lá thư trên bàn giấy. Merlina Rival. Ông không thích cái tên thánh ấy lắm. Ông nghĩ, không ai còn tinh trí lại có thể đặt cho con mình cái tên thánh Merlina cả. Rõ ràng đó là một cái tên đặt chơi mà quý bà này đã nhận lấy. Nhưng ông lại thích cái cảm nhận trong thư. Thư không hề nói quá lỗ hay tin tưởng quá mức. Chỉ đơn giản nói rằng người viết thư nghĩ người đàn ông được đề cập đến có khả năng là người chồng đã chia tay với bà ta cách đây rất nhiều năm rồi. Sáng nay là đúng hẹn gặp bà ta. Ông bấm cái nút kêu vo ve và trung sĩ Cray đi vào. “Bà Rival ấy chưa đến sao?”

“Vừa mới tới tức thì ạ,” Cray đáp. “Tôi định vào báo cho sếp biết.”

“Bà ta trông thế nào?”

Ngẫm nghĩ một lát rồi Cray mới trả lời: “Có vẻ hơi kịch. Đánh phấn thoa son nhiều quá — trang điểm không đẹp lắm. Hạng phụ nữ nói chung khá đáng tin cậy, có thể nói như vậy ạ.”

“Bà ta có vẻ bối rối hay không?”

“Không ạ. Rõ là không có.”

“Được,” Hardcastle bảo. “Cho bà ta vào!”

Viên trung sĩ đi ra rồi trở vào ngay sau đó và nói: “Bà Rival đây, thưa sếp.”

Thanh tra đứng dậy, bắt tay bà. Ông đánh giá bà chừng năm mươi tuổi, nhưng từ khoảng cách xa đó — xa thật là xa — có thể bà ta chỉ độ ba mươi thôi. Đứng sát một bên, do hậu quả của việc đánh phấn thoa son không kỹ nên hầu như trông bà có vẻ già hơn tuổi năm mươi, nhưng nói chung ông cứ cho là năm mươi tuổi. Tóc đen nhuộm nhiều màu đỏ. Không đội mũ, chiều cao và vóc dáng trung bình, mặc áo khoác và váy màu đen với áo trắng. Xách một cái túi vải carô của dân Scotland to tướng. Đeo một hay

hai vòng tay kêu leng keng, rất nhiều nhần. Dựa trên kinh nghiệm bản thân để đánh giá đạo đức, ông nghĩ nói chung đây là một dạng người khá tốt. Không e dè thận trọng quá mức, có lẽ vậy, nhưng dễ sống chung, rộng lượng một cách có lý lẽ, có thể là người tốt bụng. Đáng tin cậy hay không? Đó chính là vấn đề. Ông không trông mong gì vào chuyện này, nhưng dù sao đi nữa cũng không có đủ cơ sở để có thể trông mong như vậy.

“Rất vui được gặp bà, bà Rival ạ,” ông nói, “và tôi rất hy vọng bà có thể giúp chúng tôi.”

“Dĩ nhiên rồi, tôi không hoàn toàn chắc chắn,” bà Rival nói với vẻ xin lỗi. “Nhưng đúng là giống Harry. Rất giống Harry. Dĩ nhiên tôi đã chuẩn bị tinh thần để biết không phải là thế, và hy vọng sẽ không làm mất thì giờ của các ông vì chuyện không đâu vào đâu.”

Bà ta hình như rất biết lỗi vì chuyện này.

“Bất luận thế nào,” thanh tra nói, “bà cũng chẳng cần phải cảm thấy như thế. Chúng tôi rất cần giúp đỡ trong vụ án này.”

“Vâng, tôi hiểu. Hy vọng có thể chắc chắn. Ông thấy đấy, lâu lắm rồi tôi không gặp ông ấy.”

“Chúng tôi xin ghi lại vài sự kiện để giúp việc điều tra, có được không? Bà gặp chồng lần cuối lúc nào?”

“Tôi vẫn đang cố nhớ cho chính xác,” bà Rival đáp, “đang hồi tưởng chuỗi ngày đã qua. Thật kinh khủng vì trí nhớ mình đi đâu mất khi đến lúc cần nhớ lại. Tôi tin trong bức thư gửi các ông tôi đã nói là cách đây chừng mười năm, nhưng còn lâu hơn thế nữa. Ông biết không, chắc gần mười lăm năm. Thời gian trôi nhanh quá.” Bà ta nói thêm một cách khôn khéo, “Tôi cho rằng người ta thường có khuynh hướng nghĩ ít thời gian hơn sự thực, bởi vì nó khiến ta cảm thấy mình trẻ hơn. Ông có nghĩ vậy không?”

“Tôi nghĩ có thể như thế. Dù sao thì bà cũng nghĩ là khoảng chừng mười lăm năm không gặp chồng, phải không? Bà lập gia đình khi nào?”

“Chắc là ba năm trước đó.”

“Và vẫn sống với nhau đến khi ấy?”

“Ở một nơi gọi là Shipton Bois thuộc hạt Suffolk. Thành phố rất đẹp. Phố chợ. Khá nghèo nàn, không rõ ông có hiểu tôi muốn nói gì không...”

“Và lúc bấy giờ chồng bà làm gì?”

“Ông ấy là nhân viên bảo hiểm, ít nhất...” bà ta ghì lại “...thì là ông ấy bảo thế.”

Thanh tra ngẩng phắt lên.

“Bà đã phát hiện điều ấy không đúng sự thật à?”

“À không, không hẳn... không phải ngay lúc ấy. Chỉ là từ lúc ấy, tôi đã nghĩ có lẽ không đúng sự thật. Đàn ông dễ dàng nói họ làm nghề đó mà, phải không?”

“Chắc thế, trong những hoàn cảnh nào đó.”

“Ý tôi muốn nói nó cho đàn ông một cái cơ để xa nhà rất thường xuyên.”

“Chồng bà rất thường vắng nhà, phải không bà Rival?”

“Vâng, mới đầu tôi không hề nghĩ nhiều về chuyện ấy.”

“Nhưng rồi sau đó thì sao?”

Bà ta không trả lời ngay. Sau đó bà mới nói: “Chúng ta không nên tiếp tục nói chuyện ấy, phải không? Rốt cuộc, nếu *không phải là Harry...*”

Ông tự hỏi đích xác bà ta đang nghĩ gì. Có gì đó căng thẳng trong giọng nói của bà, có thể do cảm động chăng? Ông không chắc chắn.

“Tôi có thể hiểu,” ông nói, “rằng bà không muốn đề cập đến chuyện ấy. Chúng ta sẽ đi ngay bây giờ.”

Ông đứng dậy, hộ tống bà ta ra khỏi phòng tới tận chiếc xe hơi đang chờ sẵn.

Bà tỏ ra sốt ruột trên đường đi tới nơi cần tới không hơn gì những người khác ông từng đưa đến cũng nơi đó. Ông nói câu trấn an như thường lệ.

“Rồi sẽ hoàn toàn ổn thỏa. Chẳng có gì phải đau buồn cả. Chỉ mất một hai phút thôi.”

Cái khay được đẩy ra. Viên phụ tá lật tấm vải che lên. Bà ta chăm chăm nhìn xuống trong vài phút, hơi thở gấp gáp hơn một chút, bà khẽ thở hỗn

hên rồi đột nhiên quay ngoắt đi. Bà ta nói: “Đúng là Harry. Vâng. Ông ấy già đi rất nhiều, trông đã khác đi... Nhưng đúng là Harry.”

Thanh tra gật đầu với viên phụ tá, sau đó đặt tay lên cánh tay bà ta rồi lại dẫn ra ngoài tới tận xe hơi và họ lên xe trở về đồn. Ông chẳng nói chẳng rằng. Ông để mặc cho bà tự trấn tĩnh.

Khi họ vừa trở về phòng làm việc của ông, một cảnh sát viên gần như ngay lập tức mang vào một khay trà.

“Đây rồi, bà Rival ạ. Mời dùng một tách trà, sẽ giúp bà lấy lại tinh thần! Rồi chúng ta sẽ trò chuyện.”

“Cảm ơn ông.”

Bà bỏ đường vào tách trà, thật nhiều, rồi lẹ làng nốc cạn.

“Như thế tốt hơn,” bà nói. “Tôi chả *bận tâm* đâu. Chỉ là — chỉ là, à như thế thì dễ khiến người ta buồn nôn một chút, phải không?”

“Bà nghĩ người đàn ông này đích thị là chồng mình sao?”

“Tôi chắc chắn như thế. Dĩ nhiên ông ta đã già đi rất nhiều, nhưng thực sự không thay đổi bao nhiêu. Trông ông ta lúc nào cũng có vẻ — à, rất tươi tắn. Tử tế, ông biết đấy, thuộc tầng lớp cao.”

Đúng thế, Hardcastle nghĩ, một miêu tả rất hay. Tầng lớp cao. Có thể thấy rõ trông Harry có vẻ thuộc một tầng lớp cao hơn thực tế rất nhiều. Một số người trông như thế, và điều đó rất hữu ích để họ đạt được những mục đích riêng.

Bà Rival nói, “Ông ấy lúc nào cũng đặc biệt quan tâm nhiều đến y phục và bề ngoài. Tôi nghĩ chính vì thế mà lũ chúng nó dễ dàng đổ vì ông ta. Lũ chúng nó chả bao giờ nghi ngờ gì cả.”

“Ai bị đổ vì ông ấy, hả bà Rival?” giọng thanh tra dịu dàng, thông cảm.

“Đàn bà,” bà ta đáp. “Lũ đàn bà. Đây là nơi ông ta dành hầu hết thời gian.”

“Tôi hiểu. Và bà đã biết ra chuyện ấy.”

“À, tôi — tôi đã nghi ngờ. Tôi muốn nói ông ấy đã bỏ đi quá nhiều lần. Dĩ nhiên tôi hiểu bọn đàn ông là thế nào rồi. Tôi từng nghĩ có lẽ thỉnh

thoảng lại có một cô. Nhưng hỏi bọn đàn ông chuyện ấy vô ích. Họ sẽ nói dối thôi. Nhưng tôi không hề nghĩ — không nghĩ ông ta lại lợi dụng để làm tiền.”

“Ông ta có làm thế sao?”

Bà gật đầu. “Tôi nghĩ chắc hẳn ông ấy đã làm thế.”

“Bà đã phát hiện như thế nào?”

Bà nhún vai.

“Một hôm ông ta trở về sau một chuyến đi. Đến Newcastle, ông ấy bảo thế. Dầu sao ông ấy cũng trở về và nói mình đã phải chuồn thật nhanh, cuộc chơi đã kết thúc. Đã có con đàn bà nào đấy khiến ông ấy gặp rắc rối. Một giáo viên, ông ấy bảo thế, và chuyện có lẽ hơi thối tha. Khi đó tôi đã hỏi này nọ. Ông ấy không ngần ngại kể lại tôi nghe. Có lẽ tưởng tôi biết nhiều hơn thực tế. Lũ chúng nó thường bị đổ vì ông ấy, ông biết đấy, thật dễ dàng cũng như tôi trước đó. Ông ấy sẽ tặng một chiếc nhẫn và sau đó sẽ hứa hôn — rồi sau đấy ông ấy bảo sẽ đầu tư tiền giúp cho chúng nó. Chúng thường đưa tiền cho ông ấy hết sức dễ dàng.”

“Ông ta có làm như thế với bà không?”

“Quả thật ông ta đã cố, chỉ có điều tôi chả đưa đồng nào.”

“Sao không đưa? Ngay lúc ấy bà có tin tưởng ông ta không?”

“À, tôi không phải loại người bạ ai cũng tin tưởng. Tôi đã có cái mà ông gọi là một chút xíu kinh nghiệm, ông biết đấy, về bọn đàn ông, cách hành xử của họ và mặt trái của chuyện này chuyện nọ. Dù sao tôi cũng chả muốn ông ấy đầu tư tiền của tôi giúp cho tôi. Tôi có tiền thì có thể tự mình đầu tư. Lúc nào cũng giữ tiền trong tay mình đi, rồi chắc chắn mình sẽ có tiền! Tôi từng thấy quá nhiều đàn bà con gái tự biến mình thành kẻ ngu ngốc.”

“Ông ta muốn bà đầu tư tiền khi nào? Trước hay sau khi cưới?”

“Tôi nghĩ ông ấy đã gợi ý trước điều gì đại loại như thế, nhưng tôi không đáp ứng nên ông ta lập tức tránh vấn đề ấy. Rồi sau khi cưới ông ta bảo có một cơ hội tuyệt vời nào đấy. Tôi nói: ‘Không làm gì cả.’ Chẳng những tôi

không tin tưởng ông ta, mà tôi đã thường nghe bọn đàn ông nói có chuyện gì đấy tuyệt vời, kỳ thực là bọn đàn ông chúng quơ sạch thôi.”

“Chồng bà có bao giờ gặp rắc rối với cảnh sát hay chưa?”

“Chả sợ gì,” bà Rival đáp. “Đàn bà không muốn cả thế giới biết mình đã bị lường gạt. Nhưng lần này rõ ràng có thể đã khác trước. Đứa con gái hay mù đàn bà đó là một phụ nữ có học thức. Ắ không dễ bị lừa như những đứa khác.”

“Có phải lúc ấy cô ta sắp có con hay không?”

“Phải.”

“Chuyện ấy có xảy ra vào những lần khác không?”

“Tôi nghĩ là có.” Bà nói thêm, “Thành thật mà nói tôi chả biết chuyện bầu bì được dùng để thúc ông ta làm gì. Hoặ chỉ là tiền bạc — có thể nói là một cách kiếm sống — hoặ ông ta đúng là hạng người phải lừa bịp đàn bà và ông ta thấy chả có lý do gì chúng nó không trả giá cho niềm lạc thú của ông ta.” Giờ đây giọng bà ta không còn cay đắng nữa.

Thanh tra dụ dàng hỏi: “Bà yêu ông ấy lắm, phải không bà Rival?”

“Tôi không biết. Thành thật mà nói tôi không biết. Có lẽ tôi đã gây trở ngại, hay lẽ ra đừng nên kết hôn với ông ấy...”

“Bà đã — xin lỗi bà — kết hôn với ông ta?”

“Tôi cũng không biết chắc chắn,” bà Rival thẳng thắn đáp. “Chúng tôi có làm lễ cưới đàng hoàng. Cũng trong một nhà thờ, nhưng tôi không biết có phải ông ấy từng cưới những người đàn bà khác, dùng một cái tên khác, tôi cho là như thế. Họ của ông ta là Castleton khi tôi lấy ông ấy. Tôi không nghĩ đấy là tên thật.”

“Harry Castleton. Đúng không?”

“Đúng.”

“Và ông bà đã sống ở nơi ấy như vợ chồng được bao lâu?”

“Chúng tôi đã ở đấy chừng hai năm. Trước đấy chúng tôi sống gần Doncaster. Tôi không nói mình thực sự ngạc nhiên khi ông ấy trở về ngày và kể tôi nghe. Tôi nghĩ mình đã biết chồng là một kẻ chuyên làm bậy rồi.

Người ngoài không thể nào tin chuyện đó chỉ vì, ông biết đấy, trông ông ấy lúc nào cũng đáng kính quá đỗi. Luôn ra dáng là một quý ông!”

“Và rồi chuyện gì đã xảy ra?”

“Ông ấy bảo phải nhanh chóng đi chỗ khác và tôi nói ông ấy có thể đi, chúc đi đường bình an, tôi không chịu được tất cả chuyện này!” Bà nói thêm với vẻ trầm ngâm, “Tôi cho ông ấy mười bảng Anh. Đây là tất cả những gì tôi có trong nhà. Ông ấy bảo đang thiếu tiền tiêu... Tôi chưa bao giờ gặp lại hay nghe nói về ông ấy kể từ dạo đó. Mãi đến hôm nay.”

“Ông ấy không có dấu hiệu đặc biệt nào để phân biệt rõ ràng hay sao? Một vết sẹo? Vết mổ — chỗ xương bị nứt gãy — hay cái gì đấy?”

Bà lắc đầu.

“Tôi nghĩ không có.”

“Ông ấy có bao giờ dùng cái tên Curry không?”

“Curry? Không, tôi không nghĩ thế. Dù sao tôi cũng chưa từng biết đến.”

Thanh tra đẩy tấm danh thiếp trượt trên mặt bàn sang chỗ bà.

“Cái này ở trong túi ông ta.”

“Vẫn tự xưng là nhân viên bảo hiểm nhi,” bà nhận xét. “Tôi đoán ông ta thường dùng — tôi muốn nói đã dùng những cái tên khác nhau, đủ kiểu.”

“Bà bảo chưa bao giờ nghe nói đến ông ta suốt mười lăm năm qua?”

“Ông ấy không hề gửi cho tôi thiệp Giáng sinh, có phải ông muốn nói thế không?” giọng bà ta pha một chút hài hước. “Dù sao tôi cũng không cho rằng ông ấy biết tôi ở đâu. Sau khi chúng tôi chia tay, tôi đã quay trở lại sân khấu một thời gian ngắn. Chủ yếu là đi lưu diễn. Vợ chồng sống chẳng ra sống bao nhiêu, nên tôi cũng bỏ luôn cái tên Castleton. Trở về với Merlina Rival.”

“Merlina là — ơ — không phải tên thật của bà, tôi đoán đúng không?”

Bà lắc đầu và một nụ cười vui tươi thoáng hiện trên khuôn mặt: “Tôi đã nghĩ kỹ lắm rồi. Không bình thường. Tên thật của tôi là Flossie Gapp. Florence, tôi cho rằng lẽ ra mình đã được đặt tên thánh như thế, nhưng mọi

người vẫn luôn gọi tôi là Flossie hay là Flo. Flossie Gapp. Không lãng mạn chút nào, phải không?”

“Bây giờ bà đang làm gì? Vẫn đóng kịch chứ, bà Rival?”

“Thỉnh thoảng thôi,” bà hơi dè dặt. “Lên voi xuống chó, có thể nói như thế.”

Hardcastle rất khéo. Ông nói: “Tôi hiểu.”

“Tôi thường đi đây đi đó làm việc,” bà nói. “Giúp việc ở các đám tiệc, làm một chút công việc của người chủ trì đám tiệc, một kiểu việc làm. Sống không đến nỗi tệ. Dù sao đi nữa cũng gặp gỡ người này kẻ nọ. Thỉnh thoảng cũng lâm vào cảnh gần như túng quẫn.”

“Bà chưa bao giờ nghe bất cứ điều gì về Henry Castleton từ khi hai người chia tay — hay là nhắc đến ông ta?”

“Không một lời nào. Tôi nghĩ ông ta đã ra nước ngoài hay đã chết.”

“Điều duy nhất tôi có thể hỏi thêm, bà Rival ạ, vì sao Harry Castleton lại đến vùng này, bà có biết không?”

“Không. Dĩ nhiên tôi chẳng biết được. Ngay cả ông ấy đã làm gì những năm gần đây tôi cũng không biết.”

“Có khả năng ông ấy đến bán bảo hiểm lửa — cái gì đại loại như thế?”

“Tôi chả biết. Đối với tôi dường như chẳng có cái khả năng kinh khủng ấy. Tôi muốn nói Harry lúc nào cũng rất thận trọng về bản thân. Ông ấy không đưa cổ vào tròng để làm chuyện gì có thể bị điều tra đâu. Tôi nghĩ có nhiều khả năng hơn là nhì nhăng nhặng nhít gì đấy với đàn bà.”

“Có thể nào là một dạng tổng tiền, bà có nghĩ thế không, bà Rival?”

“À, tôi không biết... Tôi cho rằng, vâng, kiểu vậy. Có lẽ mẹ đàn bà nào đấy không muốn chuyện quá khứ bị bối mốt. Ông ta cảm thấy khá an toàn khi làm vậy, tôi nghĩ thế. Xin ông lưu ý, tôi không nói là như thế, nhưng có thể như thế. Tôi không nghĩ ông ta muốn rất nhiều tiền, ông biết đấy. Tôi không nghĩ ông ta định đẩy bất kỳ ai đến chỗ tuyệt vọng, mà chỉ thu gom đôi chút thôi.” Bà gật đầu khẳng định. “Đúng thế.”

“Đàn bà thích ông ta, phải không?”

“Phải. Chúng vẫn luôn dễ dàng bị ông ta lừa dối. Tôi nghĩ chủ yếu vì ông ta lúc nào cũng có vẻ thuộc tầng lớp cao và đáng kính. Chúng tự hào vì đã chinh phục được một người đàn ông như thế. Chúng trông mong một tương lai an lành tốt đẹp với ông ta. Có thể nói thêm đây là con đường gần nhất. Chính tôi cũng từng có cảm giác thế đấy,” bà nói thêm một cách khá thẳng thắn.

Thanh tra bảo thuộc cấp: “Chỉ còn một vấn đề nhỏ nữa. Cậu mang những chiếc đồng hồ ấy vào đây, được không?” Chúng được bung vào trên một cái khay phủ vải. Thanh tra nhanh tay lấy tấm vải đi rồi đưa cho bà Rival chăm chú nhìn. Bà xem xét chúng thật kỹ, có vẻ thành thật quan tâm và khen ngợi.

“Xinh xắn thật, phải không? Tôi thích chiếc ấy.” Bà sờ vào chiếc đồng hồ mạ vàng giả.

“Bà có từng thấy chiếc nào trong số này trước đây chưa? Chúng chẳng có ý nghĩa gì với bà sao?”

“Không thể nói là có. Chúng phải có ý nghĩa gì đấy hay sao?”

“Bà nghĩ có mối liên hệ nào giữa chồng bà với cái tên Rosemary không?”

“Rosemary sao? Để tôi nghĩ xem! Có một con tóc đỏ — không phải, tên nó là Rosalie. Tôi e rằng mình không thể nghĩ đến bất kỳ ai. Nhưng mà có lẽ tôi không biết được, phải không? Harry luôn bí ẩn.”

“Nếu bà thấy kim đồng hồ chỉ đúng bốn giờ mười ba...” Hardcastle tạm dừng lại.

Bà Rival vui vẻ cười khúc khích.

“Tôi thiết nghĩ đã đến giờ dùng bữa xế rồi.”

Hardcastle thở dài.

“À, bà Rival ạ, chúng tôi rất biết ơn bà. Buổi sơ thẩm hoãn lại như tôi đã nói với bà sẽ là ngày kia. Bà sẽ không phiền khi cung cấp lời khai về nạn dạng, phải không?”

“Không. Không, không sao cả. Tôi chỉ cần nói ông ấy là ai thôi, phải thế không? Tôi sẽ không phải đề cập đến chuyện này chuyện nọ đúng không? Tôi sẽ không phải đề cập đến tính cách của ông ấy trong cuộc sống — bất cứ điều gì như thế?”

“Ngay bây giờ thì không cần thiết. Tất cả những gì bà phải tuyên thệ, là xác nhận ông ấy là người có tên Harry Castleton mà bà đã kết hôn. Ngày tháng chính xác sẽ có trong sổ bộ ở Nhà Somerset. Bà đã kết hôn ở đâu? Có nhớ được không ạ?”

“Nơi gọi là Donbrook — tôi nghĩ Thánh Michael là tên của nhà thờ ấy. Hy vọng cách đây không hơn ba mươi năm. Như thế khiến tôi có cảm giác đã gần đất xa trời,” bà Rival nói.

Bà đứng dậy, chìa tay ra. Hardcastle chào tạm biệt. Ông trở lại bàn làm việc, ngồi gõ nhẹ cây bút chì lên mặt bàn. Ngay sau đó trung sĩ Cray đi vào và hỏi: “Thỏa mãn chứ ạ?”

“Dường như thế,” thanh tra đáp. “Tên Harry Castleton — có khả năng là một bí danh. Chúng ta sẽ phải xem mình tìm được những gì về gã này. Dường như khả năng là có nhiều hơn một người đàn bà có lý do muốn trả thù hắn ta.”

“Trông cũng đáng kính quá chừng,” anh trung sĩ nhận xét.

“Dường như đấy là đồ nghề chủ lực của hắn,” thanh tra nói.

Ông lại nghĩ tới cái đồng hồ trên đó có ghi chữ Rosemary. Để tưởng nhớ?

Lời kể của Colin Lamb

“Thế là cậu đã trở về,” Hercule Poirot nói.

Ông cẩn thận cài dải lụa đánh dấu vị trí trang sách đang đọc. Lần này một tách sôcôla nóng để trên bàn cạnh khuỷu tay ông. Quả thật Poirot có một khẩu vị thức uống rất kinh khủng!

“Bác khỏe không?” tôi hỏi.

“Tôi đang bị rối. Rối lắm. Người ta đang tân trang, trang trí lại, thậm chí thay đổi cấu trúc trong những căn hộ này.”

“Như vậy chẳng tốt hơn sao?”

“Đúng là có cải thiện, nhưng lại làm tôi bức bối lắm. Tôi sẽ phải tự làm xáo trộn bản thân. Rồi sẽ có mùi sơn!” Ông nhìn tôi với vẻ giận dữ.

Rồi cho qua đi những khó khăn của mình bằng một cái phẩy tay, ông hỏi: “Cậu đã thành công rồi, đúng không?”

Tôi trả lời chậm rãi: “Cháu không biết nữa.”

“À —ra thế.”

“Cháu đã tìm ra điều mình được phái đi tìm kiếm. Cháu đã không tìm người đàn ông đó. Cháu cũng không biết cần tìm cái gì nữa. Thông tin? Hay một cái xác?”

“Nói về các xác chết, tôi đọc biên bản buổi sơ thẩm bị hoãn ở Crowdean rồi. Một vụ cố sát do một hay nhiều người chưa biết là ai. Và cái xác của cậu cuối cùng cũng được cho một cái tên.”

Tôi gật đầu.

“Harry Castieton, là ai đi nữa cũng vậy thôi.”

“Được vợ ông ta nhận diện. Cậu đã đến Crowdean rồi à?”

“Chưa. Cháu định mai sẽ xuống đó.”

“À, cậu có đôi chút thời gian nhàn rỗi phải không?”

“Chưa đâu. Cháu vẫn đang làm nhiệm vụ. Nhiệm vụ đưa cháu tới đó...”
tôi tạm dừng một lát rồi nói tiếp, “Cháu không biết gì nhiều về những chuyện xảy ra trong khi cháu ở nước ngoài — chỉ biết chuyện nhận diện thôi—bác nghĩ gì về chuyện ấy?”

Poirot nhún vai.

“Đấy là điều được mong đợi.”

“Vâng — cảnh sát rất giỏi...”

“Và các bà vợ rất sốt sắng.”

“Bà Merlina Rival! Tên gì kỳ quá!”

“Nó nhắc tôi nhớ tới cái gì đấy,” Poirot nói. “Mà nhớ tới cái gì chứ nhỉ?”

Ông nhìn tôi có vẻ suy tư nhưng tôi không thể giúp ông. Đã biết rành Poirot rồi, điều đó có thể đã nhắc ông nhớ tới bất cứ cái gì.

“Một cuộc viếng thăm bạn bè — trong một ngôi nhà ở thôn quê,” Poirot tư lự, rồi lắc đầu. “Không — cách nay quá lâu rồi.”

“Khi nào trở lại London, cháu sẽ tới kể cho bác nghe tất cả những gì cháu biết được từ Hardcastle về bà Merlina Rival,” tôi hứa.

Poirot phẩy tay nói: “Chả cần thiết đâu.”

“Bác muốn nói đã biết hết về bà ta chẳng cần nghe kể lại à?”

“Không. Tôi muốn nói tôi không quan tâm đến bà ta.”

“Bác không quan tâm — nhưng tại sao không? Cháu không hiểu.” Tôi lắc đầu.

“Phải tập trung vào những điểm thiết yếu chứ. Thay vào đấy hãy kể về cô gái tên Edna — đã chết trong buồng điện thoại ở Wilbraham Crescent đi!”

“Cháu không thể kể nhiều hơn những gì đã kể bác nghe — Cháu không biết gì về cô gái ấy.”

“VẬY TẤT CẢ NHỮNG GÌ CẬU BIẾT, ” Poirot nói với vẻ quy kết, “hay tất cả những gì cậu có thể nói với tôi, rằng cô ta là một con thỏ bé nhỏ đáng thương cậu đã gặp ở một văn phòng đánh máy, cô ta đã làm gãy rời cái gót giày của mình do kẹt vào một tấm lưới sắt...” ông đột ngột ngừng lại. “Mà này, tấm lưới sắt ấy ở đâu?”

“Bác Poirot ơi, thật tình làm sao cháu biết được chứ?”

“Cậu có thể biết nếu đã hỏi. Làm sao mong biết được điều gì nếu cậu không đặt những câu hỏi thích đáng chứ?”

“Nhưng làm sao mà nơi cái gót giày rớt ra lại có thể là vấn đề quan trọng?”

“CÓ THỂ KHÔNG THÀNH VẤN ĐỀ. MẶT KHÁC, CHÚNG TA NÊN BIẾT MỘT ĐỊA ĐIỂM ĐÍCH XÁC NƠI CÔ GÁI NÀY ĐÃ ĐẾN, CÓ THỂ CÓ LIÊN QUAN MẬT THIẾT VỚI MỘT NGƯỜI CÔ TA TỪNG GẶP Ở ĐẤY — HOẶC VỚI MỘT SỰ KIỆN NÀO ĐÓ ĐÃ XẢY RA Ở NƠI ẤY.”

“Bác đang cường điệu quá rồi. Dù sao cháu cũng biết là rất gần văn phòng vì cô ấy nói như vậy, và cô ấy đã mua một cái bánh mì tròn nhỏ rồi đi cà nhắc trở về trên hai bàn chân mang vớ dài để ăn bánh trong văn phòng và kết cuộc cô nói, làm sao mình có thể về nhà như vậy đây?”

“A, và cô ta đã đi về nhà như thế nào?” Poirot hỏi vẻ quan tâm.

Tôi nhìn ông chăm chăm.

“Cháu cũng không biết nữa.”

“A — sao lại có thể như thế, cái kiểu cậu chả bao giờ hỏi đúng câu hỏi! Hậu quả là cậu chả biết gì về những chuyện quan trọng cả.”

“Bác nên xuống Crowdean và tự mình hỏi câu này câu nọ đi nhé!” Tôi bực mình nói.

“Ngay lúc này thì không thể được. Có một cuộc bán đấu giá bản thảo của các tác giả cực kỳ thú vị vào tuần tới.”

“Bác vẫn còn cái thú chơi đó hay sao?”

“Vẫn còn chứ,” mắt ông sáng lên. “Lấy các tác phẩm của John Dickson Carr hay là Carter Dickson, như đôi lúc ông ấy tự xưng...”

Tôi chuồn thẳng trước khi ông kịp chặn lối cản đường, lấy cơ có một cuộc hẹn khẩn cấp. Tôi chẳng còn tâm trí nào nghe thuyết giảng về các bậc thầy về nghệ thuật viết tiểu thuyết trinh thám trong quá khứ.

Chiều tối hôm sau tôi ngồi trên bậc thềm trước nhà Hardcastle. Tôi đứng lên thoát ra khỏi bầu không khí u buồn để chào đón anh về tới nhà.

“Chào, Colin hử? Cậu đấy ư? Thế là cậu lại từ trời xanh rơi xuống, phải không?”

“Nếu anh gọi là từ lò lửa nóng đỏ lọt ra thì thích hợp hơn rất nhiều.”

“Cậu ngồi đây, trên bậc thềm trước cửa nhà tôi bao lâu rồi?”

“Ôi, chừng nửa tiếng đồng hồ.”

“Rất tiếc cậu đã không vào nhà được.”

“Lẽ ra tôi đã vào được trong nhà để ợt,” tôi nói về tự trọng. “Ông anh không biết tôi đã được huấn luyện mà!”

“Thế sao cậu không vào?”

“Tôi không muốn hạ thấp uy tín của ông anh bằng bất cứ cách nào,” tôi giải thích. “Một thanh tra của ngành cảnh sát nhất định sẽ mất mặt nếu nhà ông ta bị đạo chích đột nhập dễ như trở bàn tay vậy đó.”

Hardcastle lấy chìa khóa từ trong túi ra và mở cửa trước. Ông bảo: “Thôi vào đi! Đừng nói vợ vẫn nữa!”

Ông dẫn đường vào phòng khách rồi tiếp tục đi lấy nước giải khát.

“Hãy nói lúc nào mới uống đây!”

Tôi nói không quá sớm, rồi chúng tôi ngồi xuống bên ly rượu của mình.

“Cuối cùng mọi sự cũng chuyển động rồi,” Hardcastle nói. “Chúng ta đã nhận dạng được xác chết.”

“Tôi biết rồi. Đã xem kỹ cả chồng nhật báo — Harry Castleton là ai?”

“Một gã đàn ông vẻ bề ngoài cực kỳ đáng kính và hẳn kiếm sống bằng cách cưới hay chỉ đính hôn với những phụ nữ khá giả nhẹ dạ cả tin. Họ ký thác tiền dành dụm được cho hẳn vì có ấn tượng tốt với kiến thức cao siêu của hẳn về tài chính, và chẳng bao lâu sau đấy hẳn lảng lạng biến mất tăm mất tích.”

“Hẳn ta trông không có vẻ là hạng người ấy,” tôi hồi tưởng lại.

“Đấy là vốn liếng chính yếu của hẳn ta.”

“Hẳn chưa từng bị khỏi tố sao?”

“Chưa — Chúng tôi đã điều tra nhưng không dễ thu được nhiều thông tin. Hẳn đổi tên rất thường xuyên. Ở Bộ chỉ huy Cảnh sát người ta nghĩ Harry Castleton, Raymond Blair, Lawrence Dalton, Roger Byron, tất cả chỉ là một người và cùng là người ấy. Nhưng họ chẳng bao giờ chứng thực được. Các bà, cậu thấy đấy, chả chịu trình báo. Họ thà chịu mất tiền còn hơn. Gã đàn ông không chỉ thay tên đổi họ mà còn đủ thứ chuyện — nảy sinh nơi này nơi nọ — luôn cùng một kiểu mẫu — nhưng vẫn lẩn tránh được một cách không thể tin nổi. Roger Byron nghe nói biến mất từ miền nam, và một gã đàn ông tên Lawrence Dalton lại bắt đầu hoạt động ở Newcastle đúng lúc ấy. Hẳn xấu hổ chả chịu chụp hình — lảng tránh khi các bà bạn muốn chụp lên hẳn. Tất cả chuyện này diễn ra rất lâu về trước — mười lăm hay hai mươi năm. Trong khoảng thời gian ấy dường như hẳn thực sự biến mất. Tiếng đồn lan truyền rằng hẳn đã chết—nhưng một số người lại bảo hẳn đã ra nước ngoài...”

“Dù sao cũng chẳng nghe nói gì về hẳn cho tới khi hẳn xuất hiện, nằm chết queo trên tấm thảm trong phòng khách nhà cô Pebmarsh, phải không?” tôi hỏi.

“Chính xác.”

“Điều đó chắc chắn mở ra nhiều khả năng.”

“Chắc chắn thế.”

“Một người đàn bà đã khinh bỉ kẻ không bao giờ quên à?” tôi gợi ý.

“Thường xảy ra như thế, cậu biết rồi đấy. Có những phụ nữ nhớ dai không quên...”

“Và nếu một phụ nữ như vậy phải bị mù lòa — thì một nỗi thống khổ lại xảy đến lần thứ hai vượt lên trên cả nỗi khổ bị phụ bạc.”

“Chỉ là phỏng đoán mà thôi. Chưa có gì được chứng minh.”

“Bà vợ như thế nào — Bà — gì nhỉ — Merlina Rival hả? Cái tên kỳ cục quá chừng! Không thể là tên thật của bà ta.”

“Tên thật của bà ta là Flossie Gapp. Tên kia bà ta tự đặt. Phù hợp hơn với lối sống của bà ta.”

“Bà ta làm nghề gì? Làm gái à?”

“Không chuyên nghiệp.”

“Có phải trước đây vẫn thường được gọi một cách khéo léo là một quý bà có đức hạnh để dãi?”

“Tôi phải nói bà ta là một phụ nữ bản tính tốt và sẵn lòng giúp đỡ bạn bè. Tự miêu tả là một cựu diễn viên. Thỉnh thoảng làm chủ trì đám tiệc. Hoàn toàn có thể tin cậy.”

“Có thể tin cậy được sao?”

“Cũng đáng tin cậy như hầu hết mọi người. Bà ta nhận biết thật rõ ràng. Không hề ngần ngại do dự.”

“Thật là may mắn.”

“Phải. Tôi đang bắt đầu thất vọng, số lượng các bà vợ tôi đã có ở đây! Tôi đã bắt đầu nghĩ đấy là một phụ nữ khôn ngoan, hiểu rõ chồng mình. Xin lưu ý, tôi nghĩ không chừng bà Rival đã biết nhiều hơn những gì bà ta tiết lộ.”

“Bà ấy có từng dính líu vào các hành vi phạm tội hay không?”

“Không có trong hồ sơ lưu trữ. Tôi nghĩ bà ta có thể đã có, có lẽ vẫn đang có một số bạn bè khả nghi. Chẳng có gì nghiêm trọng — chỉ là những quả lừa — đại loại thế.”

“Còn mấy chiếc đồng hồ thì sao?”

“Đối với bà ta không có một ý nghĩa nào. Tôi nghĩ bà ta nói thật. Chúng tôi đã truy ra dấu vết chúng từ — chợ Portobello. Đấy là chiếc mạ vàng giả và chiếc bằng sứ Dresden. Và chẳng giúp ích gì! Cậu biết một ngày thứ bảy

ở đây như thế nào không? Được một phu nhân người Mỹ mua, chủ gian hàng nghĩ thế — nhưng tôi phải nói chỉ là võ đoán. Chợ Portobello đầy du khách người Mỹ. Vợ hẳn ta bảo một người đàn ông đã mua chúng. Chị ta không thể nhớ người đó trông ra sao. Còn chiếc đồng hồ bằng bạc thì đến từ một thợ bạc ở Bournemouth. Một phu nhân cao lớn đã muốn mua làm quà cho đứa con gái nhỏ! Tất cả những gì bà có thể nhớ về vị phu nhân là bà đội một chiếc mũ màu xanh lục.”

“Còn chiếc đồng hồ thứ tư thì sao? Chiếc đã biến mất ấy?”

“Miễn bình luận,” Hardcastle đáp.

Tôi hiểu ông nói vậy nghĩa là gì rồi.

Lời kể của Colin Lamb

Khách sạn tôi đang ở là một nơi nhỏ hẹp, tồi tàn, cũ nát gần ga xe lửa. Phục vụ món thịt nướng vì khá ngon nhưng chỉ có thể nói về nó thế thôi. Tất nhiên còn chưa kể tới giá thuê phòng rẻ.

Lúc mười giờ sáng hôm sau tôi gọi điện tới Phòng Thư ký Cavendish và nói mình cần một thư ký đánh máy kiêm tốc ký để ghi chép mấy lá thư và đánh máy lại một bản hợp đồng kinh doanh. Tên tôi là Douglas Weatherby và tôi đang lưu trú tại khách sạn Clarendon (các khách sạn tồi tàn dị thường vẫn luôn có những cái tên vĩ đại). Cô Sheila Webb có được không ạ? Một người bạn của tôi thấy cô ấy làm việc rất có năng lực.

Tôi đã gặp may. Sheila có thể tới ngay tức khắc. Nàng có một cuộc hẹn lúc mười hai giờ. Tôi nói sẽ xong việc với nàng rất sớm trước đó, vì chính tôi cũng có hẹn.

Tôi đang ở bên ngoài cánh cửa xoay của khách sạn thì nàng xuất hiện. Tôi bước tới và nói: “Ông Douglas Weatherby nhờ cô phục vụ.”

“Là anh đã gọi điện thoại à?”

“Là anh.”

“Nhưng anh không thể làm như thế.” Nàng có vẻ bị chạm tự ái.

“Sao lại không? Anh đã chuẩn bị sẵn sàng trả tiền cho Phòng Cavendish về dịch vụ của em. Có vấn đề gì với họ không nếu chúng ta dùng thời gian

quý báu và đắt giá của em trong quán cà phê Buttercup ngay bên kia đường thay vì đọc chính tả những lá thư chán ngắt mở đầu “thư thượng khẩn cấp 3 trao tận tay sếp”, vân vân... Nào, ta hãy cùng vô tư đi uống cà phê trong khung cảnh yên bình đi em!”

Quán cà phê Buttercup xứng đáng với cái tên của nó vì toàn một màu vàng hung hăng tàn bạo. Tất cả mặt bàn bằng formica, các tấm đệm bọc nhựa dẻo và các bộ chén tách toàn một màu vàng hoàng yến.

Tôi gọi cà phê và bánh nướng phết bơ cho hai người, vẫn còn chưa tới lúc tìm một chỗ thực sự riêng tư cho hai đứa. Khi cô tiếp viên nhận đặt món đi rồi, chúng tôi nhìn nhau qua bàn ăn.

“Em vẫn ổn chứ Sheila?”

“Anh nói em vẫn ổn là ý gì?”

Đôi mắt nàng quầng thâm khiến trông chúng có vẻ tím biếc chứ không phải xanh lơ.

“Có phải em đã trải qua một quãng thời gian không yên ổn?”

“Phải — không — em không biết nữa. Em tưởng anh bỏ đi rồi chứ.”

“Anh đã bỏ đi. Trở về rồi đây.”

“Tại sao vậy anh?”

“Em biết tại sao mà.”

Đôi mắt nàng sụp xuống.

“Em sợ ông ta,” nàng nói sau khi lặng thinh ít nhất là một phút, đó là một thời gian dài.

“Em sợ ai vậy?”

“Ông bạn của anh — viên thanh tra ấy. Ông ta nghĩ... ông ta nghĩ em đã giết người đàn ông đó, và em còn giết cả Edna nữa...”

“Ôi, cái kiểu của ông ấy vậy đó,” tôi trấn an nàng, “Ông ấy lúc nào cũng nhìn ngó như thể ai cũng đáng nghi hết.”

“Không phải đâu Colin, hoàn toàn không phải như thế đâu. Anh có động viên em chỉ vô ích thôi, ông ấy nghĩ em có liên can đến vụ ấy ngay từ đầu.”

“Em ơi, chẳng có chứng cứ nào chống lại em hết cả. Chỉ vì em đã ở đó tại hiện trường ngày hôm ấy, bởi ai đó đã đưa em vào đây...”

Nàng ngắt ngang.

“Ông ấy nghĩ em tự lộ tẩy. Ông nghĩ tất cả chỉ là chuyện bịa đặt để đánh lừa mà thôi, ông ấy nghĩ Edna cách nào đó đã biết điều ấy. Ông ấy nghĩ Edna đã nhận ra giọng em nói trong điện thoại giả đò là cô Pebmarsh.”

“Là giọng em sao?”

“Không, tất nhiên không phải. Em không hề gọi cú điện thoại ấy. Em đã nói với anh rồi mà.”

“Em nhìn anh đi, Sheila,” tôi bảo. “Dù em nói với ai thế nào cũng phải nói thật với *anh*.”

“VẬY là anh không tin em rồi.”

“Có, anh tin. Có thể hôm ấy em gọi cú điện thoại đó vì một lý do hoàn toàn khác. Có thể ai đó đã bảo em gọi, nói chỉ là một phần của một trò đùa, rồi sau đó em hoảng sợ, và đã một lần lỡ nói dối rồi nên phải tiếp tục nói dối. Có phải vậy không em?”

“Không, không, không! Em phải nói với anh bao nhiêu lần nữa đây?”

“Tất cả đều rất tốt, Sheila à, nhưng có điều gì đó em không nói cho anh biết. Anh muốn em tin cậy anh. Nếu Hardcastle có điều gì chống lại em, điều gì đó ông ấy không nói cho anh biết về...”

Nàng lại ngắt ngang.

“Anh có mong ông ấy cho anh biết mọi chuyện hay không?”

“À, không có lý do gì ông ấy lại không nói. Bọn anh đại khái đều làm cùng ngành.”

Đúng lúc đó cô tiếp viên mang những thứ chúng tôi gọi ra. Cà phê cũng lợt lạt như sắc độ hợp một gần đây nhất của áo lông chồn nâu.

“Em không biết anh có liên quan với cảnh sát đấy,” Sheila vừa nói vừa chậm rãi khuấy tách cà phê của mình.

“Không hẳn là cảnh sát. Là một ngành hoàn toàn khác. Nhưng điều anh đang đề cập, nếu như Dick không nói với anh những chuyện ông ấy biết về

em, là có lý do đặc biệt. Vì ông ấy nghĩ anh quan tâm em. Đúng, anh quan tâm em. Còn hơn thế nữa. Anh chỉ vì em thôi, Sheila à, dù em đã làm gì đi nữa. Bữa em lao ra khỏi căn nhà ấy, khiếp sợ đến gần chết luôn. Em thật sự khiếp sợ. Không phải giả bộ. Kiểu cách ứng xử của em không thể nào là đóng kịch.”

“Tất nhiên là em khiếp sợ. Chuyện ấy đã khiến em kinh hoàng.”

“Chỉ là việc tìm thấy cái xác chết khiến em khiếp sợ? Hay còn có điều gì khác?”

“Còn cái gì khác nữa chứ?”

Tôi lấy hết can đảm mới nói ra được.

“Tại sao em lại chôm cái đồng hồ có ghi chữ Rosemary chéo góc ấy hả?”

“Anh nói gì vậy? Tại sao em lại chôm nó chứ?”

“Anh đang hỏi em tại sao lại làm vậy.”

“Em không hề đụng tới nó.”

“Em trở vào căn phòng ấy, nói là vì để quên đôi găng tay. Hôm ấy em đã không mang găng tay gì hết. Một ngày tháng 9 đẹp trời. Anh chẳng hề thấy em mang găng tay. Đừng nói dối với anh về chuyện ấy! Em đã làm vậy, phải không?”

Nàng im lặng một lúc, bẻ vụn hết mấy cái bánh nướng trên đĩa của mình.

“Thôi được,” giọng nàng gần như là thì thầm. “Được, đúng như vậy. Em đã lấy cái đồng hồ nhét vào túi xách rồi đi ra.”

“Nhưng tại sao em lại làm thế?”

“Vì cái tên Rosemary. Đó là tên của em.”

“Tên em là Rosemary, không phải Sheila sao?”

“Cả hai. Rosemary Sheila.”

“Và chỉ thế thôi sao? Em có cùng cái tên được ghi trên một trong những chiếc đồng hồ ấy sao?”

Nghe tôi nói nàng biết tôi không tin nhưng vẫn cố nói. “Em đã khiếp sợ, xin nói với anh vậy đó.”

Tôi nhìn nàng. Sheila là cô gái *của tôi* — cô gái mà tôi muốn — tôi muốn giữ nàng mãi mãi. Nhưng ảo tưởng về nàng chẳng ích lợi gì. Sheila là một kẻ nói dối và có lẽ vẫn luôn là một kẻ nói dối. Đó là cách chiến đấu để sống còn của nàng — chối bỏ sự thật nhẹ nhàng nhanh chóng và dễ dàng. Đó là một thứ vũ khí của trẻ con — và có lẽ nàng chưa bao giờ từ bỏ sử dụng nó. Nếu tôi muốn có Sheila, tôi phải chấp nhận bản tính nàng vốn có — sẵn sàng chống đỡ những chỗ yếu. Chúng tôi đều có những chỗ yếu. Những chỗ yếu của tôi khác với Sheila nhưng vẫn có đó.

Tôi đi đến quyết định phải tấn công. Đó là cách duy nhất.

“Là đồng hồ của em, phải không?” tôi hỏi. “Nó thuộc về em à?”

Nàng há hốc.

“Làm sao anh biết?”

“Kể cho anh nghe đi!”

Câu chuyện vấp vấp tuôn ra sau đó với cả đồng từ ngữ hỗn loạn. Nàng đã có chiếc đồng hồ ấy gần như cả đời. Cho tới khi nàng chững sáu tuổi, nàng vẫn dùng cái tên Rosemary—nhưng nàng ghét cái tên này và nằng nặc đòi người ta gọi mình là Sheila. Gần đây chiếc đồng hồ bị trục trặc. Nàng đã đem nó theo định để lại ở một tiệm sửa đồng hồ không xa sở làm của mình. Nhưng nàng đã để quên nó ở đâu đó — có lẽ trên xe buýt, hoặc trong quán bán sữa khi nàng đi mua bánh mì vào giờ ăn trưa.

“Chuyện này xảy ra bao lâu trước án mạng ở nhà số 19, Wilbraham Crescent?”

Độ một tuần, nàng nghĩ thế. Nàng không bận tâm lắm vì nó cũ quá, vẫn luôn hỏng hóc và thật sự mua một cái mới sẽ tốt hơn.

Và sau đó nàng kể tiếp: “Mới đầu em không để ý. Không hề để ý khi đi vào căn phòng. Sau đó em phát hiện người đàn ông chết. Em đỡ dẫn cả người. Em đứng thẳng lên sau khi sờ ông ta và em cứ đứng đó mà nhìn đăm đăm. Cái đồng hồ đó đối diện với em trên bàn gần lò sưởi — đồng hồ của em — và có máu trên bàn tay em — sau đó bà ta đi vào và em quên tất cả vì bà ta sắp giẫm lên ông ta. Và — và như vậy đó — em đã bỏ chạy. Bỏ đi chỗ khác — em chỉ muốn vậy thôi.”

Tôi gật đầu.

“Và sau đó thì sao?”

“Em bắt đầu suy nghĩ. Bà ta nói không hề gọi điện thoại yêu cầu em — vậy thì ai đã gọi — ai đã đưa em tới và để đồng hồ của em ở đó? Em — em đã nói mình bỏ quên găng tay và — và em nhét nó vào túi xách của mình. Chắc là — em ngu quá.”

“Em đã làm chuyện không thể nào ngu ngốc hơn,” tôi bảo nàng. “Mà Sheila ơi, em có biết gì đâu chứ.”

“Nhưng ai đó vẫn cố lôi em vào cuộc. Tắm bưu thiếp ấy. Chắc hẳn do kẻ biết em đã lấy cái đồng hồ gửi tới. Và bản thân tắm bưu thiếp — Tòa Đại hình London. Nếu cha em là một tội phạm...”

“Em biết gì về cha mẹ mình?”

“Cha mẹ em đều đã chết trong một tai nạn khi em còn bé. Đó là điều dì em nói với em, và em luôn được kể như thế. Nhưng bà ấy không bao giờ nói về họ, không bao giờ kể chuyện của họ cho em nghe. Đôi lúc, một vài lần gì đó, khi em hỏi thì dì mới kể chuyện này chuyện nọ về họ nhưng không giống như trước đó đã kể. Vì vậy em luôn biết, anh thấy đó, có chuyện gì đó không đúng rồi.”

“Nói tiếp đi!”

“Vì vậy em nghĩ cha em có lẽ là một thứ tội phạm nào đó — thậm chí không chừng là một kẻ sát nhân. Hay mẹ em như thế. Người ta bảo cha mẹ đã chết và không thể hay không chịu kể gì về họ, trừ phi lý do thực sự là điều gì đó — điều gì đó họ nghĩ là quá đáng sợ, không nên biết.”

“Và thế là em đã nổi giận đùng đùng. Có lẽ hoàn toàn đơn giản thôi. Có thể em chỉ là một đứa con ngoài giá thú.”

“Em cũng từng nghĩ tới điều ấy. Người ta đôi khi cố giấu chuyện kiểu đó không cho trẻ con biết. Thật ngu ngốc hết sức. Chỉ cần cho chúng biết đúng sự thật sẽ tốt hơn rất nhiều. Ngày nay nào phải là chuyện gì nghiêm trọng lắm. Nhưng anh thấy đó, toàn bộ vấn đề là em không biết. Em không biết cái gì đằng sau toàn bộ vụ này. Tại sao em lại được gọi là Rosemary? Đó không phải là tên họ. Nghĩa là hồi tưởng, phải không anh?”

“Có thể là một ý nghĩa tốt đẹp,” tôi chỉ rõ.

“Có thể — nhưng em lại không cảm thấy như thế. À, sau khi ông thanh tra hỏi em này nọ ngày hôm ấy, em bắt đầu suy nghĩ. Tại sao ai đó lại muốn đưa em tới nơi ấy? Đưa em tới đó với một người đàn ông lạ mặt đã chết? Hay là người chết đã muốn gặp em ở đó? Phải chăng ông ta là cha của em, và ông ta muốn em làm gì đó? Rồi ai đó đã tới nơi, không cho ông ta làm vậy. Liệu có phải ai đó ngay từ đầu đã muốn tố cáo em chính là kẻ sát nhân? Ôi, em đã hoàn toàn bấn loạn, sợ hãi. Hình như mọi chuyện đều được sắp đặt để nhắm vào em. Đưa em tới đó, người đàn ông đã chết, tên của em — Rosemary — trên cái đồng hồ của em không thuộc về nơi ấy. Vì vậy em đã đâm ra hoảng sợ và đã làm chuyện ngu ngốc như anh nói đó.”

Tôi lắc đầu nhìn nàng.

“Em đã đọc hay đánh máy quá nhiều truyện trinh thám và truyện huyền bí rồi,” tôi nói với vẻ quy kết. “Còn Edna thì sao hả? Trong đầu cô ấy đã nghĩ gì về em, em có biết gì không? Tại sao cô ấy lại lặn lội tới tận nhà để nói chuyện với em, khi mà hằng ngày vẫn gặp em tại sở làm?”

“Em chẳng biết. Con bé không thể nghĩ em có liên can với án mạng. Không thể nào.”

“Có lẽ nào cô ấy đã nghe lén được chuyện gì đó và mắc một sai lầm?”

“Không có gì đâu, em nói cho anh biết. Không gì hết.”

Tôi thắc mắc. Không thể không thắc mắc... Ngay cả lúc này tôi vẫn không tin nàng nói thật.

“Em có kẻ thù nào không? Những thanh niên bất bình, những thiếu nữ ghen tuông, đứa nào đó hơi bị mất cân bằng tâm lý và có thể đã bày điều đặt chuyện hại em?”

Điều tôi nói ra nghe có vẻ hoàn toàn không có sức thuyết phục.

“Tất nhiên là không rồi.”

Thế là hết. Ngay cả bây giờ tôi cũng không chắc chắn về chiếc đồng hồ ấy. Thật là một chuyện kỳ lạ. 413. Những chữ số đó có ý nghĩa gì? Tại sao

lại viết chúng trên một tấm bưu thiếp với chữ REMEMBER trừ phi chúng có ý nghĩa gì đó với người nhận bưu thiếp.

Tôi thở dài, thanh toán hóa đơn rồi đứng dậy.

“Em đừng lo,” tôi nói. (Chắc chắn là những từ ngu ngốc nhất trong tiếng Anh hay trong bất cứ ngôn ngữ nào khác). “Công ty Dịch vụ Cá nhân Colin Lamb đang làm việc đây. Rồi em sẽ không sao cả. Thực tế chưa đầy một năm nữa chúng mình sẽ kết hôn và sống hạnh phúc mãi về sau. À này,” tôi nói, không thể ghìm mình lại nổi, dẫu biết rằng tốt hơn hết nên kết thúc bằng âm điệu du dương lãng mạn, nhưng cái Hiếu Kỳ Cá Nhân Colin Lamb lại thúc giục tôi nói tiếp, “thế em đã làm gì với chiếc đồng hồ ấy? Đã giấu nó trong hộp tủ đựng váy của em hả?”

Chờ một lát rồi nàng mới nói: “Em đã bỏ vào thùng rác nhà kế bên rồi.”

Tôi hoàn toàn rúng động. Thật đơn giản và có lẽ hữu hiệu. Nhận ra là nàng quá khôn lanh. Có lẽ tôi đã đánh giá thấp Sheila.

Lời kể của Colin Lamb

Khi Sheila đã đi rồi, tôi băng qua đường về khách sạn, dồn hết đồ vào túi rồi gửi nó lại sẵn sàng ở chỗ người gác cửa. Đó là một loại khách sạn nơi người ta đặc biệt muốn khách trả phòng trước 12 giờ trưa.

Sau đó tôi lên đường. Lộ trình đưa tôi ngang qua đồn cảnh sát. Tôi ngần ngại một lát rồi đi vào. Tôi xin gặp Hardcastle và ông có ở đó. Tôi thấy ông đang cau mày đọc một lá thư cầm trên tay.

“Tối nay tôi lại đi, Dick à,” tôi nói. “Trở về London.” Ông ngược nhìn tôi, có vẻ dăm chiêu suy nghĩ.

“Cậu có chịu nghe một lời khuyên của tôi không?”

“Không,” tôi trả lời ngay lập tức.

Ông chẳng thềm để ý. Người ta chẳng bao giờ để ý khi muốn khuyên can người khác.

“Là tôi thì tôi sẽ đi chỗ khác—và tránh xa ra—nếu cậu biết điều gì tốt nhất cho mình.”

“Không ai có thể phán xét điều gì là tốt nhất cho bất cứ ai khác.”

“Tôi nghi ngờ điều ấy.”

“Tôi sẽ cho ông anh biết một chuyện, Dick. Khi tôi giải quyết xong công việc hiện giờ được phân công, tôi sẽ nghỉ việc luôn. Ít ra là tôi nghĩ vậy đó.”

“Vì sao?”

“Tôi giống như một tu sĩ thời Victoria cổ hủ. Tôi đã có những điều nghi ngờ.”

“Hãy tự cho mình thời gian đi!”

Tôi không rõ Hardcastle muốn nói gì. Tôi hỏi ông đang có vẻ quá lo lắng về chuyện gì.

“Đọc cái này đi!” Ông chuyển sang cho tôi lá thư ông đang nghiên cứu.

Kính thưa ông,

Tôi vừa nghĩ đến một chuyện, ông đã hỏi tôi liệu chồng tôi có các dấu vết nhận dạng nào không và tôi đã nói không có. Nhưng tôi đã sai. Thực sự ông ấy có một vết sẹo ở sau tai trái, ông ấy đã cắt phạm bằng lưỡi dao cạo khi bị con chó của chúng tôi nhảy chồm lên người, và ông đã phải đi khâu lại. Vết khá nhỏ và không quan trọng nên hôm nọ tôi đã không hề nghĩ đến.

Kính thư,

Merlina Rival

“Bà ta viết chữ nhanh và đẹp,” tôi nhận xét. “Mặc dù tôi chưa bao giờ thích mực tím. Có phải người quá cố có một vết sẹo?”

“Đúng là có một vết sẹo. Ngay ở chỗ bà ta nói.”

“Có phải bà ta đã nhìn thấy cái sẹo ấy khi được cho xem xác?”

Hardcastle lắc đầu.

“Vành tai che kín hết. Cậu phải bẻ cong vành tai ra đằng trước mới có thể thấy.”

“VẬY là ổn rồi. Cộng tác tốt lắm. Ông anh còn băn khoăn gì nữa chứ?”

Thanh tra rầu rĩ nói vụ án này thật quý quái. Ông hỏi tôi có định gặp ông bạn người Pháp hay người Bỉ của tôi ở London hay không.

“Có lẽ sẽ gặp. Để làm gì hả?”

“Tôi đã đề cập đến ông ấy với cảnh sát trưởng, sắp bảo nhớ ông ấy rất rõ — vụ án mạng Nữ hướng dẫn viên ấy. Tôi phải đón tiếp nông hậu, nếu ông

ấy nghĩ đến việc xuống nơi này.”

“Ông ta không đi đâu,” tôi nói. “Con người ấy thực tế cứ ở lì một chỗ y hệt con sao sao bám vào đá vậy.”

Lúc mười hai giờ rưỡi tôi bấm chuông nhà số 62, Wilbraham Crescent. Bà Ramsay mở cửa. Bà ta hầu như không ngược mắt lên nhìn tôi.

“Cái gì thế?” bà hỏi.

“Tôi có thể nói chuyện với bà một lát không ạ? Tôi đã tới đây chừng mười ngày trước. Có lẽ bà không nhớ.”

Bà ta nhướn cặp mắt nhìn tôi để dò xét thêm. Cặp lông mày bà thoáng nhíu nhẹ.

“Ông đã đến cùng với ông thanh tra cảnh sát, phải không?”

“Đúng vậy, bà Ramsay. Tôi vào được không?”

“Ông muốn vào thì cứ vào. Người ta đâu có từ chối không cho cảnh sát vào chứ. Làm thế sẽ bị đánh giá rất tồi tệ.”

Bà ta dẫn đường vào phòng khách, đột ngột khoát tay về phía một cái ghế, sau đó ngồi đối diện với tôi. Giọng bà lúc trước hơi gay gắt, nhưng thái độ của bà giờ đây đã trở lại thờ ơ hờ hững mà trước đó tôi không để ý.

Tôi nói: “Hôm nay hình như ở đây thật yên tĩnh. Chắc hai con trai của bà đã trở lại trường rồi hả?”

“Vâng, quả có khác.” Bà nói tiếp, “Chắc ông muốn hỏi thêm về án mạng vừa qua, phải không? Cô gái bị giết trong buồng điện thoại.”

“Không, không hẳn. Thật sự tôi không liên quan đến cảnh sát, bà biết không.”

Bà ta có vẻ hơi ngạc nhiên.

“Tôi tưởng ông là trung sĩ Lamb, chẳng phải thế sao?”

“Tên tôi là Lamb, đúng vậy, nhưng tôi làm ở một bộ phận khác.”

Vẻ thờ ơ hờ hững chợt biến mất không còn thấy trong thái độ của bà Ramsay nữa. Bà liếc nhìn tôi thật nhanh, cái nhìn chăm chập thẳng vào mặt tôi với vẻ khó chịu.

“Ồ,” bà ta nói, “vậy, chuyện gì thế?”

“Chồng bà vẫn đang ở nước ngoài chứ?”

“Vâng.”

“Ông ấy đi đã khá lâu rồi, phải không bà Ramsay? Và đi khá xa?”

“Ông biết gì về chuyện ấy?”

“À, ông ấy đã đi qua bên kia Bức Màn sắt rồi, phải không?”

Bà ta im lặng một lúc khá lâu rồi đáp với giọng bình thản vô hồn: “Vâng. Vâng, hoàn toàn đúng như thế.”

“Bà có biết ông ấy đi hay không?”

“Ít nhiều cũng có biết.” Bà ngừng lại một lát rồi nói, “Ông ấy muốn tôi cùng đến đó.”

“Có lúc nào bà từng nghĩ tới chuyện ấy hay không?”

“Cũng có. Mãi đến gần đây ông ấy mới nói cho tôi biết.”

“Bà không đồng quan điểm với ông ấy ư?”

“Có một lần như thế. Nhưng ông phải biết là đã qua rồi... Ông thường kiểm tra khá toàn diện về những chuyện như thế, phải không? Trở lui về quá khứ, tìm ra ai là kẻ đi đây đi đó, ai là đảng viên, tất cả những chuyện đại loại như thế.”

“Có lẽ bà đã bỏ sót những thông tin sẽ rất hữu ích cho chúng tôi,” tôi nói.

Bà ta lắc đầu.

“Đúng, tôi không thể nói. Tôi không có ý là sẽ không nói. Ông thấy đó, ông ấy chưa bao giờ nói với tôi điều gì rõ ràng. Tôi không muốn biết. Tôi đã chán chường mệt mỏi với toàn bộ chuyện ấy! Khi Michael bảo tôi ông ấy sắp rời khỏi đất nước này, thì thực sự tôi cũng không thấy quá ngạc nhiên. Khi ấy tôi đã quyết định mình phải làm gì.”

“Và bà đã quyết định không nhất thiết phải đồng tình với mục tiêu của ông ấy?”

“Không, tôi hoàn toàn không nghĩ như thế. Quan điểm của tôi hoàn toàn vì bản thân mình. Tôi tin cuối cùng với phụ nữ vẫn luôn là thế, dĩ nhiên trừ phi đó là một kẻ cuồng tín. Và rồi phụ nữ cũng có thể rất cuồng tín, nhưng

tôi thì không. Tôi chưa bao giờ là gì khác ngoài một người theo cánh tả ôn hòa.”

“Chồng bà có dính líu gì với vụ Larkin không?”

“Tôi không biết. Chắc có thể có đấy. Ông ấy chưa bao giờ kể gì hay nói gì với tôi về chuyện ấy cả.”

Bà ta chợt nhìn tôi có vẻ sôi nổi hơn.

“Ông nên làm sáng tỏ hoàn toàn chuyện ấy đi, ông Cừ à. Hay là ông Sói đội lốt Cừ, hay ông là cái gì cũng thế thôi. Tôi yêu chồng tôi. Lẽ ra tôi đã yêu quý ông ấy đủ để cùng đi đến Moscow, dù tôi có đồng ý hay bất đồng quan điểm chính trị với ông ấy cũng thế. Ông ấy muốn tôi mang theo hai thằng bé. Tôi không muốn mang chúng theo. Đơn giản là thế thôi. Và thế là tôi quyết định ở lại với chúng nó. Liệu có bao giờ tôi gặp lại Michael hay không thì tôi không biết nữa. Ông ấy phải chọn cách sống của ông ấy, còn tôi cũng có cách sống của tôi. Nhưng bây giờ tôi đã biết đích xác một điều. Sau khi ông ấy bàn với tôi chuyện ấy. Tôi muốn hai thằng bé được nuôi dạy ở đây trong đất nước của chúng. Chúng là người Anh. Tôi muốn chúng được nuôi dạy như những thằng bé người Anh bình thường.”

“Tôi hiểu.”

“Và tôi nghĩ tất cả chỉ có thế,” bà Ramsay đứng dậy.

Lúc bấy giờ thái độ của bà bỗng dưng rất cương quyết.

“Chắc hẳn đã là một chọn lựa khó khăn,” tôi nói thật ôn tồn.

“Tôi rất tiếc cho ông.”

Tôi cũng rất tiếc. Có lẽ sự cảm thông chân thành trong giọng nói của tôi đã khiến bà ta cảm động. Bà cười nhẹ.

“Có lẽ ông thực sự là... Chắc trong công việc của mình ông phải cố gắng ít nhiều năm được tẩy của người ta, biết họ đang có cảm giác gì và đang nghĩ gì. Gần như đã là một cú hạ đo ván đối với tôi, nhưng tôi đã vượt qua những gì tồi tệ nhất... Giờ đây tôi phải vạch ra những kế hoạch, phải làm gì, phải đi đâu, nên ở lại đây hay đi nơi nào khác. Tôi phải tìm việc làm.

Trước đây có một dạo tôi đã quen làm công việc thư ký. Có lẽ tôi sẽ theo một khóa ôn luyện lại về tốc ký và đánh máy.”

“À, đừng có đi làm cho Phòng Cavendish nhé!” tôi bảo.

“Vì sao lại không chứ?”

“Hình như các cô gái đang làm công ở đó đều gặp chuyện không may.”

“Nếu ông nghĩ tôi biết được chút gì về chuyện ấy thì ông đã nhầm. Tôi chả biết gì đâu.”

Tôi chúc bà ta may mắn rồi đi ra. Chẳng tìm hiểu được gì từ bà ta cả. Thật ra tôi cũng không nghĩ sẽ tìm hiểu được điều gì. Nhưng người ta phải sắp xếp lại cho ổn những đầu mối còn lỏng lẻo.

Vừa ra khỏi cổng tôi suýt đâm bổ vào bà McNaughton. Bà ta đang xách một cái túi đi mua sắm và hình như rất loạng choạng, đứng không vững.

“Để tôi,” tôi nói rồi cầm lấy cái túi từ tay bà.

Ban đầu bà định giăng lại cái túi mua sắm, sau đó bà rướn đầu tới trước, chăm chú nhìn tôi rồi nới lỏng bàn tay đang nắm chặt.

“Anh là chàng trai trẻ từ đồn cảnh sát đây mà,” bà nói. “Mới đầu tôi không nhận ra anh.”

Tôi xách cái túi đồ đến cửa trước nhà bà và bà ta lão đảo đi bên cạnh tôi. Cái túi nặng một cách rất đáng ngờ. Tôi tự hỏi có gì trong ấy. Những cân khoai tây?

“Khỏi bấm chuông,” bà bảo. “Cửa không khóa.”

Hình như ở Wilbraham Crescent không nhà nào khóa cửa cả.

“Và anh đang tiếp tục công việc thế nào?” bà ta hỏi kiểu buôn chuyện. “Hình như ông ta cưới người thấp kém hơn mình rất nhiều.”

Tôi không biết bà ta đang nói gì nữa.

“Ai vậy — tôi đã đi xa,” tôi giải thích.

“À, tôi hiểu rồi. Nấp bóng ai đó, tôi cho là như vậy. Tôi muốn nói đến bà Rival. Tôi đã tới dự buổi sơ thẩm. Một người đàn bà trông có vẻ quá đổi bình thường. Tôi phải nói là bà ta dường như chẳng bối rối lắm khi thấy chồng chết.”

“Bà ta không gặp chồng đã mười lăm năm rồi,” tôi giải thích.

“Ông Angus và tôi kết hôn đã hai mươi năm.” Bà thở dài. “Đã lâu lắm rồi. Và ông ấy làm vườn quá nhiều, giờ đây khi không còn tới trường đại học nữa... Thật khó biết phải làm gì với chính mình đây.”

Ngay lúc đó ông McNaughton tay cầm cái xẻng từ góc nhà đi vòng ra.

“Ôi, em đã về rồi. Để anh xách đồ vô cho...”

“Anh đem vào trong nhà bếp đi,” bà chủ nhà bảo tôi, lạnh lẽo thúc cùi chỏ vào tôi. “Chỉ có bánh bột bắp nướng, trứng và một trái dưa thôi mà,” bà nở một nụ cười rạng rỡ nói với chồng.

Tôi đặt cái túi lên bàn nhà bếp. Nó kêu leng keng. Bánh bột bắp nướng sao hả trời! Tôi để cho bản năng điệp viên làm nhiệm vụ. Bên dưới một miếng gelatine nguy trang là ba chai whisky.

Tôi hiểu vì sao đôi lúc bà McNaughton quá tươi tỉnh và nói tía lia, vì sao thỉnh thoảng bà hơi loạng choạng không vững. Và có thể còn hiểu vì sao ông chồng lại từ chức giáo sư.

Đó là một buổi sáng dành cho các láng giềng. Tôi gặp ông Bland trong lúc đang đi trên đường Crescent hướng về đường Albany. Ông Bland có vẻ rất chùng mịch. Ông nhận ra tôi ngay tức khắc.

“Cậu có khỏe không? Vụ án sao rồi hở? Đã nhận dạng được cái xác, tôi nghe nói thế. Dường như đã đối xử với vợ hãm hại khá tồi tệ. À này, xin lỗi cậu, cậu không phải người ở đây, đúng không?”

Tôi nói lảng đi, rằng tôi từ London tới.

“Thế Scotland Yard cũng quan tâm, phải không?”

“À...” tôi kéo dài từ này ra một cách vô thưởng vô phạt.

“Tôi hiểu rồi. Không được tiết lộ bí mật. Dẫu sao cậu không có đến dự buổi sơ thẩm mà.”

Tôi nói mình mắc đi nước ngoài.

“Tôi cũng thế, cậu ạ. Tôi cũng thế!” Ông nháy mắt với tôi.

“Paris phóng túng hả?” tôi hỏi, nháy mắt đáp lại.

“Tôi đã ao ước được đến đây. Không, chỉ là chuyến đi một ngày đến Boulogne thôi.”

Ông thúc cùi chỏ vào hông tôi (rất giống bà McNaughton!).

“Không dắt vợ theo. Cặp kè cùng một cô bé xinh xắn. Tóc vàng. Số đo nóng bỏng.”

“Một chuyến đi công tác hả?” tôi hỏi. Cả hai cùng cười vang như mọi đàn ông trên cõi đời này.

Ông ta đi tới nhà số 61, còn tôi thì bước tiếp về phía đường Albany.

Tôi không thỏa mãn với chính mình. Như Poirot đã nói, đáng lẽ phải thu được nhiều hơn từ các nhà hàng xóm. Rõ ràng không hợp lẽ tự nhiên khi không một ai từng thấy gì cả! Có lẽ Hardcastle đã hỏi sai. Nhưng tôi có thể nghĩ ra câu hỏi nào hay hơn hay không? Trong khi rẽ qua đường Albany, tôi lập trong đầu mình một danh sách những câu hỏi. Lần lượt những câu đó như thế này: ++“Ông Curry (Castleton) đã bị đánh thuốc mê — Khi nào? Người kể trên đã bị giết — Ở đâu? Ông Curry (Castleton) đã được đưa đến nhà số 19 — Như thế nào? Có người nào hẳn đã thấy gì đó! — Ai? Điều hẳn thấy — Là cái gì?”

Tôi lại rẽ trái. Giờ đây tôi đang bước đi trên đường Wilbraham Crescent đúng y như đã bước đi vào hôm 9 tháng 9. Tôi có nên ghé vào nhà cô Pebmarsh hay không? Bấm chuông và nói — chà, tôi nên nói gì đây?

Viếng nhà cô Waterhouse? Nhưng tôi có thể nói cái quái gì với bà ta chứ?

Có lẽ là bà Hemming? Nói với bà ta chẳng có tác dụng gì nhiều. Bà ta có thèm nghe đâu, và điều bà đã nói, dù ngẫu nhiên và không liên quan, *không chừng* lại đưa đến một điều gì đó.

Tôi vừa bước đi vừa nhắm trong đầu mình các số nhà như trước đây từng làm. Có phải ông Curry quá cố đã tới đây, cũng để ý đến số nhà, cho tới khi đến số nhà mình định viếng thăm?

Wilbraham Crescent chưa bao giờ trông có vẻ đạo mạo nghiêm trang hơn. Gần như tôi nghe tiếng chính mình đang kêu lên theo kiểu thời Victoria: “Ôi, giá mà hòn đá cũng biết nói năng!” Đó là câu trích dẫn được

ưa thích nhất thời ấy. Hình như vậy. Nhưng mà đá đầu có nói, gạch và xi măng cũng chẳng hơn gì. Thậm chí cả thạch cao lẫn vữa cũng thế. Wilbraham Crescent vẫn cứ im lìm là chính nó.

Kiểu dáng cổ xưa, cách biệt, khá tồi tàn và chẳng thêm trò chuyện. Tôi chắc chắn nó cực lực phản đối những kẻ lang thang đầu đường xó chợ thậm chí chẳng biết mình đang tìm kiếm cái gì nữa.

Chỉ có vài người quanh đó. Hai thằng nhỏ cưỡi xe đạp, hai người đàn bà xách túi đi mua sắm. Chính những ngôi nhà có thể đã được ướp như những xác ướp để giữ lại tất cả những dấu hiệu của sự sống có trong đó. Tôi biết tại sao lại thế. Đã đến rồi hay gần đến một giờ giấc thiêng liêng của người ta, một giờ giấc đã được truyền thống Anh thần thánh hóa để người ta tiêu hóa bữa ăn trưa. Trong một hay hai ngôi nhà tôi có thể thấy qua những cửa sổ không che màn một nhóm một hay hai người quanh bàn ăn, nhưng ngay cả chuyện ấy cũng cực kỳ hiếm hoi. Hoặc là các cửa sổ được phủ màn nylon che kín như đối nghịch với màn vải ren Nottingham đã có thời được dùng rất phổ biến, hoặc nhiều khả năng hơn nữa — bất cứ ai có ở nhà đều đang ăn trong bếp “hiện đại” theo tập tục của thập niên 1960.

Tôi trầm ngâm suy nghĩ, đó là khoảng thời gian trong ngày hoàn hảo cho một án mạng. Tôi tự hỏi kẻ giết người có từng nghĩ vậy không? Có phải đó là một phần trong kế hoạch của hắn? Cuối cùng tôi đã đến nhà số 19.

Cũng như quá nhiều thành viên khờ dại khác trong dân chúng, tôi cứ đứng ngó trân trân. Lúc bảy giờ chẳng thấy bóng dáng một con người nào khác. “Chẳng có láng giềng nào cả,” tôi buồn rầu tự nhủ, “chẳng có người xem thông minh nào.”

Tôi cảm thấy vai mình đau nhói. Tôi đã sai lầm. Ở đây có một láng giềng, đúng vậy, một láng giềng rất có ích giá như từng biết nói. Tôi đã dựa vào cột cổng nhà số 20 và cũng con mèo lông vàng cam to lớn tôi từng thấy trước đó đang ngồi trên cột cổng. Tôi dừng lại trao đổi vài lời với nó, trước hết gỡ cái móng vuốt tinh nghịch của nó ra khỏi vai mình.

“Giá mà mèo biết nói nhỉ,” tôi tặng nó vài lời để mở đầu câu chuyện.

Con mèo vàng cam mở miệng kêu to một tiếng meo meo du dương êm ái.

“Tao biết mày có thể mà,” tôi nói. “Tao biết mày cũng có thể nói lưu loát như tao. Nhưng mày đang nói không phải ngôn ngữ của tao. Có phải hôm ấy mày cũng ngồi ở đây? Mày có thấy ai đã đi vào hay ra khỏi nhà ấy hay không? Mày có biết tất cả những chuyện đã xảy ra hay không? Tao sẽ không để cho nó qua mặt mày đâu, miu à.”

Con mèo xem nhận xét của tôi là lời thoại của một vai diễn tồi. Nó quay lưng lại với tôi và bắt đầu ve vẩy cái đuôi.

“Xin lỗi bộ hạ,” tôi nói.

Nó ngoái đầu lại lạnh lùng nhìn tôi, rồi bắt đầu tự rửa ráy một cách siêng năng. Láng giềng ôi, tôi trầm tư suy nghĩ một cách đắng cay! Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, các láng giềng ở Wilbraham Crescent chẳng cung cấp được gì. Điều tôi đã muốn — điều Hardcastle đã muốn — là một lão phu nhân nào đó chuyên ngồi lê đôi mách, ưa nhòm ngó rình mò, có thời gian trữu nặng trên hai tay. Lúc nào cũng mong nhìn ra và thấy điều gì đó xấu xa nhục nhã. Rắc rối là hạng lão phu nhân ấy ngày nay hình như chết hết cả rồi. Hết thấy các bà ấy vẫn ngồi túm năm tụm ba trong nhà dưỡng lão với mọi nguồn an ủi dành cho tuổi già, hay vào các bệnh viện đông người nơi giường bệnh là nhu cầu cấp thiết của những người thật sự đau ốm. Những người què quặt, khập khiễng và người già không còn sống trong nhà mình nữa, chẳng còn được một gia nhân trung thành hay một người bà con khờ khạo nào đó chăm sóc, vui lòng có được một ngôi nhà tử tế. Đó là một bước thụt lùi nghiêm trọng trong công tác điều tra hình sự.

Tôi ngó sang bên kia đường. Tại sao bên đó lại không thể có nhà láng giềng nào hết? Tại sao không thể có một dãy nhà sạch sẽ gọn gàng đối diện với tôi, thay vì một khối cao ốc bằng bê-tông vô hồn? Một kiểu tổ ong đầy ắp con người, không còn nghi ngờ gì nữa, trong ấy cư ngụ những ong thợ suốt ngày ra ngoài và chỉ trở về vào buổi tối để trông chừng mấy đứa con hay trang điểm dung nhan rồi ra ngoài gặp gỡ các chàng trai trẻ của mình. Tôi gần như bắt đầu có cảm tình với vẻ hào hoa phong nhã thời Victoria đã

phai tàn của Wilbraham Crescent vì nó trái ngược hẳn với những căn hộ vô hồn ấy.

Mắt tôi bắt gặp một ánh chớp ở đâu đó nửa đường ngo lên cao ốc. Nó khiến tôi rối trí. Tôi ngo lên chăm chặp. Phải, nó lại đến nữa kìa. Một cửa sổ đang mở và một người đang nhìn qua đó. Một khuôn mặt bị vật gì đó giơ lên xóa nhòa đi một chút. Ánh chớp lại loé lên. Tôi thọc tay vào túi quần. Tôi thường giữ rất nhiều đồ vật trong các túi của mình, những món có thể có ích. Hẳn ta sẽ ngạc nhiên vì đôi khi có món đồ có ích. Một băng dính nhỏ xíu. Vài dụng cụ trông có vẻ hoàn toàn vô dụng nhưng lại có khả năng mở hầu hết các cánh cửa khóa chặt, một cái lon thiếc đựng bột xám có nhãn hiệu không đúng với nó cùng một cái bơm phun bột ấy để lấy dấu vân tay, và một hay hai đồ dùng nhỏ xíu hầu như người ta chẳng biết là cái gì. Trong số các đồ vật khác tôi có một ống kính ngắm chim bỏ túi. Không ngắm được quá cao nhưng sử dụng cũng khá tốt. Tôi lấy nó ra và nâng lên ngang tầm mắt.

Có một đứa nhỏ trong khung cửa sổ. Tôi thấy được một bím tóc dài phủ xuống một bờ vai. Cô bé có một cặp ống nhòm nhỏ dùng để xem opera và cô đang nghiên cứu tôi có thể nói là chăm chú nhưng chỉ để cho vui vậ thôi. Tuy thế, vì chẳng có gì khác để nhìn ngắm nên cũng có thể không phải chỉ để làm vui như trông có vẻ như thế. Vừa lúc đó ở Wilbraham Crescent lại có một trò tiêu khiển giữa trưa khác.

Một chiếc Rolls-Royce cũ mèm chạy tới nơi do một tài xế rất cao tuổi lái. Trông bác ta có vẻ đứng đắn nhưng khá chán đời. Bác đi ngang qua chỗ tôi với vẻ long trọng của cả đoàn xe hơi đang diễu hành. Quan sát viên nhí của tôi, tôi để ý thấy giờ đây đã chuyển ống kính sang bác tài. Tôi đứng đó, suy nghĩ.

Tôi vẫn luôn có niềm tin, hễ anh chịu khó chờ đủ lâu nhất định sẽ gặp được điều may mắn nào đó. Một điều anh không thể nào trông mong và chưa bao giờ nghĩ đến, nhưng vẫn xảy ra. Phải chăng có khả năng đây có lẽ là may mắn của tôi? Lại nhìn lên chung cư to vuông vức, tôi để ý thật kỹ lưỡng vị trí của cửa sổ mình đặc biệt quan tâm, đếm từ đó qua hai đầu

chung cư và đếm từ dưới đất lên. Tầng ba. Sau đó tôi đi dọc theo con đường tới tận cổng chung cư. Bên trong có một con đường trải rộng vòng quanh cao ốc với những thảm hoa cách quãng nhau một cách gọn gàng ở những vị trí chiến lược trên bãi cỏ.

Tôi nhận thấy cứ theo dõi xuyên suốt tất cả các động thái lúc nào cũng tốt, vì vậy tôi bước ra khỏi con đường giữa vườn hoa ấy đi về phía chung cư, ngược nhìn lên phía trên đầu mình như thể giật mình kinh ngạc, cúi xuống bãi cỏ, giả đồ lòng sục khắp nơi và sau cùng đứng thẳng dậy, rõ ràng chuyển cái gì đó từ bàn tay vào túi của mình.

Tôi cứ tưởng ban ngày hầu như lúc nào ở đây cũng có người gác cửa, nhưng vào thời khắc thiêng liêng từ một đến hai giờ, đại sảnh ở cửa vào vắng tanh. Có một cái chuông bên trên có tấm bảng lớn đề chữ GÁC CỔNG, nhưng tôi không bấm chuông. Có một thang máy và tôi đi tới đó, rồi bấm nút để lên tầng ba.

Từ bên ngoài tưởng chừng xác định vị trí một căn phòng đặc biệt có vẻ khá đơn giản, nhưng khi vào bên trong một cao ốc thì thật là rối rắm. Tuy nhiên trong đời mình tôi đã rất nhiều lần thực hành những tình huống tương tự nên tôi khá chắc chắn mình đã đến đúng cửa. Con số trên đó dù tốt xấu gì cũng là 77. “À,” tôi nghĩ, “những số bảy là may mắn. Cứ thử đi.” Tôi bấm chuông rồi bước lùi lại để chờ xem chuyện gì sẽ đến.

Lời kể của Colin Lamb

Tôi phải đợi chừng một hay hai phút gì đó, rồi cửa mới mở ra.

Một cô gái người Bắc Âu tóc vàng, dáng người to lớn, mặt ửng đỏ, mặc bộ quần áo màu sắc rực rỡ nhìn tôi có ý dò hỏi. Dầu cô đã vội vàng lau chùi đôi tay nhưng vẫn còn dính vết bột mì và có cả một vệt bột mì tí xíu trên mũi cô, vì thế tôi dễ dàng đoán được cô đang làm gì.

“Xin lỗi,” tôi nói, “hình như ở đây có một bé gái. Cô bé đã đánh rơi một vật ra ngoài cửa sổ.”

Cô mỉm cười với tôi. Tiếng Anh không phải là thế mạnh của cô ta.

“Tôi xin lỗi — ông nói gì?”

“Một đứa bé ở đây—một cô bé.”

”Vâng, vâng.” Cô gật đầu.

“Làm rớt đồ ra ngoài cửa sổ.”

Nói đến đây tôi làm vài điệu bộ.

“Tôi đã nhặt và đem lên.”

Tôi chìa ra một bàn tay mở rộng. Trong đó có một con dao gọt trái cây bằng bạc. Cô ngó nó, không nhận ra.

“Tôi không nghĩ là — tôi không thấy...”

“Cô đang bận nấu ăn,” tôi tỏ ra thông cảm.

“Vâng, phải, tôi nấu ăn. Đúng đấy.” Cô gật đầu lia lịa.

“Tôi không muốn quấy rầy cô,” tôi nói. “Để tôi đưa nó cho cô bé, được không?”

“Xin lỗi?”

Hình như cô đã hiểu ý của tôi. Cô dẫn đường băng qua sảnh rồi mở một cánh cửa. Nó dẫn vào một phòng khách trông rất vui mắt. Cạnh cửa sổ là một tràng kỷ được kê lên và có một đĩa nhỏ độ chín, mười tuổi, một chân bó bột, đang ngồi trên đó.

“Quý ông này đây, ông này nói em đánh rớt...”

Ngay lúc đó thật may mắn, một mùi cháy khét nồng nặc bay ra từ nhà bếp. Cô dẫn đường cho tôi kêu lên thảng thốt: “Xin lỗi, xin thứ lỗi.”

“Cô cứ đi đi,” tôi nói rất chân tình, “tôi lo liệu được mà.”

Cô lệ làng bỏ chạy. Tôi vào phòng, đóng cửa lại rồi đi tới tràng kỷ.

“Xin chào.”

Đứa nhỏ đáp lại, “Xin chào” và cứ liếc nhìn tôi soi mói dò xét thật lâu, khiến tôi hơi chột dạ. Cô bé khá giản dị với mái tóc chải thẳng thơm màu xám thắt lại thành hai cái bím. Trán vồ, cằm nhọn và một cặp mắt xám rất thông minh.

“Tôi là Colin Lamb,” tôi nói. “Bé tên là?”

Nó cung cấp thông tin cho tôi thật mau lẹ.

“Geraldine Mary Alexandra Brown.”

“Trời ôi,” tôi kêu lên, “hoàn toàn không giống cái tên chút xíu nào. Họ thường gọi em là gì hả?”

“Geraldine. Đôi khi là Gerry, nhưng em chả thích. Bố em cũng chả đồng ý gọi tên văn tắt đâu ạ.”

Một trong những lợi thế tuyệt vời khi làm việc với trẻ con là chúng thường có logic riêng của chúng. Bất cứ người lớn nào cũng đều sẽ ngay lập tức hỏi tôi rằng tôi muốn cái gì. Con bé này lại hoàn toàn sẵn sàng đi thẳng vào cuộc nói chuyện mà không cần đến những câu hỏi ngu ngơ ngớ ngẩn. Nó đang ở một mình và buồn chán, nên khách viếng nhà bất cứ kiểu

nào có sẵn số hỏi han vẫn được hoan nghênh vì đó là điều mới lạ. Cho tới khi tôi tự chứng tỏ mình là một gã nói chuyện không vui và chán ngắt, nó vẫn hết sức sẵn sàng trò chuyện.

“Chắc bố em ra ngoài rồi hả?” tôi hỏi.

Con bé đáp lại cũng nhanh lẹ và đầy đủ chi tiết như đã thể hiện trước đó.

“Công xưởng Cartinghaven ở Beaverbridge. Cách đây đúng mười bốn dặm ba phần tư ạ.”

“Còn mẹ em?”

“Mẹ chết rồi,” Geraldine đáp, niềm hân hoan vẫn không hề suy giảm. “Bà chết lúc em mới hai tháng tuổi. Mẹ đi máy bay từ Pháp đến. Máy bay bị rơi và mọi người đều chết cả.”

Nó nói với đôi chút mãn nguyện khiến tôi cảm thấy với một đứa nhỏ nếu mẹ nó đã chết đi, điều ấy phản ánh một vinh quang nào đó nếu như bà ta bị chết trong một tai nạn hủy diệt toàn bộ.

“Tôi hiểu rồi,” tôi nói. “Vì thế mà em mới có...”

Tôi nhìn về phía cửa phòng.

“Đó là Ingrid. Chị ấy đến từ Na Uy. Mới có nửa tháng nay thôi. Chị ấy chưa nói được tiếng Anh. Em đang dạy tiếng Anh cho chị ấy.”

“Và chị ấy dạy tiếng Na Uy cho em hả?”

“Không nhiều lắm,” con bé đáp.

“Em có thích chị ấy không?”

“Có ạ. Chị cũng được lắm. Đôi lúc món chị nấu khá kỳ quái. Anh biết không, chị ấy thích ăn cá sống.”

“Anh từng ăn cá sống ở Na Uy,” tôi nói. “Đôi khi cũng rất ngon.”

Geraldine có vẻ vô cùng hoài nghi điều ấy.

“Hôm nay chị ấy đang cố làm bánh tạt nhân mật đường đấy ạ,” nó nói tiếp.

“Mới nghe đã thấy ngon rồi.”

“Ừm — vâng, em thích bánh tạt nhân mật đường.” Nó lễ phép nói thêm, “Có phải anh đến để ăn trưa không ạ?”

“Không em. Thật ra vừa rồi anh đi ngang qua bên dưới nơi này và có lẽ em đã đánh rơi một vật ra ngoài cửa sổ.”

“Em á?”

“Phải.” Tôi đưa ra con dao gọt trái cây bằng bạc.

Con bé nhìn nó, mới đầu có vẻ ngờ vực nhưng rồi lại có những dấu hiệu bằng lòng.

“Cũng khá đẹp đấy. Cái gì thế?”

“Đây là một con dao gọt trái cây.”

Tôi mở con dao ra.

“À, em hiểu rồi. Anh muốn nói có thể dùng nó gọt vỏ táo và những thứ tương tự.”

“Phải.”

Con bé thở dài.

“Không phải của em. Em không hề đánh rơi con dao này. Điều gì khiến anh nghĩ em đã đánh rơi?”

“À, lúc ấy em đang nhìn ra cửa sổ và...”

“Hầu như lúc nào em cũng nhìn ra cửa sổ,” Geraldine nói. “Em đã bị ngã gãy chân, anh thấy rồi đấy.”

“Thật không may!”

“Vâng, chẳng phải thế sao? Dù sao cũng bị gãy chân theo cách chẳng hay ho gì. Em vừa bước xuống xe buýt thì bất thành linh xe tiếp tục chạy tới. Ban đầu cũng khá đau và hơi nhức nhối, nhưng bây giờ đã hết đau nhức rồi.”

“Với em chắc hẳn khá buồn chán,” tôi nói.

“Vâng, đúng thế. Nhưng bố thường mang đến cho em nhiều thứ. Chất dẻo để nặn hình, anh biết đấy, sách và bút chì màu, trò chơi ghép hình và các món đồ tương tự như thế, nhưng chơi mãi cũng chán nên em dành phần lớn thời gian để nhìn ra cửa sổ với cái này này.”

Vô cùng tự hào nó đưa ra một cặp ống nhòm để xem opera.

“Cho anh xem với, có được không?” tôi hỏi.

Tôi cầm lấy ống nhòm từ tay cô bé, đưa lên vừa tầm mắt rồi nhìn ra bên ngoài cửa sổ.

“Hay quá ta!” tôi khen.

Quả đúng thế, rất tuyệt. Bố của con bé, nếu đúng là đã cung cấp món đồ này, hẳn đã không tiếc tiền. Thật đáng kinh ngạc vì anh có thể nhìn thấy thật rõ nhà số 19, Wilbraham Crescent, và các nhà lân cận. Tôi trao cặp ống nhòm lại cho con bé.

“Rất tuyệt,” tôi nói. “Hạng nhất đó.”

“Nó rất bảnh,” Geraldine nói với vẻ tự hào. “Không phải đồ chơi cho các em bé và không phải giả vờ xem chơi đâu nhé.”

“Đúng... anh thấy vậy.”

“Em có giữ một quyển sổ nhỏ,” Geraldine nói tiếp.

Nó đưa quyển sổ cho tôi xem.

“Em ghi chép vào đây chuyện này chuyện nọ cùng với giờ giấc. Giống như lúc nhàn rỗi người ta có cái thú vui ghi nhận con số của các đầu máy xe lửa,” nó nói thêm. “Anh họ em tên là Dick hay chơi trò ghi số tàu hỏa. Bọn em còn ghi cả số xe ô tô nữa.”

“Một trò giải trí khá hay,” tôi nhận xét.

“Vâng, đúng thế. Thật không may gần đây chẳng có nhiều ô tô chạy trên đường này, nên hầu như em đã bỏ không ghi lại nữa.”

“Chắc em phải biết rõ mọi chuyện về những ngôi nhà dưới kia, những ai sống trong ấy và đủ thứ chuyện nữa.”

Tôi tuôn ra những lời này khá ngẫu nhiên, nhưng cô bé lại phản ứng thật nhanh.

“Có chứ ạ. Dĩ nhiên em chẳng biết tên thật của họ, bởi thế em phải cho họ những cái tên tự mình đặt ra.”

“Chắc vui lắm,” tôi nói.

“Bà Hầu tước Carrabas ở dưới kia,” con bé vừa nói vừa chỉ trỏ. “Cái nhà toàn cây cối um tùm chả chịu cắt xén gọn gàng. Anh biết rồi đấy, giống như truyện Mèo đi hia. Bầy mèo của bà ấy đông quá trời đông.”

“Anh vừa mới nói chuyện với một con, con mèo vàng cam ấy.”

“Vâng, em đã thấy anh.”

“Hắn em tinh mắt lắm,” tôi nhận xét. “Anh mong là em không bỏ sót nhiều điều, phải vậy không?”

Geraldine mỉm cười có vẻ hài lòng. Cô Ingrid mở cửa đi vào, thở không ra hơi.

“Em vẫn ổn, hỉ?”

“Bọn em vẫn ổn,” con bé quả quyết. “Chị không cần phải lo đâu, Ingrid.” Nó gật đầu thật mạnh rồi quơ hai bàn tay ra hiệu.

“Chị nấu ăn tiếp đi.”

“Tốt quá, chị đi nấu tiếp đây. Rất hay là em có khách.”

“Chị ấy thường căng thẳng khi làm bếp,” Geraldine giải thích. “Em muốn nói khi chị ấy đang thử làm một món mới. Và đôi khi nhà em dùng bữa rất muộn vì lẽ ấy. Em rất vui có anh đến chơi. Có người cho mình xao lãng, không nghĩ đến chuyện đang đói bụng hay quá.”

“Hãy kể cho anh nghe thêm về người trong những ngôi nhà dưới đó đi,” tôi bảo, “và em đã thấy gì. Ai sống trong ngôi nhà kế đó — ngôi nhà ngăn nắp ấy?”

“Ôi, có một bà mù ở đấy. Bà ấy mù hoàn toàn, tuy thế vẫn đi lại bình thường như thể vẫn nhìn thấy đường. Chú gác cửa bảo em thế. Chú ấy tên là Harry. Chú rất tử tế. Chú Harry ấy. Chú kể cho em nghe rất nhiều chuyện, về vụ giết người.”

“Giết người sao?” giọng tôi hỏi nghe có vẻ kinh ngạc, rất thích hợp với tình huống này.

Con nhỏ gật đầu. Mắt nó rục sáng lên bởi tính chất quan trọng của những thông tin nó sắp sửa truyền đạt.

“Có một vụ giết người trong nhà ấy. Thực ra em đã nhìn thấy.”

“Ui, vậy sao!”

“Vâng, chẳng phải thế sao? Trước giờ em chưa từng nhìn thấy một vụ giết người. Ý em muốn nói chưa từng thấy nơi xảy ra án mạng.”

“Em đã — ơ — thấy gì?”

“À, lúc ấy chẳng có chuyện gì xảy ra. Anh biết mà, lúc đó là một giờ hầu như vắng vẻ trong ngày.”

“Chuyện hấp dẫn xảy ra lúc nào?”

“Ai đẩy từ trong nhà vội vàng chạy ra và la hét. Bởi thế dĩ nhiên em biết chắc hẳn đã có chuyện gì đấy xảy ra.”

“Ai la hét?”

“Là một phụ nữ. Cô ta còn trẻ lắm, thật sự khá xinh đẹp. Cô ta ra khỏi cửa và cứ la hét, la hét mãi. Có một thanh niên đang đi trên đường. Cô ấy nhào ra khỏi cổng và gần như giữ chặt lấy anh ta — như thế này này.” Nó làm một điệu bộ với hai cánh tay. Bất chợt nó liếc nhìn tôi chăm chú. “Trông anh ta có vẻ khá giống anh đó đấy.”

“Chắc người giống người thôi,” tôi nói nhẹ nhàng. “Rồi tiếp sau đó là chuyện gì? Chuyện này rất hấp dẫn.”

“À, anh ta gần như đẩy cô ngồi phịch xuống. Anh biết không, trên mặt đất ấy, và rồi anh ta đi vào trong nhà. Còn Hoàng Đế — tức là con mèo lông vàng cam, em vẫn luôn gọi nó là Hoàng Đế vì trông nó có vẻ quá sức kiêu hãnh — nó thôi không liếm láp nữa và trông có vẻ hết sức kinh ngạc. Rồi sau đấy Cô Cán Giáo ra khỏi nhà mình — là nhà số 18 ấy — bà ta đi ra rồi đứng trên thềm nhà nhìn chăm chú.”

“Cô Cán Giáo hả?”

“Em gọi bà ta là Cô Cán Giáo vì bà ta thẳng đuột. Bà ta có một ông em, và thường hay bắt nạt ông ấy.”

“Nói tiếp đi,” tôi nói một cách quan tâm.

“Rồi sau đó đủ thứ chuyện đã xảy ra. Người đàn ông từ trong nhà trở ra — Anh chắc chắn đó không phải là anh chứ?”

“Anh là một anh chàng trông rất bình thường,” tôi khiêm tốn nói, “có nhiều người giống anh lắm.”

“Vâng, cứ cho là đúng thế đi,” Geraldine nói có phần thẳng thắn. “À, dù sao đi nữa cũng là người ấy, anh ta bỏ đi về phía cuối đường và gọi điện

thoại từ buồng gọi ở dưới ấy. Ngay sau đó cảnh sát bắt đầu tới nơi.” Đôi mắt nó lấp lánh. “Rất nhiều cảnh sát. Và họ đưa cái xác chết đi trong một kiểu xe cấp cứu. Dĩ nhiên lúc ấy có rất đông người giương mắt nhìn, anh biết rồi đấy. Em cũng thấy chú Harry ở đó. Là chú gác cửa của chung cư này. Sau đó chú đã kể chuyện cho em nghe.”

“Ông ấy có nói với em ai đã bị giết không hả?”

“Chú chỉ nói đó là một người đàn ông. Chẳng ai biết tên ông ta cả.”

“Toàn bộ chuyện này rất thú vị,” tôi nói.

Tôi tha thiết nguyện cầu sao cho Ingrid đừng chọn phút giây này để lại đi vào với một cái bánh tạt mật đường ngon lành hay những món ngon ngọt khác.

“Nhưng hãy lùi về trước đó một chút! Hãy kể chuyện xảy ra trước đó! Em có thấy người này — người đàn ông bị sát hại ấy — em có thấy ông ta tới nhà đó không?”

“Không, em không thấy. Em cho rằng ông ta hẳn đã ở đấy suốt.”

“Em muốn nói ông ta sống ở đó hả?”

“Ồ không, chả có ai sống ở đấy ngoài cô Pebmarsh.”

“Vậy là em biết tên thật của bà ta à?”

“Dạ biết chứ. Em đọc trên báo mà. Về vụ giết người. Cô gái la hét tên là Sheila Webb. Chú Harry cho em biết người bị giết tên Curry. Đó là một cái tên buồn cười, phải không? Như là một món ăn. Còn có án mạng thứ nhì nữa, anh biết đấy. Không phải cùng một ngày — về sau — trong buồng điện thoại khúc cuối đường. Từ đây em có thể nhìn thấy nó, đúng, nhưng em phải thò đầu ra ngoài cửa sổ rồi ngoái cổ nhìn. Dĩ nhiên thật ra em không có nhìn thấy vụ ấy, là vì — em muốn nói giá như em biết trước nó sẽ xảy ra, hẳn em đã nhìn rồi. Nhưng dĩ nhiên là em không biết nên không có nhìn. Buổi sáng hôm ấy rất nhiều người cứ đứng đấy ở ngoài đường nhìn vào nhà đối diện. Em nghĩ thật ngu xuẩn, anh không nghĩ thế sao?”

“Phải,” tôi đáp, “rất ngu xuẩn.”

Tới đây Ingrid lần nữa lại xuất hiện.

“Chị dọn ngay thôi,” cô trấn an. “Chị dọn ngay bây giờ đây.”

Cô lại đi ra. Geraldine nói: “Thật ra nhà em chả muốn thuê chị ấy. Chị cứ lo lắng về các bữa ăn. Dĩ nhiên đây là bữa duy nhất chị phải nấu ngoài bữa điểm tâm. Bố thường đi ăn nhà hàng vào buổi tối, và mua về cho em. Chỉ là cá hay món gì đấy. Không phải một bữa ăn tối thực thụ.” Giọng nó nói nghe có vẻ thèm thuồng.

“Em thường ăn trưa lúc mấy giờ, hả Geraldine?”

“Anh muốn nói bữa ăn chính, phải không? Đây là bữa ăn chính của em. Em không dùng bữa chính vào chiều tối. Đó là bữa súp. À, thật ra em dùng bữa chính bất cứ lúc nào Ingrid tình cờ đã nấu xong, về giờ giấc chị ấy khá kỳ khôi. Chị phải chuẩn bị sẵn sàng bữa điểm tâm đúng giờ vì bố đâm ra quá bực mình, bữa ăn giữa trưa thường ăn bất cứ lúc nào, có khi ăn lúc mười hai giờ, và có khi mãi tới hai giờ mới được ăn. Ingrid bảo đừng dùng bữa vào một giờ nhất định, khi nào có thì cứ ăn.”

“À, đó là một ý tưởng dễ dãi,” tôi nói. “Em đã dùng bữa trưa — bữa ăn chính lúc mấy giờ— anh muốn nói vào ngày xảy ra án mạng ấy?”

“Hôm ấy ăn lúc mười hai giờ. Anh biết không, hôm ấy Ingrid ra ngoài. Chị ấy đi xem phim hay làm tóc, và một bà tên Perry đến ở cùng em. Bà ta thật kinh khủng, thật đấy. Hay vỗ vỗ người ta.”

“Vỗ vỗ người ta sao?” tôi hơi khó hiểu.

“Anh biết đấy, vỗ nhẹ lên đầu. Nói kiểu ‘bé cưng ơi’. Bà ta không phải,” Geraldine nói, “hạng người mà anh có thể trò chuyện thỏa thích. Nhưng bà thường đem cho em bánh kẹo và những của ngon ngọt như thế.”

“Em mấy tuổi rồi, Geraldine?”

“Em mười tuổi. Mười tuổi ba tháng.”

“Anh thấy hình như em nói chuyện rất khôn ngoan,” tôi nhận xét.

“Đó là vì em phải nói chuyện rất nhiều với bố,” con nhỏ nói thật trang nghiêm.

“Vậy là vào ngày xảy ra án mạng em đã ăn bữa chính sớm?”

“Vâng, như thế Ingrid có thể rửa bát đĩa xong xuôi và về ngay sau một giờ.”

“Như thế sáng hôm ấy em đã nhìn ra ngoài cửa sổ để quan sát người ta.”

“Vâng ạ, phần nào thời gian thôi. Lúc còn sớm, chừng mười giờ, em chơi giải ô chữ.”

“Anh vẫn tự hỏi có khả năng em đã thấy ông Curry đến nhà ấy hay không?”

Geraldine lắc đầu.

“Không, em không thấy. Kỳ thiệt, em đồng ý.”

“À, có lẽ ông ta tới đó rất sớm.”

“Ông ấy đã không đến cửa trước và bấm chuông. Lẽ ra em phải thấy chứ.”

“Có lẽ ông ta đã vào qua khu vườn. Ý anh là các bên khác của ngôi nhà.”

“Không phải đâu,” Geraldine nói. “Nhà đó tựa lưng vào các nhà khác. Họ không muốn ai đi qua vườn nhà họ đâu.”

“Ừ nhỉ, chắc họ không muốn đâu.”

“Giá mà em biết được ông ấy trông như thế nào nhỉ,” con bé nói.

“À, ông ta già lắm rồi. Chừng sáu chục tuổi. Cạo râu nhẵn nhụi và mặc một bộ com-lê màu xám sẫm.”

Geraldine lắc đầu.

“Nghe có vẻ hết sức bình thường,” nó nói với vẻ không tán đồng.

“Dù sao,” tôi nói, “anh cho rằng em khó mà nhớ đúng chuyện ngày này phân biệt với ngày khác, khi em cứ nằm đây và lúc nào cũng nhìn ngẫm.”

“Chả khó khăn gì hết.” Con bé nổi giận vì lời thách đố. “Em có thể kể anh nghe mọi điều về sáng hôm ấy. Em biết bà Cua đến lúc nào và bà ta ra về lúc nào.”

“Đó là người đàn bà dọn vệ sinh hằng ngày, phải không?”

“Phải, bà ta đi hấp tấp giống y một con cua. Bà ta có một thằng con. Đôi khi bà mang nó theo, nhưng hôm ấy thì không. Rồi sau đấy cô Pebmarsh đi ra ngoài khoảng chừng mười giờ. Bà đi dạy trẻ con ở một trường mù. Bà

Cua ra về khoảng chừng mười hai giờ. Đôi khi bà cầm về một cái gói mà khi đến bà chẳng có. Những mẫu bơ và phô mai, em nghĩ thế, vì chủ nhà không thấy được. Em đặc biệt biết rõ những gì xảy ra hôm ấy, vì chị giúp việc và em vừa có chuyện cãi nhau nho nhỏ, nên chị ấy chẳng chịu nói chuyện với em. Em đang dạy chị ấy tiếng Anh, và chị muốn biết phải nói ‘cho tới khi chúng ta gặp lại’ như thế nào. Chị phải nói câu ấy với em bằng tiếng Đức. *Aufwiedersehen*. Em biết câu ấy vì đã một lần đến Thụy Sĩ, ở đấy người ta nói như thế. Và họ còn nói *Gruss Gott* nữa. Nếu anh nói bằng tiếng Anh thì câu đó là ‘that’s rude’.”

“Thế em bảo Ingrid nói gì?”

Geraldine bật cười khúc khích thật ranh mãnh. Nó định mở miệng nói nhưng bị trận cười khúc khích ngăn cản lại. Rồi cuối cùng nó cũng thốt nên lời: “Em bảo chị ta nói: ‘*Get the hell out of here!*’ Thế là chị ta nói câu ấy với cô Bulstrode ở nhà kế bên, khiến bà ta điên tiết lên. Bởi thế Ingrid mới phát hiện ra và rất giận em. Hai bên không thân thiện với nhau, mãi gần đến giờ uống trà ngày hôm sau mới giảng hòa.”

Tôi chú ý ghi nhớ kỹ thông tin này.

“Vậy là em tập trung vào việc quan sát bằng ống nhòm xem opera hả?”

Con bé gật đầu.

“Đó là lý do làm sao mà em lại biết ông Curry không vào bằng cửa trước. Chắc có lẽ ông ấy đã vào bằng cách nào đó trong đêm và trốn ở gác mái. Anh nghĩ có thể như thế hay không?”

“Anh cho rằng chuyện gì cũng có khả năng, nhưng theo anh không thể nào như vậy.”

“Không thể ư,” con bé nói, “thế nào ông ta cũng bị đói bụng, phải không? Và ông ta không thể xin cô Pebmarsh cho ăn sáng, không thể nếu ông ta đang trốn bà ấy.”

“Và chẳng có ai tới nhà ấy hay sao?” tôi hỏi. “Hoàn toàn chẳng có ai ư? Chẳng có ai đi xe hơi — một chủ cửa hàng — những kẻ tới viếng nhà?”

“Chủ hiệu tạp hóa đến vào ngày thứ hai và thứ năm,” nó đáp, “còn người giao sữa thì đến lúc tám giờ rưỡi sáng.”

Con bé này đúng là một pho từ điển bách khoa.

“Cô Pebmarsh tự đi mua bông cải và các thứ. Hoàn toàn không có ai viếng nhà ngoài chủ hiệu giặt là. Đó là một hiệu giặt là mới.”

“Tiệm giặt ủi mới hả?”

Vâng. Thường vẫn là hiệu giặt Southern Downs. Hầu hết đều thuê hiệu Southern Downs. Hôm ấy là một hiệu giặt là mới — Hiệu giặt là Snowflake. Em chưa bao giờ trông thấy Hiệu Giặt là Snowflake này. Chắc hẳn họ chỉ vừa mới khai trương thôi.”

Tôi cố gắng hết sức kiềm chế không để giọng nói của mình lộ vẻ quan tâm thái quá. Tôi không muốn kích động để cô bé đặt chuyện.

“Tiệm ấy giao đồ đã giặt ủi hay tới lấy quần áo dơ?” tôi hỏi.

“Giao đồ,” con bé đáp. “Còn trong một cái sọt to tổ bố nữa. To hơn rất nhiều so với cái sọt thông thường.”

“Cô Pebmarsh có khiêng nó vào không?”

“Không, dĩ nhiên là không. Bà ấy đã lại ra ngoài rồi.”

“Chuyện này xảy ra lúc mấy giờ, hả Geraldine?”

“Đúng một giờ ba mươi lăm phút,” con bé đáp. “Em có ghi lại đây nè,” nó nói tiếp với vẻ tự hào.

Con bé với tay lấy một quyển sổ nhỏ, rồi mở ra, ngón tay khá dơ bẩn của nó chỉ vào một đề mục. 1 giờ 35 hiệu giặt là đã đến. Số 19.

“Em phải tới làm việc ở Scotland Yard thôi,” tôi nói.

“Ở đây cũng có nữ thám tử sao? Em thích lắm. Em không nói đến các nữ cảnh sát. Em nghĩ nữ cảnh sát ngu ngốc lắm.”

“Em chưa cho anh biết đích xác chuyện gì đã xảy ra khi tiệm giặt ủi tới.”

“Chả có gì xảy ra cả. Tài xế xuống xe, mở thùng chứa hàng, lôi ra cái sọt đó, loạng choạng bước vòng qua hông nhà đến cửa sau. Chắc ông ta không thể vào bên trong. Cô Pebmarsh có lẽ đã khóa cửa nên chắc là ông ta để nó lại đấy rồi đi về.”

“Trông anh ta ra sao hả?”

“Cũng bình thường thôi,” nó đáp.

“Như anh hả?” tôi hỏi.

“Ô không, già hơn anh nhiều, nhưng thật ra em chẳng trông thấy rõ, vì ông ta lái xe đến nhà ấy — thế này này.” Nó chỉ tay về bên phải. “Ông ta đã đỗ xe trước nhà số 19 mặc dù đang ở bên đường ngược chiều, nhưng không thành vấn đề với một con đường như thế này. Sau đó ông ta đi vào qua cổng nhà, cúi gập người trên cái sọt. Em chỉ có thể thấy đằng sau ót ông ta, và khi đi ra ông ta lại xoa mặt. Chắc ông ta thấy nóng nực, và cố khuan cái sọt ấy.”

“Rồi sau đó ông ta lại lái xe đi?”

“Vâng. Vì sao anh lại nghĩ chuyện ấy quá thú vị?”

“À, anh không biết,” tôi đáp. “Anh nghĩ có lẽ ông ta đã thấy điều gì đó đáng quan tâm.”

Cô giúp việc mở toang cánh cửa. Cô đang đẩy một chiếc xe thức ăn.

“Bây giờ chúng tôi ăn bữa chính,” cô gật đầu vui vẻ.

“Ngon quá,” Geraldine nói. “Em sắp chết đói rồi.”

Tôi đứng lên.

“Bây giờ anh phải đi đây. Tạm biệt Geraldine.”

“Tạm biệt. Còn cái này thì sao?” Cô bé cầm con dao gọt trái cây lên. “Không phải của em.” Giọng nó trở nên thêm thường, “ước gì là của em!”

“Có vẻ chẳng biết của ai, nhỉ?”

“Có phải đây là bắt được của báu, hay gì gì đấy không?”

“Có thể xem là thế,” tôi trả lời. “Tốt hơn hết em nên giữ lấy nó. Nghĩa là giữ lấy nó cho tới khi có người nào khác tới nhận lại. Nhưng anh không nghĩ,” tôi nói rất chân thành, “rằng có ai sẽ nhận lại nó.”

“Lấy cho em một quả táo đi, Ingrid!” Geraldine bảo.

“Táo à?”

“*Pomme! Apfel!*”

Cô bé dạy ngoại ngữ học thật giỏi. Tôi từ biệt hai người đang học tập.

Bà Rival đẩy cửa quán Peacock's Arms rồi hơi lão đảo tiến về phía quầy bán rượu. Bà đang làu bàu trong cổ họng. Vốn chẳng xa lạ gì với cái quán trọ đặc biệt này, bà được chủ quán chào đón vô cùng niềm nở.

“Sao rồi, Flo,” ông ta hỏi, “các quả lừa sao rồi?”

“Chả phải thế,” bà đáp. “Không ngay thẳng. Không, chả phải thế. Tôi biết mình đang nói chuyện gì mà Fred, và tôi bảo là chả phải thế.”

“Tất nhiên không phải rồi,” Fred nói để xoa dịu. “Tôi muốn biết là chuyện gì? Muốn như thường lệ hả bà bạn?” Bà ta gật đầu đồng ý. Bà trả tiền rồi bắt đầu hớp từng ngụm trong ly rượu của mình. Chủ quán đi chỗ khác để tiếp một khách hàng mới. Rượu uống vào khiến bà Rival phấn chấn lên một chút. Bà vẫn làu bàu trong cổ họng nhưng nét mặt đã vui tươi hơn. Khi chủ quán trở lại gần, bà ngỏ lời với ông ta dịu dàng hơn một chút.

“Dù sao chẳng nữa tôi sẽ không kiên nhẫn chịu đựng điều ấy. Không, không đâu. Nếu có một điều tôi không thể chịu đựng, đấy là lừa dối. Tôi không chịu nổi lừa dối, chưa bao giờ.”

“Tất nhiên bà không chịu nổi rồi,” Fred phụ họa.

Ông quan sát bà ta bằng con mắt thực tế. “Đã có nốc rượu rồi,” ông thầm nghĩ. “Tuy vậy chắc bà ấy có thể chịu được hai ly nữa. Có chuyện gì đó khiến bà ta rối tung rối mù cả lên.”

“Lừa dối,” bà Rival lặp bặp. “Nói quanh... nói quanh... à, ông biết tôi muốn nói chữ gì rồi.”

“Chắc chắn tôi biết,” Fred nói.

Ông quay đi để chào một khách quen khác. Bà Rival tiếp tục lầm bầm: “Tôi không thích và sẽ không chịu đựng điều ấy. Tôi sẽ nói như thế. Người ta không có quyền nghĩ rằng họ có thể đi đây đi đó mà đối xử với tôi như thế. Không, quả thật họ không thể. Tôi muốn nói là không đúng và nếu anh không tự bảo vệ mình, ai sẽ bảo vệ anh đây? Cho tôi một ly nữa đi, ông bạn ơi,” bà nói lớn giọng.

Chủ quán phục vụ ngay.

“Nếu tôi là bà, tôi sẽ về nhà sau chuyện ấy,” ông khuyên nhủ.

Ông tự hỏi chuyện gì đã làm cho bà gái già này bối rối quá thế. Bà ta thường khá điềm đạm. Một con người thân thiện, lúc nào cũng dễ bật cười.

“Chuyện ấy sẽ làm cho tôi tệ hại, Fred à. Ông thấy đấy,” bà nói. “Khi người ta yêu cầu anh làm một việc, họ sẽ kể cho anh nghe đầu đuôi câu chuyện ấy. Họ sẽ cho anh biết chuyện ấy có ý nghĩa gì và họ đang làm gì. Những kẻ dối trá. Những kẻ dối trá bản thủ đê tiện, tôi nói thế đấy. Tôi sẽ không chịu đựng đâu.”

“Tôi sẽ chuồn luôn về nhà nếu tôi là bà,” chủ quán nói khi quan sát thấy một giọt nước mắt chực rơi ra khỏi hàng mi đầy mascara. “Sắp mưa rồi đó, và còn mưa nặng hạt nữa. Cái mũ đẹp của bà hư mất.”

Bà khách hơi nhếch mép mỉm cười tán thưởng.

“Tôi vẫn luôn thích hoa thanh cúc,” bà nói. “Ồi giờ ôi, tôi chả biết phải làm gì nữa.”

“Về nhà và đánh một giấc thật ngon lành,” chủ quán tỏ ra tốt bụng.

“À, có lẽ thế, nhưng mà...”

“Bây giờ thì đi đi nào! Bà không muốn làm hư cái mũ đó đâu.”

“Rất đúng,” bà ta nói. “Vâng, đúng như thế. Đây là một — rất sâu... sâu sa — không, tôi không định nói thế — tôi muốn nói gì nhỉ?”

“Sâu Sắc, một lưu ý sâu sắc.”

“Cảm ơn ông rất nhiều.”

“Có gì đâu,” Fred nói.

Từ trên cái ghế cao bà Rival tuột xuống rồi hơi lão đảo đi về phía cửa quán.

“Đêm nay dường như có điều gì đó khiến bà già Flo bị bồn loạn,” một khách hàng nhận xét.

“Bà ấy thường cười nói vui vẻ như chim hót líu lo — nhưng chúng ta đều có lúc thế này, lúc thế kia,” một người đàn ông khác nói, một con người trông có vẻ u sầu.

Bà Rival đã ra khỏi quán Peacock’s Arms. Bà ngược mắt nhìn lên trời, có vẻ không chắc chắn, ừ, có lẽ trời sắp mưa rồi. Bà bước đi dọc theo con đường đó, hơi vội vã một chút, rẽ sang trái rồi sang phải và dừng lại trước một căn nhà trông khá dơ bẩn. Trong lúc bà rút chìa khóa ra và đi lên các bậc thềm trước nhà, một giọng nói vọng lên từ phía dưới, rồi một cái đầu thò ra quanh một góc cửa và ngược nhìn bà.

“Quý ông đợi bà trên lầu đó.”

“Đợi tôi ư?” giọng bà có vẻ hơi ngạc nhiên.

“À, nếu bà gọi ông là quý ông cũng được. Mặc đồ sang trọng và chỉ vậy thôi, nhưng hoàn toàn không phải là Huân tước Algernon Vere de Vere, tôi xin nói như vậy.”

Bà ta tìm được lỗ khóa, vặn cái chìa rồi đi vào.

Căn nhà bốc mùi bắp cải, cá và khuynh diệp. Mùi sau cùng thường xuyên ngửi thấy trong cái sảnh đặc biệt này. Bà chủ nhà của bà Rival là một đại tulin đồ chuyên tâm giữ ấm cho lồng ngực trong thời tiết đông giá và bắt đầu làm việc tốt đó từ giữa tháng 9. Bà Rival trèo lên những bậc thang, tự đỡ mình nhờ cái tay vịn. Bà đẩy cửa ở tầng một mở ra và đi vào. Rồi bà dừng sững lại và lùi một bước. “Ôi,” bà nói. “Ra là ông.”

Từ cái ghế đang ngồi thanh tra Hardcastle đứng dậy. “Chào bà Rival.”

“Ông muốn gì?” bà hỏi, kém phần tế nhị hơn thường ngày.

“À, tôi phải đến tận London để công tác,” thanh tra đáp, và chỉ có vài điều tôi nghĩ mình muốn tiếp tục làm việc với bà, vì thế tôi đã đến tận đây,

may ra tìm được bà. Cái... ờ... cái bà dưới nhà ấy dường như nghĩ là chẳng bao lâu bà sẽ về đến nhà.”

“Ôi,” bà Rival nói. “À, tôi chả hiểu... à...”

Thanh tra đẩy tới trước một cái ghế, nói rất lịch sự: “Bà ngồi xuống đi!”

Vị trí của hai người có lẽ đã bị đảo ngược. Ông Hardcastle là chủ, còn bà Rival là khách. Bà ngồi xuống, ngó ông ta lom lom một hồi lâu.

“Ông bảo một vài điều là thế nào?”

“Điểm nhỏ thôi, vài vấn đề nhỏ nhất đã nảy sinh.”

“Ông muốn nói về Harry ư?”

“Đúng thế.”

“Nghe đây,” giọng bà hơi khiêu chiến, cùng một lúc với mùi rượu mạnh thơm nồng xộc vào mũi ông thanh tra. “Tôi đã chán Harry rồi. Chả muốn nghĩ đến ông ta nữa. Tôi đã tự dẫn xác đến khi thấy ảnh ông ta trên báo, phải không nào? Tôi đã đến nói với ông về ông ta. Tất cả cách nay đã lâu, và tôi chả muốn nghe nhắc đến nữa. Chả còn gì để kể cho ông nghe cả. Đã kể hết mọi chuyện còn nhớ được và tôi chả muốn nghe gì nữa.”

“Đây là một điểm hoàn toàn nhỏ nhất,” giọng thanh tra ôn tồn, tỏ vẻ biết lỗi.

“Ô, được lắm,” bà Rival nói một cách khá khiếm nhã. “Chuyện gì? Cứ nói đi!”

“Bà đã nhận ra người đàn ông ấy là chồng mình, hay là người đàn ông mà bà đã trải qua một hình thức hôn nhân với ông ta cách đây độ mười lăm năm. Đúng như thế, phải không?”

“Tôi cứ tưởng đến lúc này ông đã biết chính xác cách đây bao nhiêu năm rồi chứ.”

‘Sắc bén hơn mình đã nghĩ,’ thanh tra tự nhủ. Ông nói tiếp: “Phải, bà nói hoàn toàn đúng đấy. Chúng ta tra cứu nhá! Bà đã kết hôn ngày 15 tháng 5 năm 1948.”

“Làm cô dâu tháng 5 luôn không may mắn, người ta bảo thế đấy,” bà Rival rầu rĩ nói. “Chẳng may mắn chút nào cả.”

“Mặc cho bao năm tháng đã trôi qua, bà vẫn có thể nhận dạng chồng mình hoàn toàn dễ dàng.”

Bà Rival nhúc nhích cửa quây hơi có vẻ khó chịu.

“Ông ta chẳng già đi nhiều. Lúc nào cũng chăm chút bản thân, ông Harry ấy.”

“Và bà đã có thể cho chúng tôi biết đặc điểm nhận dạng ban đầu của ông ấy. Tôi nghĩ bà đã viết cho tôi về một vết sẹo.

“Đúng thế. Đằng sau tai trái ấy. Đây này,” bà giơ tay chỉ vào chỗ đó.

“Sau tai *trái* của ông ta à?” Hardcastle nhấn mạnh từng từ.

“À...” bà ta có vẻ ngờ vực trong chốc lát, “phải rồi. À, tôi nghĩ thế. Vâng, chắc chắn như thế. Dĩ nhiên người ta không bao giờ phân biệt bên trái với bên phải của mình khi đang vội vã, phải không? Nhưng mà phải rồi, là bên trái cổ ông ta. Đây này.” Bà lại đặt tay lên cùng một chỗ.

“Và bà bảo lúc ấy ông ta đang cạo râu?”

“Đúng thế. Con chó đã nhảy chồm lên ông ta. Một con chó rất to con chúng tôi nuôi lúc ấy. Nó cứ xông vào — con chó mẫn thương. Nó chồm lên Harry và ông ta đang cầm lưỡi dao cạo trên tay, rồi dao cạo phạm sâu vào. Máu chảy rất nhiều, vết thương lành nhưng dấu vết ấy chẳng bao giờ mất đi.” Bây giờ bà ta nói năng quả quyết hơn.

“Đây là một điểm rất có giá trị, bà Rival ạ. Dẫu sao một người đôi khi trông rất giống một người khác nhất là khi khá nhiều năm đã qua đi. Nhưng tìm thấy một người đàn ông gần giống chồng bà lại có một vết sẹo ở đúng vị trí — à, điều ấy làm cho việc nhận dạng rất tốt đẹp và an toàn, phải không? Có vẻ như chúng tôi thực sự có manh mối để tiếp tục điều tra.”

“Tôi rất vui vì ông hài lòng,” bà Rival nói.

“Và tai nạn với lưỡi dao cạo đã xảy ra lúc nào?”

Bà ta đắn đo suy nghĩ một lát.

“Chắc khoảng chừng — ôi, chừng sáu tháng sau khi chúng tôi kết hôn. Vâng, là thế đấy. Chúng tôi đã mua con chó mùa hè năm ấy, tôi nhớ như thế.”

“Như thế chuyện ấy đã xảy ra khoảng tháng 10 hay tháng 11 năm 1948. Đúng không?”

“Đúng thế.”

“Và sau khi chồng bà rời bỏ bà vào năm 1951...”

“Chả phải ông ta rời bỏ tôi, mà chính tôi đã đuổi ông ta,” bà nói rất nghiêm túc.

“Hoàn toàn như thế. Bà thích xem chuyện ấy là thế nào cũng được. Dầu sao, sau khi bà đuổi ông ta đi vào năm 1951 bà chưa bao giờ gặp lại ông ta cho đến khi thấy ảnh ông ta trên báo?”

“Vâng, tôi đã nói với ông rồi.”

“Và bà hoàn toàn chắc chắn về điều đó, bà Rival?”

“Dĩ nhiên là tôi chắc chắn. Tôi chưa bao giờ để mắt đến Harry Castleton kể từ hôm ấy cho đến khi tôi trông thấy ông ta đã chết.”

“Thật kỳ lạ, bà biết đấy,” thanh tra Hardcastle nói, “rất ư kỳ lạ.”

“Sao chứ — ông muốn nói gì thế?”

“À, một điều rất kỳ lạ là cái mô sẹo. Dĩ nhiên chẳng có ý nghĩa quá nhiều với bà và tôi. Sẹo nào cũng là sẹo. Nhưng các bác sĩ lại có thể nói rất nhiều điều từ nó. Họ có thể nói đại khái, bà biết đấy, một người có vết sẹo đã bao lâu rồi.”

“Tôi không biết ông muốn nói gì.”

“À, đơn giản là thế này, bà Rival ạ. Theo phẫu thuật viên của cảnh sát chúng tôi và một bác sĩ khác mà chúng tôi hỏi ý kiến thì mô sẹo sau tai chồng bà chứng tỏ rất rõ ràng vết thương liên quan không thể nào lâu hơn cách đây chừng năm đến sáu năm.”

“Vớ vẩn, ” bà ta cãi. “Tôi chả tin đâu. Tôi — không ai có thể nói. Dù sao đó không phải là khi...”

“Vì thế bà thấy đấy,” thanh tra nói tiếp với giọng dịu dàng, “vết thương tạo ra một cái sẹo ấy cách nay chỉ năm hay sáu năm thôi, nghĩa là nếu người đàn ông đó là chồng bà, ông ta không có vết sẹo nào khi rời xa bà vào năm 1951.”

“Có lẽ không có. Nhưng dù sao đi nữa đấy là Harry.”

“Nhưng từ dạo ấy bà chưa từng gặp ông ta mà, bà Rival. Như thế nếu bà chưa bao giờ gặp ông ta từ dạo ấy, làm sao bà biết được ông ta có một vết sẹo cách đây chừng năm hay sáu năm vậy?”

“Ông làm tôi rối cả lên,” bà Rival đáp. “Ông làm tôi rối trí quá thế. Có lẽ chẳng lâu đến mức năm 1948 — không thể nhớ tất cả những chuyện này. Dù sao Harry cũng có vết sẹo ấy và tôi biết nó.”

“Tôi hiểu,” thanh tra Hardcastle đứng dậy. “Theo tôi bà nên suy nghĩ hết sức cẩn thận về lời khai ấy của bà, bà Rival ạ. Bà đâu muốn gặp rắc rối, bà biết rồi mà.”

“Ông nói gặp rắc rối, thế là thế nào?”

Thanh tra đáp, giọng gần như muốn xin lỗi: “À, là tội khai man trước tòa.”

“Khai man. Tôi à!”

“Phải. Là phạm pháp nghiêm trọng, bà biết đấy. Bà có thể gặp rắc rối, thậm chí có thể vào tù. Dĩ nhiên bà không phải tuyên thệ trước phiên sơ thẩm, nhưng sẽ đến lúc nào đó bà có thể phải thề về chứng cứ ấy của mình ở một phiên tòa. Vì thế — à, tôi muốn bà suy nghĩ thật kỹ điều ấy, bà Rival. Có thể nào có ai đấy... đã gợi ý cho bà để bà kể cho chúng tôi nghe câu chuyện về vết sẹo này không?”

Bà Rival đứng lên, ưỡn mình thật thẳng. Đôi mắt lóe sáng. Lúc này trông bà ta thật hùng hồn.

“Cả đời tôi chưa hề nghe chuyện gì vớ vẩn như thế cả. Tuyệt đối vớ vẩn. Tôi cố làm tròn phận sự của mình. Tôi đến để giúp ông. Tôi kể cho ông tất cả những gì còn nhớ được. Lẽ tự nhiên là tôi có thể nhầm lẫn. Rốt cuộc tôi gặp khá nhiều — à, bạn bè cao quý, và người ta có thể hơi nhầm chuyện này chuyện nọ. Nhưng tôi chẳng hề nhầm. Người đàn ông ấy là Harry và Harry có một vết sẹo sau tai trái, tôi hoàn toàn chắc chắn về điều ấy. Còn bây giờ có lẽ, thanh tra Hardcastle à, ông cứ đi chỗ khác đi thay vì đến đây và bóng gió rằng tôi đã nói dối.”

Thanh tra Hardcastle đứng phắt dậy.

“Chúc ngủ ngon, bà Rival. Hãy nghỉ cho kỹ nhé! Chỉ thế thôi.”

Chủ nhà hất đầu. Khách đi ra khỏi cửa. Hardcastle vừa đi khỏi, thái độ của bà Rival lập tức thay đổi. Hoàn toàn không còn vẻ bất chấp khinh thị nữa. Bà ta có vẻ sợ sệt lo âu.

“Đẩy mình vào chuyện này,” bà làu bàu, “đẩy mình vào chuyện này. Mình sẽ... mình sẽ không tiếp tục nữa. Mình sẽ... mình sẽ... mình sẽ không chuốc lấy phiền hà rắc rối vì bất cứ ai. Kể mình nghe chuyện này chuyện nọ, nói dối với mình, lừa gạt mình. Thật quái ác. Vô cùng quái ác. Mình sẽ nói thế.”

Bà cứ đi lui đi tới, bước chân loạng choạng, rồi sau cùng đi đến quyết định, bà cầm lấy cây dù từ một góc nhà và lại ra ngoài. Bà bước đi đến cuối đường, tần ngần trước một buồng điện thoại công cộng, rồi đi tiếp tới một bưu điện. Bà vào trong đó, yêu cầu đổi lấy tiền xu, rồi vào một phòng gọi. Bà quay số tổng đài và yêu cầu một số điện thoại. Bà đứng đó chờ cho tới khi cuộc gọi được kết nối.

“Xin vui lòng bắt đầu cuộc gọi! Người đối thoại với bà đang trên đường đây.”

Bà Rival lên tiếng.

“Alô... ôi, đúng là cô rồi. Flo đây. Không, tôi biết cô đã dặn là đừng, nhưng tôi vẫn phải làm thế. Cô đã không thành thật với tôi. Chưa hề nói cho tôi biết tôi đang gặp phải chuyện gì. Cô chỉ nói sẽ bất tiện cho cô nếu người đàn ông này bị nhận diện. Có năm mơ tôi cũng không một phút giây nào nghĩ mình sẽ dính líu vào một án mạng... À, dĩ nhiên cô sẽ nói thế, nhưng dù sao đây chả phải là điều cô đã nói với tôi... Vâng, có ạ. Tôi nghĩ thế nào đó cô có dính líu đến vụ án... À, tôi sẽ không chịu đựng điều ấy, tôi nói cho cô biết... Vậy là làm một... kẻ... à, cô biết cái chữ tôi muốn nói mà — kẻ tòng phạm, đại loại thế. Vậy mà tôi cứ tưởng đây là nữ trang giả chứ. Dù sao đi nữa tôi sợ lắm, tôi nói cho cô biết... bảo tôi viết thư báo cho họ biết chuyện cái sẹ. Bây giờ dường như ông ta đã biết vết sẹ ấy mới có cách đây chỉ một hay hai năm thôi, thế mà tôi đây lại thề rằng ông ta đã có sẹ khi rời xa tôi cách đây nhiều năm... Và đây là tội khai man trước tòa,

tôi có thể vào tù vì cái tội ấy. À, cô cố thuyết phục tôi chỉ vô ích thôi... Không... Bắt buộc ai đấy là một chuyện... Tôi biết chứ... Tôi biết cô trả tiền cho tôi để làm việc ấy. Và cũng không nhiều lắm... À, được rồi, tôi sẽ nghe lời cô, nhưng tôi sẽ... Được rồi, được rồi, tôi sẽ giữ im lặng... Cô nói sao?... Bao nhiêu?... Rất nhiều tiền đấy. Làm sao tôi biết cô có tiền thậm chí... À, vâng, có tiền dĩ nhiên phải khác chứ. Cô thề chả có liên can gì đến việc ấy hả? — tôi muốn nói tới việc giết bất kỳ ai... Không, tôi chắc chắn chả phải là cô. Dĩ nhiên tôi hiểu điều ấy... Đôi khi cô bị dính líu với rất đông người — họ đi quá và làm việc sai trái, đấy nào phải lỗi tại cô... Cô vẫn luôn làm những việc nghe có vẻ hợp lý... Cô vẫn luôn làm thế... À, được rồi, tôi sẽ suy nghĩ kỹ, nhưng tiền phải có sớm nhá!... Ngày mai ư? Máy giờ?... Vâng... vâng, tôi sẽ đến nhưng chả lấy séc đâu. Nó có thể bị trả lại vì không có tiền bảo chứng... Tôi không biết có nên tiếp tục để mình bị dính líu vào những việc thậm chí... Thôi được. À, nếu cô nói thế... Tôi chả có ác ý đâu... Thế thì được.”

Bà ta ra khỏi bưu điện, đi xiên qua xéo lại từ mép bên này sang mép bên kia của lề đường và mỉm cười với chính mình.

Cứ đánh liều một phen, dù có gặp rắc rối một chút với cảnh sát để có số tiền ấy kể cũng đáng. Nhờ nó cuộc sống của bà sẽ sung túc hơn. Và thật ra cũng chẳng phải liều lĩnh nhiều lắm. Bà chỉ cần nói mình đã quên hay không thể nhớ. Rất nhiều phụ nữ không nhớ nổi những chuyện mới xảy ra cách đây chỉ một năm thôi. Bà sẽ nói mình đã bị lẫn lộn giữa Harry và một người khác. Ôi, bà có thể nghĩ ra rất nhiều điều để nói.

Bà Rival là týp người bản tính hay dao động. Trước đó tinh thần của bà suy sụp bao nhiêu thì giờ đây cũng phấn chấn lên bấy nhiêu. Bà ta bắt đầu suy nghĩ một cách nghiêm túc và hăm hở về món hàng đầu tiên bà sẽ dùng món tiền đó để mua...

Lời kể của Colin Lamb

“Dường như cậu không thu được gì nhiều từ cái bà Ramsay ấy hử?” đại tá Beck căn nhắc.

“Không có gì nhiều để thu thập.”

“Có chắc chắn thế không?”

“Có.”

“Bà ta không phải là một kẻ tham gia tích cực hay sao?”

“Không.”

Beck liếc tôi dò xét.

“Thỏa mãn chưa?” ông hỏi.

“Thật sự chưa.”

“Cậu hy vọng gì nữa?”

“Chưa đủ lấp đầy chỗ trống.”

“À — chúng ta sẽ phải tìm nơi khác vậy.”

“Vâng.”

“Cậu cứ nói nhát gừng từng tiếng một thế. Vẫn còn ngầy ngật vì quá chén hử?”

“Tôi không hợp với công việc này,” tôi nói chậm rãi.

“Muốn tôi vỗ nhẹ lên đầu cậu và nói ‘Thôi, thôi nào!’ sao?”

Bất giác tôi bật cười.

“Như thế tốt hơn đây,” Beck nói. “Sao, có chuyện gì thế hở? Chắc là rồi vì mấy cô rồi.”

Tôi lắc đầu. “Chuyện ấy vẫn tiến triển tốt ạ.”

“Thật ra tôi đã để ý đến chuyện ấy,” đại tá nói thật bất ngờ. “Thế giới ngày nay đang trong tình trạng hỗn loạn. Các vấn đề cần quan tâm không rõ ràng sáng tỏ như trước đây. Khi sự ngã lòng nản chí đã thâm căn cố đế, nó giống như tình trạng mục nát. Loài nấm cực kỳ vĩ đại ăn luôn qua những vách ngăn khiến chúng sụp đổ! Nếu đúng như thế, cậu không còn hữu ích với chúng tôi nữa. Cậu đã làm một công việc bậc nhất đấy, cậu bé ạ. Hãy hài lòng với nó! Trở về với những tảo biến chết tiệt của cậu đi nhé!”

Ông tạm dừng rồi nói: “Cậu thực sự thích loài vật, phải không?”

“Tôi thấy toàn bộ đề tài ấy rất thú vị hấp dẫn.”

“Tôi lại thấy nó gớm ghiếc. Biến đổi thật tuyệt vời trong thiên nhiên, phải không? Ý tôi là cái gu. Còn cái mô-típ án mạng của cậu sao rồi. Tôi cá với cậu cô gái đã làm việc ấy.”

“Sếp làm rồi,” tôi nói.

Đại tá lúc lắc ngón tay với tôi tỏ ý răn đe của bậc cha chú.

“Điều tôi nói với cậu là: ‘Hãy sẵn sàng!’ Tôi không muốn nói theo cái ý nghĩa dành cho hướng đạo sinh đâu nhé.”

Tôi bước đi trên đường Charing Cross, suy nghĩ miên man.

Ở ga tàu điện ngầm tôi mua một tờ báo.

Tôi đọc tin một người đàn bà được cho là bị đột quỵ ở Ga Victoria vào giờ tan tầm ngày hôm qua, đã được đưa tới bệnh viện. Khi tới đó mới phát hiện bà ta đã bị đâm. Bà ta đã chết, không tỉnh lại.

Tên bà ta là Merlina Rival.

Tôi gọi cho Hardcastle.

“Phải,” ông trả lời câu hỏi của tôi. “Đúng như họ nói.”

Giọng ông nghe có vẻ cay cú.

“Tôi đến gặp bà ta đêm hôm kia. Tôi đã nói câu chuyện của bà về vết sẹo đúng là không vững chắc. Rằng mô sẹo tương đối gần đây chứ chẳng quá lâu như bà ta nói. Thật buồn cười cái cách người ta phạm sai lầm. Chỉ vì cố làm quá trốn việc này việc nọ. Ai đấy đã trả tiền để người đàn bà đó nhận dạng tử thi là xác người chồng đã bỏ rơi mình cách đây nhiều năm. Bà ta làm việc ấy cũng rất giỏi! Tôi đã tin bà ấy sẽ ổn thôi. Và rồi kẻ nào đó đã cố tỏ ra hơi quá khôn lanh. Nếu bà Rival nhớ cái sẹo nhỏ không quan trọng ấy như một ý nghĩ đến sau, nó sẽ khiến người ta xác tín và sát hợp với việc nhận dạng. Còn giá như bà ta nói điều ấy ra ngay từ đầu để lời khai hoàn chỉnh, có lẽ nghe hơi quá trơn tru, dễ dàng.”

“Vậy là Merlina Rival đã bị ngập tận cổ trong vụ này hả ông anh?”

“Cậu biết không, tôi đã nghi ngờ điều ấy. Giả sử một người bạn hay người quen cũ đến với bà ta và nói: ‘Nghe này, tôi đang gặp chuyện hơi phiền toái một chút. Một thằng cha tôi từng có quan hệ làm ăn đã bị sát hại. Nếu y bị nhận dạng và tất cả quan hệ của bọn tôi bị đưa ra ánh sáng thì đấy sẽ là đại họa. Nhưng nếu bà đến nhận y là Harry Castleton chồng bà, kẻ đã cuốn xéo cách đây nhiều năm, như thế toàn bộ vụ án sẽ thu hẹp lại rồi qua đi.’”

“Chắc hẳn bà ta đã tỏ ý ghê tởm việc đó — nói là quá liều lĩnh.”

“Nếu thế thì kẻ kia sẽ nói: ‘Liều lĩnh gì chứ? Trong trường hợp xấu nhất, bà chỉ việc nói mình đã nhầm lẫn.’ Bất cứ người vợ nào cũng có thể nhầm lẫn sau mười lăm năm. Và có lẽ một số tiền nhỏ hấp dẫn sẽ được đề cập đến. Và bà ta nói là OK, bà sẽ làm một con rối cho chúng giật dây! Thế là làm thôi.”

“Không hề bị tình nghi sao?”

“Bà ta đâu phải là người bị tình nghi, ôi, lạy Chúa lòng lành, Colin à, Mỗi khi chúng ta bắt được một kẻ sát nhân có những người đã biết rõ hẳn, đơn giản chỉ là chẳng tin nổi hẳn lại có thể làm bất cứ việc gì như thế.”

“Chuyện gì đã xảy ra khi ông anh đến tận nhà gặp bà ta?”

“Tôi đã làm bà ta hoảng sợ. Sau khi tôi ra về, bà ta đã làm điều tôi mong đợi — cố liên lạc với người đã đưa bà ta vào vụ này. Tôi đã cho người bám

theo đuôi bà ta, dĩ nhiên rồi. Bà ta đến một bưu điện và đã nổi một cuộc gọi từ một buồng điện thoại tự động. Thật không may đấy chẳng phải là cái buồng điện thoại tôi mong bà ta sử dụng ở cuối con đường nhà bà ta. Bà đã phải đổi chỗ. Bà ta từ phòng gọi đi ra, có vẻ hài lòng với chính mình. Bà ta vẫn luôn bị theo dõi nhưng chẳng xảy ra chuyện gì đáng quan tâm cho đến tối hôm qua. Bà ta đã đến Ga Victoria và mua vé đi Crowdean. Lúc ấy là sáu giờ rưỡi, giờ tan tầm. Bà đã mất cảnh giác. Cứ tưởng sẽ gặp kẻ nào đấy ở Crowdean. Nhưng con quỷ xảo trá đã đi trước bà một bước. Việc dễ làm nhất trên đời là cùng đồng bọn theo sau ai đó trong đám đông rồi ấn một lưỡi dao vào... Thậm chí đừng tưởng bà ta biết mình bị đâm. Người ta thường chả biết đâu, cậu thấy rồi đấy. Còn nhớ Barton trong vụ cướp của Băng Levitti hay không? Bước đi hết chiều dài của một con đường rồi anh ta mới ngã lăn ra chết. Chỉ thỉnh thoảng nhói một cái — rồi cậu nghĩ mình lại bình thường. Nhưng chả phải thế. Cậu đã chết đứng trên đôi bàn chân mình mà không hay biết.” Ông kết thúc: “Chết tiệt, chết tiệt và chết tiệt!”

“Ông anh đã kiểm tra ai chưa?”

Tôi đã phải hỏi han. Tôi không kiểm chế được bản thân mình.

Lời ông đáp tới thật nhanh chóng và ngắn gọn: “Cái bà cô Pebmarsh đã đến London hôm qua. Bà ta làm việc gì đấy cho học viện rồi trở về Crowdean trên chuyến tàu 7 giờ 40 phút.” Hardcastle tạm dừng lại. “Còn Sheila Webb thì cầm đi một bản đánh máy để kiểm tra lại với một tác giả nước ngoài đang ở London trên đường ông ta đi New York. Cô rời khách sạn Ritz khoảng chừng 5 giờ 30 phút và vào rạp chiếu phim một mình trước khi trở về.”

“Nghe này, Hardcastle,” tôi nói, “tôi có cái này cho ông anh. Một nhân chứng cam đoan đã nhìn thấy tận mắt. Một xe tải của tiệm giặt đã đậu lại ở nhà số 19, Wilbraham Crescent lúc 1 giờ 35 ngày 9 tháng 9. Người lái xe ấy đã giao một cái sọt đồ giặt ủi rất to ở cửa sau của nhà ấy. Đó là một cái sọt đặc biệt to lớn.”

“Hiệu giặt à? Hiệu giặt nào thế?”

“Hiệu giặt Snowflake. Biết nó không?”

“Chưa sưu tra thì chưa biết được. Lúc nào cũng có hiệu giặt mới khai trương. Đây là một cái tên thông thường của một hiệu giặt ủi.”

“À... ông anh cứ kiểm tra. Một người đàn ông lái xe—và một người đàn ông khiêng cái sọt vào nhà...”

Giọng thanh tra chột cất lên, cảnh giác vì ngờ vực. “Cậu có bịa ra không đấy, Colin?”

“Không. Đã nói với ông anh tôi có một nhân chứng tận mắt trông thấy rồi mà. Kiểm tra đi, Dick à! Tiếp tục điều tra đi nhé!”

Tôi gác máy để Hardcastle không thể nào quấy rầy tôi được nữa.

Tôi bước ra khỏi phòng gọi và nhìn đồng hồ đeo tay. Tôi có rất nhiều việc phải làm—và muốn mình thoát khỏi tầm tay của ông thanh tra trong khi làm những việc ấy. Tôi phải thu xếp cuộc sống tương lai của mình.

Lời kể của Colin Lamb

Tôi tới Crowdean lúc mười một giờ đêm, năm ngày sau đó. Tôi đi đến khách sạn Clarendon, lấy một phòng rồi lên giường. Đêm hôm trước tôi bị mệt nên ngủ quá giấc. Tôi tỉnh dậy lúc mười giờ kém mười lăm.

Tôi nhờ người đi mua cà phê, bánh mì nướng và một tờ nhật báo. Nó được đem tới và kèm theo là một mẫu giấy vuông khổ rộng để gửi cho tôi bằng những chữ viết tay ở góc trên bên trái.

Tôi xem xét nó, có ngạc nhiên đôi chút. Thật bất ngờ. Tờ báo dày và đắt tiền, tiêu đề bên trên được in rất sắc nét.

Sau khi lật lui lật tới và đùa vui với nó, cuối cùng tôi mở ra xem.

Bên trong có một tờ giấy. Được in bằng chữ lớn những dòng sau đây:

KHÁCH SẠN CURLEW

11:30 Phòng 413

Gõ cửa ba tiếng

Tôi nhìn chăm chú, lật lui lật tới trong tay mình — tất cả vụ này là gì đây?

Tôi để ý phòng số 413 — cũng như những chiếc đồng hồ. Một trùng hợp ngẫu nhiên? Hay là không phải?

Tôi đã nghĩ tới việc gọi điện thoại cho khách sạn Curlew. Rồi định gọi cho Dick Hardcastle. Tôi đã không làm cả hai việc ấy.

Tôi đã hết lừ đừ. Tôi ngồi dậy, cạo râu, tắm rửa, thay đồ rồi cuốc bộ theo con đường trước mặt tới tận khách sạn Curlew và đến đó đúng giờ hẹn.

Thời tiết mùa hè lúc bấy giờ khá tốt. Không có nhiều người bên trong khách sạn.

Tôi chẳng hỏi han gì ở quầy tiếp tân. Tôi đi thang máy lên tầng bốn rồi bước dọc theo hành lang tới phòng số 413.

Tôi đứng đó một lúc rồi cảm thấy mình hoàn toàn là một thằng ngu ngơ ngốc nghếch, tôi gõ ba cái...

Có một giọng nói: “Vào đi!”

Tôi vịn tay nắm, cửa không khóa. Tôi bước vào bên trong và đứng sững như trời trồng.

Tôi đang nhìn thấy người cuối cùng trên đời mà tôi mong được gặp.

Hercule Poirot ngồi đối diện với tôi. Vẻ mặt ông tươi cười.

“Une petite surprise, n'est-ce pas?” ông nói. “Nhưng là một sự ngạc nhiên vui thích, tôi hy vọng thế.”

“Poirot, bác thật là cáo già,” tôi la lên. “Bác đã tới đây bằng cách nào?”

“Tôi đi một chiếc limousine hiệu Daimler đến đây — cực kỳ thoải mái.”

“Nhưng bác đang làm gì ở đây?”

“Chuyện hết sức bực mình. Họ cứ nằng nặc, nằng nặc yêu cầu trang trí lại căn hộ của tôi. Thử hình dung tôi khó khăn thế nào! Tôi làm gì được chứ? Có thể đi đâu?”

“Rất nhiều nơi,” tôi lạnh lùng đáp lại.

“Có thể là thế, nhưng bác sĩ của tôi gợi ý không khí vùng biển rất tốt cho tôi.”

“Một trong những bác sĩ sốt sắng ấy phát hiện bệnh nhân của mình muốn đi đâu và khuyên ông ta tới đó! Có phải bác đã gửi cho cháu cái này không?” tôi vung vẩy lá thư đã nhận được.

“Còn ai vào đây nữa chứ?”

“Bác thuê phòng số 413 có phải là trùng hợp ngẫu nhiên không vậy?”

“Không hề trùng hợp. Tôi chủ động yêu cầu đấy.”

“Tại sao?”

Poirot nghiêng đầu về một bên và hấp háy mắt với tôi.

“Như thế có vẻ thích hợp.”

“Còn gõ cửa ba cái thì sao?”

“Tôi không cưỡng lại nổi. Giá tôi có thể gửi kèm theo thư một nhánh hoa hương thảo nhỏ chắc hẳn còn hay ho hơn nữa. Tôi đã nghĩ đến việc làm đứt tay chảy máu rồi để lại dấu vân tay dính máu trên cửa nữa đấy. Nhưng biết đủ là đủ! Tôi sợ bị nhiễm trùng.”

“Cháu cho đây là thời thơ ấu thứ nhì,” tôi lạnh lùng nhận xét. “Chiều nay cháu sẽ mua cho bác bong bóng và một con thỏ nhồi bông.”

“Tôi không nghĩ cậu vui thích khi tôi bất ngờ xuất hiện. Cậu tỏ ra chẳng hề vui vẻ khi gặp tôi.”

“Bác đã mong là cháu vui thích sao?”

“Pourquoi pas? Nào, ta hãy nói chuyện nghiêm túc nhé, bây giờ tôi đã chán cái trò hề nho nhỏ của mình rồi. Hy vọng có thể trợ giúp. Tôi đã gọi cho ông cảnh sát trưởng, ông ấy đã cực kỳ nhã nhặn, và ngay giây phút này tôi đang đợi bạn cậu, thanh tra Hardcastle.”

“Và bác định nói gì với ông ấy?”

“Trong đầu tôi đã sẵn cái ý nghĩ cả ba chúng ta có thể tham gia cuộc đàm đạo.”

Tôi nhìn ông và bật cười. Ông ta có thể gọi là đàm đạo — nhưng tôi biết ông sắp sửa nói dông dài.

Hercule Poirot!

Hardcastle đã tới nơi. Chúng tôi làm cái việc giới thiệu và chào hỏi. Giờ đây chúng tôi yên vị bên nhau theo cái kiểu cách của những người dễ kết tình thân ái. Thanh tra thỉnh thoảng lén liếc nhìn Poirot với dáng vẻ của một người ở sở thú đang quan sát một cuộc thu nhận loài vật mới. Tôi

không rõ trước đây ông có bao giờ gặp ai giống như Hercule Poirot hay chưa!

Sau cùng, Hardcastle đặng hăng rồi nói một cách thận trọng.

“Tôi cho rằng, ông Poirot à, ông muốn đích thân xem — à, toàn bộ quá trình điều tra, đúng không? Nói đích xác, sẽ không dễ đâu ạ.” Ông ngần ngừ, rồi nói tiếp: “Ông cảnh sát trưởng đã dặn tôi phải làm mọi việc có thể làm được cho ông. Nhưng ông phải hiểu rõ có những khó khăn, những câu hỏi có thể hỏi, những phản bác. Tuy thế, vì ông đã cất công xuống tận đây...”

Poirot ngắt lời, có vẻ hơi lạnh nhạt: “Tôi đến đây vì căn hộ của tôi ở London đang được tân trang.”

Tôi cười khà khà giấu cợt và Poirot trừng mắt nhìn tôi quở trách.

“Ông Poirot không phải đi xem điều này việc nọ đâu,” tôi nói. “Ông vẫn luôn khẳng khẳng bảo mình có thể làm toàn bộ chuyện ấy từ trên ghế bành. Nhưng sự thật không hoàn toàn đúng như vậy, phải không bác Poirot? Nếu đúng thì tại sao bác lại tới đây hả?”

Poirot đáp một cách đường bệ.

“Tôi đã bảo không cần thiết phải là chó săn chồn, chó đánh hơi, chó lần theo dấu vết chạy lui chạy tới người tìm mùi này vị nọ. Nhưng tôi xin thừa nhận chó cần thiết cho một cuộc đi săn. Một con biết tìm và nhặt về con mồi đã bị bắn hạ, cậu bạn à, một con chó săn giỏi.”

Ông quay về phía thanh tra. Một bàn tay xoắn hàng ria mép với vẻ mãn nguyện.

“Xin cho tôi thưa với anh,” Poirot nói, “rằng tôi không giống như người Anh, bị ám ảnh về chó. Cá nhân tôi có thể sống chả cần đến chó. Nhưng dẫu thế tôi vẫn chấp nhận quan niệm của các anh về loài chó. Một người yêu mến và tôn trọng con chó của mình. Anh ta nuông chiều nó, anh ta khoe khoang về sự thông minh linh lợi của con chó với bạn bè của mình. Bây giờ hãy tự mình hình dung đi, điều ngược lại cũng có thể xảy đến! Con chó say mê chủ của nó. Nó nuông chiều người chủ ấy! Nó cũng khoe chủ của mình, khoe khoang về sự linh lợi thông minh của chủ. Và để tự động

viên khi mình thực sự không muốn ra ngoài, người ấy dắt con chó đi theo vì chó rất thích đi dạo. Vì thế nó cũng gắng sức cho chủ điều mà chủ nó thiết tha mong muốn.”

Ông nói tiếp: “Cậu bạn trẻ Colin tốt bụng của tôi đây cũng thế. Cậu ấy đã đến gặp tôi, chẳng phải để nhờ tôi giúp giải quyết vấn đề của riêng mình; cậu ấy tin có thể tự giải quyết và tôi được biết cậu ấy đã làm thế. Không, cậu ấy ái ngại khi thấy tôi nhàn rỗi và cô độc nên mang đến cho tôi một vấn đề mà cậu ấy cảm thấy sẽ khiến tôi thích thú và cho tôi có cái gì đấy để tiếp tục làm việc. Cậu ấy thách tôi làm việc ấy—thách tôi làm điều tôi vẫn thường bảo cậu ta là có thể làm được... mà vẫn ngồi trên ghế của mình và — theo một tiến trình thích đáng — giải quyết vấn đề nan giải ấy. Tôi đùa rằng có thể có một chút ác tâm, chỉ là một trò trẻ con đằng sau thách thức ấy. Phải nói là cậu ta muốn chứng tỏ với tôi rốt cuộc việc ấy chẳng dễ dàng như thế. *Mais oui, mon ami*, đúng là thế đấy! Cậu ta muốn đích thân chế giễu tôi — chỉ một chút thôi! Nhưng tôi không trách cậu ta. Tất cả những gì tôi nói là cậu ta vẫn chưa biết Hercule Poirot của cậu ấy là thế nào đâu.”

Ông ưỡn ngực ra và mân mê hàng ria mép.

Tôi nhìn ông và toét miệng cười thân ái.

“Được thôi, vậy hãy cho chúng tôi đáp án của vấn đề ấy nếu ông biết đi!”

“Dĩ nhiên tôi biết chứ.”

Thanh tra ngó ông ta lom lom, tỏ vẻ không tin.

“Có phải ông đang nói mình biết ai đã giết người đàn ông ở số 19, Wilbraham Crescent?”

“Chắc chắn như thế.”

“Và cũng biết ai đã giết Edna Brent?”

“Dĩ nhiên.”

“Ông biết rõ nhân thân của người chết à?”

“Tôi biết hẳn chắc hẳn là ai.”

Hardcastle nghi ngờ ra mặt. Nhớ tới cảnh sát trưởng, ông vẫn giữ phép lịch sự. Nhưng giọng ông nói vẫn rất hoài nghi.

“Xin lỗi ông Poirot, ông tuyên bố mình biết ai đã giết ba người. Và vì sao lại giết?”

“Phải.”

“Ông có một vụ án mở ra rồi khép lại ngay hay sao?”

“Điều ấy thì không.”

“Tất cả những gì ông ấy muốn nói là có một linh cảm,” tôi nói về tàn nhẫn.

“Tôi sẽ không cãi với cậu một từ nào, *mon cher Colin*. Tất cả những gì tôi nói là: tôi biết!”

Hardcastle thở dài.

“Nhưng ông biết đó, ông Poirot, tôi phải có chứng cứ.”

“Lẽ dĩ nhiên, nhưng với những biện pháp nghiệp vụ các anh tùy nghi sử dụng, tôi nghĩ sẽ có khả năng để anh có được chứng cứ ấy.”

“Tôi không chắc lắm.”

“Nào nào, anh thanh tra, nếu anh biết — thật sự *biết* — đó chẳng phải là bước đầu tiên? Từ đó anh không thể nào đi tiếp, gần như lúc nào cũng thế?”

“Không phải lúc nào cũng thế,” thanh tra thờ dài. “Ngày nay có những kẻ bước đi lang thang vô định phải vào tù đấy ông à. Họ biết điều ấy và chúng tôi cũng biết.”

“Nhưng đấy chỉ là một tỷ lệ phần trăm rất nhỏ. Chẳng phải...”

Tôi ngắt lời Poirot.

“Được rồi. Được rồi. Bác biết... Vậy bây giờ hãy cho bọn cháu cùng biết đi!”

“Tôi nhận thấy cậu vẫn còn hoài nghi. Nhưng trước tiên hãy cho tôi nói điều này: để biết chắc chắn nghĩa là khi đã đạt đến đáp án đúng, mọi chuyện sẽ đâu vào đấy thôi. Các anh sẽ nhận thấy chẳng có cách nào khác cả.”

“Vì tình thương với ông bố Mike của cháu,” tôi nói, “bác cứ tiếp tục như thế đi! Cháu công nhận tất cả những điều bác nói.”

Poirot thoải mái dựa ngửa trên ghế và ra hiệu cho thanh tra rót đầy rượu vào ly của ông.

“Một điều, *mes amis*, cần phải được hiểu rõ. Để giải quyết bất cứ vấn đề nào ta cũng cần phải có các sự kiện. Để làm việc ấy người ta cần có chó, một con chó biết thu nhặt xác con mồi từng mảnh từng mảnh một và đặt...”

“Dưới chân chủ nó,” tôi tiếp lời ông. “Chấp nhận.”

“Ta chẳng thể ngồi trên ghế giải quyết một vụ án mà duy nhất chỉ đọc về nó trên báo. Cần biết các sự kiện xác thực, nhưng các báo hiếm khi xác thực, nếu có lúc nào đấy chúng xác thực. Chúng đưa tin một chuyện xảy ra lúc bốn giờ khi lúc ấy là bốn giờ mười lăm, chúng bảo một người đàn ông có em gái tên Elizabeth khi đích xác hẳn có em vợ tên Alexandra. Vân vân và vân vân. Nhưng ở cậu Colin đây, tôi có một con chó có năng lực đặc biệt — một năng lực có thể nói đã đưa cậu ấy đi xa trong sự nghiệp của mình. Cậu ấy luôn có trí nhớ rất tốt. Có thể nhắc lại cho anh nghe, thậm chí rất nhiều ngày sau đấy, những cuộc trò chuyện đã diễn ra. Cậu ấy có thể lặp lại chúng thật chính xác — nghĩa là chẳng hề đổi khác đi như hầu hết chúng ta thường làm, chẳng thay đổi do ấn tượng của cậu ta với các cuộc nói chuyện ấy. Giải thích một cách đại khái — cậu ấy thường không nói: ‘Và lúc mười một giờ hai mươi thư đưa đến’ thay cho việc mô tả chuyện thực tế đã xảy ra, ấy là một tiếng gõ cửa rồi ai đó đi vào phòng trên tay cầm những lá thư. Toàn bộ chuyện này rất quan trọng. Nghĩa là cậu ấy đã nghe thấy những gì lẽ ra tôi đã nghe thấy nếu có mặt ở đấy và đã trông thấy những gì lẽ ra tôi đã trông thấy.”

“Chỉ là con chó đáng thương chưa có suy luận cần thiết hả?”

“Như thế cho đến nay tôi đã có các sự kiện có thể có được — tôi đang ‘biết diễn tiến của sự việc’. Đây là thuật ngữ thời chiến của các anh, phải thế không? Cho người ta biết diễn tiến của sự việc. Điều khiến tôi ngạc nhiên trước hết khi Colin kể lại từng chi tiết của câu chuyện cho tôi nghe, chính là tính chất cực kỳ quái dị của nó. Bốn chiếc đồng hồ, mỗi chiếc đều

chạy nhanh hơn chừng một giờ so với giờ chính xác, và được đưa vào nhà mà chủ nhà không hề hay biết, hoặc bà ta nói thế. Bởi chúng ta không bao giờ được tin những gì người ta kể cho mình, cho đến khi những lời khai như thế được kiểm tra lại thật kỹ lưỡng, phải không?”

“Ông suy nghĩ giống hệt như tôi,” thanh tra tán đồng.

“Năm trên nền nhà là một người chết — một người đàn ông cao tuổi trông rất đáng kính. Chẳng ai biết hẳn là ai (hoặc lại là người ta nói thế). Trong túi ông ta có một danh thiếp mang tên ông R. H. Curry, 7, đường Denvers. Công ty Bảo hiểm Metropolis. Nhưng chẳng hề có Công ty Bảo hiểm Metropolis. Chẳng hề có đường Denvers và dường như chẳng hề có người nào là ông Curry cả. Đây là chứng cứ phủ định, nhưng cũng là chứng cứ. Bây giờ chúng ta tiếp tục tiến xa hơn. Rõ ràng khoảng hai giờ kém mười có người gọi đến một công ty dịch vụ thư ký, một cô Millicent Pebmarsh đã yêu cầu phái một người ghi tốc ký đến số 19, Wilbraham Crescent lúc ba giờ. Yêu cầu đích danh cô Sheila Webb. Cô Webb đã được phái đi. Cô đến đây vài phút trước ba giờ, đi vào phòng khách theo lời chỉ dẫn, thấy một người đàn ông đã chết trên nền nhà, rồi vừa hấp tấp chạy ra ngoài vừa hét lên. Cô nhào vào vòng tay của một chàng trai trẻ.”

Poirot tạm dừng và ngó tôi. Tôi cúi đầu.

“Rồi người hùng trẻ tuổi của chúng ta vào cuộc,” tôi nói.

“Cậu thấy đấy,” Poirot chỉ rõ. “Ngay cả cậu cũng chẳng thể nào cưỡng lại nổi cái giọng cường điệu khôi hài khi nói đến chuyện ấy. Toàn bộ vụ việc cũng cường điệu, quái đản và hoàn toàn siêu thực. Đây là một kiểu vụ việc có thể xuất hiện trong tác phẩm của một người như là Garry Gregson chẳng hạn. Có thể kể cho anh nghe khi cậu bạn trẻ của tôi đến nhà với câu chuyện này, tôi đang mải mê nghiên cứu một loạt các tác giả viết truyện trinh thám đã ra sức trở tài nghệ của họ trong vòng sáu mươi năm vừa qua. Cực kỳ thú vị. Người ta hầu như đi đến chỗ xem xét tội ác đời thực dưới ánh sáng của tiểu thuyết. Nghĩa là nếu tôi quan sát thấy một con chó không sủa khi nó nên sủa, tôi sẽ tự nhủ: ‘Hà! Một tội ác kiểu Sherlock Holmes!’ Tương tự, nếu một xác chết được tìm thấy trong một gian phòng đã niêm

phong, dĩ nhiên tôi nói: ‘Chà! Một vụ án kiểu Dickson Carr!’ Rồi còn có bà Oliver bạn của tôi nữa chứ. Nếu tôi phải tìm kiếm — nhưng thôi tôi chả nói gì nữa đâu. Các anh nắm được ý tôi muốn nói gì rồi chứ? Ở đây tội ác được sắp đặt trong những hoàn cảnh quá man rợ không thể có thật khiến người ta ngay lập tức cảm thấy ‘chuyện này không đúng với cuộc sống. Toàn bộ chuyện này hoàn toàn không có thật.’ Nhưng hời ôi, ở đây không thể vậy, vì chuyện này là có thật. Nó đã xảy ra. Điều ấy khiến người ta suy nghĩ đến tức điên lên, chẳng phải thế sao?”

Hardcastle chắc không nghĩ như thế, nhưng anh vẫn hoàn toàn đồng ý với cảm nhận đó, và gật đầu lia lịa. Poirot nói tiếp: “Cũng như trước đây, thật trái ngược với tác phẩm của Chesterton, ‘Anh sẽ giấu một chiếc lá ở đâu? Trong rừng. Anh sẽ giấu một viên sỏi ở đâu? Trên bãi biển.’ Ở đây có sự quá mức, kỳ quặc, cường điệu! Khi tôi tự nhủ phỏng theo Chesterton: ‘Một phụ nữ trung niên giấu nhan sắc tàn phai của mình ở đâu? Tôi không đáp lại: ‘Giữa những khuôn mặt trung niên tàn phai khác.’ Hoàn toàn không phải, cô ta giấu nó dưới lớp phấn son trang điểm và thuốc chải lông mi, với những áo lông chồn đẹp đẽ phủ quanh mình, nữ trang vòng quanh cổ và đeo trên tai cô ấy. Tôi nói có theo kịp không?”

“À...” thanh tra nói để che đậy việc mình không theo kịp.

“Ấy là vì, các anh thấy đấy, người ta sẽ trông vào những áo lông chồn và nữ trang, kiểu tóc và *haute couture*. Họ sẽ hoàn toàn không để ý xem bản thân người đàn bà ấy như thế nào. Bởi thế tôi thường tự nhủ và nói với bạn Colin của tôi — vì án mạng khoác bên ngoài quá nhiều lớp vỏ bọc kỳ quái để đánh lạc hướng người ta nên chắc chắn là nó thực ra rất đơn giản, chẳng phải tôi đã nói thế sao?”

“Bác đã nói thế,” tôi đáp. “Nhưng cháu vẫn không hiểu làm sao bác có thể đúng.”

“Điều ấy thì cậu phải đợi. Bởi thế chúng ta vứt bỏ lớp vỏ bọc bên ngoài tội ác, và đi vào điểm thiết yếu. Một người đàn ông đã bị giết. Vì sao lại bị giết? Hắn ta là ai? Câu trả lời cho câu hỏi thứ nhất hiển nhiên tùy thuộc vào đáp án của câu thứ hai. Chừng nào chưa trả lời đúng cả hai câu ấy, các anh

sẽ chẳng thể nào tiếp tục điều tra. Hẳn có thể là một gã tổng tiền, một kẻ lừa gạt lòng tin hay là chồng của ai đấy mà sự tồn tại có thể gây khó chịu hay nguy hiểm cho vợ hẳn. Hẳn có thể là một trong số nhiều hạng người. Tôi càng nghe nhiều, dường như mọi người càng đồng ý rằng người này có vẻ là một người đàn ông cao tuổi hoàn toàn bình thường, khá giả và danh giá. Bất chợt tôi thầm nghĩ: ‘Mi nói đây hẳn là một tội ác đơn giản. Hay lắm, cứ như thế đi. Hãy để người này chính xác như vẻ bề ngoài là một người đàn ông cao tuổi khá giả đáng kính.’” Ông nhìn thanh tra. “Anh hiểu không?”

“À...” thanh tra đáp, rồi lịch sự dừng lại.

“Như thế ở đây là, một người đàn ông cao tuổi bình thường vui tính mà việc trừ khử ông ta cần thiết đối với ai đấy. Với ai thế? Và ở đây cuối cùng chúng ta có thể thu hẹp trận địa một chút. Có những hiểu biết tại chỗ—về cô Pebmarsh và các thói quen của cô ta, về Phòng Thư ký Cavendish, về một cô gái làm việc ở đây tên là Sheila Webb. Và thế là tôi nói với bạn Colin của tôi: Các láng giềng. Hãy trò chuyện với họ! Tìm hiểu về họ. Những điều căn bản của họ. Nhưng trên tất cả là tham gia đối thoại. Vì trong khi đối thoại các anh không đơn thuần có được câu trả lời cho các câu hỏi — trong những chuyện phiếm bình thường được bàn qua tán lại, các sự việc thường bị vượt mất. Người ta luôn cảnh giác khi đề tài có thể nguy hiểm với họ. Nhưng trong cuộc nói chuyện bình thường, tinh thần họ thư thái, họ đành khuất phục và tiết lộ sự thật, vì việc này dễ làm hơn nói dối rất nhiều. Và thế là họ để lộ ra một sự kiện nho nhỏ mà họ không hề hay biết sẽ làm tất cả đổi khác đi.”

“Một sự phơi bày đáng khâm phục,” tôi nói. “Thật không may nó đã không xảy ra trong vụ án này.”

“Nhưng, *mon cher*, đã xảy ra đấy. Một câu nho nhỏ với tầm quan trọng khôn lường.”

“Câu nào chứ?” tôi hặc hỏi. “Ai nói? Khi nào?”

“Xảy đến thật đúng lúc, *mon cher*.”

“Ông vừa nói mà, ông Poirot?” Thanh tra lịch sự lôi ông già trở lại với chủ đề.

“Nếu các anh vẽ một vòng tròn quanh nhà số 19, bất kỳ ai ở trong ấy cũng có thể đã giết ông Curry. Bà Hemming, nhà Bland, nhà McNaughton, cô Waterhouse. Nhưng còn quan trọng hơn nữa, có những người sẵn có vị trí trên hiện trường. Cô Pebmarsh có thể đã giết hẳn trước khi ra ngoài lúc 1 giờ 35 hay khoảng chừng thời gian ấy và cô Webb có thể đã sắp xếp để gặp hẳn ở đây, rồi giết đi trước khi chạy ra khỏi nhà và báo động.”

“A,” thanh tra nói. “Ông đang đi vào vấn đề cụ thể rồi đấy.”

“Và dĩ nhiên,” Poirot xoay trở lại nói với tôi, “cậu đấy, Colin thân mến ạ, cậu cũng đã ở hiện trường. Đang tìm một số nhà lớn ở nơi toàn là số nhỏ.”

“À, đúng vậy,” tôi bực tức nói. “Tiếp theo bác sẽ bảo gì?”

“Tôi ấy à, tôi nói bất cứ điều gì!” Poirot long trọng tuyên bố.

“Nhưng cháu là người đến và vớt toàn bộ vụ việc cho bác!”

“Bọn sát nhân thường tự cao tự đại,” Poirot vạch trần. “Và ở đây cũng thế, điều đó có thể khiến cậu thích thú—vì đã chơi trò đùa bỡn với tôi.”

“Nếu bác tiếp tục sẽ thuyết phục được cháu đó,” tôi nói. Tôi bắt đầu cảm thấy không được thoải mái.

Poirot quay sang thanh tra Hardcastle.

“Ở đây, tôi tự nhủ, chủ yếu là một vụ hình sự đơn giản thôi. Sự có mặt của những chiếc đồng hồ không thích hợp, việc chạy nhanh hơn chừng một tiếng, sự sắp đặt có tính toán quá kỹ lưỡng để cái xác được phát hiện, tất cả những chuyện ấy ngay lúc này phải gác sang một bên. Cũng như tôi từng nói về chuyện nàng ‘Alice’ bất tử của cậu thích *‘giày, tàu thủy và xi găng, bấp cải cùng vua chúa khắp nơi’*. Điểm mấu chốt có ý nghĩa là một người đàn ông cao tuổi bình thường đã chết và ai đấy đã muốn ông ta chết đi. Nếu chúng ta biết người chết là ai, sẽ giúp chúng ta chỉ điểm hung thủ. Nếu nạn nhân là một kẻ tổng tiền nổi tiếng, thế thì chúng ta phải tìm một người hẳn có thể đã tổng tiền. Nếu ông ta là thám tử, như thế chúng ta tìm một người có một bí mật tội ác; nếu ông ta là người có của, thì chúng ta tìm trong số những kẻ thừa kế. Còn nếu như chẳng biết người đàn ông đó là ai, công việc

của chúng ta sẽ khó khăn hơn khi săn lùng trong số những người ở trong vòng tròn bao quanh để tìm ra kẻ có lý do để giết người.”

Ông tiếp tục nói: “Để sang một bên cô Pebmarsh và Sheila Webb, liệu có ai có thể liên can đến vụ án, mặc dù vẻ bề ngoài thì không phải thế? Câu trả lời thật đáng thất vọng. Ngoại trừ ông Ramsay là người mà tôi hiểu dường như chả có liên can?” Nói tới đây ông nhìn tôi có ý dò hỏi, và tôi gật đầu. “Mọi người đã chân thành nói thật. Bland là một thầu khoán nổi tiếng ở địa phương, McNaughton đã chán chường cái ghế ở trường Cambridge, bà Hemming là quả phụ của một người bán đấu giá ở địa phương, nhà Waterhouse là gia đình đáng kính đã cư trú ở đây lâu năm rồi. Vậy chúng ta hãy quay trở lại với ông Curry. Ông ta từ đâu đến? Điều gì đã đưa ông ta đến nhà số 19, Wilbraham Crescent? Và ở đây một nhận xét rất có giá trị đã được một láng giềng là bà Hemming nói ra. Khi nghe nói người chết không sống ở số 19, bà đã nói: ‘Ôi, tôi hiểu rồi. Ông ta chỉ đến đây để bị giết. Kỳ quái biết bao!’ Bà ấy có năng khiếu bẩm sinh, thường thuộc về những người quá bận rộn với suy nghĩ riêng của mình đến nỗi chẳng để ý lời người khác nói, và chột đi thẳng vào trọng tâm của vấn đề. Bà ấy đã tóm tắt toàn bộ tội ác này. Ông Curry đã đến số 19, Wilbraham Crescent để bị giết. Đơn giản như thế đấy!”

“Khi ấy lời nhận xét của bà ta khiến cháu chấn động,” tôi nói.

Chẳng để ý gì tới tôi, Poirot tiếp tục: “*“Người phi thường, phi thường, phi thường—đến và bị giết.* Ông Curry đã đến và đã bị giết. Nhưng chả phải chỉ có thế. Điều quan trọng là ông ta chẳng được nhận diện. Chả có ví tiền, chả có giấy tờ tùy thân, nhãn hiệu thợ may đã bị gỡ ra khỏi y phục của. Nhưng thế vẫn chưa đủ. Tấm danh thiếp in của Curry, nhân viên bảo hiểm, chỉ là biện pháp tạm thời mà thôi. Nếu căn cước của người ấy bị che giấu luôn, thì sẽ có một căn cước giả. Chẳng chóng thì chầy, tôi chắc chắn, ai đấy rồi sẽ xuất hiện, nhận diện hẳn một cách xác thực. Một anh em trai, một chị em gái, một bà vợ. Đấy là một bà vợ. Bà Rival — và chỉ cái tên ấy thôi cũng đủ khiến người ta nghi rồi. Có một ngôi làng ở Somerset — tôi đã lưu lại gần đấy với bạn bè — làng Curry Rival... Trong tiềm thức dù

chả biết vì sao lại nảy ra chính hai cái tên ấy, chúng đã được lựa chọn. Ông Curry — Bà Rival. Cho đến nay — hiển nhiên đã có kế hoạch, nhưng điều khiến tôi băn khoăn là vì sao kẻ sát nhân của chúng ta lại cho là dĩ nhiên sẽ không có nhận dạng đích thực. Nếu người ấy không có gia đình, chí ít cũng có các bà chủ nhà, những người giúp việc, những kẻ hợp tác làm ăn. Điều ấy đưa tôi đến giả định kế tiếp — người này không được biết là đã mất tích. Một giả định đi xa hơn là ông ta chả phải người Anh mà chỉ đến viếng thăm đất nước này. Điều ấy gắn với chuyện rằng của ông ta không hợp với bất cứ hồ sơ nha khoa nào ở đây cả.

“Tôi bắt đầu có một hình ảnh lờ mờ về cả nạn nhân lẫn kẻ giết người. Không, hơn thế. Tội ác đã được vạch kế hoạch rất tài tình và tiến hành rất thông minh — nhưng lại xảy đến một điều cực kỳ xúi quẩy mà chẳng kẻ sát nhân nào có thể đoán trước được.”

“Là gì thế?” Hardcastle hỏi.

Thật bất ngờ Poirot ngửa đầu ra sau và ngâm nga đầy kịch tính:

*“Vì một móng chân, móng sắt mất rồi,
Vì một móng sắt ngựa này đã mất,
Vì một ngựa thối trện này đã thất,
Vì trện đã thua vương quốc mất rồi,
Chỉ bởi vì cái móng ngựa thối.”*

Ông ngả người về phía trước: “Rất nhiều người có thể giết ông Curry. Nhưng chỉ một người có thể đã giết, hay có lý do để giết cô gái Edna.”

Cả hai chúng tôi ngó ông ta chăm chặp.

“Chúng ta hãy xem Phòng Thư ký Cavendish. Tám cô gái làm việc ở đây. Vào ngày 9 tháng 9 bốn cô được phân công công tác ở bên ngoài hơi xa một chút — tức là họ được khách hàng mà họ đến làm việc cho ăn bữa trưa. Họ là bốn cô bình thường ăn trưa đợt đầu tiên từ 12 giờ 30 đến 1 giờ 30. Bốn cô còn lại gồm Sheila Webb, Edna Brent cùng với hai cô Janet và Maureen ăn đợt hai từ 1 giờ 30 đến 2 giờ 30. Nhưng ngày hôm ấy Edna

Brent gặp tai nạn rất sớm sau khi rời văn phòng. Cô làm sút cái gót giày vì bị kẹt trong một tấm lưới sắt. Chẳng thể nào bước đi như thế. Cô mua mấy cái bánh mì tròn nhỏ rồi trở về văn phòng.”

Poirot lúc lắc một ngón tay để nhấn mạnh với chúng tôi: “Chúng ta được nghe kể lại Edna Brent đã lo lắng về chuyện gì đấy. Cô ta đã cố gặp Sheila Webb bên ngoài cơ quan nhưng không gặp được. Chuyện ấy đã được giả định có liên quan gì đấy với Sheila Webb, nhưng chẳng hề có chứng cứ nào về điều ấy cả. Có thể cô ta chỉ muốn hỏi ý kiến Sheila Webb về điều gì khiến cô bị rối trí — nhưng nếu thế một chuyện đã sáng tỏ. Cô muốn nói chuyện với Sheila Webb ở cách xa Phòng Thư ký. Lời cô nói với anh cảnh sát tại buổi điều tra chính thức là manh mối duy nhất cho chúng ta biết chuyện gì đang làm cô lo lắng. Cô đã nói gì đấy như là: ‘Tôi không hiểu làm sao điều cô ấy nói lại có thể là sự thật.’ Ba phụ nữ đã khai báo trước tòa sáng hôm ấy. Edna có thể đã nhắc đến cô Pebmarsh. Hay như nói chung đã được giả định, cô ta có thể đã nhắc đến Sheila Webb. Nhưng còn có khả năng thứ ba, ấy là cô Martindale.”

“Cô Martindale sao? Nhưng mà lời khai của bà ta chỉ kéo dài vền vện vài phút thôi mà.”

“Chính xác. Chỉ nói về cuộc gọi điện thoại bà đã nhận, dường như do chính cô Pebmarsh gọi đến.”

“Ý ông muốn nói Edna đã biết không phải do cô Pebmarsh gọi hả?”

“Chắc là đơn giản hơn thế. Tôi đang giả định hoàn toàn chả có điện thoại gì cả.”

Ông nói tiếp: “Gót giày của Edna bị sút ra. Cái lưới sắt rất gần văn phòng. Cô đã trở về đấy. Nhưng cô Martindale ở trong văn phòng riêng không biết Edna đã về. Vì tưởng chẳng có ai khác trong phòng, bà ta chỉ cần nói đã có một cuộc gọi lúc 1 giờ 49 phút. Thoại tiên Edna chả hiểu ý nghĩa của điều cô ta biết được. Sheila được gọi vào gặp cô Martindale và bà ta bảo cô ra ngoài công tác. Cuộc hẹn ấy được sắp đặt như thế nào và lúc nào họ không nói cho Edna biết. Tin tức về án mạng đã nhận được, và câu chuyện dần dần được xác định. Cô Pebmarsh đã gọi điện thoại và yêu cầu

phái Sheila đến. Nhưng cô Pebmarsh lại bảo mình không có gọi. Cuộc gọi nói là đã nhận được lúc hai giờ kém mười, nhưng Edna biết điều ấy không thể đúng sự thật. Lúc ấy chả nhận được cuộc gọi nào cả. Chắc hẳn cô Martindale đã nhầm lẫn — nhưng rõ ràng bà ta đâu có nhầm. Edna càng suy nghĩ càng rối thêm. Cô phải hỏi Sheila về chuyện ấy. Sheila sẽ biết.

“Và rồi buổi sơ thẩm đã đến. Và các cô gái đều tham dự. Cô Martindale lặp lại câu chuyện về cú điện thoại, và Edna lúc bấy giờ biết chừng cứ bà ta đưa ra quá rõ ràng và có giờ giấc chính xác ấy chả phải là sự thật. Chính lúc ấy cô đã hỏi anh cảnh sát mình có thể gặp thanh tra hay không. Tôi nghĩ có lẽ cô Martindale lúc rời khỏi Cornmarket trong một đám đông người đã nghe lỏm cô ấy hỏi thế. Có lẽ khi ấy bà ta đã nghe các cô gái giễu cợt Edna về tai nạn sút gót giày của cô mà bà chẳng nhận ra là giễu cợt chuyện gì. Dầu sao bà ta cũng đã đi theo cô gái đến Wilbraham Crescent. Tôi tự hỏi vì sao Edna lại đến đây?”

Thanh tra đáp với một tiếng thờ dài: “Để nhìn kỹ nơi xảy ra vụ án, tôi mong là như thế. Người ta thường làm thế.”

“Phải. Khá đúng sự thật đấy. Có lẽ cô Martindale nói chuyện với cô ta ở đây, cùng đi với cô xuôi con đường ấy và Edna nói toạc ra câu hỏi của mình. Bà ta hành động thật nhanh. Họ đang ở ngay cạnh buồng điện thoại công cộng. Bà ta bảo: “Chuyện này rất quan trọng. Cô phải gọi cho cảnh sát ngay lập tức. Số của đồn cảnh sát là thế này, thế này. Hãy gọi và cho họ biết bây giờ cả hai chúng ta đang đến đây.” Chính thói quen ăn sâu trong tiềm thức đã khiến cô gái riu riu làm theo. Cô đi vào và nhắc ống nghe, còn bà trưởng phòng cũng theo sau, kéo chiếc khăn quàng quấn quanh cổ của cô và siết cô chết.”

“Thế mà chẳng ai trông thấy sao?”

Poirot nhún vai.

“Họ có thể nhìn, mà không thấy. Lúc ấy đúng một giờ. Giờ ăn trưa. Và có nhiều người ở trên đường Crescent đang bận nhìn chăm chặp vào nhà số 19. Đây là thời cơ để một mụ đàn bà táo bạo và hết sức thận trọng đánh liều chớp lấy.”

Thanh tra lắc đầu quày quật tỏ vẻ hoài nghi.

“Cô Martindale ư? Tôi không hiểu làm sao bà ta lại dính vào vụ này chứ.”

“Không. Thoạt tiên người ta chả hiểu đâu. Nhưng vì không còn nghi ngờ gì nữa, trưởng phòng đã giết cô gái — à phải rồi — chỉ có bà ta mới có thể giết cô ấy, cho nên phải dính vào vụ này. Tôi bắt đầu nghi trong cô Martindale có bóng dáng của Phu nhân Macbeth*, một người đàn bà tàn nhẫn và tầm thường không có óc sáng tạo.”

“Tầm thường không có óc sáng tạo ư?” thanh tra thắc mắc.

“Đúng thế, hoàn toàn tầm thường không có óc sáng tạo. Nhưng lại rất có năng lực. Một kẻ vạch kế hoạch rất giỏi.”

“Nhưng vì sao? Động cơ gây án ở đâu?”

Hercule Poirot nhìn tôi. Ông nhúc nhắc một ngón tay.

“Như thế nói chuyện với các láng giềng chả ích lợi gì cho các anh ư? Tôi đã phát hiện một câu cực kỳ sáng tỏ. Các anh có nhớ không, sau khi nói về việc sống ở nước ngoài bà Bland lưu ý mình thích sống ở Crowdean vì có một người chị ở đây. Nhưng được biết bà chẳng có người chị nào cả. Bà đã được thừa kế một gia tài lớn cách đây một năm từ một ông chú người Canada, vì bà là người thân duy nhất còn sống sót trong dòng họ của ông ta.”

Thanh tra ngồi nhồm dậy, có vẻ cảnh giác: “Như thế ông nghĩ là...”

Ông già dựa ngửa trên ghế của mình, đan những ngón tay vào nhau, ông lim dim đôi mắt và nói với vẻ mơ màng.

“Giả sử anh là một người đàn ông, một người rất bình thường và không tính toán quá chi ly, đang gặp khó khăn về tài chính thật tồi tệ. Một hôm có thư từ một hãng luật sư gửi đến báo tin vợ anh đã được thừa kế một gia tài kếch xù từ một ông chú ở Canada. Thư đề gửi bà Bland. Và điều khó khăn duy nhất là bà Bland nhận thư không đúng là bà Bland — bà ta là vợ thứ nhì—không phải bà thứ nhất — thử hình dung nỗi buồn chán! Cơn giận dữ! Và rồi một ý tưởng đã đến. Ai biết được đây là bà Bland nhằm lẫn? Chẳng một ai ở Crowdean biết trước đây Bland đã từng kết hôn. Hôn nhân đầu

tiên của ông ta cách đây nhiều năm, đã xảy ra trong thời chiến, khi ấy ông đang ở hải ngoại. Có thể đoán được là bà vợ đầu tiên đã chết chẳng bao lâu sau đấy, và hầu như ông đã tái giá ngay lập tức. Ông còn giữ bản chính giấy hôn thú, nhiều giấy tờ khác nhau của gia đình, những tấm ảnh chụp những họ hàng người Canada bây giờ đã chết — tất cả đều thuận buồm xuôi gió. Dù sao đi nữa liệu lĩnh cũng đáng. Họ đánh liều làm việc ấy, và đã trót lọt. Các thủ tục pháp lý được thông qua. Và đến đây gia đình Bland trở nên giàu có sung túc, tất cả rắc rối về tài chính đều chấm dứt —

“Và rồi một năm sau có chuyện xảy ra. Chuyện gì xảy ra? Tôi nảy ra ý nghĩ rằng ai đấy đã từ Canada sang đất nước này — và người này biết bà vợ đầu tiên quá rõ, chẳng thể nào bị kẻ giả danh lừa dối. Đó có thể là một người cao tuổi được gia đình ủy thác hay thân hữu của gia đình — dù là ai đi nữa người đó cũng sẽ biết. Có lẽ họ đã nghĩ tới những phương cách để tránh gặp mặt. Bà Bland có thể giả bệnh, bà ta có thể xuất ngoại — nhưng bất cứ điều gì kiểu ấy chỉ tổ gây nghi ngờ mà thôi. Khách sẽ đòi gặp người phụ nữ ông ta đến để gặp mặt...”

“Và thế là — sát hại?”

“Phải. Và đến đây tôi cho rằng có thể chị của bà Bland đã làm con ma xúi bẩy. Bà ta suy tính kỹ rồi vạch ra kế hoạch thực hiện toàn bộ vụ này.”

“Ông cho rằng cô Martindale và bà Bland là chị em sao?”

“Đấy là cách giải thích duy nhất cho cả vụ việc này.”

“Bà Bland quả có nhắc đến ai đấy khi tôi gặp bà ta,” thanh tra nói. “Tính cách của họ rất khác biệt — nhưng đúng là... có giống nhau. Nhưng làm thế nào họ có thể mong thoát tội được chứ? Người kia sẽ mất tích. Các cuộc điều tra sẽ tiến hành...”

“Nếu người này ra nước ngoài — có lẽ để du lịch chứ không phải đi làm ăn, lịch trình của ông ta sẽ mơ hồ không định sẵn. Một lá thư từ nơi này — một bưu thiếp từ nơi khác — sẽ mất một thời gian trước khi người ta thắc mắc sao không nghe tin tức gì về ông ta cả. Khi ấy thì liệu ai sẽ liên kết một kẻ được nhận dạng và chôn cất với cái tên Harry Castleton với một du khách người Canada giàu có đến đất nước này mà thậm chí chưa ai từng

gặp? Nếu tôi là kẻ sát nhân, hẳn tôi đã lên đi qua Pháp hay Bỉ, vượt hộ chiếu của nạn nhân trên tàu hỏa hay xe điện, để cho cuộc điều tra được tiến hành ở một nước khác.”

Bất giác tôi cựa quậy, và Poirot đảo mắt nhìn sang tôi.

“Gì hử?”

“Bland từng đề cập với tôi chuyện ông ta vừa mới đi chơi một ngày đến Boulogne — với một cô tóc vàng, tôi hiểu rồi.”

“Việc ông ta làm có vẻ hoàn toàn tự nhiên. Chắc chắn đấy là một thói quen.”

“Chuyện này vẫn còn là phỏng đoán,” thanh tra phản đối.

“Nhưng có thể điều tra mà,” Poirot nói.

Ông lấy một tờ giấy viết thư của khách sạn từ cái giá trước mặt mình và trao cho thanh tra.

“Anh cứ viết thư cho ông Enderby ở số 10, Vườn Ennismore, S.W.7 đi, ông ấy đã hứa sẽ tiến hành một số điều tra giúp tôi ở Canada, ông ấy là một luật sư quốc tế nổi tiếng đấy.”

“Còn chuyện những chiếc đồng hồ thì sao?”

“Ôi! Đồng hồ. Những chiếc đồng hồ lừng danh ấy!” ông già Poirot mỉm cười. “Tôi nghĩ các anh sẽ thấy rằng cô Martindale có trách nhiệm với chúng. Vì vụ án này như tôi đã nói là một vụ án hình sự đơn giản, nó đã được nguy trang để trở thành một kỳ án. Chiếc đồng hồ có chữ Rosemary mà Sheila Webb đã mang đi sửa ấy. Phải chăng cô ta đã làm mất nó ở Phòng Thư ký? Phải chăng cô Martindale đã lấy nó để làm nền cho chuyện rối rắm không đâu vào đâu của mình, và phải chăng phần nào vì chiếc đồng hồ ấy mà bà ta đã chọn Sheila làm người phát hiện cái xác?”

Hardcastle buột miệng: “Ông bảo người đàn bà ấy tầm thường không có óc sáng tạo mà. Bà ta bịa ra tất cả chuyện này khi nào thế?”

“Bà ta đâu có bịa chuyện. Đây là điều cực kỳ thú vị. Tất cả đều ở đây—chờ sẵn bà ta. Ngay từ đầu tôi đã khám phá ra một kiểu mẫu — một mô-típ mà tôi đã biết. Một kiểu mẫu quen thuộc vì tôi vừa mới đọc một truyện y

như thế. Tôi đã rất may mắn. Như cậu Colin đây sẽ cho anh biết, tuần này tôi đã dự một cuộc bán đấu giá bản thảo viết tay của các tác giả. Trong đấy có một số truyện của Garry Gregson. Hầu như tôi chả dám hy vọng, nhưng may mắn đã đến với tôi. *Đây này...* ” Y hệt ảo thuật gia, Poirot vụt lôi ra từ một ngăn kéo bàn giấy hai quyển tập cũ nát, “...tất cả đều ở đây! Trong số nhiều cốt truyện ông ấy dự định viết ra. Ông đã không sống để viết truyện này — nhưng cô Martindale là thư ký của ông nên biết hết cả. Bà ta chỉ đơn giản là cuồn toàn bộ cốt truyện ấy để hợp với mục đích của mình.”

“Nhưng những chiếc đồng hồ chắc phải có ý nghĩa gì đó trong nguyên bản — tôi muốn nói những chiếc đồng hồ của Gregson đó.”

“Ô, có chứ. Những chiếc đồng hồ của ông ấy được để đứng ở năm giờ một phút, năm giờ bốn phút và năm giờ bảy phút. Đây là mã số của một kết sắt: 515457. Cái kết sắt được giấu đằng một bản chép lại của bức tranh Mona Lisa. Bên trong kết sắt,” Poirot nói tiếp với vẻ chán ghét, “là những viên ngọc trên vương miện hoàng gia Nga. Toàn bộ chuyện ấy là *un tas de bêtises!* Và dĩ nhiên có một câu chuyện về các hạng người — một cô gái bị ngược đãi. À, phải đúng thế, nó đã đến đúng lúc Martindale cần. Bà ta chỉ việc chọn nhân vật ở chỗ mình và cải biên câu chuyện lại cho phù hợp. Tất cả các manh mối rục rủa ấy sẽ dẫn đến... đâu? Chính xác là chả đến đâu cả! À, đúng thế, một người đàn bà có năng lực. Người ta thắc mắc — ông ấy để lại di sản cho bà ta — chẳng phải thế sao? Tôi tự hỏi: ông ấy đã chết như thế nào và vì chuyện gì?”

Hardcastle không thềm quan tâm tới chuyện quá khứ. Ông cầm lên hai quyển tập và lấy tờ giấy của khách sạn từ trên tay tôi. Trong hai phút vừa qua tôi đã nhìn nó chăm chặp, mê mẩn. Ông đã ghi lại địa chỉ của Enderby mà không chịu xoay trở lên cho đúng chiều. Địa chỉ khách sạn bị lộn ngược ở góc bên tay trái. Nhìn tờ giấy, tôi mới hiểu mình đã là một thằng ngu ngốc.

“À, cảm ơn ông Poirot,” thanh tra nói. “Quả thật ông đã cho chúng tôi điều gì đấy để suy nghĩ. Dù chuyện gì sẽ xảy ra cũng...”

“Tôi hết sức vui mừng nếu như mình đã hỗ trợ được điều gì đấy.”

Poirot vờ khiêm tốn.

“Tôi sẽ phải kiểm tra nhiều điều...”

“Đương nhiên — đương nhiên...”

Lời tạm biệt đã thốt ra rồi. Hardcastle ra đi.

Poirot chuyển sang quan tâm tới tôi. Lông mày ông rướn lên.

“*Eh bien...*, tôi muốn hỏi cái gì khiến cậu bần thần khó ở thế? Trông cậu giống như một kẻ vừa thấy ma quỷ hiện hình.”

“Cháu vừa thấy ra mình đã quá đổi ngu ngốc.”

“A ha. À, điều ấy thường xảy đến với rất nhiều đàn ông chúng ta.”

Nhưng có thể đoán biết chẳng xảy ra với Hercule Poirot đâu! Tôi phải tấn công ông ta.

“Nói cho cháu biết một điều thôi, bác Poirot! Nếu như bác đã nói, bác có thể làm toàn bộ việc này khi ngồi trên ghế bành của bác ở London, và có thể gọi cháu và Dick Hardcastle tới gặp bác ở đấy, thế thì tại sao... Ôi, tại vì sao thế, sao bác lại cất công xuống tận đây?”

“Tôi đã bảo cậu người ta sửa chữa trong căn hộ của tôi rồi mà.”

“Lẽ họ có thể cho bác mượn một căn hộ khác. Hay bác có thể tới ở khách sạn Ritz, ở đó sẽ thoải mái hơn ở khách sạn Curlew.”

“Rõ ràng là cà phê ở đây, *mon Dieu*, cà phê!” Poirot nói.

“Tại sao hả?”

Hercule Poirot nổi sùng.

“*Eh bien*, bởi cậu quá ngu si chả đoán được, tôi sẽ bảo cho cậu biết. Tôi là con người, chẳng phải thế sao? Tôi có thể là cái máy nếu cần thiết. Tôi có thể nằm ngửa ra mà suy nghĩ. Tôi có thể giải quyết vấn đề thế đấy. Nhưng tôi là con người, tôi bảo cho cậu biết như thế. Và mọi sự đều liên quan đến con người cả.”

“Thì sao?”

“Lời giải thích cũng đơn giản như án mạng đơn giản này. Những gì tôi làm đều xuất phát từ tính hiếu kỳ của con người,” Hercule Poirot cố làm ra vẻ đường hoàng.

Một lần nữa tôi lại đến Wilbraham Crescent.

Tôi dừng lại trước cổng nhà số 19. Lần này không có ai vừa chạy ra vừa la hét. Thật ngăn nắp gọn gàng và bình yên.

Tôi đi tới cửa trước và bấm chuông. Cô Millicent Pebmarsh mở cửa.

“Là Colin Lamb,” tôi nói. “Tôi vào nói chuyện với bà, được không ạ?”

“Chắc chắn là được.”

Bà đi trước tôi vào phòng khách.

“Dường như ông dành rất nhiều thời gian để xuống đây, ông Lamb ạ. Tôi đã biết ông chẳng liên quan với cảnh sát địa phương...”

“Bà biết đúng rồi đó. Tôi nghĩ thật sự bà đã biết đích xác tôi là ai từ ngày đầu tiên bà nói với tôi.”

“Tôi không chắc chắn — hoàn toàn không hiểu ông nói thế là nghĩa lý gì.”

“Tôi đã cực kỳ ngu xuẩn, bà Pebmarsh ạ. Tôi đã tới nơi này để tìm bà. Tôi đã tìm thấy bà ngày đầu tiên tôi tới đây — mà tôi lại không biết mình đã tìm thấy bà rồi!”

“Có thể án mạng đã khiến ông bị đãng trí.”

“Đúng như bà nói. Tôi còn khá ngu xuẩn nên đã nhìn một tờ giấy ngược đầu.”

“Và toàn bộ chuyện này là vấn đề gì đây?”

“Chỉ là trò chơi đã kết thúc rồi, bà Pebmarsh ạ. Tôi đã tìm thấy bộ chỉ huy nơi lập ra toàn bộ kế hoạch. Những hồ sơ và bản ghi nhớ như thế nếu cần thiết bà sẽ lưu trữ bằng hệ thống những chấm li ti của chữ nổi. Thông tin Larkin lấy được ở Portlebury đã được chuyển tới cho bà. Từ đây nó sẽ đến nơi được gửi đến nhờ Ramsay. Hẳn đã từ nhà mình sang nhà bà về đêm qua lối khu vườn khi cần thiết. Một hôm hẳn đã đánh rơi một đồng tiền kim loại của Tiệp Khắc trong vườn nhà bà...”

“Ông ta thật bất cần.”

“Chúng ta đều có lúc bất cần cả. Vô bọc của bà rất tốt. Bà bị mù, bà làm việc ở một học viện dành cho trẻ khiếm thị, bà cất giữ những sách chữ nổi trong nhà là lẽ tự nhiên thôi — bà là một phụ nữ có trí thông minh và cá tính không tầm thường. Tôi không hiểu động lực nào khiến bà nhiệt tình hăng hái...”

“Cậu thích cái cách tôi cố gắng hiến cho công việc của mình.”

“Phải, tôi nghĩ có lẽ vậy.”

“Và vì sao cậu lại nói với tôi tất cả chuyện này? Có vẻ không bình thường.”

Tôi ngó đồng hồ đeo tay.

“Bà có hai tiếng đồng hồ, bà Pebmarsh ạ. Hai giờ nữa cảnh sát đặc biệt sẽ tới đây và đảm nhiệm việc này.”

“Tôi không hiểu cậu. Vì sao cậu lại đến đây trước người của mình và cho tôi biết một điều dường như là một lời cảnh báo...”

“Là một lời cảnh báo. Tôi đã tự mình tới đây, và sẽ ở lại đây cho tới khi người của tôi tới nơi, để canh không cho bất cứ cái gì lọt ra khỏi căn nhà này — trừ một ngoại lệ — ngoại lệ ấy chính là bà. Bà có hai tiếng đồng hồ để khởi hành nếu bà chọn việc ra đi.”

“Nhưng vì sao? Vì sao chứ?”

Tôi đáp chậm rãi: “Vì tôi nghĩ có một khả năng rất mong manh là trong một thời gian ngắn nữa thôi bà có thể trở thành mẹ vợ của mình. Không chừng tôi sai lầm.”

Một khoảnh khắc im lặng. Millicent Pebmarsh đứng lên và đi tới cửa sổ. Tôi không rời mắt khỏi bà ta. Không hề có ảo tưởng nào về Millicent Pebmarsh cả. Tôi không tin bà ta một chút xíu nào. Bà ta bị mù nhưng ngay cả một người đàn bà mù cũng có thể tóm được anh nếu anh mất cảnh giác. Tình trạng mù lòa của bà ta sẽ không làm cho bà khiếm khuyết nếu bà ta có cơ hội ấn một khẩu súng lục tự động vào xương sống của tôi.

Bà nói thật khê: “Tôi sẽ không cho cậu biết cậu đúng hay sai. Điều gì đã khiến cậu nghĩ rằng — có thể là như thế?”

“Đôi mắt.”

“Nhưng chúng tôi tính cách chẳng giống nhau.”

“Không.”

Bà ta nói có vẻ hơi ngang bướng.

“Tôi đã làm hết sức mình cho nó.”

“Đó là vấn đề cần phải bàn. Với bà sự nghiệp là ưu tiên.”

“Phải thế thôi.”

“Tôi không đồng ý.”

Lại một khoảnh khắc im lặng. Sau đó tôi hỏi: “Bà có biết cô ấy là ai không — ngày hôm ấy?”

“Không biết cho đến khi tôi nghe cái tên... Tôi tự mình duy trì việc nắm thông tin về nó — vẫn luôn như thế.”

“Bà chưa bao giờ bắt nạt như lẽ ra hẳn bà đã muốn thế.”

“Đừng có nói vớ vẩn nữa!”

Tôi lại nhìn đồng hồ đeo tay.

“Thời gian đang tiếp tục trôi đi,” tôi nói.

Bà ta quay trở lại từ cửa sổ và băng qua phòng tới bàn giấy.

“Tôi có một bức ảnh chụp nó lúc còn bé đây...”

Tôi ở sau lưng bà ta khi bà lôi cái ngăn kéo mở ra. Không phải một khẩu súng tự động. Là một con dao nhỏ rất dễ gây chết người...

Tôi nắm chặt tay bà ta rồi lấy con dao đi.

“Tôi có thể mềm yếu, nhưng không phải một thằng ngốc,” tôi nói.

Bà ta mò một cái ghế rồi ngồi xuống. Không hề để lộ bất cứ một cảm xúc nào.

“Tôi chả lợi dụng lời đề nghị của cậu đâu. Ích lợi gì chứ? Tôi sẽ ở lại đây đợi họ đến. Vẫn luôn có những cơ hội — ngay cả ở trong tù.”

“Bà muốn nói tới việc truyền bá học thuyết của mình hả?”

“Nếu cậu thích nghĩ cái kiểu ấy thì cứ việc.”

Chúng tôi ngồi đó, thù địch nhau, nhưng cũng hiểu biết lẫn nhau. Tôi nói cho bà ta biết: “Tôi đã xin thôi việc. Tôi đang trở lại với nghề cũ — hải dương học. Có một chỗ làm ở một trường đại học ở Úc.”

“Tôi nghĩ cậu rất khôn ngoan. Cậu chẳng đạt yêu cầu trong công việc này. Giống như bố của Rosemary. Ông ta chẳng hề quán triệt lời dạy: ‘Hãy từ bỏ thói nhu nhược yếu hèn!’”

Tôi nghĩ tới lời của Hercule Poirot.

“Tôi bằng lòng vì được làm một con người.”

Chúng tôi im lặng ngồi đó, mỗi người đều tin chắc quan điểm của người kia là sai lầm.

Thư của Thanh tra Hardcastle gửi Hercule Poirot

Ông Poirot thân mến,

Hiện nay chúng tôi đã nắm được một số sự kiện mà tôi cảm thấy ông có thể quan tâm khi nghe kể về chúng.

Một ông Quentin Dugesclin ở Quebec đã rời Canada đến châu Âu cách đây chừng bốn tuần. Ông ấy không có họ hàng gần và kế hoạch trở về không xác định. Hộ chiếu của ông được chủ một nhà hàng nhỏ ở Boulogne tìm thấy và giao nộp cho cảnh sát. Đến nay vẫn chưa ai đến nhận lại.

Ông Dugesclin là một người bạn lâu năm của gia tộc Montresor ở Quebec. Đứng đầu gia tộc ấy, ông Henry Montresor đã chết cách đây mười tám tháng, để lại tài sản rất lớn cho người bà con duy nhất còn sống, gọi ông ta chú tên là Valerie, được mô tả là vợ của Josiah Bland ở Portlebury, Anh quốc. Một công ty tư vấn pháp luật rất danh

giá ở London nhận làm việc cho người thi hành bản di chúc ở Canada. Tất cả thông tin liên lạc giữa bà Bland và dòng họ của bà ở Canada đã dừng lại từ khi bà lấy chồng, điều mà dòng họ của bà không đồng ý. Ông Dugesclin từng đề cập với một người bạn ông có ý định đến thăm nhà Bland khi ông đến Anh, vì ông vẫn luôn yêu quý Valerie lắm.

Cái xác cho đến nay được nhận dạng là Henry Castleton đã được nhận dạng lại đích xác là Quentin Dugesclin.

Một số bảng hiệu đã được tìm thấy xếp đặt gọn gàng trong một góc sân hăng thầu xây dựng của Bland. Tuy đã được vôi vữa sơn phủ lên, những chữ Hiệu giặt Snowflake vẫn có thể thấy rõ sau khi các chuyên gia đã xử lý.

Tôi sẽ không làm phiền ông với các chi tiết nhỏ nhặt, nhưng công tố viên đã xem xét việc phát lệnh bắt giữ Josiah Bland.

Cô Martindale và bà Bland là chị em đúng như ông đã phỏng đoán, nhưng mặc dù tôi đồng ý với cách nhìn của ông về sự tham gia của bà ta trong các tội ác này, nhưng chứng cứ đầy đủ sẽ khó đạt được. Bà ta chắc chắn là một phụ nữ rất khôn ngoan. Dù sao tôi cũng hy vọng ở bà Bland. Bà ta là hạng đàn bà ưa phản bội.

Bà Bland đầu tiên chết ở Pháp do chiến tranh và hôn nhân thứ nhì của hã với Hilda Martindale cũng ở Pháp, tôi nghĩ có thể chứng minh rõ ràng mặc dù dĩ nhiên nhiều hồ sơ hồi ấy đã bị phá hủy.

Tôi rất vui thích được gặp ông ngày hôm ấy, và tôi phải cảm ơn ông vì những gợi ý rất bổ ích của ông. Tôi hy vọng việc sửa đổi và trang trí căn hộ của ông ở London đã hoàn thành mỹ mãn.

Kính thư,

Richard Hardcastle

Thông tin thêm từ R.H. Gửi tới H.P

Tin tốt lành! Con mụ Bland đã sụp đổ! Đã thừa nhận toàn bộ vụ việc!!! Đổ hết tội lỗi cho chị và chồng mình. Mụ “chưa bao giờ hiểu được việc họ định làm cho đến khi quá muộn!” Cứ tưởng họ chỉ “định đánh thuốc mê ông ấy để ông ấy không nhận ra mình là kẻ giả mạo!” Một câu chuyện có lẽ đúng! Nhưng tôi xin thưa khá đúng sự thật mụ ta không phải là kẻ chủ mưu giết người. Bạn hàng ở chợ Portobello đã nhận diện cô Martindale chính là quý bà “người Mỹ” đã mua hai chiếc đồng hồ nọ.

Bà McNaughton giờ đây nói mình từng trông thấy Dugesclin trong chiếc xe tải Bland đã lái vào gara nhà hấn. Bà ta có thực sự trông thấy hay không?

Colin bạn chúng ta đã cưới cô gái ấy. Nếu ông hỏi thì tôi xin thưa rằng cậu ấy điên mất rồi.

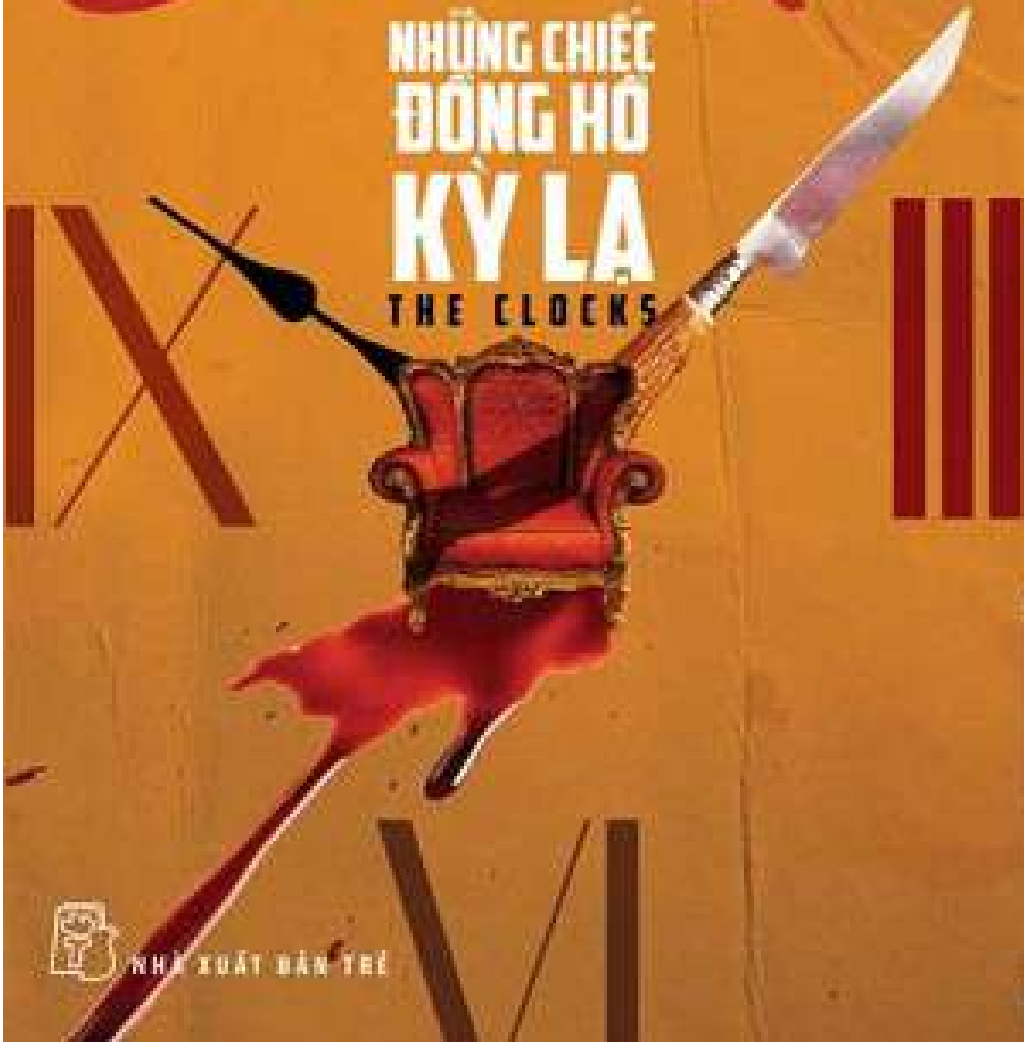
Chúc những điều tốt đẹp nhất!

Bạn của ông,

Richard Hardcastle

Agatha Christie®

NHỮNG CHIẾC
ĐỒNG HỒ
KỶ LẠ
THE CLOCKS



NHÀ XUẤT BẢN THẾ

Table of Contents

MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4

CHƯƠNG 5

CHƯƠNG 6

CHƯƠNG 7

CHƯƠNG 8

CHƯƠNG 9

CHƯƠNG 10

CHƯƠNG 11

CHƯƠNG 12

CHƯƠNG 13

CHƯƠNG 14

CHƯƠNG 15

CHƯƠNG 16

CHƯƠNG 17

CHƯƠNG 18

CHƯƠNG 19

CHƯƠNG 20

CHƯƠNG 21

CHƯƠNG 22

CHƯƠNG 23

CHƯƠNG 24

CHƯƠNG 25

CHƯƠNG 26

CHƯƠNG 27

CHƯƠNG 28

CHƯƠNG 29